CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AM INDUSTRIES VIỆT NAM

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM
(CƠ SỞ 2)

Sản xuất cấu kiện kim loại (trong quy trình sản xuất không bao gồm công đoạn làm sạch bề mặt bằng hóa chất và xi mạ) công suất 10.500 tấn sản phẩm/năm và cho thuê nhà xưởng diện tích 3.279,6 m²

Địa điểm: Lô số 3, đường số 3, KCN Giang Điền, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Đồng Nai, Tháng 12/2025

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AM INDUSTRIES VIỆT NAM

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM
(CƠ SỞ 2)

Sản xuất cấu kiện kim loại (trong quy trình sản xuất không bao gồm công đoạn làm sạch bề mặt bằng hóa chất và xi mạ) công suất 10.500 tấn sản phẩm/năm và cho thuê nhà xưởng diện tích 3.279,6 m²

Địa điểm: Lô số 3, đường số 3, KCN Giang Điền, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM
M.S.D.N: 3603599607 - C.T.T.N.H.H
X. TRẢNG BOM - T. ĐỒNG NAI

TRƯƠNG VĨ CƯỜNG
General Manager

Đồng Nai, Tháng 12/2025

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC BẢNG 5
DANH MỤC CÁC HÌNH 6
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 7
1. Tên chủ Dự án đầu tư: 7
2. Tên dự án đầu tư: 7
NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM (CƠ SỞ 2) 7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của Dự án: 10
3.1. Công suất hoạt động của dự án: 10
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư: 11
3.3. Sản phẩm của Dự án 15
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án: 17
4.1. Danh mục máy móc thiết bị 17
4.2. Nhu cầu nguyên, vật liệu sử dụng 19
4.3. Nguồn cung cấp điện 23
4.4. Nguồn cung cấp nước 23
4.5. Nhu cầu lao động 24
5. Các thông tin khác liên quan đến Dự án: 25
5.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng trong giai đoạn xây dựng dự án 31
5.2. Biện pháp tổ chức thi công xây dựng 32
5.3. Tiến độ thực hiện, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện mở rộng, nâng công suất 34
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 36
1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có) 36
1.1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia: 36
1.2. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 36
1.3. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch ngành nghề và phân khu chức năng của KCN 36
2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận nước thải 39
CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNGN ƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ 44
CHƯƠNG IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ 44

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường 44
1.1. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện giai đoạn xây dựng của Dự án 44
1.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện trong giai đoạn vận hành 53
1.2.1. *Công trình, biện pháp thoát nước mưa* 53
1.2.2. *Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải* 55
a) Đặc điểm nước thải của dự án 55
b) Công trình, biện pháp thoát nước thải 56
c) Xử lý nước thải 57
1.2.3. *Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải* 60
a) Giảm thiểu bụi từ công đoạn gia công kim loại 60
b) Giảm thiểu bụi, hơi dung môi từ công đoạn sơn 61
c) Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hàn cấu kiện 63
d) Giảm thiểu hợp chất bay hơi từ quá trình gia công, khu vực CNC 64
e) Giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình bắn bi tự động: 65
f) Biện pháp giảm thiểu bụi từ quá trình sản xuất khác: 67
g) Biện pháp cải thiệt chất lượng không khí trong môi trường lao động 68
h) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông vận tải 68
i) Biện pháp giảm thiểu mùi hồi tại khu vực giữ chất thải 69
1.2.4. *Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn* 69
a) Thành phần và khối lượng phát sinh: 69
- *Chất thải sinh hoạt* 69
- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường* 70
- *Chất thải nguy hại* 70
b) Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải 73
1.2.5. *Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung* 75
1.2.6. *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường* 76
1.2.7. *Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác* 80
2. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường 81
2.1. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng của dự án 81
2.2. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải trong giai đoạn hoạt động của dự án 81
2.3. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác 81
2.4. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường 81

3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các đánh giá, dự báo.....81
CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 82
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:.....82
1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục 82
1.2. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố 83
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:.....83
2.1. Nguồn phát sinh khí thải: 83
2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 83
2.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục 84
2.4. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt. 84
2.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: 84
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 85
3.1. Nguồn phát sinh: 85
3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 85
4. Nội dung cấp phép môi trường về chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại 86
4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh: 86
4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:.....87
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN 89
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án 89
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm 89
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....89
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....90
2.1. Chương trình quan trắc nước thải: 90
2.2. Chương trình quan trắc bụi, khí thải: 90
CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN.....91
PHỤ LỤC 92

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ tài nguyên và môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
Công ty, cơ sở	Công ty TNHH AM Industries Việt Nam
BOD	Nhu cầu oxy sinh hoá
N	Nitơ
P	Photpho
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
CTNH	Chất thải nguy hại
NĐ – CP	Nghị định chính phủ
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
UBND	Uỷ ban nhân dân
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
HTXLKT	Hệ thống xử lý khí thải
KCN	Khu công nghiệp
CNT	Chủ nguồn thải
VHTN	Vận hành thử nghiệm
XNHT	Xác nhận hoàn thành

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng I-1 Quy mô diện tích của dự án dầu tư 10
Bảng I-2 Công suất sản xuất của dự án đầu tư 11
Bảng I-3 Tổng hợp sản phẩm của dự án đầu tư.....16
Bảng I-4 Danh mục máy móc thiết bị tại dự án 17
Bảng I-5 Nhu cầu nguyên vật liệu dự kiến của dự án 19
Bảng I-6 Thành phần tính chất các loại nguyên liệu, hoá chất sử dụng.....20
Bảng I-7 Bảng cân bằng vật chất của Dự án 22
Bảng I-8 Nhu cầu lao động của dự án 25
Bảng I-9 Tọa độ khu đất địa điểm thứ hai.....25
Bảng I-10 Thống kê các hạng mục công trình chính tại dự án 26
Bảng I-11 Cơ cấu sử dụng đất của dự án 27
Bảng I-12 Tiến độ thực hiện.....34
Bảng II-1 Ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Giang Điền 37
Bảng II-2 Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào HTXLNT của KCN Giang Điền...40
Bảng IV-1 Tổng tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt hiện hữu 55
Bảng IV-2 Nồng độ ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt 56
Bảng IV-3 Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Giang Điền.....59
Bảng IV-4 Bảng tổng hợp các công trình xử lý nước thải của dự án.....59
Bảng IV-5 Tải lượng ô nhiễm khí thải đối với một số chất ô nhiễm chính từ quá trình sơn.....61
Bảng IV-6 Nồng độ ô nhiễm khí thải từ quá trình sơn.....62
Bảng IV-7 Khối lượng dầu khoáng sử dụng tại dự án 64
Bảng IV-8 Nồng độ hợp chất hữu cơ phát sinh tại khu vực gia công và khu vực CNC 65
Bảng IV-9 Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom và xử lý bụi phun bi.....66
Bảng IV-10 Bảng thống kê chủng loại và khối lượng các loại chất thải phát sinh 71
Bảng V-1 Chỉ tiêu phân tích và giá trị giới hạn khí thải cho phép.....83
Bảng V-2 Giá trị giới hạn tiếng ồn 85
Bảng V-3 Giá trị giới hạn độ rung.....85
Bảng V-4 Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại.....86
Bảng V-5 Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường 87
Bảng V-6 Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh 87
Bảng VI-1 Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....89
Bảng VI-2 Danh mục thành phần, thông số quan trắc, vị trí quan trắc.....89

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình I-1 Sơ đồ quy trình sản xuất cấu kiện kim loại của dự sán đàu tư tại cơ sở 2.....12
Hình I-3 Hình ảnh minh họa sản phẩm của dự án đầu tư.....16
Hình I-4 Vị trí địa điểm thứ hai (nhà máy mở rộng).....25
Hình I-5 Phối cảnh nhà xưởng sản xuất tại dự án trước và sau khi mở rộng nâng công suất.....29
Hình I-6 Sơ đồ quy trình thi công xây dựng 33
Hình II-1 Phân khu chức năng của KCN Giang Điền.....37
Hình IV-1 Sơ đồ hệ thống thu gom thoát nước mưa.....54
Hình IV-2 Bản vẽ mặt bằng thu gom, thoát nước mưa tại địa điểm thứ hai sau khi mở rộng.....55
Hình IV-3 Sơ đồ minh họa cấu tạo bể tự hoại.....59
Hình IV-4 Quy trình thu hồi bi, phân ly, xử lý bụi của máy phun bi tự động 66
Hình IV-5 Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn tại công ty.....74
Hình IV-6 Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý bụi 77

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ Dự án đầu tư:

- Tên chủ Dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH AM IDUSTRIES VIỆT NAM
- Địa chỉ văn phòng: Lô số 15, đường số 8, KCN Giang Điền, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Người đại diện theo pháp luật của chủ Dự án đầu tư:
  Ông ZANE WILLIAM MILLS Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên
  Ông TRƯƠNG VĨ CƯỜNG Chức vụ: Tổng giám đốc
- Điện thoại: 0251 3683618 Email: yen.giang@aminds.com
  Mã số thuế: 3603599607
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên số: 3603599607 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 13/11/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 16/07/2024.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 7661937762 do Ban quản lý các Khu công nghiệp kinh tế tỉnh Đồng Nai cấp, chứng nhận lần đầu ngày 05/11/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 16/10/2025.

2. Tên dự án đầu tư:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM (CƠ SỞ 2)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 7661937762 do Ban quản lý các Khu công nghiệp kinh tế tỉnh Đồng Nai cấp, chứng nhận lần đầu ngày 05/11/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 16/10/2025, công ty TNHH AM Industries Việt Nam sẽ có hai địa điểm hoạt động:

- Địa điểm thứ nhất: là nhà máy hiện hữu của công ty tại lô số 15, đườgn số 8 KCN Giang Điền, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Địa điểm này đã được Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp GPMT số 41/GPMT-KCNĐN ngày 28/03/2024.
- Địa điểm thứ hai (dự án): lô số 3, đường số 3, KCN Giang Điền , xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Do nhà máy hiện hữu của công ty tại địa điểm thứ nhất đã được cấp giấy phép môi trường, phạm vi báo cáo này chỉ đề nghị cấp giấy phép môi trường cho dự án của công ty tại địa điểm thứ 2 với thông tin dự án như sau:

- Địa điểm dự án: Diện tích đất sử dụng 14.121 m² tại lô số 3, đường số 3, KCN Giang Điền, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Địa điểm này được Công ty TNHH AM Industries Việt Nam nhận chuyển nhượng lại tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 (diện tích 14.121 m2) theo Biên bản thoả thuận ba bên giữa Quyền thuê khu đất tại khu công nghiệp Giang Điền số 119/BTT-GĐ ngày 25/8/2025.
- Văn bản thẩm định, thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có): Khu đất dự án là nhà xưởng sản xuất chi tiết kim loại của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3, hiện đã có một số hồ sơ pháp lý sau:
  + Giấy phép xây dựng số 222/GPXD-KCNĐN ngày 12/12/2016 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.

+ Giấy xác nhận Đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 105/XN-KCNĐN ngày 22/09/2016 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp cho dự án "Nhà máy sản xuất dầm thép và Kết cấu thép, công suất 1.000 tấn sản phẩm/năm" (trong quy trình sản xuất không có công đoạn xi mạ, phun phủ và đánh bóng kim loại) của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.
+ Giấy xác nhận Đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 140/XN-KCNĐN ngày 28/08/2017 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp cho dự án "Mở rộng sản xuất gối cầu, ghi đường sắt, các sản phẩm cơ khí thông dụng, công suất 720 tấn/năm; sản xuất cấu khiện bê tông đúc sẵn, công suất 9.000 tấn sản phẩm/năm" của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.
+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành đấu nối hạ tầng số 01/BBNT-SZG-KTh ngày 15/02/2018 giữa Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.
+ Thông báo số 1136/TB-KCNĐN ngày 06/04/2023 về Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.
+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất – Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 538510 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3, vào sổ cấp GCN 72922 ngày 05/06/2023.
+ Bản thỏa thuận ba bên giữ quyền thuê khu đất tại Khu công nghiệp Giang Điền số 119/BTT – GĐ ngày 25/08/2025 giữa Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền, Công ty TNHH AM Industries Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.
+ Biên bản bàn giao Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất chuyển nhượng số /2025/BB-CT3-AM ngày giữa Công ty TNHH AM Industries Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.
+ Văn bản số 431/SZG/KTh ngày 23/09/2025 của Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền về việc xác nhận đấu nối hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Công ty AM Industries Việt Nam.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần (nếu có): chưa có.
- Quy mô của dự án đầu tư:

+ Tổng vốn đầu tư: 116.652.585.988 (một trăm mười sáu tỷ, sáu trăm năm mươi hai triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi tám) đồng → Cơ sở tương đương dự án nhóm C theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công (Căn cứ theo mục III.C Phụ lục I Nghị định 85/2025/NĐ-CP ngày 08/04/2025 của Chính phủ).
+ Đây là tổng vốn đầu tư cho 02 cơ sở của Công ty TNHH AM Industries Việt Nam trong Khu công nghiệp Giang Điền, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích đất sử dụng là 19.765,8 m² (<50ha).

- **Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường** quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6, điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- **Dự án không thuộc** loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với mục tiêu hoạt động tại dự án này như sau:
    + Sản xuất các cấu kiện kim loại (Mã ngành theo VSIC: 2511) công suất 10.500 tấn sản phẩm/năm, tương đương 70.000 bộ sản phẩm/năm; Cho thuê nhà xưởng (Mã ngành theo VSIC: 6810) diện tích 3.279,6 m².
- Phân nhóm dự án đầu tư: Dự án đầu tư mở rộng nâng công suất sản suất của Công ty TNHH AM Industries Việt Nam từ 6.000 tấn sản phẩm/năm lên 16.500 tấn sản phẩm/năm và bổ sung hoạt động cho thuê nhà xưởng diện tích 3.279,6 m² (bổ sung địa điểm hoạt động để nâng công suất sản xuất các cấu kiện kim loại từ 1.500 tấn sản phẩm/năm lên 11.500 tấn sản phẩm/năm và bổ sung hoạt động cho thuê nhà xưởng tại địa điểm hoạt động thứ 2). Trong đó:
    + Cơ sở 1 hiện hữu (tại lô số 15, đường số 3, KCN Giang Điền) không thay đổi công suất, quy mô và quy trình sản xuất so với nội dung đã được phê duyệt trong các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và giấy phép môi trường đã cấp (GPMT số 41/GPMT-KCNĐN cấp ngày 28/03/2024).
    + Trong đó dự án này (cơ sở 2 tại lô số 3, đường số 3, KCN Giang Điền) có công suất sản xuất đối với các cấu kiện kim loại là 10.500 tấn sản phẩm/năm và cho thuê nhà xưởng diện tích 3.279,6 m².

→ Do vậy dự án có tiêu chí về môi trường tương đương dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ Môi trường, cụ thể hoá tại mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại mục 5 Phụ lục được ban hành kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

→ Dự án thuộc đối tượng phải lập hồ sơ đề nghị cấp GPMT theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

→ Căn cứ Khoản 15 điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án được quy định tại Phụ lục IX – Mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại Giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và **dự án đầu tư nhóm III** (ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, đã được sửa đổi, bổ sung tại mục 8 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025)

→ Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH ngày 17/11/2020 và quy định tại Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, hoạt động của dự án thuộc quyền thẩm quyền cấp phép GPMT của UBND cấp tỉnh.

→ Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 12 Điều 3 Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 04/08/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai, Dự án thuộc thẩm quyền cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của BQL các KCN, KKT tỉnh Đông Nai.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của Dự án:

3.1. Công suất hoạt động của dự án:

- Quy mô diện tích sử dụng đất của dự án đầu tư:

Bảng I-1 Quy mô diện tích của dự án dầu tư

	Địa điểm hoạt động	Diện tích	Ghi chú
Đầu tư mở rộng nâng công suất	Lô số 3, đường số 3, KCN Giang Điền, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	14.121 m²	Bản thỏa thuận ba bên giữ quyền thuê khu đất tại Khu công nghiệp Giang Điền số 119/BTT – GĐ ngày 25/08/2025 giữa Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền, Công ty TNHH AM Industries Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.

Hiện trạng khu vực dự án đã có các công trình nhà xưởng hiện hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 bàn giao lại (theo biên bản bàn giao Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất chuyển nhượng số /2025/BB-CT3-AM ngày giữa Công ty TNHH AM Industries Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3). Cơ sở dự kiến sẽ cho đơn vị sản xuất cùng ngành nghề đúc kim loại thuê phần Nhà xưởng đúc hiện hữu diện tích 3.279,6 m² (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất – Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 538510 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3, vào sổ cấp GCN 72922 ngày 05/06/2023).

Sau khi triển khai dự án, cơ sở sẽ có 2 địa điểm sản xuất tại KCN Giang Điền với tổng diện tích 19.765,8 m² (theo GCNĐKĐT số 7661937762 ngày 16/10/2025).

- Công suất sản suất: Trong khu vực dự án tại lô 3, đường số 3, KCN Giang Điền, công ty sẽ triển khai một số hoạt động sau:
  - + Xây dựng nhà xưởng sản xuất và đầu tư máy móc thiết bị để sản xuất sản phẩm các cấu kiện kim loại công suất 10.500 tấn sản phẩm/năm
  - + Nhà xưởng đúc hiện hữu công ty nhận chuyển nhượng lại từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 sẽ được để trống và phân khu riêng để cho thuê cùng ngành nghề đúc, với tổng diện tích cho thuê nhà xưởng là 3.279,6 m².
  - + Dây chuyền công nghệ sản xuất các cấu kiện kim loại tại dự án tương tự với dây chuyền công nghệ sản xuất các cấu kiện kim loại tại địa điểm thứ nhất hiện hữu của Công ty TNHH AM Industries Việt Nam (đã được cấp GPMT số 41/GPMT-KCNĐN ngày 28/03/2024).

Bảng I-2 Công suất sản xuất của dự án đầu tư

Tên ngành	**Dự án đầu tư (cơ sở 2)**	**Sau khi mở rộng nâng công suất (bao gồm cơ sở 1 hiện hữu, theo GCNĐKĐT số 7661937762 ngày 16/10/2025)**
Sản xuất các cấu kiện kim loại	10.500 tấn sản phẩm/năm	11.500 tấn sản phẩm/năm
Cho thuê nhà xưởng	Diện tích 3.279,6 m²	Diện tích 3.279,6 m²
Tổng công suất 2 địa điểm	10.500 tấn sản phẩm/năm và cho thuê nhà xưởng diện tích 3.279,6 m²	16.500 tấn sản phẩm/năm và cho thuê nhà xưởng diện tích 3.279,6 m²

(Nguồn: Công ty TNHH AM Industries Việt Nam, 2025)

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

Sản phẩm chính của nhà máy là các thiết bị, cấu kiện kim loại phục vụ cho xây dựng. Quy trình sản xuất của nhà máy hiện hữu tại địa điểm thứ nhất chỉ bao gồm các công đoạn gia công cơ khí đơn giản, không có dòng thải và nguồn phát sinh khí thải, nước thải cần xử lý. Hoạt động sản xuất tại địa điểm này đã được cấp Giấy phép môi trường số 41/GPMT-KCNĐN ngày 28/03/2024 của Ban quản lý các Khu Công Nghiệp Đồng Nai.

Dự án mở rộng, nâng công suất của công ty tại cơ sở 2 (cách cơ sở 1 khoảng 1 km) có quy trình sản xuất gần tương tự như cơ sở thứ nhất và có thêm công đoạn bắn bi xử lý bề mặt sau khi gia công kim loại. Ngoài ra dự án mở rộng này còn bố trí diện tích cho thuê nhà xưởng.

3.2.1. Quy trình công nghệ sản xuất cấu kiện kim loại của dự án đầu tư tại cơ sở 2

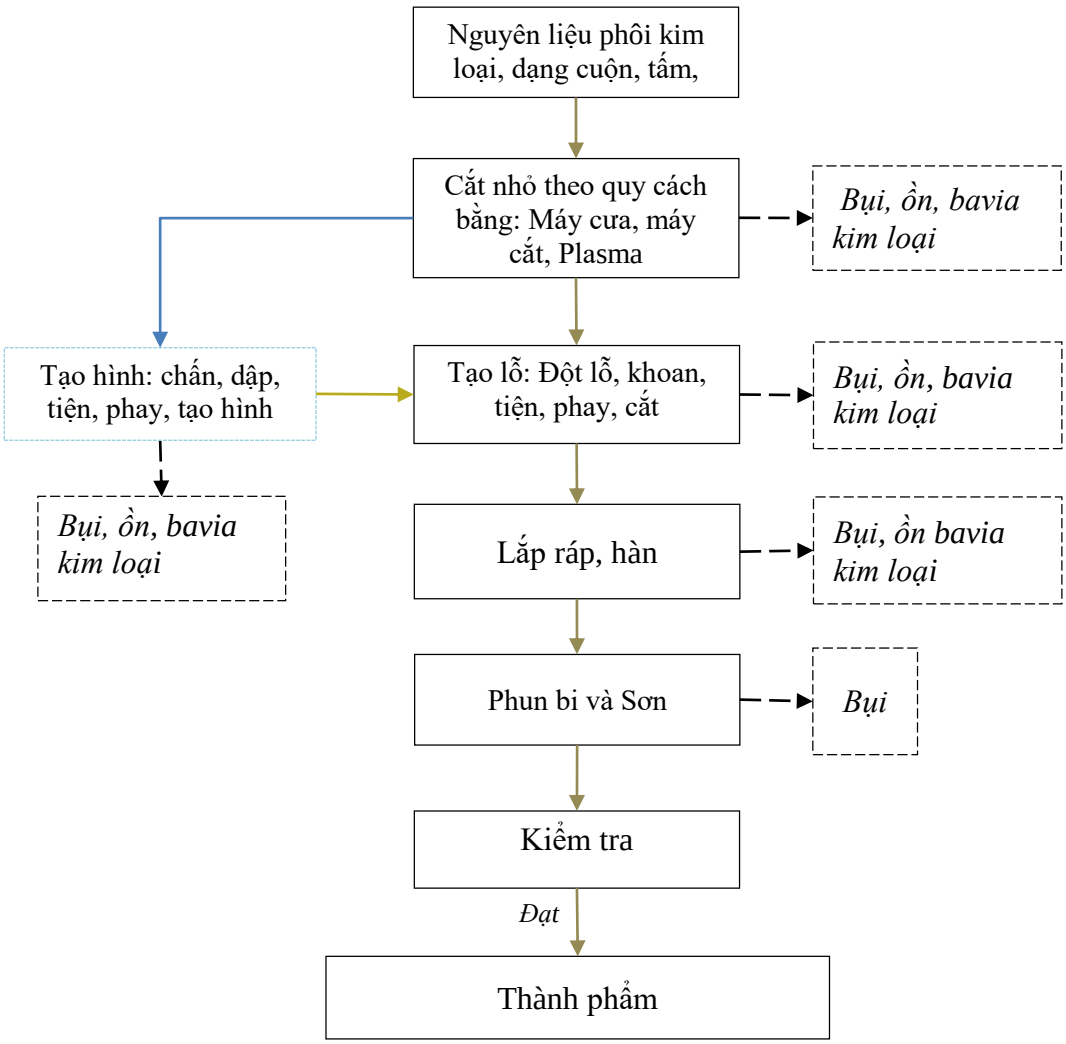

Hình I-1 Sơ đồ quy trình sản xuất cấu kiện kim loại của dự sán đàu tư tại cơ sở 2

Toàn bộ sản phẩm của dự án đều là cấu kiện kim loại, các sản phẩm của dự án sử dụng chung quy trình sản xuất, chỉ khác phần hình dạng sản phẩm tại quá trình cắt, do đó quy trình sản xuất sẽ được đánh giá chung cho toàn sản phẩm của dự án.

Công đoạn	Thuyết minh kỹ thuật	Dòng thải
Nguyên liệu	Nguyên liệu nhập về gồm các vật tư thép, sắt, kim loại màu dạng cuộn, tấm hoặc dạng thanh sẽ được kiểm tra phân loại theo đúng chủng loại, chất lượng kích thước khi đưa tới bộ phận gia công cơ khí để thực hiện gia công cắt thành từng chi tiết nhỏ theo thiết kế.	-
Tạo hình (cắt, tạo hình, tạo lỗ)	Sau đó các chi tiết này sẽ được đưa qua các công đoạn tạo hình (cắt, chấn, dập, tiện, phay, tạo hình), tạo lỗ (đột lỗ, khoan, tiện, phay, cắt) theo thiết kế (tùy theo đơn hàng của khách hàng). Tại đây có sử dụng dầu cắt gọt do đó sẽ phát sinh vụn, bụi kim loại và dầu thải từ quá trình gia công, tiếng ồn từ quá trình cắt.	Bụi kim loại, tiếng ồn, chất thải rắn (bavia thải)

Công đoạn	Thuyết minh kỹ thuật	Dòng thải
	Tại tủ máy cắt bên đầu cắt là đầu phun dầu nhằm mục đích làm mát cho quá trình cắt, bảo vệ, tăng tuổi thọ dao cắt, rửa bụi, cặn kim loại bám lên chi tiết, hạn chế bụi kim loại phát sinh, lượng dầu này được chảy và lọc tuần hoàn sử dụng lại thông qua hệ thống lọc nằm trong máy. Sau một thời gian sử dụng dầu cắt gọt sẽ được thay thế bằng lượng dầu mới, quá trình thay mới được thực hiện bằng cách dùng bơm hút hết lượng dầu thải bỏ vào phuy chứa trước khi châm lượng dầu mới vào.	
Lắp ráp, hàn	Các chi tiết cần hàn sẽ được chuyển sang bộ phận hàn dây đồng sử dụng Rpbot hàn tự động để lắp ráp định hình chi tiết sản phẩm theo thiết kế (tùy theo đơn hàng của Khách hàng), quá trình này sẽ phát sinh hơi khí hàn và tiếng ồn. Công ty sử dụng phương pháp hàn Tig, Mig với vật liệu hàn là dây đồng nhằm sử dụng ít vật liệu hàn và cho mối hàn đẹp, đây là quy trình tự động, tiên tiến hiện nay không gây tác động xấu đến môi trường. Phương pháp hàn Tig, Mig là phương pháp tạo hồ quang giữa kim loại hàn và dây hàn bằng dòng điện một chiều trong môi trường khí trơ. Tại đây là phương pháp hàn tự động, dây hàn (dây đồng) được đưa vào khu vực hàn liên tục nhờ bộ phận đẩy dây. Dây đồng là loại dây đặc và không cần thêm chất khử, khí trơ CO2 không phản ứng với kim loại nóng chảy và bảo vệ vùng hàn khỏi không khí do đó công nghệ hàn này không phát thải khí thải. Dây hàn nóng chảy được dẫn từ một cuộn dây trên một thiết bị dẫn tiến qua bộ cáp dây đến đầu hàn (đầu súng hàn). Bước dẫn tiến của dây hàn (tốc độ cấp dây) tuy thuộc vào tốc độ nóng chảy. Trong đầu hàn, dòng điện hàn được truền ngày trước hồ quang qua béc điện tiếp xúc vào dây điện cực tại đoạn ngắn ở cuối dây nhô ra ngoài, do điện trở tiếp xúc và dòng điện chập mạch sinh ra nhiệt độ cao làm dây hàn nóng chảy lên vật liệu cần hàn. Kết thúc quá trình, nguồn điện cấp hàn bị ngắt, dây hàn ngưng nóng chảy, sản phẩm được đưa qua công đoạn tiếp theo.	Bụi kim loại, tiếng ồn, chất thải rắn (que hàn, xỉ hàn thải)
Xử lý bề mặt, sơn	Sản phẩm sau khi hoàn thiện sẽ được chuyển qua nhà thầu bên ngoài thực hiện xử lý bề mặt, sơn phủ bề mặt sản phẩm, không thực hiện tại dự án. Sản phẩm sau khi được gia công bên ngoài được đưa về nhà máy kiểm tra, sản phẩm sơn phủ không đạt sẽ được vận chuyển lại cho đơn vị gia công bên ngoài chỉnh sửa lại.	
Phun bi	Phương pháp phun bi làm sạch và xử lý bề mặt cấu kiện kim loại được thực hiện như sau:	Bụi kim loại, tiếng

Công đoạn	Thuyết minh kỹ thuật	Dòng thải
	- Sử dụng hệ thống phun bi sắt/bi inox kích thước khoảng 0,6 mm, được bắn với vận tốc lớn nhờ lực ly tâm của đầu phun bi để tác động lên bề mặt sản phẩm. - Quá trình va đập giữa hạt bi và bề mặt cấu kiện kim loại giúp loại bỏ xỉ hàn, ba via, lớp oxi hóa và tạp chất, đồng thời làm nhám bề mặt, tăng độ bám dính của lớp sơn. Công đoạn phun bi tại dự án được thực hiện trên máy phun bi thùng đảo tự động, là thiết bị chuyên dụng để làm sạch và xử lý bề mặt cấu kiện kim loại. Máy có dạng thùng đảo, vận hành hoàn toàn tự động; toàn bộ quá trình từ khi công nhân đưa sản phẩm kim loại vào buồng phun, đóng máy, phun bi đến khi dỡ thành phẩm đều được lập trình và điều khiển bằng hệ thống PLC – HMI. Thiết bị phun bi là thiết bị kín hoàn toàn, được tích hợp hệ thống thu hồi bi, hệ thống phân ly bi – bụi và hệ thống xử lý bụi tại nguồn. Sau mỗi chu kỳ phun: • Hạt bi được thu hồi, làm sạch và tuần hoàn trở lại hệ thống phun; • Bụi kim loại mịn phát sinh trong quá trình phun bi được thu gom và xử lý đúng quy định trước khi thải ra môi trường. Nhờ áp dụng công nghệ phun bi tự động, khép kín, bụi không phát tán ra bên ngoài khu vực sản xuất, đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường và an toàn cho người lao động.	ồn, chất thải rắn (bi thải)
Sơn	Bắn bi xong để các cấu kiện lên giá đỡ (ngựa kê) rồi phun sơn lên.	
Kiểm tra	Các sản phẩm sau khi kiểm tra đạt chất lượng sau khi hoàn thành sẽ được lưu kho chờ giao cho khách hàng.	Sản phẩm lỗi

3.2.2. Hoạt động cho thuê nhà xưởng

Dự án sẽ cho thuê phần diện tích nhà xưởng 3.279,6 m² bao gồm cả khu vực xưởng đúc nhận chuyển nhượng lại từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 bàn giao lại.

Hoạt động thuê xưởng dự kiến như sau:

- Ngành nghề cho thuê: các ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào KCN Giang Điền, trong đó tập trung vào các ngành nghề ít ô nhiễm, các ngành nghề thuộc nhóm ngành gia công cơ khí tương tự như dự án.
- Phạm vi cho thuê: phần diện tích nhà xưởng được phép cho thuê theo GCNĐKĐT số 7661937762 ngày 16/10/2025 là 3.279,6 m², số lượng đơn vị thuê tuỳ thuộc vào nhu cầu diện tích thực tế của đơn vị.
- Trách nhiệm pháp lý đối với vấn đề môi trường:

+ Bên thuê là chủ nguồn thải và có trách nhiệm hoàn toàn đối với tất cả các loại chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất tại nhà xưởng được thuê, bao gồm khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại và nước thải sản xuất.
+ Bên thuê có trách nhiệm tự đầu tư trang thiết bị, phương tiện lưu chứa và thực hiện phân loại chất thải tại nguồn theo đúng quy định hiện hành. Phải thiết lập kho lưu giữ chất thải tạm thời đạt chuẩn (có mái che, đê bao, biển báo) trong phạm vi diện tích thuê.
+ Bên thuê chủ động ký kết hợp đồng với các đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý chất thải. Toàn bộ chi phí này do Bên Thuê chi trả.
+ Bên thuê có trách nhiệm thực hiện đầy đủ thủ tục pháp lý về môi trường cho dự án triển khai tại khu vực thuê xưởng.

3.3. Sản phẩm của Dự án

Dự án tập trung sản xuất các cấu kiện kim loại và thực hiện cho thuê nhà xưởng với diện tích 3.279,6 m².

Phần diện tích đăng ký cho thuê là hiện trạng Nhà xưởng đúc do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 bàn giao lại, đã được đăng ký trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 538510 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai cấp, vào sổ cấp GCN số 72922 ngày 05/6/2023. Trên cơ sở đó, dự án dự kiến tìm kiếm đơn vị có cùng ngành nghề, chức năng sản xuất đúc kim loại để thuê lại Nhà xưởng đúc này và tổ chức hoạt động sản xuất.

Bảng I-3 Tổng hợp sản phẩm của dự án đầu tư

STT	Sản phẩm	Công suất	
		Tấn sản phẩm/năm	**Bộ sản phẩm/năm**
1	Sản xuất các cấu kiện kim loại	10.500	70.000 bộ sản phẩm/năm
2	Cho thuê nhà xưởng	Diện tích 3.279,6 m²	Diện tích 3.279,6 m²

Hình I-2 Hình ảnh minh họa sản phẩm của dự án đầu tư

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án:

4.1. Danh mục máy móc thiết bị

Bảng I-4 Danh mục máy móc thiết bị tại dự án

STT	Tên	Công dụng	Đơn vị	Số lượng	Công suất (kW)	Năm sản xuất	Tình trạng máy hiện tại	Xuất xứ
1.	Máy cắt laser	Cắt thép	Bộ	1	3 - 6	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
2.	Máy gá hàn tự động hai mặt, tư thế 2F (Beam line)	Hàn	Bộ	1	250	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
3.	Máy gá hàn bán tự động tam giác hàn lớn, hàn tư thế 1F	Hàn	Bộ	1	149	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
4.	Máy nắn cụp cánh dầm	Nắn thẳng	Bộ	1	20	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
5.	Máy chặt tấm 6 mét	Cắt thép	Bộ	1	37	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
6.	Máy bắn bi tự động	Làm sạch	Bộ	1	124	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
7.	Xe điện nâng hàng 5 tấn	Nâng hạ	Bộ	1	3	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
8.	Máy nén khí tăng áp	Cấp khí nén cho máy bắn bi,sơn và hàn	Bộ	1	75	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
9.	Máy hàn bán tự động (tay) + súng hàn + mo	Hàn	Bộ	8	320	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
10.	Máy hàn bán tự động (tay) + súng hàn + mo	Hàn	Bộ	4	31	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á

11.	Xe goong 5T	Bộ	Bộ	3	2	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
12.	Xe nâng tay 3 tấn	Nâng hạ	Bộ	5	0	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
13.	Bộ khung xoay beam	Lật xoay	Bộ	2	2	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
14.	Monorail 2 tấn	Nâng hạ	Bộ	3	6	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
15.	Cẩu quay 2T (360 độ)	Nâng hạ	Bộ	1	2	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
16.	Máy khoan từ MAB525	Khoan	Bộ	2	2	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
17.	Dầm hít chân không 2.5T_6m	Nâng hạ	Bộ	1	2	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
18.	Quạt công nghiệp	Quạt	Bộ	15	15	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
19.	Máy đột thủy lực cầm tay	khoan	Bộ	1	1	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
20.	Máy khoan cần (khoan bàn)	khoan	Bộ	1	5	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
21.	Máy sơn công nghiệp + dây + súng	sơn	Bộ	3	3	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
22.	Bộ đẩy cont, mỗi bộ xếp 2 skid	Đóng kiện	Bộ	2	2	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
23.	Máy hàn que TT (tay) + dây điện hàn	hàn	Bộ	3	6	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
24.	Rùa hàn + ray	hàn	Bộ	2	2	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
25.	Rùa cắt tôn, vát mép + dây + chống cháy ngược	Cắt	Bộ	7	1	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
26.	Đèn cắt oxy gas+dây+đồng hồ	Cắt	Bộ	12	-	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
27.	Máy mài 2 đá	mài	Bộ	4	2	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á

28.	Máy cắt Φ350	Cắt	Bộ	2	2	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
29.	Bán cổng trục	Nâng hạ	Bộ	2	5	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
30.	Xe điện nâng hàng 5 tấn điện	Nâng hạ	Bộ	1	3	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
31.	Xe điện nâng hàng 10 tấn	Nâng hạ	Bộ	2	10	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
32.	Trạm oxy khí hoá lỏng + đường ống	Oxy	Bộ	1	-	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
33.	Trạm khí hàn, khí hoá lỏng + đường ống	Khí nén	Bộ	1	-	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á
34.	Trạm gas	Gas	Bộ	1	-	2024	Đầu tư mới	Trung Quốc/châu Á

(Nguồn: Công ty TNHH AM Industries Việt Nam, 2025)

Dây chuyền sản xuất tại dự án tương tự dây chuyền tại cơ sở hiện hữu của công ty, có bổ sung công đoạn bắn bi tự động và sơn. Trong đó, công đoạn bắn bi tự động phát sinh bụi, khí thải được thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý đi kèm với máy trước khi thoát ra môi trường qua ống khói cao 6 m

4.2. Nhu cầu nguyên, vật liệu sử dụng

Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu của dự án như sau:

Bảng I-5 Nhu cầu nguyên vật liệu dự kiến của dự án

Stt	Loại vật liệu	Đơn vị	Khối lượng	Công đoạn sử dụng
I	***Dòng nguyên vật liệu, hóa chất sản xuất chính***			
1	Thép	Tấn	5.250	Dùng cho sản xuất
2	Kim loại (nhôm…)	Tấn	6.475	Dùng cho sản xuất
3	Dây hàn lõi thuốc, que hàn	Tấn	10,5	Dùng cho công đoạn hàn
4	Sáp hàn	Tấn	2,1	Dùng cho công đoạn hàn
5	Sơn epoxy, alkyd và pilot II	m^3	50	Sơn cấu kiện, một số chi tiết nhỏ bị lỗi

6	Thinner	m^3	8	Dung môi pha sơn
7	Vôi	Tấn	3,15	Chống bám dính
8	Matic ATM	Tấn	10,5	Sửa chữa khuyết tật sản phẩm
9	Bi thép, vật liệu mài	Tấn	10,5	Sửa chữa khuyết tật sản phẩm
II	***Dòng nguyên vật liệu, hóa chất phụ trợ sản xuất***			
1	Thùng carton	Tấn	87,5	Đóng thùng giao khách hàng
2	Chất làm mát	Lít	210	Dùng để làm mát mũi khoan
3	Gas LPG	Bình	158	Kèm với vỏ gas để thay đổi áp suất (12kg/bình)
4	LC02, Oxygen	Bình	2.322	Dùng cho công đoạn hàn, cắt kim loại
5	Oxy dạng lỏng	Chai	1.216	Dùng cho công đoạn hàn
6	Dầu thủy lực	Lít	455	Dùng cho thiết bị nén thủy lực
7	Dầu máy nén	lít	126	Dùng cho máy nén
8	Dầu phanh	lít	17,5	Dùng cho máy thủy lực
9	Dầu nhớt 40	lít	63	Dùng cho các máy sử dụng động cơ
10	Dầu Diesel/DO	lít	70	Dùng cho xe nâng, máy phát điện
11	Palet gỗ	kg	175	Để hàng hóa

Đặc điểm thành phần nguyên liệu sử dụng:

Bảng I-6 Thành phần tính chất các loại nguyên liệu, hoá chất sử dụng

Tên hoá chất	Thành phần chính	Đặc điểm vật lý, hóa học	Công dụng
Sơn Epoxy	Epoxy resin (av.mol.wt <700) chiếm 10 - 25% và Xylene từ 2.5 - 10%	Chất lỏng có màu, có mùi. Nhiệt độ sôi: 34°C	Sơn các cấu kiện kim loại
Sơn Alkyd	1,2,4-Trimethylbenzene (10-25%), Ketone, 2-Butanone oxime < 1%	Chất lỏng có màu, có mùi. Nhiệt độ sôi: 33°C.	Sơn các cấu kiện
Sơn Pilot II	Naphtha (petroleum) hydrodesulfurized heavy (25-50%), xylene (≤3%), muối kẽm của acid neodecanoic (<1%).	Chất lỏng nhiều màu, điểm bùng cháy 36°C, điểm sôi trung bình 169.83°C, không hòa tan trong nước.	Sơn dùng trong công nghiệp
Thinner	Xylene: 25 - 50%, 2-Butan-l-ol: 25 - 50%, Solvent naphtha (petroleum), light aromatic: 10 - 25%,1,2,4-Trimethylbenzene: 10 - 25%, Ketone: 2.5 - 10%,	Chất lỏng không màu, có mùi đặc trưng, Điểm bốc cháy rất thấp, chỉ 25°C	Dung môi để pha loãng sơn
Matic ATM	White powder (50-55%), Resin solution (45-50%)	Dạng chất dẻo, có mùi nhẹ	Bả mỏng sửa chữa

			khuyết tật sản phẩm
Sáp hàn CO2	Petrolatum (mỡ khoáng) hoặc Paraffin	Dạng chất dẻo, không mùi	Sáp chống dính mỏ súng hàn.
Dây hàn lõi thuốc KF-71T	Sắt (Iron): 80 - 90%, Titanium dioxide: 4 - 10%, Manganese: 1 - 3%, Silicon dioxide: 1 - 3%, Silicon metal: 1 - 3%, Aluminum oxide: 1 - 2%	Dạng chất rắn (solid), không mùi	Dạng rắn dùng trong hàn cắt
LC02, Oxy lỏng	Oxy dạng lỏng (100%)	Chất lỏng siêu lạnh, không màu, không mùi. Nhiệt độ sôi: -183°C	Dùng để cắt vật liệu; bảo vệ mối hàn
Gas LPG	Propane (C3H8) và Butane (C4 H10).	Khí hóa lỏng, không màu, không mùi. Nhiệt độ sôi: 410°C - 580°C	Kết hợp với Oxy để cắt thép
Vôi	CaO (100%)	Dạng chất rắn, không mùi. Nhiệt độ cháy: 2570°C	Chống bám dính
Dầu máy nén (Compressor oil)	Hidrocacbon	Chất lỏng có màu, mùi hidrocacbon	Sử dụng cho máy nén khí.
Dầu thủy lực (Hydraulic oil)	Dầu gốc khoáng + Phụ gia chống mài mòn	Chất lỏng có màu, có mùi.	Sử dụng cho máy bơm thủy lực
Dầu phanh (Brake fluid)	Glycol Ethers	Chất lỏng có màu, có mùi	Sử dụng cho xe nâng.
Nhớt 40 (Motor Oil)	Dầu gốc Hydrocacbon + Phụ gia cải thiện độ nhớt	Chất lỏng có màu, có mùi.	Dùng cho các máy sử dụng động cơ
Dầu Diesel	Hidrocacbon (99%), phụ gia (1%)	Chất lỏng, có mùi. Nhiệt độ sôi: 177°C - 343°C.	Chạy máy phát điện, xe nâng

MSDS các hoá chất này được đính kèm trong phụ lục báo cáo.

Bảng I-7 Bảng cân bằng vật chất của Dự án

ĐẦU VÀO			ĐẦU RA				
Tên nguyên liệu	**Khối lượng (tấn/năm)**	**Định mức trung bình (kg/tấn sản phẩm)**	**Tên sản phẩm**	**Khối lượng (tấn/năm)**	**Tên chất thải**	**Tỷ lệ hao hụt (%)**	**Khối lượng (tấn/năm)**
Thép	5.250	500	Các cấu kiện kim loại	10.500	Nhôm, thép thải	10	1.172,5
Kim loại (nhôm…)	6.475	617			Xỉ hàn, sáp, que hàn thải	30	3,15
Dây hàn lõi thuốc, que hàn	10,5	10			Bụi kim loại từ quá trình cắt, mài, hàn, bắn bi	0,01	1,17
Sáp hàn	2,1	0,2			Sơn thải, dung môi thải các loại	10	6
Sơn epoxy, alkyd, pilot II	60*	25			Bụi, hơi dung môi thải từ quá trình sơn	30% lượng chất rắn trong sơn, 100% lượng dung môi	16,77
Thinner	6,8*	10-15% lượng sơn			Vôi thải	100	3,15
Vôi	3,15	0,3			Matic thải	40%	4,2
Matic ATM	10,5	1			Bi thép thải, vật liệu mài thải	100	10,5
Bi thép, vật liệu mài	10,5	1			Vụn, rỉ sét và vảy thép	1%	111,11
Tổng nguyên liệu	**11.828,6**		**Tổng sản phẩm**	**10.500**	**Tổng chất thải**		**1.328,55**

Ghi chú: khối lượng riêng các loại sơn epoxy, alkyd, pilot II tính theo trung bình là 1,2 tấn/m3, khối lượng riêng dung môi thinner là 0,85 tấn/m3.

4.3. Nguồn cung cấp điện

Nguồn điện phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của dự án được cấp từ lưới điện quốc gia thông qua đơn vị hạ tầng Khu công nghiệp Giang Điền, bảo đảm cung cấp điện ổn định, liên tục cho toàn bộ quá trình vận hành.

Nhu cầu tiêu thụ điện dự án chủ yếu phục vụ cho dây chuyền sản xuất, hệ thống chiếu sáng nhà xưởng và các hoạt động sinh hoạt. Tổng nhu cầu sử dụng điện năng tối đa của dự án khi hoạt động tối đa công suất ước tính khoảng 50.000 kWh/tháng, phù hợp với quy mô hoạt động và khả năng cung cấp của hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Giang Điền.

4.4. Nguồn cung cấp nước

Nguồn nước cấp phục vụ cho hoạt động của dự án được cung cấp từ hệ thống cấp nước tập trung của Khu công nghiệp Giang Điền thông qua đơn vị hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp, bảo đảm chất lượng và lưu lượng cấp nước ổn định cho các nhu cầu sử dụng trong quá trình vận hành.

Nước cấp được sử dụng cho các mục đích chính gồm: sinh hoạt, tưới cây xanh, rửa đường nội bộ và phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy (PCCC). Ngoài ra, tại địa điểm thứ nhất (nhà máy hiện hữu) có phát sinh nhu cầu sử dụng nước để kiểm tra độ kín của các sản phẩm bồn, bể chứa trước khi xuất xưởng. Lượng nước sử dụng cho công đoạn này không thường xuyên và tương đối nhỏ, ước tính khoảng 5 m³/quý, không làm gia tăng đáng kể nhu cầu sử dụng nước của dự án.

Tính toán lưu lượng nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt:

- Dựa trên nhu cầu sản xuất thực tế và khả năng phát sinh lao động của các đơn vị thuê xưởng trong tương lai, ước tính số lao động tối đa tại dự án là 150 người.
- Theo QCXD 01:2021/BXD, định mức cấp nước sinh hoạt là **80 lít/người/ngày**.

$$150 \times 80 = 12.000 \text{ lít/ngày} = 12 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

→ **Nhu cầu nước sinh hoạt tối đa của dự án là khoảng 12 m³/ngày**.

Tính toán lưu lượng nước cấp cho nhu cầu sản xuất của đơn vị thuê xưởng:

- Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH AM Industries Việt Nam không phát sinh nước cấp và nước thải sản xuất. Đơn vị thuê xưởng có thể cần sử dụng nước.
- Theo QCXD 01:2021/BXD, định mức cấp nước sản xuất là **40 m³/ha/ngày**.

$$40 \times 3.279{,}6 \div 10.000 = 13{,}12 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

→ **Nhu cầu nước sinh hoạt tối đa của dự án là khoảng 12 m³/ngày**.

Nhu cầu nước tới cây xanh, thảm cỏ:

Định mức lưu lượng tưới cây là 3 lít/m2 theo QCXD 01:2021/BXD.

- Diện tích cây xanh thảm cỏ tại dự án là 2.826,19 m² → Nhu cầu nước tưới cây:

$$2.826{,}19 \times 3 = 8.478{,}6 \text{ lít/ngày} \approx 8{,}48 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Nhu cầu nước rửa đường nội bộ:

Định mức lưu lượng rửa đường là 0,4 lít/m² theo QCXD 01:2021/BXD.

- Diện tích đường nội bộ tại dự án là 1.715,25 m².
  → Nhu cầu nước rửa đường:

$$1.715{,}25 \times 0{,}4 = 686{,}1 \text{ lít/ngày} \approx 0{,}7 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Tính toán lượng nước cần thiết dự phòng cho công tác chữa cháy (hoặc diễn tập PCCC):

Theo TCVN 2622:1995 – Phòng cháy, chữa cháy cho nhà và công trình – Yêu cầu thiết kế, định mức nước chữa cháy được xác định như sau:

- Lưu lượng nước chữa cháy: 20 lít/giây/đám cháy;
- Số đám cháy đồng thời: 01 đám cháy;
- Thời gian chữa cháy: 2,5 giờ.

Lượng nước cần dự phòng cho chữa cháy được tính toán:

$$20 \times 2{,}5 \times 3.600 = 180.000\ lit = 180\ m^3$$

→ Nhu cầu nước dự phòng cho công tác chữa cháy là khoảng 180 m³.

Tại dự án, nước phục vụ chữa cháy được lưu trữ trong bể nước ngầm PCCC với dung tích 180 m³. Lượng nước này chỉ được sử dụng trong trường hợp xảy ra sự cố hoặc phục vụ diễn tập PCCC, không phát sinh thường xuyên trong quá trình vận hành sản xuất.

TT	Hạng mục	Lưu lượng sử dụng (m^3/ngày)	Lưu lượng nước thải phát sinh (m^3/ngày)	Định mức
1	Nước cấp sinh hoạt	12	12	Nước thải tính bằng 100% nước cấp cho sinh hoạt
2	Nước cấp sản xuất	13,12	13,12	Nước thải tính bằng 100% nước cấp cho sản xuất
2	Nước sử dụng tưới cây	8,48	0	Không phát sinh nước thải
3	Nước rửa đường	0,7	0	Không phát sinh nước thải
Tổng cộng lượng nước sử dụng tính cho ngày lớn nhất (không kể nước PCCC)		**34,3**	**25,1**	**-**

Tại dự án, Công ty TNHH AM Industries Việt Nam có đăng ký cho thuê một phần nhà xưởng để hoạt động đúc. Đơn vị thuê xưởng sử dụng hệ thống nhà vệ sinh hiện hữu của Công ty, do đó, Công ty TNHH AM Industries Việt Nam chịu trách nhiệm thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh và đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Giang Điền. Hoạt động của đơn vị thuê xưởng có thể phát sinh nước thải sản xuất, đơn vị thuê xưởng sẽ tự chịu trách nhiệm thu gom, xử lý nước thải sản xuất của đơn vị mình đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Giang Điền trước khi đấu nối vào cống thu gom nước thải của KCN.

4.5. Nhu cầu lao động

Nhu cầu sử dụng lao động của công ty được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng I-8 Nhu cầu lao động của dự án

Lao động	Mô tả
Nhu cầu lao động	150
Số ca hoạt động	8 giờ/ca; 03 ca/ngày
Số ngày làm việc trong năm	350 ngày/năm

(Nguồn: Công ty TNHH AM Industries Việt Nam, 2025)

Thời gian làm việc thực hiện thời gian lao động đúng theo Luật lao động quy định, thực hiện đầy đủ các chính sách Bảo Hiểm, bảo hộ lao động theo quy định.

5. Các thông tin khác liên quan đến Dự án:

Dự án có diện tích sử dụng đất 14.121 m², được Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 (CT3) bàn giao cho Công ty TNHH AM Industries Việt Nam, kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Vị trí tiếp giáp của dự án:

+ Phía Bắc giáp: Tiếp giáp đất trống;
+ Phía Nam giáp: Giáp đường ĐCĐ.03;
+ Phía Tây giáp: Tiếp giáp đất trống;
+ Phía Đông giáp: giáp Công ty TNHH Xử lý môi trường tỉnh Đồng Nai.

Bảng I-9 Tọa độ khu đất địa điểm thứ hai

Số hiệu mốc	X	Y
1	1205996,011	416316.788
2	1205996,011	416412.771
3	1205848,891	416412.771
4	1205848,891	416416.788

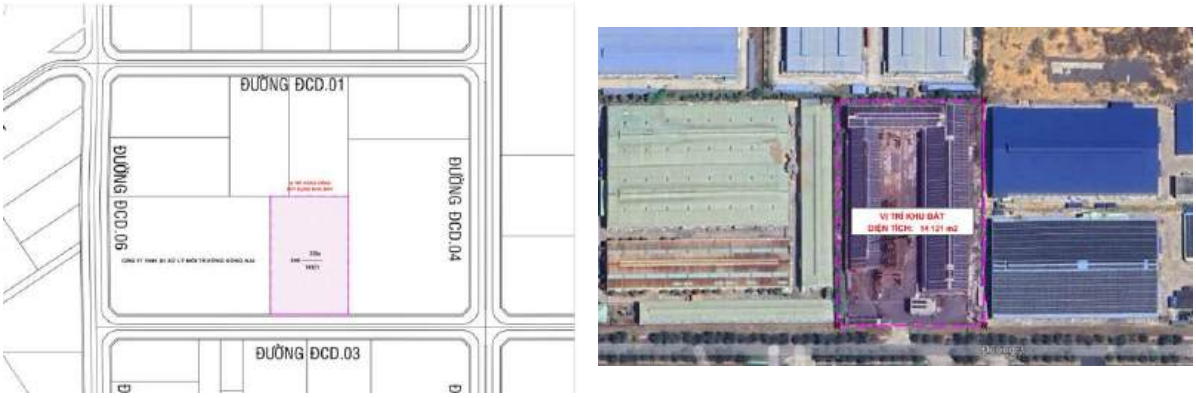

Hình I-3 Vị trí địa điểm thứ hai (nhà máy mở rộng)

Các công trình hiện hữu trên khu đất do CT3 bàn giao đã được xây dựng theo Giấy phép xây dựng số 222/GPXD-KCNĐN ngày 12/12/2016, đã hoàn thành thi công và

được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận nghiệm thu theo Thông báo số 1136/TB-KCNĐN ngày 06/04/2023.

Việc tiếp tục sử dụng khu đất được thực hiện trên cơ sở Bản thỏa thuận ba bên số 119/BTT–GĐ ngày 25/08/2025 giữa Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền, Công ty TNHH AM Industries Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3, bảo đảm quyền thuê và khai thác hợp pháp tại Khu công nghiệp Giang Điền. Đồng thời, hệ thống thoát nước mưa và nước thải của Công ty TNHH AM Industries Việt Nam đã được Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền xác nhận đấu nối theo Văn bản số 431/SZG/KTh ngày 23/09/2025.

Các công trình hiện hữu bao gồm: Nhà xưởng kết cấu thép, nhà xưởng phun bi, nhà xưởng đúc, nhà văn phòng. Đến nay, hiện trạng khu đất vẫn giữ nguyên các công trình hiện hữu này, công ty chưa tiến hành cải tạo hoặc xây mới thêm hạng mục công trình.

Chủ cơ sở sẽ xây dựng thêm một số hạng mục công trình mới, đất xây dựng được lấy từ phần đất dự trữ tại nhà máy hiện hữu. Theo kế hoạch, cở sở sẽ xây dựng lại khu nhà văn phòng, xây mới nhà xưởng số 04 kết nối với các công trình nhà xưởng hiện hữu và một số công trình phụ trợ khác (nhà rác, nhà bảo vệ, cột cờ). Cụ thể các hạng mục công trình hiện hữu và xây mới được thể hiện dưới đây:

Bảng I-10 Thống kê các hạng mục công trình chính tại dự án

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH								
STT	Ký hiệu	Hạng mục	Số tầng	Chiều cao (m)	Diện tích xây dựng (m^2)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m2)	Tỷ lệ	Ghi chú
A		ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH			9,745.62	10,177.62	69.02%	
	I	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NHÀ MÁY			9,394.72	9,394.72	65.35%	
1	NM1	Nhà xưởng kết cấu thép	1	11.13	2,203.20	2,203.20		Hiện hữu
2	NM2	Nhà xưởng phun bi	1	11.62	917.40	917.40		Hiện hữu
3	NM3	Nhà xưởng đúc	1	13.07	3,297.60	3,297.60		Hiện hữu
4	NM4	Nhà xưởng 04	1	14.10	2,666.80	2,666.80		Xây mới
5	NM5	Khu vực nhập thép tấm	1	10.29	309.72	309.72		Hiện hữu
	II	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐIỀU HÀNH - DỊCH VỤ			182.60	614.60	1.29%	
6	ĐH1	Nhà văn phòng	4	15.00	149.60	581.60		Xây mới
7	ĐH2	Nhà Bảo vệ	1	3.50	9.80	9.80		Xây mới
8	DV1	Nhà rác	1	3.42	23.20	23.20		Xây mới
	III	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG - KỸ THUẬT			168.29	168.29	1.19%	
9	HT1	Bể nước ngầm PCCC 180 m3		(-3,3)	82.50	82.50	Các hạng mục không tính vào MĐXD theo Mục 1.4.20 QCVN 01:2021	Hiện hữu
10	HT2	Trạm biến áp 1		-	15.28	15.28		Hiện hữu
11	HT3	Trạm biến áp 2		-	14.59	14.59		Hiện hữu
12	HT4	Trạm biến áp 3		-	14.59	14.59		Hiện hữu
13	HT5	Trạm biến tần 1	1	3.20	19.14	19.14		Hiện hữu
14	HT6	Trạm biến tần 2	1	3.38	18.60	18.60		Hiện hữu
15	HT7	Cột cờ		-	3.60	3.60		Xây mới
B		ĐẤT CÂY XANH			2,826.19		20.01%	
C		ĐẤT GIAO THÔNG SÂN BÃI			1,715.25		12.15%	
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG THUẦN (không bao gồm các công trình hạ tầng - kỹ thuật)					66.65%			
HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (lần)						0.72		
DIỆN TÍCH KHU ĐẤT					14,121.00			

Bảng I-11 Cơ cấu sử dụng đất của dự án

STT	Loại đất	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
Tổng diện tích khu đất		**14.121**	**100**
01	Đất xây dựng công trình nhà máy	9.394,72	65,35
02	Đất xây dựng công trình điều hành – dịch vụ	182,6	1,29
03	Đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật	168,29	1,19
04	Thảm cỏ, cây xanh	2.826,19	20,1
05	Đất giao thông sân bãi	1.715,251	2,15%

(Nguồn: Công ty TNHH AM Industries Việt Nam, 2025)

Phân khu chức năng:

1. Nhà xưởng 4(xây mới):

- Diện tích xây dựng: 2.666,80 m^2
- Diện tích sàn xây dựng: 2.666,80 m^2
- Số tầng: 1 tầng
- Cao độ nền hoàn thiện: +0.2m so với đường nội bộ
- Chiều cao công trình: 14,1m (tính từ cao độ đường nội bộ -0,2m đến điểm cao nhất của công trình +13,9m)
- Chiều cao PCCC: +7,15m (tính từ cao độ đường nội bộ -0.2m tới cao độ +6.95m)
- Kết cấu công trình: toàn bộ cột, kèo mái bằng thép, mái tôn;
- Tường trong: tường tole
- Hệ cửa đi: cửa thép mở 1 cánh, cửa cuốn thép, các vị trí tường ngăn cháy được yêu cầu lắp đặt cửa ngăn cháy phù hợp với tiêu chuẩn PCCC hiện hành.

2. Nhà văn phòng

- Diện tích xây dựng: 149,60 m^2
- Diện tích sàn xây dựng: 581,60 m^2
- Số tầng: 4 tầng

  Trong đó diện tích các tầng như sau:
  - Tầng 1 (cao độ 0.000): 149,60 m^2
  - Tầng 2 (cao độ +4.000): 144 m^2
  - Tầng 3 (cao độ +7.600): 144 m^2
  - Sân thượng (cao độ +11.200): 144 m^2
- Cao độ nền hoàn thiện: +0.2m so với đường nội bộ
- Chiều cao công trình: +15m (tính từ cao độ đường nội bộ +0,2m đến điểm cao nhất của công trình +14,8 m)
- Chiều cao PCCC: +12,3m (tính từ cao độ đường nội bộ +0,2m tới cao độ +12,1m)
- Kết cấu công trình: móng cọc, hệ cột, dầm BTCT, mái BTCT;
- Tường ngoài: tường gạch ngăn cháy, tường gạch dày 200mm cao đến mái;
- Hệ cửa đi: cửa nhôm kính, cửa thép, các vị trí tường ngăn cháy được yêu cầu lắp đặt cửa ngăn cháy phù hợp với tiêu chuẩn PCCC hiện hành.
- Cửa sổ nhôm kính cường lực cố định, tại vị trí lối vào từ trên cao lắp đặt cửa sổ kính cường lực dễ phá vỡ.

3. Nhà bảo vệ

- Diện tích xây dựng: 9.8 m^2
- Diện tích sàn xây dựng: 9.8 m2
- Số tầng: 1 tầng
- Cao độ nền hoàn thiện: +0.2m so với đường nội bộ
- Chiều cao công trình: +3.5m (tính từ cao độ đường nội bộ +0,2m đến điểm cao nhất của công trình +3.3 m)
- Kết cấu công trình: móng cọc, hệ cột, dầm BTCT, mái BTCT

4. Nhà rác 1:

- Diện tích xây dựng: 23.20 m2
- Diện tích sàn xây dựng: 23.20 m2
- Số tầng: 1 tầng
- Cao độ nền hoàn thiện: +0.2m so với đường nội bộ
- Chiều cao công trình: +3.42m (tính từ cao độ đường nội bộ +0,2m đến điểm cao nhất của công trình +3.22 m)
- Kết cấu công trình: cột, dầm, kèo mái bằng thép, mái tôn.

6. Bể nước ngầm PCCC:

- Diện tích xây dựng: 82.50 m2
- Diện tích sàn xây dựng: 82.50 m2
- Số tầng: 1 tầng
- Cao độ nền hoàn thiện cao hơn cao độ sân đường nội bộ (-3.3m)
- Chiều cao công trình: 3.3m
- Kết cấu công trình: móng cọc, hệ cột BTCT;
- Vách tường BTCT, theo mặt bằng bố trí của đơn vị cung cấp hệ thống xửa lý nước thải

7. Bãi để nguyên liệu thép tấm:

- Diện tích xây dựng: 309,72 m2
- Diện tích sàn xây dựng: 309,72 m2
- Số tầng: 1 tầng:
- Chiều cao công trình: 10,13m (tính từ cao độ đường nội bộ thấp nhất -0.2m tới điểm cao nhất của tường mái +9.93m)
- Kết cấu công trình: cột, dầm, kèo mái bằng thép, mái tôn.

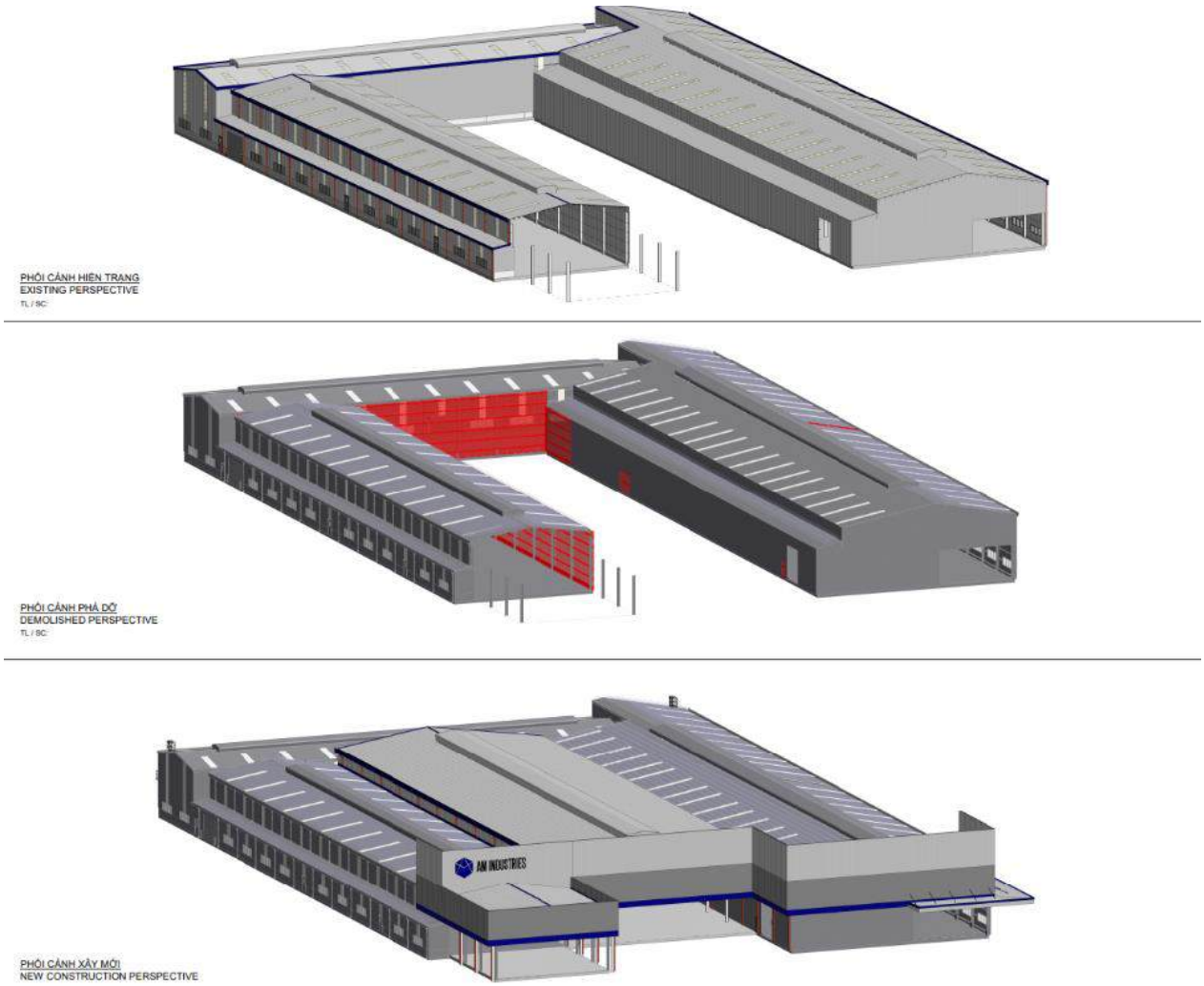

Hình I-4 Phối cảnh nhà xưởng sản xuất tại dự án trước và sau khi mở rộng nâng công suất

Các hạng mục công trình phụ trợ:

- Hệ thống viễn thông: Hệ thống thông tin liên lạc của nhà máy được ghép nối vào mạng viễn thông của bưu điện Tp. Hồ Chí Minh.
- Cây xanh:
  - + Hiện tại, Nhà máy đã trồng cây xanh xung quanh khu nhằm tạo cảnh quan và hạn chế các chất ô nhiễm cũng như tạo cảnh quan cho nhà máy.
  - + Trong giai đoạn mở rộng nhà xưởng, 1 phần diện tích cây xanh được sử dụng để xây dựng khu vực sản xuất – kho, hệ thống xử lý nước thải. Phần diện tích cây xanh còn lại được giữ nguyên hiện trạng nhằm tạo cảnh quan cho nhà máy.
  - + Dự án dành 2.826,19 m² (tương đương 20,01%) diện tích khu đất cho đất cây xanh. Hệ thống cây xanh được tổ chức theo hai dạng: cây xanh tập trung bố trí xung quanh nhà xưởng/nhà phụ trợ và cây xanh phân tán giữa các khối nhà máy để điều hòa vi khí hậu và tái tạo không khí. Các loại cây được lựa chọn bao gồm thảm cỏ lạc (cỏ đậu), cỏ lá gừng... nhằm đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp.
- Hệ thống giao thông:

+ Hệ thống sân đường nội bộ và cổng cũ của đơn vị trước đây đã xuống cấp, không còn phù hợp với nhu cầu sử dụng của Công ty TNHH AM Industries Việt Nam nên cần được cải tạo.
+ Giao thông đối ngoại: Kết nối với trục đường ĐCD.03 hiện hữu của KCN Giang Điền thông qua 02 cổng đấu nối mới với kích thước lần lượt là 15m và 12,02m.
+ Giao thông đối nội: Xây dựng mạng lưới đường nội bộ bằng bê tông cốt thép, chạy xuyên suốt xung quanh các công trình chính. Đường có mặt cắt ngang nhỏ nhất là 3,5m, tốc độ thiết kế 20 km/h và tải trọng trục thiết kế ≥120 KN.
+ Hỗ trợ PCCC: Bố trí bãi đỗ xe PCCC có chiều rộng tối thiểu 6,0m và chiều dài lớn hơn 3/4 chu vi công trình chính.

- Hệ thống cấp điện:

+ Nhà máy đã có tuyến trung thế 22kV đấu nối từ tuyến chung chạy dọc nhà máy. Tuy nhiên, khu vực quy hoạch chưa có hệ thống chiếu sáng ngoài nhà.
+ Nguồn và lưới điện: Đấu nối vào tuyến trung thế 24kV của KCN, lắp đặt 03 máy biến áp (công suất 1250 kVA, 750 kVA và 800 kVA). Cáp hạ thế 0.4kV được chôn ngầm trong mương đào với độ sâu ≥0,7m.
+ Chiếu sáng: Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng bằng trụ đèn cao 7–9m sử dụng bóng LED 150W, khoảng cách giữa các trụ từ 25m – 30m. Ngoài ra còn kết hợp đèn LED gắn vách tường và trụ đèn pha.

- Hệ thống cấp nước:

+ Nguồn cung cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của dự án sẽ được cung cấp từ hệ thống cấp nước chung của KCN Giang Điền. Đã có hệ thống cấp nước hoàn chỉnh từ đường ống trên đường ĐCD.03. Mạng lưới cấp nước sinh hoạt hiện đang được tách riêng với mạng lưới cấp nước PCCC.
+ Mạng lưới sinh hoạt: Sử dụng ống HDPE đường kính D25 – D63, cấp nước từ trạm bơm lên bồn nước mái khu văn phòng và các khu vực sản xuất.
+ Cấp nước PCCC: Xây dựng mới bể nước ngầm PCCC dung tích 180 m^3. Hệ thống sử dụng ống HDPE D90 – D110, bố trí 01 trụ chữa cháy và 01 họng tiếp nước ngoài nhà (bên cạnh 02 trụ sẵn có của KCN trên đường ĐCD.03).

- Hệ thống thoát nước mưa

+ Hệ thống này được xây dựng nhằm thu gom toàn bộ nước mưa từ các mái nhà và mặt đường nội bộ để vận chuyển ra khỏi dự án một cách nhanh nhất, tránh ngập úng cục bộ.
+ Nước mưa từ mái được dẫn qua hệ thống ống đứng PVC, kết hợp với nước mưa trên mặt sân đường thu gom vào các hố ga và tuyến cống dọc đường theo nguyên tắc tự chảy.
+ Hệ thống sử dụng mạng lưới mương và cống bằng bê tông cốt thép. Độ dốc thiết kế tối thiểu là 0,12% và độ sâu chôn cống ban đầu là 0,5m tính từ mặt đất hoàn thiện đến đáy cống.
+ Đấu nối với KCN tại hố ga cuối cùng trước khi kết nối với hệ thống thoát nước của KCN dọc đường ĐCD.03, bổ sung van cửa phai để ngăn dòng và điều tiết lưu lượng khi cần thiết.

- Hệ thống thoát nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt từ khu văn phòng và nhà xưởng phải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn sau đó dẫn hố ga đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN. Khu vực đã có hệ thống thoát nước thải dọc tuyến ĐCD.03, sử dụng hệ thống thoát riêng biệt với nước mưa và đấu nối ra hố ga hiện hữu.
+ Mạng lưới thu gom nội bộ dự án sử dụng ống HDPE đường kính từ D63 đến D200. Các tuyến ống được bố trí dọc theo đường nội bộ với độ sâu chôn ống tối thiểu là 0,5m đối với khu vực lề cỏ và 0,7m đối với khu vực dưới lòng đường để đảm bảo khả năng chịu lực.
+ Toàn bộ cống thoát nước được lắp đặt theo nguyên tắc ngang đáy để tối ưu hóa dòng chảy. Độ dốc của cống thoát nước thải được tính toán đảm bảo khả năng tự làm sạch, với chỉ số i ≥ 1/D.

5.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng trong giai đoạn xây dựng dự án

Dự kiến khối lượng nguyên vật liệu xây dựng phục vụ cho quá trình thi công xây dựng dự án như trong bảng sau:

Bảng 1. 1. Dự kiến khối lượng nguyên vật liệu xây dựng dự án

Stt	Loại vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Cát	Tấn	350,5
2	Đá 1x2	Tấn	250,6
3	Đá 4x6	Tấn	120,3
4	Đá mi	Tấn	118,5
5	Xi măng	Tấn	80,4
6	Sắt thép	Tấn	185,5
7	Gạch xây	Tấn	210,1
8	Gạch thẻ	Tấn	180,6
9	Gạch lát (40x40)	Tấn	60,6
10	Gạch lát (25x25)	Tấn	50,5
11	Sơn các loại	Tấn	12,4
12	Vải địa kỹ thuật	Tấn	65,5
13	Cấp phối đá dăm loại 1	Tấn	380,2
14	Cấp phối đá dăm loại 2	Tấn	280,3
15	Bê tông nhựa hạt trung	Tấn	355,1
16	Bê tông nhựa hạt mịn	Tấn	185,1
17	Nhựa đường	Tấn	42,5
18	Que hàn	Tấn	0,26

Stt	Loại vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
19	Đường ống cấp, thoát nước, thiết bị điện,....	Tấn	260,6
20	Đinh, ốc, vít	Tấn	18
21	Giấy nhám	Tấn	0,08
TỔNG		**Tấn**	**3.207,68**

- Khối lượng nguyên vật liệu xây dựng dự án được mua từ các cửa hàng vật liệu xây dựng lân cận trên địa bàn tỉnh Bình Dương, và được vận chuyển bằng ôtô vận tải có tải trọng trung bình 10 tấn/xe đến khu vực dự án.

Số lượng công nhân, chuyên gia tham gia thi công khoảng 60 người/ngày.

- Nhu cầu dùng nước phục vụ quá trình thi công xây dựng:

+ Nước sinh hoạt công nhân: Định mức cấp nước sinh hoạt là 45 lít/người/ngày (TCXDVN 33:2006). Định mức phát sinh nước thải là 100% lượng nước cấp, tương đương 45 lít/người/ngày. Tổng lưu lượng nước cấp và nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án là khoảng 2,7 m^3/ngày.

+ Nước dùng trong quá trình thi công (trộn bê tông, trộn vữa, tưới nền, vệ sinh thiết bị, máy móc,…) là khoảng 2,8 m^3/ngày.

+ Tổng nhu cầu cấp nước trong giai đoạn xây dựng khoảng 5,5 m^3/ngày.

5.2. Biện pháp tổ chức thi công xây dựng

Hiện trạng phần đất dự kiến triển khai xây dựng về cơ bản đã được san gạt hoàn thiện. Quy trình thực hiện thi công xây dựng mở rộng, nâng công suất của dự án được trình bày chi tiết như sau:

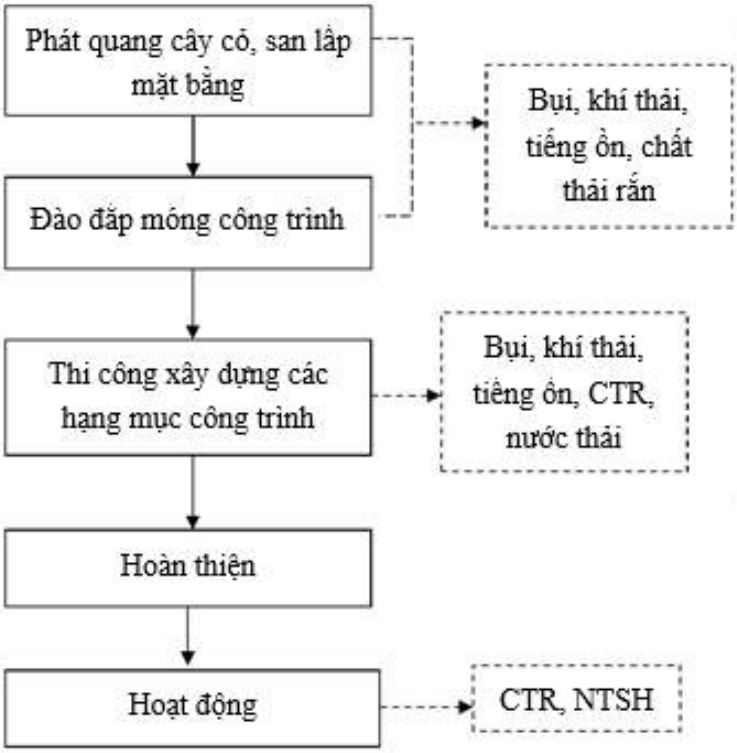

Hình I-5 Sơ đồ quy trình thi công xây dựng

a. Công tác chuẩn bị trước khi thi công

- Công trình chuẩn bị

+ Lắp dựng biển báo công trình, công trường, biển báo thi công, hàng rào che chắn, ...

+ Bố trí khu vực tập kết vật liệu, tập kết xe máy.

+ Vận chuyển thiết bị, vật tư và chuẩn bị mặt bằng thi công.

+ Dọn dẹp mặt bằng thi công, định vị tim cột, móng, đo đạc, kiểm tra hiện trạng đất giữa thực tế và bản vẽ xin phép xây dựng.

+ Xác định cao độ hiện trạng và cao độ thiết kế so với cao độ chuẩn (thường là mặt đường, lề đường hoặc tim đường).

+ Lập biên bản bàn giao mặt bằng, xác định ngày khởi công.

+ Lưu lại hình ảnh hiện trạng của công trình và các công trình lân cận để tránh các vấn đề rủi ro về tranh chấp pháp lý sau này.

- Công tác giải phóng, san lấp mặt bằng

Hiện trạng khu vực thực hiện dự án về cơ bản đã được san gạt mặt bằng hoàn thiện, chỉ còn một số cây cỏ dại bao phủ. Để chuẩn bị thi công sẽ phát quang cây cỏ, san gạt mặt bằng hoàn thiện. Theo TCVN 4447:2012 – Công tác đất, thi công và nghiệm thu, giải pháp san lấp được thể hiện như sau:

+ Cây phải chặt sát mặt đất, không cần đào gốc rễ.

+ Khi san mặt bằng phải có biện pháp tiêu nước. Không để nước chảy tràn qua mặt bằng và không để hình thành vũng đọng trong quá trình thi công.

b. Phương pháp thi công xây dựng

- Hệ thống giao thông

Sân đường nội bộ tại dự án được thiết kế phù hợp cho việc đi lại, vận chuyển nguyên vật liệu và công tác phòng cháy chữa cháy.

- Cấu trúc – kết cấu

Sân đường nội bộ bằng bê tông xi măng

+ Lớp bê tông đá 1x2 $M^3$00 dày 18cm

+ Lớp nilon chống mất nước bê tông

+ Đất tự nhiên đầm chặt K ≥ 0,95

Hệ thống thoát nước mưa

Hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa là hệ thống mương bê tông cốt thép hở đi dọc xung quanh nhà xưởng với độ dốc i = 0,3%.

Toàn bộ nước mưa sau đó dẫn về hố ga đấu nối với khu công nghiệp.

Hệ thống xử lý, thoát nước thải

Xây dựng bể tự hoại ba ngăn để thu gom lượng nước thải phát sinh, xử lý sơ bộ sau đó theo các đường ống ngầm dẫn về hố ga đấu nối với khu công nghiệp.

Giải pháp thi công móng công trình

Đào móng bằng máy đào có dung tích gào ≥ 0,5 m^3. Đất đào lên được đổ vào khu vực đất trống kế bên, trong quá trình đào luôn có máy bơm nước giữ ẩm không để phát

tán bụi vào môi trường, phần đất thừa được sử dụng lại cho quá trình lấp nền. Về phần thi công chọn giải pháp ép cọc, đây là phương pháp sử dụng máy nén thủy lực. Thử tải tĩnh trước khi thi công hàng loạt. Công trường được che chắn cách ly với khu vực bên ngoài bằng hàng rào tôn.

Nói chung các hoạt động thi công chủ yếu là cơ giới dưới sự điều khiển và kết hợp với công nhân kỹ thuật trên dự án tiến độ và các bản vẽ kỹ thuật thi công…. Hoạt động này phát sinh nước thải, chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; bụi, khí thải và tiếng ồn của máy móc thiết bị; bụi.

Công tác thi công sàn

- SXLD cốt thép, cốp-pha cột, dầm, sàn.
- SXLD cốt thép, cốp-pha và đổ bê tông
- Nghiệm thu công tác lắp dựng ván khuôn, cốt thép.
- Đổ bê tông cột, dầm, sàn.
- Lập biên bản nghiệm thu với từng hạng mục.
- Kiểm tra hệ thống ống điện, nước âm chờ phục vụ công tác điện nước.

Công tác xây tường

- Sau khi tháo cốp-pha, cây chống khu vực nào thì xây khu vực đó.
- Xây toàn bộ tường bao, tường ngăn chia phòng, tường vệ sinh.
- Lắp dựng cửa trong quá trình xây.
- Lắp đặt hệ thống điện, ống nước, hộp nối điện, ...
- Kiểm tra kích thước và định vị cửa khi thi công.
- Kiểm tra bề dày của tường xây theo bản vẽ thiết kế.
- Kiểm tra hệ thống điện trên tường.

Giải pháp vật liệu hoàn thiện công trình:

- Công tác hoàn thiện của công trình là một trong những công tác quan trọng nhất trong việc thể hiện công năng của công trình, nâng cao vẻ mỹ thuật.
- Công tác hoàn thiện tường, nước sơn, chống thấm: Vữa hoàn thiện tường là loại chống thấm, sàn vệ sinh. Sơn sử dụng loại thích hợp với khí hậu Việt Nam.
- Công tác thi công đường và hệ thống cấp thoát nước, hố ga thoát nước sẽ làm phát sinh khối lượng đất đào thải bỏ.
- Chất thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được thu gom và bố trí khu tập kết chất thải rắn tạm thời trong khu vực dự án và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

5.3. Tiến độ thực hiện, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện mở rộng, nâng công suất

a. Tiến độ

Tiến độ thực hiện mở rộng, nâng công suất được trình bày chi tiết trong bảng sau

Bảng I-12 Tiến độ thực hiện

Stt	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Hoàn thành các hồ sơ, thủ tục pháp lý	Tháng 02/2026
2	Khởi công xây dựng dự án mở rộng	Tháng 03/2026 – tháng 10/2026
3	Lắp đặt máy móc thiết bị và các công trình xử lý chất thải	Tháng 11 - 12/2026

4	Dự án đi vào vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường	Tháng 01 - 05/2027
5	Dự án đi vào vận hành thương mại giai đoạn 2	Tháng 06/2027

(*Nguồn: Công ty TNHH AM Industries Việt Nam, 2025)*

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có)

1.1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:

- Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12 tháng 1 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định 274/QĐ-TTg năm 2020 của về Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Dự thảo Quy hoạch Bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì hoàn thiện.

Ngành nghề sản xuất của dự án chủ yếu là lắp ráp, không hoạt động sản xuất, ngoài ra Công ty sử dụng các máy móc thiết bị sản xuất có mức độ tự động hóa cao, phù hợp với khuyến khích phát triển kinh tế.

Hiện hữu, Công ty vẫn đảm bảo theo quy định quy định của Quốc gia về các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn. Khi Bộ Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện Quy hoạch Bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 Công ty sẽ thực hiện kiểm tra và điều chỉnh phù hợp với quy định mới.

1.2. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

1.3. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch ngành nghề và phân khu chức năng của KCN

- **Các giấy tờ pháp lý về môi trường của KCN** Giang Điền

Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng KCN Giang Điền do công ty CP Sonadezi Giang Điền làm chủ đầu tư. Địa điểm hoạt động: Xã Trảng Bom, xã An Viễn và phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai.

Giấy chứng nhận đầu tư số 6154618383 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 08 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 28 tháng 12 năm 2023; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603474037 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 12 năm 2023.

Theo quyết định số 1054/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường ngày 21/05/2008 và quyết định 572/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường ngày 24/03/2010 phê duyệt đánh giá tác động môi trường bổ sung của dự án " Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Giang Điền".

KCN Giang Điền đã được cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ Môi trường số 41/GXN-TCMT ngày 05/03/2018 của Tổng cục môi trường cấp cho dự án " Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Giang Điền"

(đã hoàn thành 305 ha) tại xã Giang Điền, xã An Viễn, huyện Trảng bơm và xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

➢ **Phân khu chức năng của KCN** Giang Điền

Hình II-1 Phân khu chức năng của KCN Giang Điền

➢ **Ngành nghề thu hút đầu tư của KCN** Giang Điền

Bảng II-1 Ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Giang Điền

TT	Tên ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế
1	Chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	C101
2	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	C102
3	Chế biến và bảo quản rau quả	C103
4	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	C104
5	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	C105
6	Xay xát và sản xuất bột	C1061
7	Sản xuất thực phẩm khác	C107
8	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản	C108
9	Sản xuất đồ uống	C11
10	Dệt (không bao gồm nhuộm)	C13

11	Sản xuất trang phục	C14
12	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	C15120
13	Sản xuất giày, dép	C152
14	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	C16
15	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (không bao gồm sản xuất bột giấy thương mại)	C17
16	In, sao chép bản ghi các loại	C18
17	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	C2012
18	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	C2013
19	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác	C202
20	Sản xuất sợi nhân tạo	C203
21	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	C21
22	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	C22
23	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	C23
24	**Sản xuất kim loại (không bao gồm xi mạ)**	**C24**
25	**Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi (không bao gồm xi mạ)**	**C251**
26	**Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại (không bao gồm xi mạ)**	**C259**
27	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C26
28	Sản xuất thiết bị điện	C27
29	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C28
30	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C29
31	Sản xuất phương tiện vận tải khác	C30
32	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C31
33	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C32
34	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C33

35	Điện mặt trời	D35116
36	Truyền tải và phân phối điện	D3512
37	Phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	D35202
38	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và nước đá	D353
39	Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	G45
40	Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) - Bán buôn chuyên doanh khác	G466
41	Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	G47
42	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	H52
43	Bưu chính và chuyển phát	H53
44	Dịch vụ ăn uống	I56
45	Viễn thông	J61
46	Lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính	J62
47	Hoạt động dịch vụ thông tin	J63
48	Hoạt động kinh doanh bất động sản	L68
49	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật	M721
50	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác	M74
51	Cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình; cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	N77
52	Sửa chữa máy vi tính, đồ dùng cá nhân và gia đình	S95
53	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	S961
54	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	S962

2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận nước thải

Dự án nằm trong Khu công nghiệp Giang Điền, tỉnh Đồng Nai. Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án được thu gom, đấu nối vào hệ thống thu

gom nước thải chung của Khu công nghiệp Giang Điền và được xử lý tập trung tại các nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp trước khi xả ra nguồn tiếp nhận ngoài môi trường. Do đó, dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường, không làm gia tăng áp lực trực tiếp lên nguồn tiếp nhận.

Hiện nay, Khu công nghiệp Giang Điền đang vận hành 02 nhà máy xử lý nước thải tập trung, tiếp nhận và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong khu công nghiệp, bao gồm cả nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt và nước thải phát sinh từ chính hoạt động của các nhà máy xử lý nước thải tập trung (nước thải sinh hoạt, nước vệ sinh thiết bị, vệ sinh song chắn rác, ép bùn,...).

Tổng lưu lượng xả thải tối đa của Khu công nghiệp Giang Điền là 12.000 m³/ngày đêm. Trong đó, Nhà máy xử lý nước thải tập trung số 01 có công suất thiết kế 3.000 m³/ngày đêm, Nhà máy xử lý nước thải tập trung số 02 có công suất thiết kế 9.000 m³/ngày đêm.

Nhà máy xử lý nước thải tập trung số 01 công suất 3.000 m3/ngày gồm 02 module với quy trình công nghệ xử lý như sau:

- Module 01 (công suất: 1.000 m3/ngày đêm): Nước thải → Bể thu gom nước thải → Máy tách rác → Bể điều hòa → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1→ Bể lắng bùn hóa lý 1 → Bể tách dầu → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng bùn sinh học → Bể trung gian → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng bùn hóa lý 2 → Bể khử trùng → Hồ hoàn thiện → Trạm bơm nước thải sau xử lý → Nguồn tiếp nhận.
- Module 02 (công suất: 2.000 m3/ngày đêm): Nước thải → Bể thu gom nước thải → Máy tách rác → Bể điều hòa → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1→ Bể lắng bùn hóa lý 1 → Bể Selector → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng bùn sinh học → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng bùn hóa lý 2 → Bể khử trùng → Hồ hoàn thiện → Trạm bơm nước thải sau xử lý → Nguồn tiếp nhận.

Nhà máy xử lý nước thải tập trung số 02 gồm 02 module với công suất 4.500 m³ /ngày/module và có cùng quy trình công nghệ xử lý như sau:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom nước thải → Máy tách rác → Bể điều hòa → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng bùn hóa lý 1→ Bể Anoxic → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử màu 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng bùn hóa lý 2 → Hồ hoàn thiện → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận. - Công suất thiết kế: 9.000 m³ /ngày đêm.

Nước thải sau xử lý của các nhà máy xử lý nước thải tập trung được xả ra sông Buông tại hai vị trí xả khác nhau thuộc địa phận xã Trảng Bom và phường Phước Tân, tỉnh Đồng Nai. Phương thức xả thải được thực hiện liên tục (24 giờ/ngày), bằng hình thức bơm cưỡng bức hoặc tự chảy, xả mặt ven bờ theo đúng quy định.

Chất lượng nước thải sau các hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp (cột B, Kq = 0,9 và Kf = 0,9) và QCVN 12-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (cột A, Kq = 0,9, Kf = 0,9).

Bảng II-2 Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào HTXLNT của KCN Giang Điền

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận KCN
1	Nhiệt độ	°C	35

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận KCN
2	Màu	Pt/Co (pH=7)	50
3	pH	-	5 – 9
4	BOD5 (20°C)	mg/l	300
5	COD	mg/l	500
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	300
7	Asen	mg/l	0,0405
8	Thủy ngân	mg/l	0,00405
9	Chì	mg/l	0,081
10	Cadimi	mg/l	0,0405
11	Crom (VI)	mg/l	0,0405
12	Crom (III)	mg/l	0,162
13	Đồng	mg/l	1,62
14	Kẽm	mg/l	2,43
15	Niken	mg/l	0,162
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,0567
19	Tổng phenol	mg/l	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	1
22	Floura	mg/l	15
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	15
24	Tổng Nitơ	mg/l	60
25	Tổng Phot pho (tính theo P)	mg/l	8
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, lợ)	mg/l	450
27	Clo dư	mg/l	0,81
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,243
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	mg/l	0,0405
30	Tổng PCB	mg/l	0,00243
31	Coliform	Vi khuẩn/100ml	Không giới hạn
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

Bên cạnh đó, Khu công nghiệp Giang Điền đã đầu tư đầy đủ hệ thống camera giám sát và quan trắc nước thải tự động, liên tục tại cả hai nhà máy xử lý nước thải tập trung,

với các thông số giám sát chính như lưu lượng, pH, COD, TSS, amoni và nhiệt độ. Dữ liệu quan trắc đã được truyền về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai để theo dõi, giám sát.

Ngoài ra, Khu công nghiệp đã xây dựng hồ sự cố có lắp đặt HDPE chống thấm với dung tích lớn tại mỗi nhà máy xử lý nước thải tập trung (01 hồ sự cố đáy tại nhà máy xử lý nước thải số 01 có dung tích thiết kế khoảng 5.944 m^3; 01 hồ sự cố đáy được lắp đặt HDPE chống thấm tại nhà máy xử lý nước thải số 02 có dung tích thiết kế khoảng 12.456 m^3). Đồng thời KCN ban hành và triển khai các quy trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với các tình huống như: nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn, lưu lượng đầu vào tăng đột ngột, thiết bị hư hỏng hoặc sự cố mất điện. Các biện pháp này bảo đảm nước thải chưa đạt yêu cầu sẽ được lưu chứa, xử lý lại, không xả ra môi trường trong mọi tình huống bất thường.

Với việc toàn bộ nước thải của dự án được xử lý tập trung trong hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Giang Điền, có công suất phù hợp, công nghệ xử lý hoàn chỉnh, hệ thống quan trắc tự động và các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đồng bộ, có thể khẳng định rằng hoạt động xả thải của dự án là phù hợp với khả năng tiếp nhận và chịu tải của môi trường nước khu vực, không gây quá tải hay tác động tiêu cực đến chất lượng nguồn tiếp nhận là sông Buông.

KCN đã xây dựng các kịch bản phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải và đưa ra các giải pháp cụ thể để khắc phục:

- Trường hợp 1: Chất lượng nước đầu ra sau xử lý của nhà máy xử lý nước thải tập trung vượt quy chuẩn:
  + Vượt chỉ tiêu hóa lý thông thường và các chỉ tiêu kim loại nặng: TP, độ màu, TSS: Khi xảy ra sự cố, nhà máy xử lý nước thải tập trung sẽ ngưng xả thải, bơm nước từ hồ hoàn thiện sang hồ sự cố; khóa van xả nước ra sông Buông, mở van nước thải chảy về hồ sự cố; lấy mẫu phân tích, xác định nguyên nhân và cân chỉnh lại lượng hóa chất sử dụng; sau khi cân chỉnh hóa chất, nước thải được bơm dần từ hồ sự cố về hố gom để tiếp tục quy trình xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn.
  + Vượt chỉ tiêu các thông số sinh học (BOD, COD, TN, Amoni): Khi xảy ra sự cố, nhà máy xử lý nước thải tập trung sẽ ngưng xả thải, bơm nước từ hồ hoàn thiện sang hồ sự cố; khóa van xả nước ra sông Buông, mở van nước thải chảy về hồ sự cố; lấy mẫu phân tích, xác định nguyên nhân (do cơ sở thứ cấp xả thải vượt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải hoặc hệ thống các bể vi sinh hoạt động chưa hiệu quả…) và khắc phục sự cố vi sinh; sau khi khắc phục, nước thải được bơm dần từ hồ sự cố về hố gom để tiếp tục quy trình xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn.
- Trường hợp 2: Chất lượng nước thải đầu vào vượt tiêu chuẩn thiết kế của nhà máy xử lý nước thải tập trung: Khi xảy ra sự cố, nhà máy xử lý nước thải tập trung sẽ ngưng xả thải để rút hết nước từ hồ hoàn thiện sang hồ sự cố; Khóa van cửa xả nước ra sông Buông, Mở van T, nước thải được chảy về hồ sự cố; xác định cơ sở thứ cấp xả thải vượt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải và khắc phục sự cố. Khi nước thải đầu vào đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của nhà máy xử lý nước thải tập trung thì vận hành lại hệ thống bình thường, chuyển lượng nước thải chứa trong hồ sự cố về bể gom của nhà máy xử lý nước thải tập trung để xử lý lại.
- Trường hợp 3: Lưu lượng nước thải đầu vào thay đổi đột ngột cao hơn lưu lượng thiết kế của nhà máy xử lý nước thải tập trung: Khi xảy ra sự cố, bơm một phần

nước thải đầu vào ra hồ sự cố để lưu chứa tạm thời để tránh quá tải cho nhà máy xử lý nước thải tập trung; xác định nguyên nhân, sau khi khắc phục, nước thải được bơm dần từ hồ sự cố về hố gom để tiếp tục quy trình xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn.

- Trường hợp 4: Thiết bị của nhà máy xử lý nước thải tập trung bị hư hỏng: Khi thiết bị bị hư hỏng, bơm nước đầu vào ra hồ sự cố để lưu chứa tạm thời. Nhanh chóng huy động lực lượng để thay thế thiết bị dự phòng. Sau khi thay thế xong, vận hành hệ thống lại bình thường; sau khi khắc phục, nước thải được bơm dần từ hồ sự cố về hố gom để tiếp tục quy trình xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn.
- Trường hợp 5: Nhà máy xử lý nước thải tập trung bị cúp điện: Ban điều hành khu công nghiệp sẽ sử dụng nguồn dự phòng để cấp điện đảm bảo không gián đoạn quá trình hoạt động của Nhà máy".

CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNGN ƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Căn cứ khoản 2 Điều 28 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Dự án đầu tư nhóm III nằm trong KCN Giang Điền nên không cần thực hiện mô tả hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án đầu tư.

CHƯƠNG IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

1.1. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện giai đoạn xây dựng của Dự án

Các nguồn gây tác động trong giai đoạn xây dựng của Dự án được trình bày tóm tắt trong bảng dưới đây:

Bảng 4. 1. Tóm tắt đánh giá nguồn phát sinh, tác động, đối tượng bị tác động, phạm vi và thời gian tác động trong quá trình thi công và lắp đặt máy móc thiết bị của dự án

Phân loại	Nguồn phát sinh	Tác động	Đối tượng bị tác động	Tính chất tác động	Phạm vi	Thời gian
I. Thi công, xây dựng						
I.1. Tác động có liên quan đến chất thải	- Vận chuyển, tập kết, tồn chứa nguyên nhiên vật liệu, máy móc, thiết bị - Xây dựng hạng mục nhà xưởng, lắp đặt máy móc thiết bị - Sinh hoạt của công nhân tại công trường	- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông - Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt dộng của các máy móc, thiết bị thi công các hạng mục công trình, lắp dặt máy móc thiết bị của dự án - Bụi, khí thải từ quá trình đào hố móng, san gạt mặt bằng công trình. - Bụi, khí thải từ quá trình trộn đổ bê tông tươi, bê tông nhựa nóng. - Hơi, mùi sơn từ quá trình sơn công trình.	- Môi trường không khí - Công nhân làm việc trên công trường - Các hộ dân sinh sống ven tuyến đường vận chuyển	Yếu / gián đoạn / cục bộ / phân tán / di động	- Khu vực dự án - Tuyến đường vận chuyển	Ngắn hạn (Trong thời gian thi công xây dựng)

Phân loại	Nguồn phát sinh	Tác động	Đối tượng bị tác động	Tính chất tác động	Phạm vi	Thời gian
		- Bụi, khí thải từ phương tiện thi công cơ giới. - Bụi, khí thải từ quá trình thi công cắt, hàn chi tiết kim loại. - Bụi, khí thải từ làm đường giao thông nội bộ.				
		- Nước vệ sinh phương tiện vận chuyển. - Nước vệ sinh phương tiện thi công. - Nước thải và rác thải sinh hoạt của 60 công nhân, chuyên gia thi công.	- Công nhân làm việc trên công trường - Môi trường nước - Môi trường đất		Khu vực dự án	
		- Rác thải, vật liệu rơi vãi.				
		- Chất thải nguy hại	- Môi trường nước - Môi trường không khí - Môi trường dất		Khu vực dự án và xung quanh dự án	

Phân loại	Nguồn phát sinh	Tác động	Đối tượng bị tác động	Tính chất tác động	Phạm vi	Thời gian
I.2. Tác động không liên quan đến chất thải	- Hoạt động sinh hoạt và thi công xây dựng của công nhân - Hoạt động của các phương tiện vận chuyển	- Tiếng ồn sinh ra từ hoạt động của các phương tiện vận tải, thiết bị cơ giới, sinh hoạt của công nhân - Hư hỏng đường giao thông, ùn tắc giao thông - Xáo trộn văn hóa, mất an toàn trật tự xã hội, ảnh hưởng xấu đến kinh tế - xã hội của địa phương	- Người dân sinh sống ven tuyến đường vận chuyển, môi trường nước, môi trường khí, môi trường đất - Công nhân làm việc trên công trường	Yếu / gián đoạn / cục bộ	Khu vực dự án và xung quanh dự án	Ngắn hạn (Trong thời gian thi công xây dựng)

Chi tiết các biện pháp sử dụng trong hoạt động xây dựng, lắp đặt thiết bị của dự án được trình bày dưới đây:

1.1.1. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí

1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu bụi và khí thải từ xe tải vận chuyển, bốc dỡ, tồn chứa nguyên nhiên vật liệu, máy móc và thiết bị công trình

- Để phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, chủ đầu tư sẽ ưu tiên chọn các nhà thầu vận tải có đội xe vận tải còn mới (đã qua kiểm định), và phối hợp với nhà thầu xây dựng bố trí các biển hướng dẫn, đèn báo để phân luồng phương tiện vận tải vào và ra khỏi khu vực dự án.

- Trong hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, tải lượng bụi và các khí thải không quá cao, tuy nhiên, chủ đầu tư vẫn yêu cầu nhà thầu xây dựng, nhà thầu cung ứng vật liệu, máy móc thiết bị và chủ phương tiện vận tải cam kết thực hiện các yêu cầu dưới đây khi ký hợp đồng để giảm thiểu tác động:

- Không chở hàng quá cao hoặc quá tải trọng cho phép;

- Sử dụng bạt che phủ kín thùng xe để bụi không bay ra ngoài, đặc biệt không để các vật liệu xây dựng rơi vãi trên đường;

- Hạn chế lưu thông vào các giờ cao điểm;

- Bố trí trạm rửa xe để rửa sạch bụi, đất trước khi rời khỏi công trường.

2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện thi công cơ giới

- Theo đánh giá, lượng bụi và khí thải từ các phương tiện thi công cơ giới có tác động không đáng kể đối với môi trường và con người, tuy nhiên sự cộng hưởng hoạt động của nhiều phương tiện là vấn đề cần xem xét. Vì thế, chủ đầu tư đưa ra các giải pháp sau để giảm bớt một phần các tác động:

- Hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm;

- Phân công vận chuyển theo tiến độ và nhu cầu hợp lý, không vận chuyển đồng loạt;

- Yêu cầu nhà thầu xây dựng dùng hàng rào che chắn khu vực xây dựng giảm tác động của bụi và khí thải ra môi trường xung quanh;

- Yêu cầu nhà thầu vận tải (vật liệu) sử dụng các loại xe dùng dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh (S) thấp (mới mua trong 3 năm gần đây), hoặc giấy xác nhận kiểm định khí thải do Cục đăng kiểm cấp (nếu có).

3. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu bụi, khí thải của các thiết bị cắt, hàn cốt thép và xì kim loại

Vì bụi và khí thải từ các thiết bị cắt, hàn cốt thép, xì kim loại có thể gây tác động đến sức khỏe công nhân thi công, nên chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu xây dựng trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân khi thực hiện các hoạt động trên như kính bảo hộ, mặt nạ phòng độc; và thực hiện nơi thoáng khí, luân phiên thay công nhân thực hiện để giảm tần suất tiếp xúc với chất ô nhiễm.

4. Phòng ngừa, giảm thiểu tác động của tiếng ồn từ các phương tiện giao thông, thiết bị cơ giới

Tác động của tiếng ồn từ các phương tiện giao thông, thiết bị cơ giới chỉ tác động trực tiếp đến công nhân tham gia quá trình xây dựng khi các phương tiện hoạt động, nên chủ dự án sẽ yêu cầu nhà thầu xây dựng sử dụng thiết bị bảo hộ tai cho công nhân xây dựng khi làm việc gần các máy móc gây ồn và sẽ luân phiên làm việc trong môi trường ồn 4 giờ/ca.

5. Phòng ngừa, giảm thiểu tác động từ các nguồn phân tán

Để các nguồn phân tán không phát sinh, việc thu gom rác thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt và đặc biệt vệ sinh các nhà vệ sinh di động sạch sẽ là điều kiện cần thiết để không tạo ra các mùi hôi, sol khí gây ảnh hưởng môi trường và mọi người xung quanh. Như vậy, chủ đầu tư sẽ làm việc với nhà thầu xây dựng về các quy định siết chặt vấn đề thu gom rác nơi công trường, và yêu cầu nhà thầu xây dựng sắp xếp lịch trực dọn vệ sinh tại các nhà vệ sinh dưới sự giám sát của nhân viên bên chủ đầu tư.

1.1.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường nước

1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng

Chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu xây dựng thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động từ nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng, tránh gây ô nhiễm môi trường nước và mất mỹ quan KCN bằng biện pháp như sau:

- Bố trí khu vệ sinh cho các công nhân hợp lý.
- Riêng hoạt động vệ sinh cá nhân sẽ thuê nhà vệ sinh lưu động, Dự án sẽ sử dụng khoảng 1 - 2 nhà vệ sinh (dự kiến dùng nhà vệ sinh 1.000l), bố trí tại vị trí thích hợp trong khuôn viên dự án:

+ Nhà vệ sinh đặt cách xa khu vực ăn uống, nghỉ ngơi của công nhân.

+ Nhà vệ sinh được dọn dẹp sạch sẽ thường xuyên bởi các nhân viên vệ sinh.

+ Định kỳ bàn giao đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định (tần suất thu gom dự kiến 1 – 2 tháng/lần).

2. Kiểm soát và quản lý nước mưa chảy tràn

Theo đánh giá, lưu lượng nước mưa chảy tràn trên khu vực dự án là rất nhỏ, chỉ có thể gây ứ đọng và ô nhiễm cao nhất tại các hố móng. Ngoài ra, chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu xây dựng quản lý chất thải một cách chặt chẽ để nước mưa không thể cuốn theo chất thải rắn sinh hoạt và cặn dầu mỡ.

1.1.3. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động từ chất thải rắn

Chất thải rắn sinh hoạt:

- Trang bị 03 thùng nhựa thể tích 240 lít/thùng thu gom chất thải rắn sinh hoạt (phân loại tại nguồn với: 1 thùng màu xanh chứa nhóm chất thải hữu cơ dễ phân hủy; 1 thùng màu vàng chứa rác thải không thể tái chế và 1 thùng còn lại chứa nhóm chất thải có khả năng tái sử dụng). Sau giờ làm việc công nhân sẽ thu gom về khu vực thu gom rác sinh hoạt riêng biệt bố trí gần vị trí nghỉ ngơi của Công nhân.

Chất thải rắn xây dựng không nguy hại:

- *Chất thải rắn xây dựng:* Quá trình thi công dự án làm phát sinh chất thải rắn xây dựng với các thành phần: xà bần, gạch, cát, đá, gỗ, sắt, thép, cốtpha,... Nguồn thải này khó định lượng chính xác do phụ thuộc vào tính chất công trình, công nghệ, trình độ thi công và cách thức quản lý của nhà thầu. Theo Quyết định số 1329:2016/BXD ngày 19/12/2016 của Bộ Xây dựng thì tổn thất nguyên liệu/tổng khối lượng nguyên vật liệu sử dụng là 0,5-12,5% tương đương với khối lượng CTR xây dựng phát sinh như bảng dưới đây (tính cho tỷ lệ phát sinh cao nhất).

Lượng chất thải rắn này có thể tác động xấu đến môi trường tại công trường, nên sẽ được thu gom, vận chuyển xử lý phù hợp theo quy định của Nhà nước.

Bảng 4. 2. Dự kiến khối lượng hao hụt nguyên vật liệu xây dựng dự án

STT	Thành phần	Đơn vị	Khối lượng
1	Khối lượng vật liệu xây dựng dự kiến sẽ phát sinh chất thải rắn	tấn	3.207,68
2	Tỷ lệ CTR phát sinh	%	12,5
3	Khối lượng CTR xây dựng phát sinh	tấn	400,96
a	CTR xây dựng có thành phần kim loại, nhựa (10% khối lượng CTR)	tấn	40,096
b	CTR xây dựng có thành phần gạch, đá, các phế phẩm xây dựng khác (90% khối lượng CTR)	tấn	360,864

(Nguồn: (*): Quyết định số 1329:2016/BXD ngày 29/12/2016 của Bộ Xây dựng: Phần II- định mức hao hụt vật liệu)

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị khoảng 50 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Gỗ thải, xốp thải, bao bì ni-lông thải, bìa carton thải.
- Trong công tác xây dựng, quá trình đào móng khối lượng đất đào khoảng 13.017m^3, lấp đất khoảng 7394m^3, phần đất thừa dùng để đôn nền đường, trồng cây khoảng 5.623m^3. Do đó, không phát sinh đất dư cần vận chuyển ra ngoài công trình.
- Thường xuyên thu gom rác thải xây dựng, phân loại, tái sử dụng sắt, thép, ván gỗ, gạch, đá, ... làm vật liệu tái sinh. Đặt thùng thu gom lượng rác thải xây dựng không thể tái sử dụng trên các khu vực thi công (đặt khoảng 2 thùng 300 kg/thùng) về kho chứa tạm thời (bố trí tạm nằm cạnh bên kho chứa nguyên vật liệu xây dựng) và thuê đơn vị đến thu gom.

Chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng chủ yếu là giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại.
- Trang bị thùng chứa CTNH theo từng loại riêng và tách biệt với CTRSH để thu gom từng loại CTNH, dự kiến bố trí khoảng 4 thùng chứa, mỗi thùng 120lít.
- Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu xây dựng thu gom và lưu chứa CTNH và xử lý theo đúng quy định pháp luật.

1.1.4. Biện pháp giảm thiểu không liên quan đến chất thải

1. Giảm thiểu tác động do tiếng ồn và rung

- Tất cả các hoạt động xây dựng được tiến hành vào ban ngày.

- Sử dụng các phương pháp, thiết bị phát ra tiếng ồn, độ rung thấp.

- Xe cộ vận chuyển nguyên vật liệu phải đảm bảo mật độ thích hợp để giảm độ ồn, chỉ nhất còi khi cần thiết.

- Hạn chế tối đa việc vận chuyển nguyên vật liệu và thiết bị vào ban đêm.

2. Giảm thiểu tác động gây ra do tác động tập trung công nhân xây dựng

- Nhà thầu xây dựng sẽ tuyển dụng lao động địa phương cho các công việc đơn giản (đào, đắp, xây dựng, ...) để giảm số người tuyển từ các địa phương khác.

- Đăng ký tạm trú cho công nhân với công an địa phương, thông báo, phối hợp với chính quyền địa phương để quản lý hành chính những người vào làm trong dự án nhằm tránh phát sinh các tệ nạn xã hội, giảm thiểu xung đột giữa công nhân địa phương và người dân khu vực.

- Xây dựng nội quy và quản lý kỷ luật đối với tất cả các công nhân làm việc trên công trường.

- Thực hiện quan hệ đoàn kết tốt giữa công nhân và người dân địa phương.

- Việc bảo vệ sức khỏe cho công nhân và dân cư trong thời gian thi công công trình được thực hiện theo quy định cụ thể về các biện pháp y tế, vệ sinh thực phẩm của khu vực thi công.

1.1.5. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố trong các hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình dự án

1. Biện pháp về an toàn điện

- Bọc kín các điểm tiếp nối điện bằng vật liệu cách điện.

- Kiểm tra công suất thiết bị phù hợp với khả năng chịu tải của nguồn.

- Tổ chức cảnh giới và treo biển báo khi sửa chữa điện.

- Xây dựng và ban hành nội quy an toàn về điện, đặc biệt lưu ý nội quy an toàn điện tại kho chứa nhiên liệu tạm thời, phòng chống nguy cơ xảy ra hỏa hoạn.

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra, thanh tra định kỳ về an toàn điện.

2. Phòng chống cháy nổ

- Công nhân tham gia vận chuyển nguyên vật liệu, công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ ngay từ khi tuyển dụng làm việc tại công trường; thường xuyên nhắc nhở công nhân thi công phải tuân thủ biện pháp PCCC;

- Các loại dung môi và nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ tại các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện. Tại các khu vực có nguy cơ cháy nổ được gắn các biển cảnh báo với kích thước lớn, rõ ràng để công nhân theo dõi và có biện pháp phòng ngừa cháy nổ;

- Hạn chế các nguồn dễ phát sinh cháy, nổ như lửa. Lập rào chắn cách ly các khu vực nguy hiểm như trạm biến thế, vật liệu dễ cháy nổ (như kho chứa nhiên liệu xăng dầu, vật liệu sơn, thiết bị....);

- Hạn chế sự rò rỉ nhiên liệu trong quá trình bơm, hút cấp nhu cầu sử dụng và có hệ thống thu gom riêng biệt. Khu vực kho chứa nhiên liệu có đê bao quanh tránh tràn nhiên liệu, khi có sự cố;

- Đầu tư các thiết bị kỹ thuật chống cháy nổ tại các khu vực kho chứa nhiên liệu tại công trường, cụ thể đầu tư 1 thùng chứa cát, chăn dập lửa; 1 hệ thống bình bọt CO_2, câu giật và đường ống bơm nước PCCC.

- Ban hành nội quy như: cấm công nhân không được hút thuốc, không gây phát lửa tại các khu vực có thể gây cháy;

3. Biện pháp giảm thiểu tai nạn giao thông

- Tổ chức tuyên truyền vận động cán bộ công nhân và các chủ phương tiện thực hiện tốt về luật an toàn giao thông.

- Các phương tiện giao thông thường xuyên được kiểm tra định kỳ, bảo trì các thông số kỹ thuật theo đúng yêu cầu đăng kiểm.

- Điều tiết các phương tiện vận tải ra vào dự án hợp lý, chở đúng trọng tải;

4. Biện pháp bảo đảm an toàn lao động:

a. Biện pháp an toàn khi làm việc với thiết bị nâng cẩu

- Kiểm tra bằng lái của công nhân làm việc với các thiết bị nâng cẩu, bằng lái phải do cơ quan chức năng cấp.

- Kiểm tra các thông số kỹ thuật và điều kiện an toàn của thiết bị nâng cẩu trước khi đưa thiết bị vào hoạt động.

- Lắp đặt biển cấm người qua lại khu làm việc của thiết bị nâng cẩu.

- Cử cán bộ cảnh giới và chỉ huy thiết bị nâng cẩu.

b. Trang bị bảo hộ lao động, phòng ngừa tai nạn lao động

- Tuân thủ các qui định về an toàn lao động. Bảo đảm cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân.

- Kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi đến làm việc. Kiên quyết đình chỉ công việc của công nhân thiếu trang bị bảo hộ lao động.

- Cử cán bộ theo dõi và kiểm tra an toàn lao động tại công trường.

- Trong thi công nhà xưởng thường xuyên kiểm tra độ an toàn của giàn giáo, công tác an toàn lao động trên giàn giáo,... nhằm hạn chế tuyệt đối nguy cơ xảy ra tai nạn lao động trên cao và trên khu vực thi công.

- Tổ chức theo dõi thường xuyên tình hình diễn biến thời tiết trên khu vực để có biện pháp ứng phó kịp thời khi có mưa bão (cho tạm dừng quá trình thi công, bảo quản an toàn nguyên vật liệu, thiết bị,…).

c. Tổ chức y tế tại công trường

- Tổ chức cứu chữa các ca tai nạn lao động nhẹ và sơ cứu các ca tai nạn nghiêm trọng trước khi chuyển về bệnh viện.

- Cung cấp các túi thuốc cấp cứu, cứu thương cho các nhóm công nhân lao động tại công trường.

- Xây dựng phương án cấp cứu khẩn cấp khi xảy ra ốm đau nặng hay tai nạn nghiêm trọng tại công trường.

- Giám sát chặt chẽ quá trình thi công theo quy trình, giảm thiểu đến mức tối đa tai nạn lao động.

5. Biện pháp ứng phó với sự cố thiên tai, địa chất

- Tổ chức theo dõi thường xuyên tình hình diễn biến thời tiết trên khu vực để có biện pháp ứng phó kịp thời khi có mưa bão (cho tạm dừng quá trình thi công, bảo quản an toàn nguyên vật liệu, thiết bị,…).

1.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện trong giai đoạn vận hành

1.2.1. *Công trình, biện pháp thoát nước mưa*

Nước mưa của dự án được tính toán với lưu lượng như sau:

F: diện tích công trình xây dựng (9.745,62 m2) và thảm cỏ cây xanh (2.826,19 m2)

Q = [0,4m x 9.745,62 m2 x 0,95] : 30 + [0,4m x 2.826,19 m2 x 0,15] : 30 = 129 m^3/ngày = 0,0015m^3/s.

Lưu lượng nước mưa chảy tràn phụ thuộc vào chế độ khí hậu trong khu vực. Chất lượng môi trường không khí nền của khu vực dự án còn khá tốt, các chỉ số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép cũng như trong giai đoạn hoạt động cũng không phát sinh nhiều các chất ô nhiễm ngoài bụi nên nước mưa chảy tràn được đánh giá là không ảnh hưởng đến chất lượng môi trường khu vực.

Dự án được bàn giao lại hệ thống thoát nước mưa xây dựng hoàn chỉnh, tách riêng khỏi hệ thống thoát nước thải bên trong khuôn viên nhà máy. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa nội bộ tại dự án như sau:

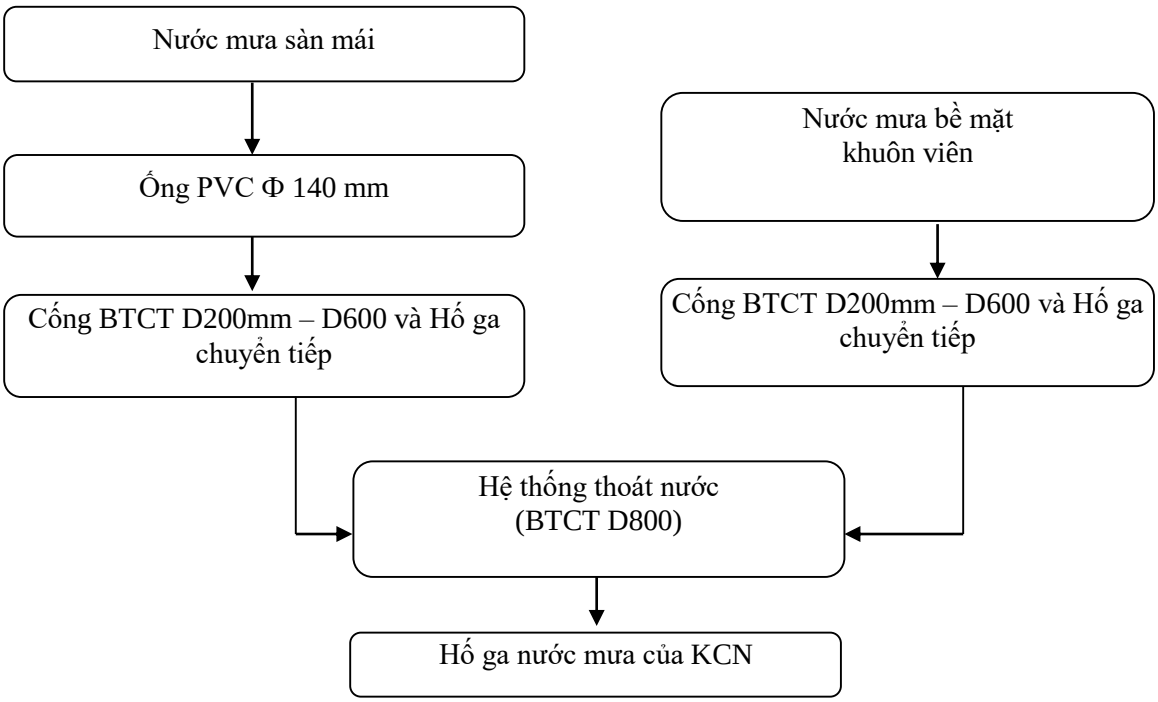

Hình IV-1 Sơ đồ hệ thống thu gom thoát nước mưa

Nước mưa trên mái các nhà xưởng được thu gom bằng máng xối và dẫn xuống mặt đất dẫn vào các hố ga bằng hệ thống ống uPVC đường kính từ 150mm. Toàn bộ nước mưa chảy tràn của nhà máy sẽ theo hệ thống BTCT D200 – D800 (bố trí dọc các nhà xưởng) và được đấu nối vào hố ga chuyển tiếp của nhà máy. Sau đó, nước mưa sẽ được đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung BTCT D800, D1000 và đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN.

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của nhà xưởng hiện hữu đáp ứng yêu cầu thoát nước nước mưa của toàn bộ các công trình. Đối với nhà xưởng, nhà văn phòng và các công trình phụ trợ xây mới, Công ty sẽ bố trí đường ống nhánh trước khi kết nối vào đường ống thu gom nước mưa hiện hữu.

Vị trí đấu nối hiện hữu:

- 01 hố ga MT2-06 tại ĐCD.03 kích thước ống θ 1.200
- Tọa độ: X= 1205996,011, Y = 416316.788

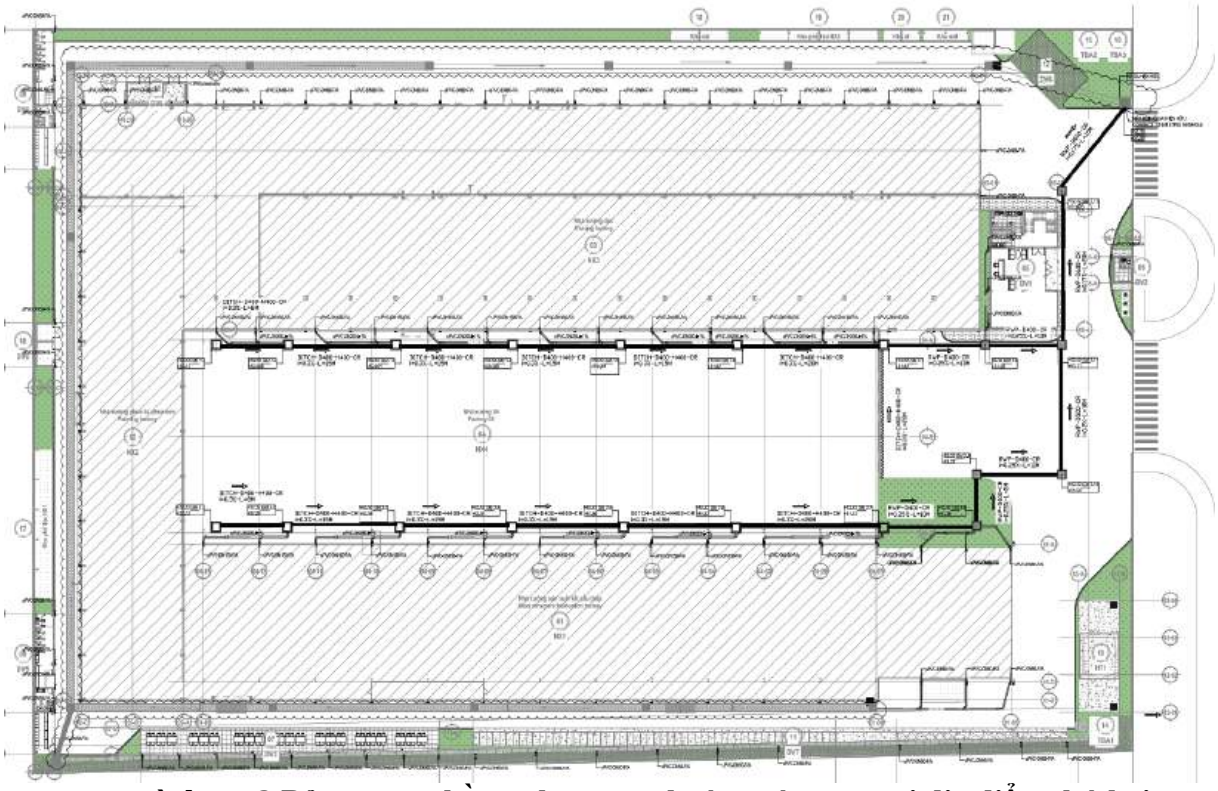

Hình IV-2 Bản vẽ mặt bằng thu gom, thoát nước mưa tại địa điểm thứ hai sau khi mở rộng

(Mặt bằng tổng thể, mặt bằng thoát nước mưa, nước thải của nhà máy đính kèm phụ lục)

1.2.2. *Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải*

a) Đặc điểm nước thải của dự án

Do đặc trưng ngành nghề sản xuất của Công ty không phát sinh nước thải sản xuất, chỉ phát sinh nước thải từ sinh hoạt của công nhân. Công ty không thực hiện nấu ăn tại nhà máy mà sử dụng xuất ăn công nghiệp do đó không phát sinh nước thải nhà ăn.

Quy ước lượng nước thải sinh hoạt phát sinh bằng 100% nhu cầu sử dụng, tương ứng với khoảng 24 m³/ngày. Thành phần nước thải sinh hoạt chứa các thông số ô nhiễm chính như: BOD, TSS, dầu mỡ, các loại vi khuẩn gây bệnh (E.Coli, Coliform…), chất dinh dưỡng (N, P…),…

Theo WHO, đối với những quốc gia đang phát triển thì hệ số ô nhiễm do mỗi người hàng ngày thải vào môi trường (nếu không xử lý) được trình bày trong cột (1) bảng 30 nên ước tính được tải lượng ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt ở cột (2) của bảng 30 dưới đây:

Bảng IV-1 Tổng tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt hiện hữu

Stt	Thông số ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (g/người.ngày) (1)	Tải lượng chất ô nhiễm (g/ngày) (2)
1	BOD_5	45 – 54	8,55 – 10,26
2	SS	70 – 145	13,3 – 27,55
3	Amoni	3,6 – 7,2	0,68 – 1,37
4	Tổng N	0,3 – 0,6	0,56 – 0,11

5	Tổng P	0,42 – 3,15	0,079 – 0,59

Nguồn (1): WHO-1993

Căn cứ vào các hệ số ô nhiễm và tải lượng nêu trên, có thể dự báo tải lượng các chất ô nhiễm sinh ra từ nước thải sinh hoạt của dự án như được trình bày trong bảng sau:

Bảng IV-2 Nồng độ ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

Stt	Thông số ô nhiễm	Nồng độ các chất ô nhiễm (mg/l)	
		Không xử lý	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN
1	pH	6,75 – 7,42	**5 - 9**
2	BOD_5	36 - 46	**300**
3	COD	72 - 95	**500**
4	TSS	73 - 82	**300**
5	Amoni	11,2 – 17,3	**15**
6	Tổng N	3,75 – 7,5	**60**
7	Tổng P	1,5 – 1,7	**8**
8	Dầu mỡ khoáng	KPH	**10**
9	Colifoms	2.500 – 3.300	**Không giới hạn**

Nhận xét:

So sánh nồng độ một số chất trong nước thải sinh hoạt đều đạt giới hạn với tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Giang Điền

Nước thải sản xuất của đơn vị thuê xưởng.

b) Công trình, biện pháp thoát nước thải

Dự án được bàn giao hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải tách riêng biệt, đã được xây dựng hoàn chỉnh và được đơn vị hạ tầng Khu công nghiệp Giang Điền xác nhận đấu nối. Việc đấu nối hệ thống thoát nước mưa và nước thải của Công ty TNHH AM Industries Việt Nam được xác nhận tại Văn bản số 431/SZG/KTh ngày 23/09/2025 của Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền.

Trong quá trình mở rộng, dự án đầu tư xây dựng thêm nhà xưởng 04, nhà văn phòng và nhà bảo vệ. Theo đó, dự án bố trí bổ sung nhà vệ sinh tại nhà bảo vệ xây mới và khu vực nhà vệ sinh, nhà ăn, quầy nước tại nhà văn phòng xây mới. Mạng lưới thu gom nước thải của các công trình xây mới này được thiết kế đồng bộ và kết nối vào hệ thống thu gom, thoát nước thải hiện hữu của nhà xưởng này.

Hệ thống đường ống thu gom nước thải được thiết kế tự chảy, với độ dốc từ 1–2%, bảo đảm khả năng thoát nước ổn định trong quá trình vận hành.

Mạng lưới thu gom cụ thể như sau:

- Nước thải từ bồn cầu, âu tiểu khu vực nhà vệ sinh công nhân 1 được thu gom bằng ống uPVC DN50–DN100, dẫn về bể tự hoại ST01 hiện hữu, dung tích 10 m³;
- Nước thải từ bồn cầu, âu tiểu khu vực nhà vệ sinh công nhân 2 được thu gom bằng ống uPVC DN50–DN100, dẫn về bể tự hoại ST02 hiện hữu, dung tích 10 m³;

- Nước thải từ bồn cầu, âu tiểu khu vực Nhà vệ sinh nhà bảo vệ xây mới được thu gom bằng ống uPVC DN50–DN100, dẫn về bể tự hoại ST04 xây mới, dung tích 3 m^3;
- Nước thải từ bồn cầu, âu tiểu khu vực Nhà văn phòng xây mới được thu gom bằng ống uPVC DN50–DN100, dẫn về bể tự hoại ST03 xây mới, dung tích 5 m^3.
- Nước thải từ lavabo và thoát sàn tại các khu vực nhà vệ sinh, nhà ăn và quầy nước được thu gom bằng các đường ống uPVC DN50–DN100, đấu nối chung với nước thải sau bể tự hoại, sau đó dẫn về hố ga hiện hữu thông qua hệ thống ống HDPE có đường kính D200–D800 để đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

Vị trí đấu nối nước thải:

- Hố ga đấu nối: Hố ga R3-37 tại ĐCD.03, đường kính ống Ø300 mm
- Tọa độ: X = 1.205.996,011; Y = 416.412,771

c) Xử lý nước thải

Đối với nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, sau đó dẫn vào hệ thống thu gom nước thải nội bộ trong khuôn viên dự án và đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Giang Điền theo quy định.

Với nhu cầu sử dụng lao động tối đa là 150 công nhân, tính toán bể tự hoại:

- Tổng thể tích phần lắng của bể tự hoại W bao gồm thể tích phần nước chứa Wn và thể tích phần chứa bùn wb:

$$W=Wn+Wb$$

- Thể tích phần nước được tính theo công thức:

$$Wn = KxQ = 1,2 \times 12,0 = 14,4 \text{ (m3)}$$

Trong đó:

K: hệ số lưu lượng, K = 1,2

Q: lưu lượng nước thải qua bể tự hoại trung bình ngày, lấy bằng 100% lượng nước dùng cho hoạt động vệ sinh: Q = 12,0 (m3/ngày)

- Thể tích phần bùn được tính theo công thức sau:

$$Wb = a \times N \times t \times (100 - P1) \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - P2)/100.000$$

Trong đó:

a: Tiêu chẩn cặn lắng cho 1 người, a = 0,4 – 0,5 l/người.ngày.đêm

N: Số nhân viên của nhà máy, N = 150 người

t: Thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại, t = 90 – 365 ngày.đêm

0,7: Hệ số tính đến 30% cặn đã được phân hủy

1,2: Hệ số tính đến 20% cặn được giữ lại trong bể tự hoại (lượng vi khuẩn cần thiết để xử lý cặn tươi)

P1: Độ ẩm cặn tươi, P1 = 95%

P2: Độ ẩm trung bình của cặn trong bể tự hoại, P2 = 90%

$$Wb = 0,5 \times 150 \times 90 \times (100-95) \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - 90)/100.000 = 2,84 \text{ m}^3$$

- Thể tích tổng cộng phần lắng của bể tự hoại sẽ là:

$$W = Wn + Wb = 14,4 + 2,84 = 17,24\ m^3$$

→ Thể tích bể tự hoại tối thiểu cần thiết cho dự án (150 người) là khoảng 17,24 m^3

Kết quả tính toán cho thấy, với quy mô 150 công nhân, dung tích bể tự hoại yêu cầu tối thiểu khoảng 17,24 m^3. Dự án sẽ bố trí 04 bể tự hoại với tổng dung tích 28 m^3, lớn hơn dung tích yêu cầu. Do đó, hệ thống bể tự hoại này đảm bảo phù hợp với tính toán, đáp ứng yêu cầu xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án. Nước thải sau bể tự hoại được thu gom và đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền theo quy định.

Mô tả nguyên lý bể tự hoại:

Bể tự hoại 3 ngăn xử lý là ngăn chứa nước vào, ngăn lắng và ngăn lọc có hai chức năng chính là lắng cặn và phân hủy yếm khí. Thời gian lưu nước trong bể từ 1–3 ngày chỉ có khoảng 90% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể. Cặn được giữ lại trong đáy bể từ 3–6 tháng, dưới ảnh hưởng của hệ vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ còn lại. Quá trình lên men chủ yếu diễn ra trong giai đoạn đầu là lên men axit, các chất khởi tạo trong quá trình phân hủy giải CH4, CO2, H2S, …Cặn trong bể tự hoại được lấy ra định kỳ, mỗi lần lấy phải để lại khoảng 20% lượng cặn dề lên men lại trong quá trình phân hủy nhanh hơn.

Bể tự hoại có dạng hình chữ nhật, nước thải từ các khu vệ sinh thoát xuống bể tự hoại và qua lần lượt các ngăn trong bể, các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy bể. Cặn lắng giữ trong bể từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kị khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất hòa tan. Nước thải lắng trong bể với thời gian dài đảm bảo hiệu suất lắng cao.

Sau khi qua bể tự hoại, nồng độ các chất hữu cơ trong nước thải giảm khoảng 30%, riêng các chất lơ lửng hầu như được giữ lại hoàn toàn. Bùn trong bể tự hoại định kỳ hợp đồng với các đơn vị có chức năng đưa đi xử lý theo đúng quy định.

Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kị khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

Phần cặn hữu cơ dễ phân hủy kỵ khí trong bể, phần nước sau xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Giang điền trước khi đấu nối vào hệ thống XLNT tập trung của KCN Giang Điền. Ngoài ra, một số biện pháp sau đây sẽ được thực hiện:

- Tránh không để rơi vãi xăng dầu, xà phòng,…xuống bể tự hoại. Các chất làm thay đổi môi trường sống của vi sinh vật, do đó giảm hiệu quả xử lý của bể tự hoại. Biện pháp này sẽ giúp giảm bớt nồng độ hữu cơ, chất rắn lơ lửng trong nước thải.
- Lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp sẽ thuê xe hút chuyên dùng (loại hút hầm cầu), đây là một giải pháp đơn giản, dễ quản lý nhưng hiệu quả xử lý tương đối cao.

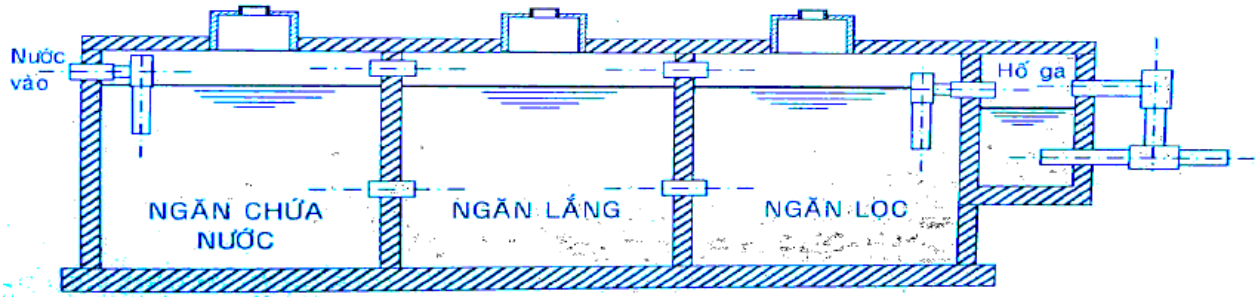

Hình IV-3 Sơ đồ minh họa cấu tạo bể tự hoại

1 - Ống dẫn nước thải vào bể; 2 - Ống thông hơi; 3 - Nắp thăm (để hút cặn); 4 - Ngăn định lượng xả nước thải

Bảng IV-3 Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Giang Điền

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận KCN
1	Nhiệt độ	°C	35
1	pH		5 – 9
2	BOD5 (20°C)	mg/l	300
3	COD	mg/l	500
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	300
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	15
6	Tổng Nitơ	mg/l	60

Đối với nước thải sản xuất:

- Nhà máy sản xuất của Công ty TNHH AM Industries Việt Nam tại dự án không phát sinh ước thải trong quá trình sản xuất.
- Các đơn vị thuê xưởng tại dự án có thể phát sinh nước thải sản xuất với lưu lượng ước tính khoảng 13,12 m^3/ngày. Đơn vị thuê xưởng sẽ có trách nhiệm tự thu gom, xử lý nước thải sản xuất đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Giang Điền trước khi đấu nối. Phương án xử lý nước thải của đơn vị thuê xưởng (nếu có) sẽ phải được thông qua cơ quan quản lý có liên quan trước khi triển khai xây dựng.

Bảng IV-4 Bảng tổng hợp các công trình xử lý nước thải của dự án

Stt	Danh mục	Dung tích	Số lượng	Vị trí bố trí	Ghi chú tình trạng
1.	Bể tự hoại ST01	10 m^3	01	Nhà vệ sinh công nhân 1 – địa điểm thứ hai	Công trình hiện hữu được bàn giao
2.	Bể tự hoại ST02	10 m^3	01	Nhà vệ sinh công nhân 2 – địa điểm thứ hai	
3.	Bể tự hoại ST03	3 m^3	01	Nhà vệ sinh nhà bảo vệ - địa điểm thứ hai	Công trình dự kiến xây mới
4.	Bể tự hoại ST04	5 m^3	01	Nhà vệ sinh khu văn phòng – địa điểm thứ hai	

1.2.3. *Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải*

a) Giảm thiểu bụi từ công đoạn gia công kim loại

Nguyên liệu kim loại đầu vào được công nhân thực hiện thủ công hoặc sử dụng các máy móc công nghệ cao để thao tác các công đoạn gia công thô (cắt, cưa, mài, phay, CNC…). Vì vậy, bụi kim loại phát sinh tại công đoạn này nếu không được thu gom và xử lý sẽ ảnh hưởng đến sức khoẻ của công nhân làm việc tại khu vực. Tuy nhiên, bụi kim loại có tỷ trọng lớn (dAl = 2,7g/cm3; dFe=7-8 g/cm3) nên chỉ tồn tại xung quanh nguồn gây bụi, nhanh chóng sa lắng, ít phát tán xa, dễ dàng thu gom.

Tải lượng phát sinh:

Theo kinh nghiệm của chủ dự án tại nhà máy hiện hữu tại địa chỉ Lô số 15, KCN Giang Điền thì tổng lượng bụi kim loại phát sinh từ khu vực gia công chiếm khoảng 0,01% tổng khối lượng nguyên liệu đầu vào. Căn cứ vào khối lượng nguyên liệu kim loại đầu vào theo đánh giá chương 1 là 11.725 tấn/năm, ước tính tải lượng phát sinh bụi kim loại từ các công đoạn gia công kim loại như cắt, cưa, mài… ước tính khoảng 1,17 tấn/năm, tương đương khoảng 3,35 kg/ngày, 0,14 kg/giờ.

Nồng độ:

Dựa vào khối lượng bụi kim loại phát sinh mỗi ngày và thể tích vùng bị ảnh hưởng, nồng độ bụi tối đa phát sinh tại khu vực gia công được ước tính dựa trên công thức:

$$C = m/V$$

Trong đó:

C: là nồng độ bụi phát sinh tối đa

m: là tải lượng bụi phát sinh tối đa

V: là thể tích khu vực bị ảnh hưởng (diện tích khu vực gia công là 2.203,2 m^2; ước tính chiều cao vùng bị ảnh hưởng đến con người và môi trường không khí trong nhà xưởng là 3 m, với số lần trao đổi khí trong nhà xưởng 6 lần/giờ. Thể tích không khí lưu thông là 2.203,2 x 3 x 6 = 39.654 m^3/giờ).

Như vậy, nồng độ bụi kim loại phát sinh trong quá trình gia công kết cấu tại dự án ước tính khoảng 3,47 mg/m^3, nồng độ bụi kim loại phát sinh tối đa tại khu vực gia công thấp hơn so với QCVN 02:2019/BYT (8 mg/m^3). Tính chất bụi kim loại có trọng lượng tương đối nặng nên sẽ sa lắng xuống nền nhà, không phát sinh trong môi trường không khí. Do đó, chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu, cụ thể như sau:

- Tại các máy gia công CNC của nhà máy được thiết kế kín hoàn toàn, có sử dụng dầu gia công và lắp đặt bộ phận tách cặn để thu gom vụn kim loại. Lượng cặn kim loại lẫn trong dầu gia công được công ty thu gom cho qua bộ phận lọc dầu của máy để tách cặn kim loại ra riêng (lượng cặn này sẽ được thu gom, xử lý như chất thải nguy hại); dầu gia công được tái sử dụng lại.
- Bố trí các máy quạt công nghiệp tạo chế độ thông thoáng trong nhà xưởng
- Bố trí công nhân thường xuyên quét dọn và thu gom bụi, vụn kim loại rơi vãi trên sàn nhà xưởng
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân thao tác tại khu vực: khẩu trang, găng tay và kính bảo hộ để đảm bảo an toàn sức khoẻ cho công nhân và không làm ảnh hưởng đến năng suất sản xuất.

b) Giảm thiểu bụi, hơi dung môi từ công đoạn sơn

Dự án sử dụng sơn epoxy, sơn alkyd và sơn pilot và thinner gốc dung môi hữu cơ để sơn lên bề mặt sản phẩm kim loại. Đối với công nghệ phun sơn, dự án đã bố trí khu vực sơn tách biệt với các khu vực sản xuất khác trong khu vực xưởng phun bi. Công nhân được trang bị khẩu trang, dùng súng phun sơn trực tiếp lên cấu kiện kim loại trong không gian hở của phòng sơn.

Dựa vào hệ số phát sinh bụi sơn và đánh giá ở trên có thể ước tính tải lượng bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ quá trình sơn như sau:

Bảng IV-5 Tải lượng ô nhiễm khí thải đối với một số chất ô nhiễm chính từ quá trình sơn

STT	Chất ô nhiễm	Nguồn phát thải	Lượng nguyên liệu (tấn/năm)	Hệ số phát thải trung bình (%)	Tải lượng	
					(kg/năm)	(kg/giờ)
1	Bụi sơn	Sơn epoxy, alkyd, pilot II	60	30% lượng chất rắn trong sơn (lượng chất rắn chiếm trung bình 60% lượng sơn)	10.800	1,29
2	Xylene	Sơn epoxy (xylen 2,5-10%)	60	3	1.800	0,21
		Sơn pilot (xylene ≤3%)				
		Thinner (xylene 25 - 50%)	6,8	37,5	2.550	0,3
3	1,2,4-Trimethyl benzene	Thinner (1,2,4-Trimethylbenzene 10 - 25%)	6,8	17,5	1.190	0,14
4	Ketone	Thinner (Ketone: 2.5 - 10%)	6,8	6,25	425	0,05
	Cộng				**16.765**	

Đối với lượng bụi sơn phát sinh trong không gian nhà xưởng cao 12m của dự án, bụi sơn sẽ tồn tại dưới hai dạng:

- Bụi nặng (hạt lớn): chiếm khoảng 70-80% lượng bụi phát sinh, tương đương 0,9 kg/ngày. Các hạt này sẽ rơi nhanh xuống sàn trong phạm vi 3-5m quanh vị trí phun. Lượng chất thải rắn sẽ được thu gom được khi quét dọn nền xưởng.

- Bụi mịn (aerosol): chiếm khoảng 20-30% lượng bụi phát sinh, tương đương khoảng 0,39 kg/ngày. Các hạt này có kích thước siêu nhỏ, lơ lửng trong không khí và di chuyển theo luồng gió đi khắp nhà xưởng và phát sinh ô nhiễm.

Nếu không có biện pháp thu gom và xử lý, 100% bụi sơn aerosol và hơi dung môi phát sinh đều phát tán vào môi trường thì ta có thể ước tính nồng độ bụi sơn và hơi dung môi từ quá trình sơn ướt dựa vào khối lượng bụi sơn phát sinh mỗi ngày và thể tích vùng bị ảnh hưởng theo công thức sau:

$$C = m/V$$

Trong đó:

C: là nồng độ khí thải phát sinh tối đa

m: tải lượng khí thải tối đa

V: thể tích khu vực bị ảnh hưởng (diện tích khu vực sơn và phun bi là 917,4 m², chiều cao ảnh hưởng đến công nhân là tầm 3 m), với số lần trao đổi khí trong nhà xưởng 6 lần/giờ. Thể tích không khí lưu thông là 917,4 x 3 x 6 = 16.513,2 m³/giờ)

Bảng IV-6 Nồng độ ô nhiễm khí thải từ quá trình sơn

STT	Chất ô nhiễm	Tải lượng	Nồng độ	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT	Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT
		Kg/giờ	mg/m³	mg/m³	mg/m³	mg/m³
1	Bụi sơn aerosol	1,29	78,1	8	-	-
2	Xylene	0,51	30,8	-	100	100
3	1,2,4-Trimethyl benzene	0,14	8,48	-	-	-
4	Ketone (2-Butanone hay Methyl Ethyl Ketone)	0,05	3,0	-	-	150

Ghi chú:

QCVN 02:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

QCVN 03:2019/BYT - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT Phần 2, mục II - Tiêu chuẩn tiếp xúc các chất hóa học trong không khí

Như vậy, nếu căn cứ vào bảng kết quả tính toán ở trên cho thấy thì nồng độ bụi sơn cao hơn giớn hạn cho phép trong môi trường lao động. Các dung môi hữu cơ khác như xylen, ketone đều thấp hơn giới hạn tiếp nhận của môi trường. Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh đều có thể gây đau đầu, choáng váng và buồn nôn… khi hít phải. Vì vậy, chủ đầu tư sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu, cụ thể như sau:

- Thiết lập khu vực sơn giới hạn: sử dụng các dải rèm nhựa PVC ngăn cách khu vực sơn với các khu vực sản xuất khác trong nhà sưởng nhằm giúp ngăn bụi sơn bám vào máy móc thiết bị và hạn chế khả năng phát tán của bụi sơn và dung môi.
- Sử dụng hệ thống thông gió xuyên phòng và lắp đặt dàn quạt hút hướng trục tầm thấp dọc theo tường phía sau khu vực sơn, vị trí cách sàn từ 0.5m đến 1.5m để thông gió khu vực nhà xưởng, tránh tích tụ dung môi. Hơi dung môi (Xylene, ketone, 1,2,4-Trimethyl benzene…) nặng hơn không khí nên sẽ chìm xuống dưới và dễ thoát ra ngoài. Lưu lượng quạt phải đảm bảo trao đổi không khí ít nhất 20 lần/giờ cho khu vực sơn.
- Điều chỉnh các súng phun sơn, tạo vận tốc phù hợp để sơn được phun ra và bám phần lớn trên sản phẩm, hạn chế bụi sơn thừa phát tán ra môi trường không khí đồng thời tiết kiệm tối đa lượng sơn sử dụng.
- Không để một công nhân đứng tại vị trí phun sơn liên tục quá 1 ca làm việc để giảm thời gian tiếp xúc tích lũy với hóa chất.
- Hướng dẫn thao tác đối với các công nhân trực tiếp làm việc tại bộ phận sơn của nhà máy đảm bảo đúng kỹ thuật.
- Trang bị khẩu trang bảo hộ cho các công nhân khi thao tác tại công đoạn này, dùng mặt nạ nguyên mặt có phin lọc hữu cơ và thay phin lọc định kỳ 1-2 tuần/lần

c) Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hàn cấu kiện

Trong công đoạn hàn kết cấu thép và nhôm, khí thải phát sinh chủ yếu từ sự bay hơi và oxy hóa các thành phần trong dây hàn, thuốc hàn và một phần nhỏ bề mặt kim loại cơ bản dưới tác động của hồ quang nhiệt độ cao. Đối với dây hàn lõi thuốc (KF-71T), hệ số phát thải khói thường dao động từ 10 - 15 g khói/kg dây hàn.

Quá trình oxy hóa không khí quanh hồ quang và sáp hàn phát sinh các khí như CO, NOx, VOCs từ hơi sáp hàn. Ngoài ra dây hàn còn có chứa các kim loại đặc thù, oxit kim loại trong khói như

- Mangan (Mn): Chiếm 1-3% dây hàn.
- Titanium Dioxide (TiO2): chiếm 4-10% dây hàn, phát sinh dưới dạng bụi trắng mịn.
- Hơi nhôm: quá trình hàn nhôm hoặc hàn thép gần khu vực có nhôm sẽ phát sinh oxit nhôm (Al2O3), gây kích ứng đường hô hấp.

Tổng lượng dây hàn sử dụng chỉ chiếm 10,5 tấn/năm (chỉ khoảng 0,09% so với khối lượng sản phẩm). Với hệ số phát thải khói hàn trung bình là 10 - 15 g khói/kg dây hàn, tổng lượng bụi mịn phát sinh trên toàn nhà máy chỉ khoảng 15,6 gram/giờ. Trong một không gian nhà xưởng rộng lớn 2.203 m^2; thể tích không khí lưu thông lên đến 39.654 m^3/giờ, tải lượng này là rất nhỏ và dễ dàng bị pha loãng tự nhiên, ít có khả năng gây ra sự tích tụ ô nhiễm cục bộ trong nhà xưởng.

Khói hàn bản chất là các oxit kim loại, có tỷ trọng nặng hơn không khí. Phần lớn các hạt bụi hàn sau khi phát sinh sẽ có xu hướng nguội nhanh và lắng đọng trực tiếp xuống sàn xưởng trong phạm vi gần vị trí hàn (dưới dạng bụi rắn) thay vì lơ lửng lâu trong khí quyển. Do đó, tác động của chúng chủ yếu mang tính chất cơ học tại bề mặt sàn nhà xưởng, có thể thu gom triệt để thông qua công tác vệ sinh công nghiệp định kỳ mà không cần các hệ thống xử lý hóa học phức tạp.

Có thể thấy khí thải từ công đoạn hàn tại dự án mang tính chất cục bộ, tải lượng nhỏ và không liên tục. Với các đặc thù về không gian xưởng rộng thoáng và việc áp

dụng các biện pháp kỹ thuật thông thường (thông gió, máy hút di động), tác động này được đánh giá là không đáng kể, đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn về môi trường lao động và không gây ảnh hưởng đến khu vực dân cư xung quanh. Một số giải pháp đề xuất như sau

- Thông gió tự nhiên: với thiết kế nhà xưởng cao 12m, thông thoáng, dòng khí đối lưu tự nhiên sẽ liên tục làm mới không khí, đảm bảo nồng độ khí như CO hay NOx luôn duy trì dưới ngưỡng cho phép.
- Sử dụng các quạt hút cục bộ để giảm thiểu nguy cơ tích tụ khói hạn tại chỗ trong nhà xưởng.
- Thiết lập đúng cường độ dòng điện và điện áp phù hợp với độ dày vật liệu. Khi dòng điện quá cao so với mức cần thiết, dây hàn sẽ bị cháy mãnh liệt hơn, phát sinh nhiều khói hơn.
- Bụi hàn (oxit kim loại) sau khi lắng xuống sàn nếu quét bằng chổi sẽ được vệ sinh bằng máy hút bụi công nghiệp hoặc lau ướt khu vực hàn cuối mỗi ca.

d) Giảm thiểu hợp chất bay hơi từ quá trình gia công, khu vực CNC

Trong quá trình gia công các vật liệu kim loại, dự án có sử dụng dầu máy, dầu gia công CNC nhằm hấp thu bụi kim loại, vụn kim loại, giảm sự mài mòn của các thiết bị.

Với đặc tính của các hợp chất này là có độ bay hơi cao nên rất dễ bay hơi và phát tán vào môi trường không khí, gây ảnh hưởng đến cứ khoẻ của công nhân như dị ứng da, viêm da, choáng, nhức đầu,… nếu tiếp xúc lâu dài trong môi trường có nồng độ THC cao.

Trên thực tế, dầu máy CNC đã được pha loãng với nước nên nồng độ đã được pha loãng khi phát tán vào môi trường. Theo kinh nghiệm sản xuất của công ty tại Nhà máy sản xuất hiện hữu trong KCN Giang Điền thì khối lượng hợp chất bay hơi (THC) phát sinh tại các khu vực này chiếm khoảng 5% tổng lượng nguyên liệu dầu đầu vào. Căn cứ vào khối lượng nguyên liệu dầu máy CNC theo đánh giá tại Chương 1 có thể ước tính khối lượng các hợp chất bay hơi (THC) như bảng sau:

Bảng IV-7 Khối lượng dầu khoáng sử dụng tại dự án

STT	Khu vực sản xuất	Loại dầu	Lượng sử dụng	
			(kg/năm)	(kg/ngày)
1	Khu vực gia công, khu vực CNC	Dầu cắt gọt nhũ tương	227,1	0,73
		Dầu máy CNC	140,6	0,45
		Dầu trục chính xác	200	0,64
		Tổng	567,7	1,82

Giả sử, các hợp chất hữu cơ phát sinh không được thu gom và xử lý mà cho phát tán trong nhà xưởng. Dựa vào khối lượng các hợp chất bay hơi phát sinh mỗi ngày và thể tích vùng bị ảnh hưởng, nồng độ hơi hợp chất bay hơi phát sinh tối đa tại khu vực gia công, khu vực CNC trước khi xử lý được ước tính dựa trên công thức sau:

$$C = m / V$$

Trong đó:

C: là nồng độ hơi dầu khoáng phát sinh tối đa

M: là tải lượng hơi dầu khoáng phát sinh tối đa

V: là thể tích khu vực bị ảnh hưởng (diện tích khu vực gia công là 2.203,2 m²; ước tính chiều cao vùng bị ảnh hưởng đến con người và môi trường không khí trong nhà xưởng là 3 m, với số lần trao đổi khí trong nhà xưởng 6 lần/giờ. Thể tích không khí lưu thông là 2.203,2 x 3 x 6 = 39.654 m³/giờ)

Bảng IV-8 Nồng độ hợp chất hữu cơ phát sinh tại khu vực gia công và khu vực CNC

STT	Chất ô nhiễm	Tải lượng	Nồng độ	Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT
		Kg/giờ	mg/m³	mg/m³
1	Hơi dầu khoáng	16.800	4,51	10

Như bảng trên, nồng độ các hợp chất hữu cơ phát sinh tối đa trong trường hợp không có biện pháp xử lý tại khu vực gia công và khu vực CNC thấp hơn so với TCVSLĐ 3733/2002/QĐ-BYT. Tuy nhiên, để đảm bảo điều kiện môi trường làm việc, Chủ dự án tiến hành các biện pháp kiểm soát cụ thể như sau:

- Dầu gia công được pha loãng cùng với nước trước khi bơm vào máy gia công nhằm tiết kiệm lượng dầu sử dụng đồng thời pha loãng nồng độ của các hợp chất này.
- Tại các máy móc thiết bị gia công cơ khí sử dụng công nghệ CNC, hệ thống máy kín nên vấn đề hơi dầu phát sinh và tác động gây ảnh hưởng đến môi trường làm việc của công nhân được hạn chế đáng kể.
- Các thiết bị máy móc CNC điều có thiết bị lọc hơi dầu đi kèm (oil mist) nhằm thu hồi, tách dầu ra khỏi dòng khí phát sinh từ các máy CNC.

e) Giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình bắn bi tự động:

Trong quy trình sản xuất cấu kiện kim loại của dự án, sau các công đoạn cắt, khoan, mài, đục lỗ, tạo hình, lắp ráp và hàn, bề mặt sản phẩm thường còn bám xỉ hàn, ba via, lớp oxi hóa và tạp chất kim loại. Do đó, dự án bố trí công đoạn phun bi nhằm làm sạch, làm nhẵn và tạo độ nhám đồng đều cho bề mặt cấu kiện kim loại, tạo điều kiện thuận lợi cho công đoạn sơn phủ bảo vệ tiếp theo.

Bụi phát sinh từ công đoạn bắn bi chủ yếu là bụi kim loại, có nguồn gốc từ:

- Sự mài mòn bề mặt cấu kiện kim loại (thép, nhôm);
- Sự mài mòn rất nhỏ của hạt bi sắt/inox kích thước khoảng 0,6 mm trong quá trình va đập.

Phần lớn bụi bắn bi có kích thước lớn, dễ lắng đọng trong quá trình thu bụi, một lượng nhỏ bụi có kích thước nhỏ, dễ phát tán, do đó được thu gom và xử lý ngay tại nguồn.

Công đoạn phun bi tại dự án được thực hiện trên máy phun bi thùng đảo tự động model GSS-1016V-10BD-F do Công ty TNHH Growell Việt Nam thiết kế và sản xuất. Đây là thiết bị kín hoàn toàn, được tích hợp hệ thống thu hồi bi, hệ thống phân ly bi – bụi và hệ thống xử lý bụi ngay trong máy, hạn chế tối đa việc phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

Toàn bộ quá trình từ nạp sản phẩm, phun bi, thu hồi bi, tách bụi đến dỡ thành phẩm đều được tự động hóa và điều khiển bằng hệ thống PLC – HMI, giảm thiểu sự can thiệp thủ công của người lao động.

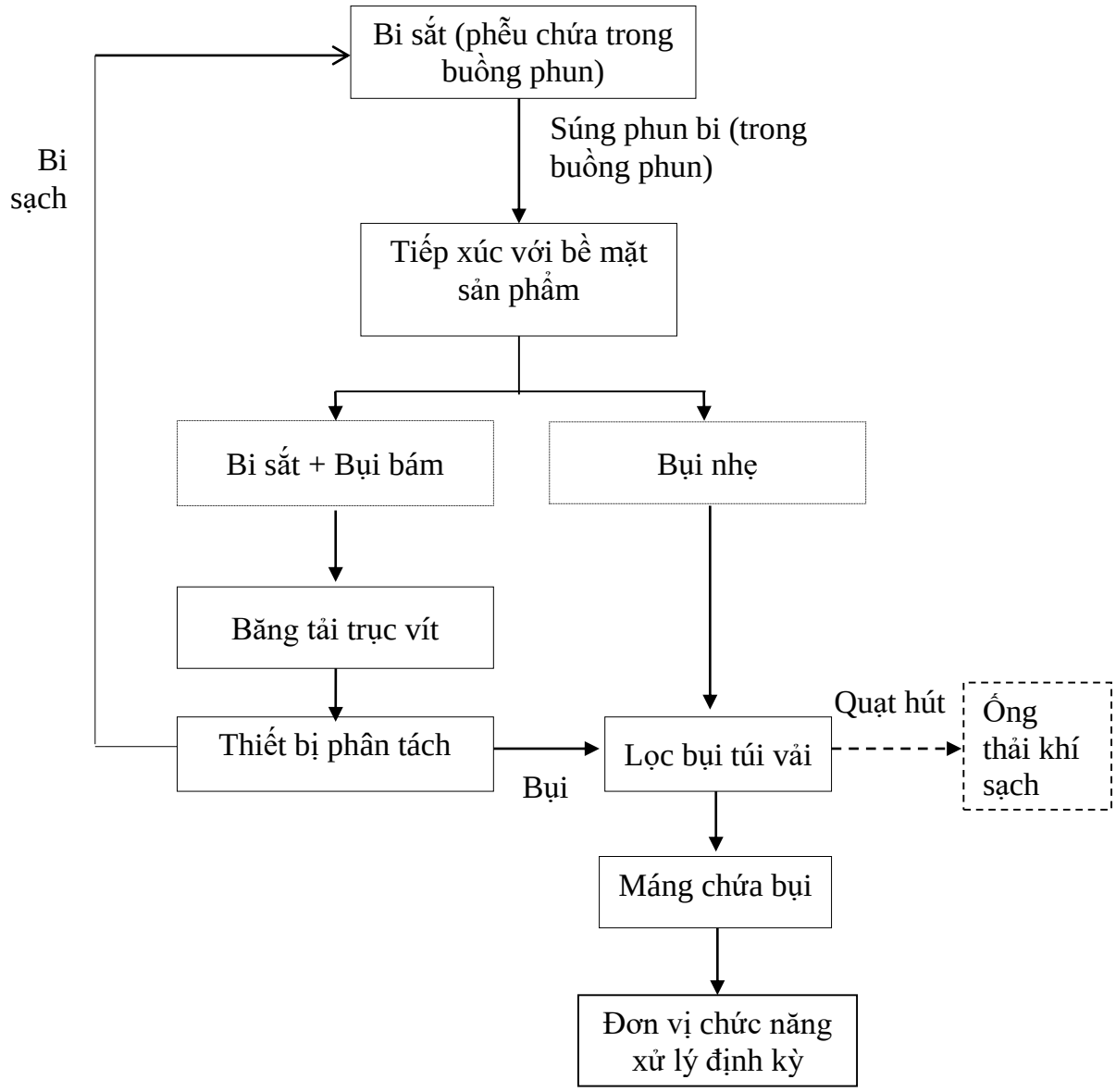

Hình IV-4 Quy trình thu hồi bi, phân ly, xử lý bụi của máy phun bi tự động

Thuyết minh quy trình: hạt bi sắt/inox được cấp liên tục và tuần hoàn đến các đầu phun nhờ hệ thống băng tải và vít tải. Sau khi phun vào bề mặt cấu kiện kim loại, hỗn hợp bi và bụi rơi xuống hệ thống thu hồi, được đưa qua gầu tải và bộ phân ly. Tại bộ phân ly, bi được làm sạch, tách bụi và quay trở lại phễu chứa để tiếp tục cấp cho các đầu phun, đảm bảo quá trình phun bi diễn ra liên tục. Phần bụi tách ra và bụi nhẹ trong buồng phun được quạt hút đưa về hệ thống lọc bụi cartridge (jet pulse) để xử lý. Hệ thống lọc bụi sử dụng cơ chế giũ bụi bằng xung khí nén, hiệu suất thu gom bụi đạt khoảng 99%. Không khí sau xử lý đạt yêu cầu được quạt hút dẫn thoát ra môi trường qua ống khói cao 6 m.

Bảng IV-9 Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom và xử lý bụi phun bi

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
1	Loại hệ thống	Hệ thống lọc bụi cartridge kiểu Jet Pulse
2	Model hệ thống	DC-901150-12-1 (tích hợp cho máy phun bi)
3	Lưu lượng khí xử lý	Khoảng 6.000 m^3/h

4	Công suất quạt hút	25 HP (~18,5 kW)
5	Tốc độ quay quạt	2.900 vòng/phút
6	Bộ lọc bụi	18 lõi lọc cartridge PE #01
7	Kích thước lõi lọc	320 × 660 mm
8	Phương thức giũ bụi	Giũ bụi bằng xung khí nén (Jet Pulse)
9	Áp suất khí nén giũ bụi	5,0 kg/cm²
10	Hiệu suất thu gom bụi	Khoảng 99%
11	Chiều cao ống khói	6 m

(Nguồn: Công ty TNHH AM Industries Việt Nam, 2025)

f) Biện pháp giảm thiểu bụi từ quá trình sản xuất khác:

Để giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất, chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Trong khâu bốc dỡ, vận chuyển nguyên liệu, bụi phát sinh từ công đoạn này rất khó kiểm soát. Để bảo vệ sức khỏa cho công nhân, cần trang bị áo quần bảo hộ và khẩu trang đúng quy cách lao động.
- Quá trình hàn các chất độ hại có thể sinh ra do sự nóng chảy kim loại, do sự cháy của các chất trợ dung, do tác dụng của khí bảo vệ với không khí xung quanh…các khí và bụi sinh ra trong quá trình hàn có các ảnh hưởng khá nhau đến cơ thể con người khi nó xâm nhập vào cơ thể.
- Quá trình gia công kim loại (cắt CNC chi tiết, cắt, chấn chi tiết kim loại) được thực hiện trong máy kép kín, có sử dụng dầu cắt gọt, bụi có kích thước lớn dễ sa lắng nên hạn chế tối đa việc phát sinh bụi trong quá trình gia công; các chi tiết lớn được cắt bằng máy cắt CNC Plasma.
- Dùng bơm hút để hút hết lượng dầu thải bỏ có lẫn bụi kim loại chứa vào thùng phuy có nắp sau đó đưa về khu lưu trữ chất thải nguy hại của dự án
- Vụn kim loại nằm trên lưới lọc của máy có dính dầu sẽ được thu gom vào bao chứa trước khi đưa về khu lưu giữ chất thải.
- Sắp xếp nhà xưởng thông thoáng, trang bị quạt hút, quạt gió trong toàn nhà xưởng nhằm thông thoáng khu vực sản xuất nhất là khu vực gia công cơ khí, nhằm pha loãng hơi dầu từ quá trình gia công
- Kho bãi, xưởng sản xuất đã được làm nền bê tông và thường xuyên được vệ sinh nhằm tránh phát sinh bụi trong quá trình hoạt động sản xuất, tránh phát tán bụi ra ngoài môi trường.
- Cơ giới hóa sản xuất, tránh lao động gắng sức phải hít thở nhiều bụi và khí thải xâm nhập vào phổi;
- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nhằm giảm thiểu phát sinh bụi, khí thải trong quá trình hoạt động;
- Các khu vực phát sinh nhiều bụi được tách riêng biệt với khu vực văn phòng;
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất tại khâu phát sinh nhiều bụi như khẩu trang, găng tay, áo bảo hộ và kính;

- Phun nước đường bộ, sân bãi (nơi xe cộ hay hoạt động) trong thời gian mùa khô kéo dài
- Ngoài ra Công ty còn thường xuyên làm vệ sinh nhà xưởng, sắp xếp gọn gàng các sản phẩm, hạn chế tối đa tải lượng bụi và không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

g) Biện pháp cải thiệt chất lượng không khí trong môi trường lao động

Để đảm bảo công nhân làm việc trong môi trường lao động có điều kiện tốt nhất, công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau đây:

- Bố trí nhà xưởng thông thoáng, trang bị quạt hút, quạt thông gió trong nhà xưởng, vệ sinh sản phẩm nhằm tạo môi trường làm việc thong thoáng cho công nhân khu vực hàn và điều hòa nhiệt độ trong toán xưởng.
- Sử dụng máy hàn Mig tự động, tiên tiến, sử dụng dây đồng để hàn nhằm hạn chế được tối đa khí thải phát sinh, khu vực hàn được thông thoáng tránh tích tụ hơi khí hàn;
- Những thiết bị phát sinh nhiều nhiệt thừa được bố trí ở khu vực riêng biệt;
- Công nhân làm việc trong nhà xưởng phải luôn được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất tại các khâu phát sinh nhiều bụi, hơi dung môi như khẩu trang, găng tay, áp bảo hộ và kính;
- Cơ giới hóa sản xuất, tránh lao động gắng sức phải hít thở nhiều bụi và khí thải xâm nhập vào phổi;
- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nhằm giảm thiểu phát sinh bụi, khí thải trong quá trình hoạt động
- Đầu tư công nghệ sản xuất hiện đại với các dây chuyền sản xuất, thiết bị logic, khép kín nhằm hạn chế bụi, khí thải phát sinh từ các công đoạn sản xuất.
- Thực hiện phun nước hằng ngày nhất là những ngày nắng nóng nhằm tránh việc bụi phát tán vào không khí cũng như trắng ảnh hưởng đến khu vực xung quanh;
- Cử nhân viên thường xuyên làm vệ sinh, quét dọn khuôn viên nhà máy để hạn chế phát sinh bụi đặc biệt vào những ngày khô, nóng;
- Xung quanh khuôn viên có bố trí cây xanh tạo môi trường thoáng mát cho công nhân làm việc

h) **Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông vận tải**

- Bụi và khí thải phát sinh tại Dự án trong giai đoạn hoạt động còn đến từ các phương tiện giao thông vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu và sản phẩm ra vào khuôn viên nhà máy. Mức độ phát thải phụ thuộc vào loại nhiên liệu sử dụng, tình trạng kỹ thuật của phương tiện và tần suất hoạt động.
- Nhằm hạn chế tối đa tác động của bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nội bộ, trong giai đoạn hoạt động hiện hữu cũng như sau khi mở rộng, nâng công suất, Chủ dự án tiếp tục duy trì và áp dụng đồng bộ các biện pháp sau:
- Thực hiện vệ sinh, quét dọn khuôn viên và các tuyến đường nội bộ trong nhà máy hằng ngày nhằm hạn chế bụi phát tán thứ cấp.
- Bê tông hóa toàn bộ đường giao thông nội bộ, kết hợp trồng cây xanh và thảm cỏ để giảm phát tán bụi vào không khí.
- Điều tiết hợp lý thời gian và tần suất xe vận chuyển ra vào Dự án, tránh tập trung phương tiện trong cùng khung giờ gây gia tăng cục bộ nồng độ bụi và khí thải.

- Quy định và kiểm soát tốc độ xe trong khuôn viên nhà máy nhằm hạn chế phát sinh bụi do ma sát bánh xe với mặt đường.
- Các phương tiện vận chuyển phục vụ cho hoạt động của Dự án phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam.
- Không sử dụng phương tiện quá niên hạn; tăng cường công tác bảo dưỡng, bảo trì định kỳ để đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và các thông số khí thải nằm trong giới hạn cho phép.
- Các phương tiện vận chuyển sử dụng đúng loại nhiên liệu theo thiết kế của động cơ, ưu tiên nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp nhằm giảm phát sinh khí SO_2 và các khí ô nhiễm khác.
- Không chở quá tải trọng cho phép trong quá trình vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu và sản phẩm.
- Lựa chọn thời điểm vận chuyển phù hợp để tránh ùn tắc giao thông trong và ngoài khu vực nhà máy, hạn chế nguy cơ gây ô nhiễm không khí cục bộ.
- Duy trì và tăng cường hệ thống cây xanh trong khuôn viên Dự án. Cây xanh có tác dụng hấp thụ và giữ bụi, lọc không khí, giảm bức xạ nhiệt, cải thiện vi khí hậu và góp phần giảm tiếng ồn. Theo các nghiên cứu, cây xanh có thể làm giảm nồng độ các chất ô nhiễm không khí từ 10–35%, đồng thời giúp giảm nhiệt độ không khí khu vực từ 2–3°C so với khu vực trống trải.
- Với các biện pháp nêu trên, tác động của bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông vận tải tại Dự án được đánh giá là không đáng kể và nằm trong khả năng kiểm soát, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh và sức khỏe người lao động.

i) **Biện pháp giảm thiểu mùi hôi tại khu vực giữ chất thải**

Các biện pháp quản lý tổng hợp nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí xung quanh và các tác động đến sức khỏe của công nhân vận hành như sau:

- Bố trí vị trí hệ thống xử lý nước thải xa với khu vực sản xuất, là nơi mà ít người đi lại để tránh ảnh hưởng đến công nhân sản xuất.
- Tổ chức vệ sinh khu vực trạm xử lý nước thải sau mỗi ngày làm việc;
- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động theo quy định cho công nhân (gang tay, khẩu trang, giày cao su,…), thường xuyên giám sát việc sử dụng bảo hộ lao động trong quá trình vận hành hệ thống;
- Định kỳ vận chuyển bùn thải, khai thông cống rãnh, vệ sinh quét dọn trong khu vực trạm xử lý. Các biện pháp này sẽ góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường nói chung và giảm thiểu mùi hôi nói riêng;
- Khối lượng rác thải sinh hoạt cần được thu gom mỗi ngày. Bố trí nhân viên dọn vệ sinh hàng ngày.

1.2.4. *Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn*

a) **Thành phần và khối lượng phát sinh:**

- Chất thải sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Nhà máy. Thành phần chất thải chủ yếu bao gồm: túi ni lông, bao giấy, hộp xốp đựng thức ăn, thức ăn thừa, trái cây, giấy vụn và các loại rác sinh hoạt thông thường khác.

Chủ đầu tư tổ chức hướng dẫn và yêu cầu cán bộ, công nhân viên thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn ngay từ khi phát sinh, bảo đảm tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Theo đó, chất thải rắn sinh hoạt được phân thành 03 nhóm chính:

+ Nhóm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: giấy, nhựa, kim loại, thủy tinh;
+ Nhóm chất thải thực phẩm: thức ăn thừa, rau củ quả, lá cây;
+ Nhóm chất thải sinh hoạt khác: bao gồm các loại rác còn lại, chất thải cồng kềnh và các thành phần không thuộc hai nhóm trên.

Thành phần chất thải rắn sinh hoạt tại dự án chủ yếu là chất hữu cơ, chiếm khoảng 70–85% (thực phẩm thừa, rau quả phế thải…), trong khi thành phần có khả năng tái chế chiếm khoảng 15–30% (giấy, nhựa, thủy tinh…). Do có hàm lượng hữu cơ cao, loại chất thải này dễ phân hủy trong điều kiện khí hậu nóng ẩm, phát sinh mùi hôi (H_2S, mercaptan…), nước rò rỉ, đồng thời thu hút ruồi nhặng, chuột và côn trùng gây bệnh, có thể ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe người lao động nếu không được thu gom, quản lý kịp thời.

Theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, hệ số phát sinh chất thải rắn sinh hoạt được xác định là 0,9 kg/người/ngày. Số lượng lao động tối đa dự án (bao gồm cả đơn vị thuê xưởng) là 150 người, làm căn cứ để tính toán khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh chủ yếu từ các hoạt động sản xuất tại các xưởng của Nhà máy. Các loại chất thải này được phân loại tại nguồn, thu gom và tập kết về khu vực lưu chứa tập trung theo quy định.

Thành phần chất thải rắn công nghiệp thông thường bao gồm: nguyên vật liệu thừa, phế phẩm không sử dụng trong quá trình sản xuất (đầu kho, đầu mẫu, phôi kim loại dư), gỗ, bao bì, thùng carton không dính hóa chất và các loại phế liệu thông thường khác. Các loại chất thải có giá trị tái chế được Công ty thu gom riêng và chuyển giao cho đơn vị thu mua phế liệu có chức năng theo quy định.

Khu vực lưu chứa chất thải được xây dựng kiên cố, có mái che, vách bao và nền bê tông, bảo đảm không để nước mưa xâm nhập, không phát sinh rò rỉ chất thải ra môi trường xung quanh.

- Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại tại nhà máy phát sinh từ các nguồn sau:

+ Hoạt động sản xuất nấu đúc nhôm, gia công CNC: kim loại nhiễm dầu, xỉ có các thành phần nguy hại, …
+ Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị: dầu nhớt thải, hộp đựng dầu nhớt, giẻ lau dính dầu,…
+ Hoạt động in ấn từ văn phòng, đóng gói sản phẩm: hộp mực in thải.
+ Các hoạt động khác có thể phát sinh pin, ắc quy chì thải, bóng đèn huỳnh quang thải.

Đây là những chất thải nguy hại cần được thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý riêng. Vì các thành phần của chất thải rắn nguy hại khi thải vào môi trường mà không

qua xử lý thích hợp sẽ gây ra nhiều tác hại cho môi trường sống. Các thành phần nguy hại như thùng đựng xăng dầu, dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ… khi thải vào môi trường sẽ gây ô nhiễm nguồn nước, đất, gây tác hại cho sức khỏe con người và ảnh hưởng tới các hệ sinh thái. Do đó, nhà máy phải có các biện pháp quản lý và xử lý thích hợp đối với từng loại chất thải rắn này để không làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường tại khu vực.

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án chủ yếu là các bao bì đựng dầu nhớt thải, thùng chứa dầu nhớt thải/mực in, dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang thải và các chất thải phát sinh từ văn phòng như: hộp mực in thải, pin/ắc quy chì thải,...

Bảng IV-10 Bảng thống kê chủng loại và khối lượng các loại chất thải phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/ lỏng/ bùn)	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng chất thải (kg/năm)
I	**Chất thải nguy hại**				**326.586,5**
1	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 03	NH	35
2	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	07 03 05	NH	3.222
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	30
4	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	KS	35
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	1.312
6	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	NH	2
7	Phế liệu kim loại lẫn dầu	Rắn	07 03 11	KS	315.750
8	Các loại dầu thải khác	Lỏng	17 07 03	NH	262,5
9	Xỉ hàn, sáp, que hàn thải có chứa kim loại nặng	Rắn	07 04 02	KS	3.150
10	Sơn thải, dung môi thải các loại	Lỏng	19 10 01	KS	6.000
11	Que hàn thải	Rắn	07 04 01	KS	10
II	**Chất thải rắn công nghiệp thông thường**				**11.408**
1	Nhôm, thép thải không chứa thành phần nguy hại	Rắn	11 04 03	TT-R	820.750
~~2~~	Bụi kim loại từ quá trình cắt, mài, hàn, bắn bi	Rắn	05 02 13	TT-R	1.170
3	Thùng carton, giấy bao bì thải	Rắn	18 01 05	TT-R	653
4	Pallet gỗ	Rắn	12 08 08	TT-R	175
5	Hộp mực in thải từ văn phòng	Rắn	08 02 08	TT	20
6	Vôi thải	Rắn	Xxx	Xxx	3.150
7	Matic thải	Rắn	Xxx	Xxx	4.200

8	Vụn, rỉ sét và vảy thép	Rắn	Xxx	Xxx	111.110
9	Bi thép thải, vật liệu mài thải	Rắn	07 03 08	KS	10.500
10	Bùn bể tự hoại	Bùn	12 06 13	TT	560
III	**Chất thải sinh hoạt**				**47.250**
1	Nhóm thực phẩm	Rắn	-	-	37.850
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	Rắn	-	-	9.450

Ghi chú:

- TT-R: Nhóm chất thải được thu hồi, phân loại, lựa chọn để tái sử dụng sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- TT: Chất thải rắn công nghiệp thông thường trong mọi trường hợp

b) **Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải**

Nhằm tuân thủ theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, biện pháp thu gom và quản lý chất thải rắn tại dự án đề xuất cụ thể như sau:

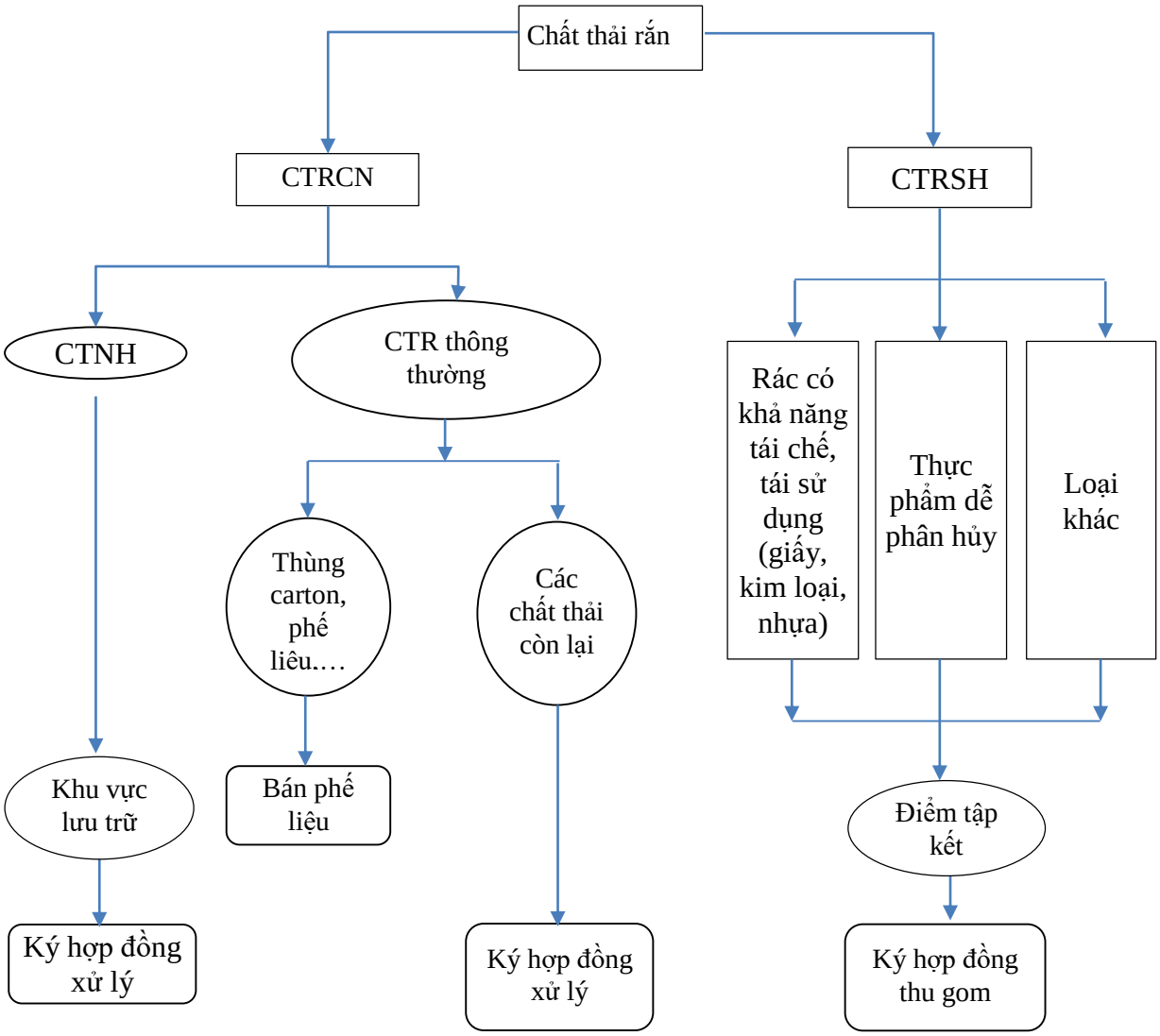

Hình IV-5 Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn tại công ty

Tại các khu vực phát sinh chất thải rắn, Công ty thực hiện thu gom hằng ngày, không để chất thải tồn lưu, tràn lan hoặc bị phân hủy trong môi trường. Các tuyến cống rãnh nội bộ được nạo vét, vệ sinh định kỳ nhằm tránh tích tụ chất thải.

Công ty phân công nhân sự phụ trách thu gom chất thải tại từng khu vực phát sinh và tại các kho lưu chứa. Đồng thời, bố trí 01 cán bộ kiêm nhiệm chịu trách nhiệm theo dõi, phân loại và quản lý chất thải trong toàn bộ hoạt động của Công ty.

Trong quá trình chuyển giao chất thải nguy hại, Công ty tuân thủ đầy đủ quy định về giao nhận, lưu trữ chứng từ quản lý chất thải nguy hại theo quy định hiện hành. Để tránh tình trạng quá tải tại khu lưu chứa, chất thải được chuyển giao định kỳ cho đơn vị có chức năng xử lý khi lượng lưu chứa đạt ngưỡng cho phép.

Để đáp ứng nhu cầu lưu giữ và xử lý chất thải cho dự án, Công ty dự kiến xây dựng bổ sung các công trình lưu chứa chất thải, cụ thể như sau:

- Chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án được phân loại tại nguồn thành 03 nhóm: (i) Rác có khả năng tái chế, tái sử dụng (giấy, kim loại, nhựa…); (ii) Chất thải thực phẩm dễ phân hủy; (iii) Các loại rác sinh hoạt khác.

- Công ty bố trí thùng rác chuyên dụng có nắp đậy kín tại các khu vực sản xuất, văn phòng và dọc các tuyến giao thông nội bộ. Các thùng rác được lót túi nylon, thuận tiện cho việc thu gom và vệ sinh.
- Thiết bị lưu chứa: Thùng rác 240 lít có nắp đậy, bố trí tại khu vực tập kết rác sinh hoạt.
- Tần suất thu gom: 01 lần/ngày.
- Cách thức xử lý: Rác sinh hoạt không có khả năng tái chế (thực phẩm dư thừa, giấy ăn, giấy vệ sinh…) được bàn giao cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi thu gom, vận chuyển và xử lý theo hợp đồng đã ký kết (tương tự như cơ sở hiện hữu). Các thành phần có giá trị tái chế (chai nhựa, lon kim loại…) được phân loại, thu gom riêng và bán cho đơn vị thu mua phế liệu có chức năng.

  Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại các xưởng sản xuất được phân loại, thu gom và lưu giữ tập trung.
- Kho lưu chứa: Dự kiến xây dựng nhà chứa chất thải diện tích 23,2 m², trong đó:
- Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 10 m²;
- Kho lưu chứa chất thải nguy hại: 13,2 m² (bố trí riêng biệt).
- Kho được xây dựng kiên cố, có mái che, vách bao, nền bê tông chống thấm, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường.
- Cách thức xử lý: Chất thải rắn công nghiệp thông thường được ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

  Chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại được phân loại theo từng loại, từng mã CTNH và thu gom về kho lưu chứa CTNH của Công ty.
- Kho lưu chứa CTNH: Diện tích: 13,2 m²;
- Kho được xây dựng kiên cố, có tường bao, mái che, nền chống thấm; Có rãnh thu gom chất lỏng phòng trường hợp CTNH dạng lỏng bị rò rỉ; Trang bị đầy đủ thiết bị PCCC, vật liệu thấm hút (cát khô, mùn cưa), xẻng, biển cảnh báo theo TCVN 6707:2009.
- Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy dung tích 30–60 lít, có nắp đậy kín; Bao bì, thùng chứa được ghi nhãn, mã CTNH theo quy định.
- Cách thức xử lý: CTNH phát sinh dự kiến sẽ được bàn giao cho Công ty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên vận chuyển và xử lý (tương tự như cơ sở hiện hữu).

1.2.5. *Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung*

Các máy móc sản xuất tại công ty không phát sinh độ rung, chủ yếu phát sinh tiếng ồn. Để hạn chế ảnh hưởng tiếng ồn, Công ty sẽ áp dụng những biện pháp sau để khống chế:

- Tách riêng khu vực văn phòng và khu vực sản xuất.
- Phân lập các khu vực gây ồn cao bằng các phương pháp cách ly, cách âm, không vận hành quá tải máy móc và thiết bị, luôn bảo dưỡng và thay thế định kỳ, đảm bảo tốt các điều kiện kỹ thuật làm việc của máy móc thiết bị;
- Có chế độ làm việc hợp lý đối với lao động làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn;
- Trang bị các dây chuyền công nghệ, thiết bị hiện đại nhằm giảm tối đa khả năng phát sinh tiếng ồn.
- Bố trí các công đoạn đặc thù tại các phân xưởng khác nhau nhằm hạn chế khả năng cộng hưởng của tiếng ồn.

- Phân phối luồng xe vào ra nhà máy theo hướng giảm phát sinh tiếng ồn đồng thời.
- Định kỳ thay thế những vật liệu bao chắn và sử dụng các loại đệm có tính đàn hồi, không có khả năng truyền âm như vật liệu nhựa, cao su, gỗ,…nhằm loại trừ khả năng khuếch đại âm của vật liệu. Đồng thời thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị máy móc tại công ty.
- Thay mới những linh kiện máy móc bị mòn, có khả năng gây ra các rung động và tiếng ồn.
- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cho công nhân.
- Trang bị các nút bịt tai chống ồn cho lao động làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn.
- Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao;

1.2.6. *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường*

**** Phòng ngừa và ứng phó sự cố HTXL nước thải, hệ thống thoát nước thải***

Đối với hệ thống đường ống thoát nước thải:

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn. Tiến hành nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ.
- Kiểm tra thường xuyên các hố ga đấu nối nước thải, ngăn ngừa rác thải thoát xuống đường ống nước thải.
- Đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

Một số kịch bản sự cố cụ thể và biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí như sau:

Kịch bản 1: Sự cố bụi và khí thải sau hệ thống xử lý vượt quy chuẩn

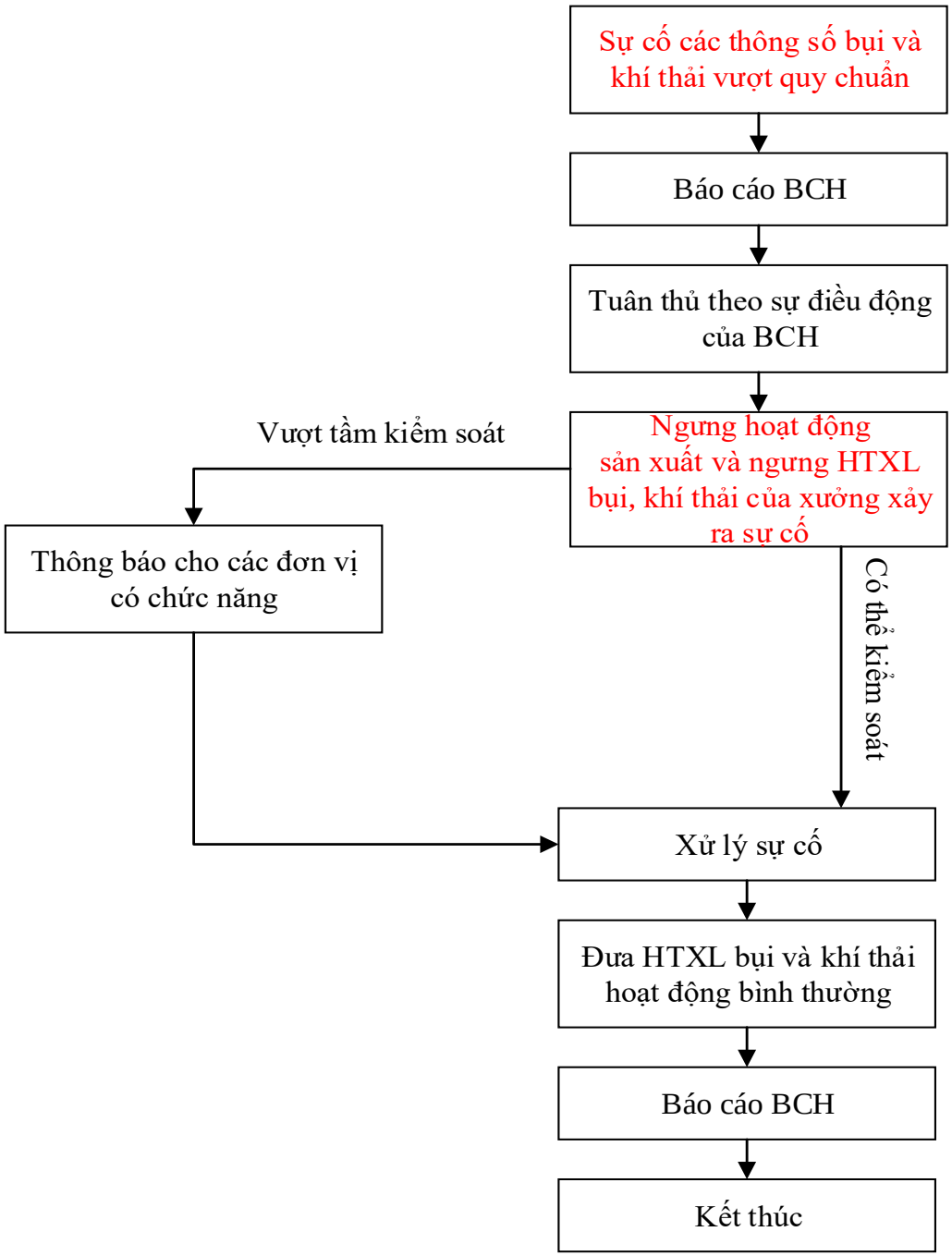

Hình IV-6 Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý bụi

**** Phòng ngừa sự cố cháy nổ***

Để hạn chế các rủi ro xảy ra, Công ty đã thực hiện và sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp sau nhằm phòng chống cháy nổ:

- Về an toàn kỹ thuật điện: tất cả các bộ phận đều có bảng nội quy an toàn kỹ thuật điện tại nơi làm việc, đảm bảo công nhân tuân thủ đúng nội quy không để xảy ra cố. Lắp đặt thiết bị bảo vệ cho hệ thống điện toàn dự án, từng khu vực, phân xưởng; tách riêng biệt các hệ thống điện Chiếu sáng, bảo vệ phục vụ thoát nạn, chữa cháy, nguồn điện sản xuất, sinh hoạt. Lắp đặt hệ thống chống rò điện phù hợp với từng loại dự án, có giải pháp chống tĩnh điện đối với dây chuyền sản xuất.
- Về PCCC: thiết kế đường xe chạy rộng xung quanh xưởng, tính toán dự trù nguồn nước chữa cháy, bể cấp nước chữa cháy ở vị trí thuận lợi cho việc lấy nước và có lượng nước đủ để có thể dập tắt đám cháy nhanh chóng; bố trí đủ, hợp lý các họng cứu hỏa. Công ty đã xây dựng bản nội quy PCCC và được phổ biến rộng rãi; trang bị đầy đủ dụng cụ PCCC, có phương án PCCC và tuân theo mọi quy định nghiêm ngặt về PCCC.
- Trong khu vực có thể gây cháy (khu vực chứa chất thải rắn, nhà xưởng, kho,...), công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa...
- Trong khu vực kho chứa thành phẩm, trang bị đầy đủ dụng cụ PCCC (bình chữa cháy, hệ thống phun nước cứu hỏa), hệ thống báo cháy tự động.
- Sắp xếp bố trí nguyên vật liệu, sản phẩm theo thứ tự, dễ bảo quản, vận chuyển và sử dụng. Lập kế hoạch sử dụng để tránh tồn kho nhiều dễ phát sinh cháy nổ mùa nắng nóng.

**** Phòng chống sự cố rò rỉ khi lưu trữ nhiên liệu***

Để hạn chế các rủi ro xảy ra, Công ty đã thực hiện và sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp để phòng chống sự cố rò rỉ khi lưu trữ nhiên liệu:

- Kiểm tra độ bền, độ kín van, ống nối, thay thế và sửa chữa khi có hiện tượng rò rỉ, tuân thủ nghiêm ngặt quy tắc bảo trì hệ thống đường ống, bồn chứa, hệ thống nhập từ các xe bồn.
- Hệ thống van an toàn, van tự khóa được lắp đặt khi có sự cố quá tải trong quá trình nhập nhiên liệu vào đường ống dẫn và các thông số kỹ thuật không đạt yêu cầu thì van an toàn sẽ hoạt động để bảo vệ đường ống.
- Các biện pháp xử lý khi có sự cố rò rỉ.

+ Ngừng vận hành.

+ Báo cáo chính quyền địa phương biết để hỗ trợ công tác bảo vệ.

+ Cắm biển, căng dây quanh khu vực sự cố.

+ Bịt lỗ rò rỉ.

+ Vệ sinh sạch sẽ môi trường.

+ Hàn chết miệng ốp bịt lỗ rò bằng phương pháp đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy.

+ Bọc lại đường ống.

+ Cùng với địa phương xác định nguyên nhân sự cố.

**** Phòng chống cháy do chập điện, dùng điện quá tải***

Công ty đã thực hiện các biện pháp an toàn kỹ thuật điện như:

- Tất cả các bộ phận đều có bảng nội quy an toàn kỹ thuật điện tại nơi làm việc, đảm bảo công nhân tuân thủ đúng nội quy, không để xảy ra sự cố.
- Khi sử dụng điện và các máy móc thiết bị có bộ phận bảo vệ như cầu chì, rowle, kiểm tra nhiệt độ máy móc không để nóng quá mức quy định.
- Chọn dây dẫn điện phù hợp với dòng điện, khi mắc dây điện chọn và sử dụng máy móc thiết bị điện theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn, dây dẫn tiếp xúc với kim loại sẽ bị mòn nên không dùng đinh, dây thép để buộc giữa dây điện.
- - Các dây điện nối vào phích cắm, đui đèn, máy móc chắc, gọn điện nối vào mạch rẽ ở hai đầu dây nóng và nguội không trùng lên nhau.
- - Các điểm nối dây đúng kỹ thuật, không co kéo dây điện hay treo các vật nặng lên dây.

**** Phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ nhiên liệu, hóa chất***

Biện pháp phòng ngừa sự cố hoá chất

Quá trình lưu trữ nhiên liệu, hóa chất có thể xảy ra các sự cố rò rỉ gây ô nhiễm môi trường và sự cố cháy nổ. Để phòng ngừa sự cố này có thể xảy ra, công ty đã:

- Xây dựng nhà kho cho từng đối tượng lưu trữ đảm bảo kỹ thuật và an toàn theo tiêu chuẩn xây dựng.
- Thùng chứa, bao bì phải được kiểm định về chất lượng để phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam.
- Thường xuyên kiểm tra nhằm đảm bảo tất cả các hóa chất được chứa trong các vật chứa thích hợp với nhãn hợp lệ và bản dữ liệu an toàn hóa chất mới nhất.
- Kho được giữ khô, vì sự ẩm ướt cũng làm cho các bao, gói giấy bị hư hại và có thể dẫn đến việc rò rỉ hoá chất.
- Bảo quản trong các thùng kín, để thùng đứng, có nắp đậy chặt.
- Khi sử dụng cố gắng thao tác chính xác, tránh tràn đổ.
- Khi tràn đổ hoặc rò rỉ cần dùng vải thấm hết phần dầu chảy ra cho vào túi nilon kín, đem tới khu vực lưu trữ chất thải nguy hại. Sau đó rửa tay thật kỹ.
- Nhiên liệu, hóa chất có dán nhãn tên và hướng dẫn sử dụng.
- Kho chứa hóa chất phải có bảng nội quy về an toàn hóa chất, có biển báo nguy hiểm phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất, treo ở nơi dễ thấy. Các biển báo thể hiện các đặc tính nguy hiểm của hóa chất.

Biện pháp ứng phó sự cố hoá chất

- Tất cả các công nhân viên sẽ thông báo ngay đến quản lý sản xuất, bộ phận quản lý an toàn của dự án.
- Rải cát, khoanh vùng xung quanh không cho hoá chất tràn sang nơi khác. Rải các loại vật liệu thấm hút như giẻ lau, cát,… lên hoá chất, chú ý khi tiếp xúc với hoá chất phải có bảo hộ lao động đầy đủ như bao tay cao su, khẩu trang, mặt nạ phòng độc, giày, ủng bảo hộ,… sau đó vệ sinh sạch sẽ khu vực tràn đổ.
- Nhanh chóng sơ tán công nhân ra khỏi nơi rò rỉ, tràn đổ hóa chất để tiến hành thu gom hóa chất.
- Công nhân thu gom được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động khi tiếp xúc với hóa chất trong quá trình ứng cứu.

- Sơ cấp cứu cho công nhân nhiễm độc nếu có theo quy trình sơ cấp cứu đã được ban hành và nhanh chóng chuyển công nhân đến bệnh viện gần nhất. Sơ cấp cứu khi nhiễm hóa chất như sau:
- Nếu dính vào mắt: rửa ngay thật nhiều nước ít nhất 15 phút cho tới khi sạch hóa chất, thỉnh thoảng nâng lên và hạ mi mắt xuống. Gọi bác sĩ hay đưa tới Trung tâm y tế gần nhất nếu thấy kích ứng kéo dài.
- Nếu dính vào da: rửa ngay thật nhiều nước ít nhất 15 – 20 phút (dưới vòi nước chảy) đồng thời cởi bỏ quần áo, giày bị nhiễm hóa chất ra, gọi bác sĩ.
- Nếu nuốt phải: súc miệng và cổ họng, nếu không nôn mửa, cho uống thật nhiều nước hoặc sữa. Đối với người bị bất tĩnh không cho bất kỳ thức uống nào vào miệng. Không gây nôn trừ một số trường hợp được hướng dẫn riêng. Gọi ngay bác sĩ hay đưa đến cơ sở y tế gần nhất.
- Biện pháp ứng phó khi rò rỉ, tràn đổ hóa chất:

+ *Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:*

  - Trang bị đồ dùng bảo hộ cá nhân đầy đủ và thích hợp.
  - Phải có hệ thống thông gió tốt để khống chế sự bay hơi và phân tán trong khu vực làm
    việc. Cô lập vùng bị tràn hoá chất nguy hiểm. Chứa hoặc lấy lại hoá chất nếu có thể.
    Không để tràn hoá chất vào cống thoát nước. Những chất còn lại do tràn, rò rỉ thì có
    thể pha loãng với nướcthấm chất ăn mòn còn lại bằng đất sét, vecmiculit (chất khoáng
    dạng mica nở) hay chất trơ khác và đặt trong thùng chứa thích hợp để đem tiêu huỷ.

+ *Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:*

  - Hủy bỏ tất cả các nguồn đánh lửa, thông gió khu vực rò rỉ hoặc tràn, mang thiết bị phòng hộ cá nhân phù hợp.
  - Cô lập khu vực tràn đổ, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực tràn đổ hóa
    chất.
  - Hấp thụ hóa chất tràn đỗ bằng chất liệu trơ (như cát hoặc đất), không sử dụng chất liệu dễ cháy (như mùn cưa), sau đó đựng trong thùng chứa chất thải kín. Sau đó chuyển cho đơn vị có chức năng đến thu gom đem đi xử lý theo quy định.
  - Nước rửa làm sạch khu vực tràn đổ rò rỉ không được xả ra hệ thống thoát nước. Bịt
    đường ống thoát nước mưa, cô lập và thu gom nước rửa theo đường ống thoát nước và
    dẫn về HTXL nước thải.
  - Trong kho bảo quản hóa chất tuyệt đối không sử dụng dụng cụ, thiết bị có khả năng gây ra tia lửa điện do ma sát hay va đập. Theo dõi thường xuyên nhiệt độ và độ ẩm tại khu vực này. Cấm để giẻ lau, giẻ bẩn dính dầu mỡ trong kho, không đưa xe vào sát khu vực kho, không hút thuốc, mang các vật có khả năng gây cháy vào kho.

1.2.7. *Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác*

Không có.

2. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

2.1. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng của dự án

Công trình lán trại, nhà vệ sinh di động; khu lưu chứa rác thải tạm thời 15m^2; trang bị 3 - 6 thùng chứa rác thải, CTNH dung tích 240lít; bảo hộ lao động công nhân và thiết bị PCCC, được đầu tư thực hiện theo quá trình thi công xây dựng và lắp đặt hệ thống xử lý chất thải cho dự án trong thời gian 06 tháng (từ tháng 03/2026 – 10/2026).

2.2. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải trong giai đoạn hoạt động của dự án

- Công trình đường ống thu gom và thoát nước mưa, nước thải và bể tự hoại: từ tháng 03/2026 – 10/2026.
- Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn: Kho chứa chất thải sinh hoạt và công nghiệp thông thường và kho chứa CTNH từ tháng 03/2026 – 10/2026.

2.3. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Không thực hiện

2.4. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường dự án có nhiệm vụ sau:

- Tổ chức thực hiện đúng các cam kết của Chủ dự án đưa ra trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được phê duyệt, cũng như bảo đảm công tác quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường dự án hoạt động ổn định, đạt hiệu quả xử lý yêu cầu và bảo đảm chất lượng môi trường trên khu vực dự án đạt quy chuẩn quy định.

- Tổ chức thực hiện công tác giám sát môi trường định kỳ, công tác báo cáo và công khai thông tin về môi trường dự án theo quy định của nhà nước.

- Nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường cho CBCNV của dự án, góp phần thực hiện nghiêm túc công tác vệ sinh môi trường hàng ngày;

- Tổ chức phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm và giám sát chất lượng môi trường trên khu vực dự án.

3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các đánh giá, dự báo

Trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đối với dự án nhóm III không thực hiện đánh giá, dự báo các tác động.

Về các biện pháp và công trình của dự án có mức độ tin cậy cao và đảm bảo xử lý các nguồn chất thải phát sinh đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường quy định đối với dự án đầu tư trong Khu công nghiệp.

CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

Các điểm đấu nối nước mưa và nước thải của dự án tại khu vực này đã được nghiệm thu hoàn thành tại biên bản nghiệm thu hoàn thành đấu nối hạ tầng số 01/BBNT-SZG-KTh ngày 15/02/2018 giữa Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3. Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền đã xác nhận đấu nối hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Công ty AM Industries Việt Nam thông qua Văn bản số 431/SZG/KTh ngày 23/09/2025.

Nước thải dự án sau khi xử lý sơ bộ được đưa về hệ thống thu gom nước thải và đấu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền tại 01 hố ga đấu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN Giang Điền (tại ĐCD.03 của KCN).

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền, không xả ra môi trường).

1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh về hố ga đấu nối nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

❖ ***Nước thải sinh hoạt:***

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên dự án và đơn vị thuê xưởng dự kiến với lưu lượng 12 m³/ngày đêm được dẫn bằng hệ thống đường ống nhựa DN50–DN100 qua 04 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 28 m3; sau đó đấu nối về hệ thống thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền qua hệ thống ống HDPE có đường kính D200–D800.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất của đơn vị thuê xưởng với lưu lượng 13,12 m³/ngày đêm (nếu có) được dẫn bằng hệ thống đường ống nhựa DN50–DN100 qua hệ thống xử lý nước thải sản xuất cục bộ của đơn vị thuê xưởng đạt tiêu chuẩn đất nối của KCN Giang Điền; sau đó đấu nối về hệ thống thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền qua hệ thống ống HDPE có đường kính D200–D800. Tổng chiều dài hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án là 430m.

1.1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Sơ lược quy trình thu gom, xử lý nước thải của dự án:

Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → Nước thải sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn → đấu nối về hệ thống thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền.

- Công suất thiết kế:

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: *Không thuộc đối tượng phải lắp đặt*

1.2. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn thải số 01: Bụi phát sinh từ máy bắn bi tự động tại địa điểm hoạt động thứ hai;

2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

- Dòng thải số 01: Tương ứng với ống thải sau Hệ thống xử lý bụi máy bắn bi tự động.

- Tọa độ vị trí xả thải: X = 1205996,011; Y = 416412.771

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0$75, múi chiếu 3^0)

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 6.000 m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Thải qua ống thải có chiều cao 6 m (tính từ mặt đất), kích thước 450x450mm, xả liên tục khi hoạt động.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/ BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp cụ thể như sau:

Bảng V-1 Chỉ tiêu phân tích và giá trị giới hạn khí thải cho phép

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 19:2024/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m³/giờ	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi (PM)	mg/Nm³	80		

2.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

2.3.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh trong máy phun bi được giữ lại sau khi qua hệ thống thu hồi bi, phân ly, xử lý bụi (thiết bị đồng bộ theo máy) và khí sạch sau đó được xả ra môi trường qua ống thải.

2.3.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

2.3.2.1. Công trình xử lý bụi phát sinh từ phễu nạp liệu cà phê và silo trước rang thuộc hệ thống nạp liệu – làm sạch cà phê nhà xưởng Giai đoạn 1 (thu gom bụi phát sinh từ nguồn số 01):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bi sắt + bụi bám → Băng tải trục vít → Thiết bị phân tách (bi được thu hồi để tiếp tục sử dụng) → bụi sau thiết bị phân tách + bụi mịn từ buồng phun bi → Bộ lọc bụi túi → Quạt hút → Ống thải khí sạch.

- Tổng công suất thiết kế: 6.000 m^3/giờ

- Thông số kỹ thuật:

+ Bộ lọc bụi túi: 18 lõi lọc cartridge (chất liệu PE, kích thước lõi lọc 320 × 660 mm).

+ Công suất quạt hút: 6.000 m3/giờ (25 HP).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: lõi lọc cartridge PE #01. Kích thước: D x H = 320 × 660 mm.

- Ống khói: H=6m, kích thước 450x450 mm.

2.4. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

2.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:

+ Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý.

+ Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

+ Giám sát hệ thống xử lý bụi, khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

+ Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động của các tổ máy để kiểm tra, khắc phục.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 01: từ khu vực hàn địa điểm thứ nhất.

+ Nguồn số 02: từ khu vực nén khí địa điểm thứ nhất.

+ Nguồn số 03: từ khu vực gia công cơ khí địa điểm thứ nhất.

+ Nguồn số 04: từ khu vực hàn địa điểm thứ hai.

+ Nguồn số 05: từ khu vực nén khí địa điểm thứ hai.

+ Nguồn số 06: từ khu vực gia công cơ khí địa điểm thứ hai.

+ Nguồn số 07: từ khu vực máy bắn bi địa điểm thứ hai.

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn số 01: từ khu vực hàn địa điểm thứ nhất. Tọa độ: X = 1205336; Y = 415.876).

+ Nguồn số 02: từ khu vực nén khí địa điểm thứ nhất. Tọa độ: X = 1205421; Y = 415.721).

+ Nguồn số 03: từ khu vực gia công cơ khí địa điểm thứ nhất. Tọa độ: X = 1205892,785; Y = 416466.835.

+ Nguồn số 04: từ khu vực hàn địa điểm thứ hai. Tọa độ: X = 1205989,011; Y = 416322.761.

+ Nguồn số 05: từ khu vực nén khí địa điểm thứ hai. Tọa độ: X = 1205836,559; Y = 416452.562.

+ Nguồn số 06: từ khu vực gia công cơ khí địa điểm thứ hai. Tọa độ: X = 1205986,085; Y = 416452.741.

+ Nguồn số 07: từ khu vực máy bắn bi địa điểm thứ hai. Tọa độ: X = 1205996,011; Y = 416412.771

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 45$, múi chiếu 3^0)

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

Bảng V-2 Giá trị giới hạn tiếng ồn

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn so sánh
1	70	55	-	QCVN 26:2010/BTNMT

+ Độ rung:

Bảng V-3 Giá trị giới hạn độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn so sánh
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		

1	70	60	-	QCVN 27:2010/BTNMT

4. Nội dung cấp phép môi trường về chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

* Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Bảng V-4 Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng chất thải (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	35	17 02 03	NH
2	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	3.222	07 03 05	NH
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	30	16 01 06	NH
4	Bao bì mềm thải	Rắn	35	18 01 01	KS
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	1.312	18 02 01	KS
6	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	2	19 06 01	NH
7	Phế liệu kim loại lẫn dầu	Rắn	1.750	11 04 02	KS
8	Các loại dầu thải khác	Lỏng	262,5	17 07 03	NH
9	Xỉ hàn, sáp, que hàn thải có chứa kim loại nặng	Rắn	3.150	07 04 02	KS
10	Sơn thải, dung môi thải các loại	Lỏng	30.188	Xxx	Xxx
Tổng khối lượng			**13.402**	**-**	

*** Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

Bảng V-5 Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường

STT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng chất thải (kg/năm)
1.	Nhôm, thép thải không chứa thành phần nguy hại	Rắn	05 01 05	TT-R	1.407.000
2.	Bụi kim loại từ quá trình cắt, mài, hàn, bắn bi	Rắn	05 02 13	TT-R	1.170
3.	Thùng carton, giấy bao bì thải	Rắn	18 01 05	TT-R	653
4.	Pallet gỗ	Rắn	12 08 08	TT-R	175
5.	Hộp mực in thải từ văn phòng	Rắn	08 02 08	TT	20
6.	Vôi thải	Rắn	Xxx	Xxx	2.875
7.	Matic thải	Rắn	Xxx	Xxx	4.200
8.	Vụn, rỉ sét và vảy thép	Rắn	Xxx	Xxx	17.590
9.	Bi thép thải, vật liệu mài thải	Rắn	07 03 08	KS	10.500
10.	Bùn bể tự hoại	Bùn	12 06 13	TT	560
	Tổng cộng				**11.408**

*** Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

Bảng V-6 Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng chất thải (kg/năm)
1	Nhóm thực phẩm	37.850
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	9.450
TỔNG KHỐI LƯỢNG		**47.250**

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

4.2.1. **Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn nguy hại được chứa trong các thiết bị riêng biệt theo từng mã chất thải nguy hại.

Khu vực lưu chứa:

- Số lượng: 01 kho diện tích 13,2 m2

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, có rãnh thu gom nước chảy tràn. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH. Bên trong khu lưu chứa có bố trí bình PCCC, thùng cát, xẻng đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

4.2.2. **Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, phân loại lưu chứa trong các kho chứa phù hợp.

Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích: 01 kho chứa diện tích 10 m^2 tại địa điểm thứ hai;
- Thiết kế, cấu tạo: phân ra từng khu vực lưu trữ có dán nhãn theo từng loại. Tường bao và mái che, nền gia cố bằng bê tông gạch vỡ để chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

4.2.3. **Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

Chất thải rắn sinh hoạt được lưu chứa trong các thùng nhựa có nắp đậy, bố trí xung quanh khu vực xưởng sản xuất, nhà ăn, văn phòng... nơi phát sinh chất thải. ĐỊnh kỳ giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Căn cứ theo Luật Bảo vệ môi trường Số 72/2020/QH14 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư 02/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì Dự án "Công ty TNHH AM Industries Việt Nam" có tiêu chí về môi trường tương đương dự án đầu tư nhóm III theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường. Căn cứ theo quy đinh tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, công ty sẽ tiến hành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải, dự kiến cụ thể như sau:

Bảng VI-1 Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian Kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	Hệ thống xử lý bụi từ máy bắn bi tự động công suất 6.000 m³/giờ	01/2027	05/2027	50% - 100% công suất thiết kế

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

1.2.1. Kế hoạch quan trắc nước thải

Không có công trình xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm.

1.2.2. Kế hoạch quan trắc khí thải

- Thời gian thực hiện: 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định (dự kiến trong tháng 01/2027).
- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần.
- Vị trí lấy mẫu và thông số quan trắc:

Bảng VI-2 Danh mục thành phần, thông số quan trắc, vị trí quan trắc

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Quy chuẩn áp dụng
1	Ống khói sau Hệ thống xử lý bụi từ máy bắn bi tự động công suất 6.000 m³/giờ	Lưu lượng, bụi	QCVN 19:2024/BTNMT

1.2.3. Tổ chức thực hiện dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch

Công ty sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng quan trắc, phân tích mẫu và được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo đúng quy định.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc nước thải:

Dự án hoạt động tại KCN Giang Điền và thực hiện đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN. Do đó, theo khoản 1, khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và khoản 2 Điều 97 Nghị Định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, dự án không thuộc trường hợp phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục, quan trắc nước thải định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc bụi, khí thải:

Theo Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị Định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, dự án không thuộc trường hợp phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục, định kỳ.

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Công ty TNHH AM Industries Việt Nam cam kết về tính trung thực, chính xác của số liệu; thông tin về dự án, các vấn đề môi trường của dự án được trình bày trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

Công ty TNHH AM Industries Việt Nam cam kết thực hiện nghiêm túc các phương án giảm thiểu tác động và các cam kết được trình bày trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường được phê duyệt, để giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động xấu đến môi trường.

Công ty TNHH AM Industries Việt Nam cam kết thực hiện các biện pháp khống chế và giảm thiểu ngay tại nguồn các tác động xấu trong giai đoạn hoạt động của dự án như đã nêu trong báo cáo này, cụ thể như sau:

❖ ***Đối với môi trường không khí***

- Cam kết quản lý, thu gom toàn bộ bụi, khí thải tại nguồn phát sinh về Hệ thống xử lý và đảm bảo xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT trước khi thải ra môi trường.
- Đảm bảo tiếng ồn trong khu dân cư đạt Quy chuẩn về độ ồn QCVN 26:2010/BTNMT, tiếng ồn trong khu vực sản xuất đạt QCVN 24:2016/BYT.
- Đảm bảo độ rung đạt QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

❖ ***Đối với nước mưa và nước thải***

- Hệ thống cống thu gom nước mưa và nước thải sẽ được tách riêng. Nước mưa chảy tràn sẽ được thu gom về hệ thống thoát nước mưa của dự án. Sau đó, nước mưa được đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Giang Điền.
- Nước thải phát sinh từ hai địa điểm hoạt động của dự án sẽ được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền.

❖ ***Đối với chất thải rắn***

- Chất thải rắn: chủ dự án sẽ thực hiện theo đúng quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển chất thải rắn đến nơi xử lý đúng quy định.

❖ ***Phòng chống sự cố môi trường***

Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp phòng chống sự cố hỏa hoạn, sự cố cháy nổ, vệ sinh, an toàn lao động và các biện pháp phòng chống sự cố môi trường.

❖ ***Quản lý môi trường***

- Đảm bảo hoàn thành các công trình xử lý ô nhiễm đã đề xuất trước khi dự án đi vào hoạt động chính thức và đảm bảo vận hành thường xuyên, có hiệu quả các công trình xử lý chất thải đã lắp đặt. Chủ đầu tư sẽ đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do các hoạt động của dự án gây ra.
- Công ty cam kết các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã đề xuất trong báo cáo, đảm bảo xử lý các chất thải phát sinh từ dự án đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp các công trình, biện pháp bảo vệ môi

trường mà chủ cơ sở đã đề xuất không đảm bảo tiếp nhận, xử lý các chất thải của quy trình sản xuất thì chủ cơ sở sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để cải tạo các công trình và thay đổi các phương pháp quản lý cho phù hợp.

- Công ty cam kết xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo thuyết minh kỹ thuật đúng trong nội dung báo cáo. Trường hợp có thay đổi phương án, Công ty sẽ phải xin ý kiến trình cơ quan cấp giấy phép môi trường để được hướng dẫn trước khi thực hiện.
- Công ty cam kết tuân thủ qui định hiện hành về việc kiểm định máy móc thiết bị có yêu cầu an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp theo đúng quy định.

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 3603599607

Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 11 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 16 tháng 07 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AM INDUSTRIES VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: AMI VN

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô số 15, Đường số 8, KCN Giang Điền, Xã Giang Điền, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *0251 3683618* Fax:

Email: *yen.giang@aminds.com* Website:

3. Vốn điều lệ : 6.900.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu tỷ chín trăm triệu đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	AHRENS GROUP PTY LTD.;	Australia	2 Wihelm Road, Kingsford, South Australia, Australia	3.450.000.000	50,000	ACN 114260230	
2	NEXT STEP HOLDINGS PTY LTD.;	Australia	Unit 1, 39-41 Fullarton Road, Kent Town, South Australia, Australia	3.450.000.000	50,000	ACN 626630304	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ZANE WILLIAM MILLS Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên

Sinh ngày: *13/01/1970* Dân tộc: *Quốc tịch: Australia*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *PB5327448*

Ngày cấp: *08/07/2022* Nơi cấp: *Úc*

Địa chỉ thường trú: *50 Third Avenue, St.Peters Adelaide, South Saustralia, Australia*

Địa chỉ liên lạc: *Căn hộ 0201, Tầng 2, Tháp 1A Chung Cư The Estella, Số 88 Đường Song Hành Xa Lộ Hà Nội, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

* Họ và tên: TRƯƠNG VĨ CƯỜNG Giới tính: *Nam*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *03/07/1979* Dân tộc: *Hoa* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *079079007924*

Ngày cấp: *14/05/2024* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *149/B17, Lý Thánh Tông, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *149/B17, Lý Thánh Tông, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

KT. **TRƯỞNG PHÒNG**

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Đỗ Quốc Thịnh

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 7661937762

Chứng nhận lần đầu: ngày 05 tháng 11 năm 2018

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ tư: ngày 12 tháng 01 năm 2022

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ năm: ngày 16 tháng 10 năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7661937762 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận điều chỉnh lần thứ tư ngày 12 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM nộp ngày 08 tháng 10 năm 2025,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

Chứng nhận:

Dự án đầu tư NHÀ MÁY AM INDUSTRIES VIỆT NAM; mã số dự án 7661937762 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận điều chỉnh lần thứ tư ngày 12 tháng 01 năm 2022;

Được đăng ký:

- Cập nhật thông tin người đại diện Nhà đầu tư;
- Bổ sung địa điểm thực hiện dự án: Lô số 3, đường số 03, Khu công nghiệp Giang Điền, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; diện tích đất sử dụng 14.121 m^2.
- Tăng quy mô sản xuất cấu kiện kim loại.
- Bổ sung mục tiêu cho thuê nhà xưởng.
- Tăng vốn đầu tư của dự án từ 2.000.000 đô la Mỹ lên 4.675.930 đô la Mỹ.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

1. **NEXT STEP HOLDINGS PTY LTD.**; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ACN 626 630 304 cấp ngày 06 tháng 6 năm 2018 tại Úc.

Địa chỉ trụ sở chính: Unit 1, 39-41 Fullarton Road, Kent Town, South Australia, Australia.

Người đại diện: Ông ZANE WILLIAM MILLS; sinh ngày 13 tháng 01 năm 1970; quốc tịch: Úc; hộ chiếu số: RA8904926 cấp ngày 08 tháng 5 năm 2025 tại Úc; địa chỉ thường trú: 50, Third Avenue Street, St Peters Ward, Adelaide City, South Australia Province, Australia. Chức vụ: Giám đốc.

2. **AHRENS GROUP PTY LTD.**; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ACN 114 260 230 cấp ngày 25 tháng 5 năm 2005 tại Úc.

Địa chỉ trụ sở chính: 2 Wihelm Road, Kingsford, South Australia 5118, Australia.

Người đại diện: Ông STEFAN JOHN AHRENS; sinh ngày 23 tháng 8 năm 1968; quốc tịch: Úc; hộ chiếu số: RA8749047 cấp ngày 10 tháng 4 năm 2025 tại Úc; địa chỉ thường trú: No. 2 Wihelm Street, Kingsford City, South Australia Province, Australia. Chức vụ: Giám đốc điều hành.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603599607, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 11 năm 2018, thay đổi lần thứ bảy ngày 29 tháng 9 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: **NHÀ MÁY AM INDUSTRIES VIỆT NAM.**

2. Mục tiêu, quy mô và địa điểm thực hiện của dự án:

- Địa điểm thứ nhất: Thuê nhà xưởng với diện tích 5.644,8 m^2 của Công ty TNHH Duy Hiếu tại lô số 15, đường số 8, Khu công nghiệp Giang Điền, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Triển khai các mục tiêu:

STT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô	Mã VSIC	Mã CPC
01	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.	2.000 tấn sản phẩm/năm, tương đương 3.000 bộ sản phẩm/năm.	2512	
02	Sản xuất các cấu kiện kim loại.	1.500 tấn sản phẩm/năm, tương đương 10.000 bộ sản phẩm/năm.	2511	
03	Sản xuất thiết bị, linh kiện ngành xây dựng, đồ gia dụng và công nghiệp bằng kim loại.	2.500 tấn sản phẩm/năm, tương đương 10.000 bộ sản phẩm/năm.	2599	
04	Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và quyền phân phối (không thành lập cơ sở bán buôn, không thành lập cơ sở bán lẻ) các mặt hàng thuộc 86 nhóm mã HS sau: 3402, 3922, 3923, 3924, 3925, 3926, 4010, 4012, 4202, 4203, 4402, 4409, 4410, 4411, 4412, 4418, 6101, 6102, 6103, 6104, 6109, 6110, 6113, 6117, 6210, 6216, 6403, 6405, 6501, 6505, 6506, 6507, 6802, 6804, 6911, 6912, 6913, 6914, 7013, 7020, 7208, 7209, 7210, 7211, 7212, 7213, 7214, 7215, 7216, 7217, 7218, 7219, 7220, 7221, 7222, 7223, 7224, 7225, 7226, 7227, 7228, 7229, 7308, 7310, 7318, 7321, 7323, 7324, 7326, 7610, 7615, 7616,		4690	622

	8207, 8214, 8215, 8428, 8460, 8466, 8481, 8509, 8516, 9003, 9004, 9020, 9403, 9406.			

- Địa điểm thứ hai: Lô số 3, đường số 3, Khu công nghiệp Giang Điền, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; diện tích đất sử dụng 14.121 m^2.

Triển khai các mục tiêu:

STT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô	Mã VSIC
01	Sản xuất các cấu kiện kim loại.	10.500 tấn sản phẩm/năm, tương đương 70.000 bộ sản phẩm/năm.	2511
02	Cho thuê nhà xưởng.	Diện tích: 3.279,6 m^2.	6810

Lưu ý: Trong quy trình sản xuất không bao gồm công đoạn xi mạ.

3. Tổng vốn đầu tư của dự án: 116.652.585.988 (một trăm mười sáu tỷ, sáu trăm năm mươi hai triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi tám) đồng, tương đương 4.675.930 (bốn triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn, chín trăm ba mươi) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 6.948.167.140 (sáu tỷ, chín trăm bốn mươi tám triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm bốn mươi) đồng, tương đương 300.000 (ba trăm nghìn) đô la Mỹ; chiếm tỷ lệ 6,4% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Nhà đầu tư	Vốn góp (đô la Mỹ)	Tỷ lệ (%)	Tiến độ góp vốn
01	NEXT STEP HOLDINGS PTY LTD	150.000	50	Đã góp đủ
02	AHRENS GROUP PTY LTD	150.000	50	
	Tổng	300.000	100	

4. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2018.

5. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Đi vào hoạt động từ tháng 6 năm 2019.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo quy định về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: Theo quy định tại thời điểm nộp thuế.

Điều 3: Các quy định đối với Nhà đầu tư, Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

1. Thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và thực hiện báo cáo định kỳ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ đã cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đầu tư, đất đai, quy hoạch, môi trường, xây dựng, lao động và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai dự án đầu tư.

3. Trường hợp thay đổi địa điểm thực hiện dự án, doanh nghiệp cần thông báo và phải được sự chấp thuận, ghi nhận trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

4. Đối với những hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành hoặc kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành cấp giấy phép kinh doanh, giấy tờ có giá trị tương đương và/hoặc đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật.

5. Tại địa điểm thứ hai: Công ty chỉ được triển khai sản xuất sau khi hoàn tất thủ tục môi trường theo quy định.

6. Công ty chỉ được triển khai mục tiêu kinh doanh bất động sản sau khi nhà xưởng đáp ứng đưa vào kinh doanh theo quy định của Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Đất đai và các quy định có liên quan.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7661937762 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận điều chỉnh lần thứ tư ngày 12 tháng 01 năm 2022.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Lưu: VT, P. ĐT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Minh Chiến

(5/5/7661937762)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN THỎA THUẬN BA BÊN GIỮ QUYỀN THUÊ KHU ĐẤT TẠI KHU CÔNG NGHIỆP GIANG ĐIỀN

Số: 119/BTT-GĐ

Căn cứ Quyết định số 1054/QĐ-BTNMT ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Giang Điền";

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Giang Điền";

Căn cứ Quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2008 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai về việc thành lập KCN Giang Điền tại huyện Trảng Bom và huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và cho phép Công ty Phát triển KCN Biên Hòa làm chủ đầu tư và Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 của KCN Giang Điền tại huyện Long Thành và huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 3459/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai về việc Duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 KCN Giang Điền tại huyện Trảng Bom và thành phố Biên Hòa;

Căn cứ Giấy phép Môi trường số 404/GPMT-BTNMT ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6154618383 chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 08 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 28 tháng 12 năm 2023 do Ban Quản Lý các Khu Công Nghiệp Đồng Nai chứng nhận Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền là nhà đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu Công Nghiệp Giang Điền;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3603474037 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2017 và thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền;

Căn cứ Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA01535526 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/6/2025 cho Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (ĐKDN) số 0300421520 đăng ký lần đầu ngày 23/9/2004 và thay đổi lần thứ 18 ngày 24/04/2025 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (ĐKĐT) số 7661937762 chứng nhận lần đầu ngày 05/11/2018, thay đổi lần thứ tư ngày 12/01/2022 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty TNHH AM Industries Việt Nam;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ĐKDN) số 3603599607 đăng ký lần đầu ngày 13/11/2018, thay đổi lần thứ 06 ngày 16/07/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty TNHH AM Industries Việt Nam;

XÉT VÌ:

A. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 có nhu cầu chuyển nhượng tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH AM Industries Việt Nam đối với phần diện tích đất **14.121 m²** *(Mười bốn nghìn, một trăm hai mươi mốt mét vuông)* tại Khu Công nghiệp Giang Điền mà Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 đã ký Hợp đồng Thuê và Cho Thuê Lại Đất để Đầu Tư Hoạt Động Sản Xuất tại Khu Công Nghiệp Giang Điền số 80/HĐTĐ/GĐ ngày 10/7/2025 (gọi tắt là *"Hợp đồng số 80/HĐTĐ/GĐ"*) với Công ty Cổ Phần Sonadezi Giang Điền.

B. Mục đích của các Bên khi ký kết *Bản Thỏa Thuận* này nhằm quy định các điều kiện tiền đề cho việc tiến hành ký kết: (1) Hợp đồng thuê và cho thuê lại đất để đầu tư hoạt động sản xuất tại Khu Công nghiệp Giang Điền giữa Công Ty Cổ Phần Sonadezi Giang Điền với Công ty TNHH AM Industries Việt Nam đối với phần diện tích đất 14.121 m² và (2) Công ty Cổ Phần Sonadezi Giang Điền mong muốn tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty TNHH AM Industries Việt Nam trong việc đăng ký hồ sơ xin điều chỉnh Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư ("GCNĐKĐT") và Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp ("GCNĐKDN") để được phép triển khai các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Khu Công Nghiệp Giang Điền.

Bản Thỏa thuận Giữ Quyền Thuê Khu đất tại Khu Công nghiệp Giang Điền (sau đây gọi tắt là "*Bản thỏa thuận*") được ký kết ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa và bởi Các Bên như sau:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN (SONADEZI GIANG ĐIỀN)

- Giấy chứng nhận ĐKĐT: Số 6154618383, chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 8 năm 2008 và thay đổi lần thứ ba ngày 28 tháng 12 năm 2023.
- Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 3603474037, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2017 và thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Địa chỉ : Tầng 1, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại : 84-251.3833388
- Fax : 84-251.3833399
- Số tài khoản thứ 1 : 111 002 630 704 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa
- Số tài khoản thứ 2 : 700 008 676 029 tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa

- Số tài khoản thứ 3 : 101 638 3779 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai
- Số tài khoản thứ 4 : 800006888 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương
- Mã số thuế : 3603474037
- Người đại diện : **Ông HOÀNG SỸ QUYẾT**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

BÊN B : CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM

- Giấy chứng nhận ĐKĐT: Số 7661937762 chứng nhận lần đầu ngày 05/11/2018, thay đổi lần thứ tư ngày 12/01/2022 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai cấp.
- Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 3603599607 đăng ký lần đầu ngày 13/11/2018, thay đổi lần thứ 06 ngày 16/07/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Địa chỉ : Lô số 15, Đường số 8, KCN Giang Điền, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : 84-251.3683618
- Mã số thuế : 3603599607
- Người đại diện : **Ông TRƯƠNG VĨ CƯỜNG**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

BÊN C : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

- Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 0300421520 đăng ký lần đầu ngày 23/9/2004 và thay đổi lần thứ 18 ngày 24/04/2025 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Địa chỉ : 136/1 Trần Phú, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : 84.28.8323036
- Fax : 84.28.8351102
- Số tài khoản : 310 10 0000 97278

  Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
- Mã số thuế : 0300421520
- Người đại diện : **Ông TRẦN QUỐC ĐOÀN**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Các Bên nêu trên đã cùng nhau thảo luận và đồng ý ký *Bản thỏa thuận* với các điều kiện và điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA

Ngoại trừ trường hợp được quy định cụ thể với nghĩa khác, những từ và cụm từ sử dụng trong *Bản Thỏa Thuận* này được định nghĩa như sau:

(i)	Hai Bên:	Bên A và Bên B.
(ii)	Ba Bên:	Bên A, Bên B và Bên C.
(iii)	Bên Thứ Ba:	Là một hoặc các Bên là (bao gồm nhưng không giới hạn) khách hàng, đối tác, nhà thầu xây dựng… của Bên B mà không phải là Bên C.
(iv)	Khu đất thuê:	Là khu đất mà Bên B được Bên A cho thuê lại và được nêu chi tiết tại Khoản 2.1, Điều 2 của *Bản thỏa thuận* này.
(v)	Thời hạn thuê lại đất:	Là *Thời hạn thuê lại đất* được tính từ ngày *Hai Bên* ký Hợp đồng thuê và cho thuê lại đất đến ngày 08 tháng 08 năm 2058.
(vi)	Tháng:	Là tháng Dương Lịch.
(vii)	Năm:	Là năm dương lịch tính gồm 12 *(mười hai)* tháng Dương Lịch liên tiếp.
(viii)	Phí Sử dụng Mặt bằng Công nghiệp / Phí SDMBCN:	Được định nghĩa tại Điểm 3.1.1, Khoản 3.1, Điều 3 của *Bản thỏa thuận* này.
(ix)	Phí quản lý:	Được định nghĩa tại Điểm 3.1.2, Khoản 3.1, Điều 3 của *Bản thỏa thuận* này.
(x)	Tiền thuê đất thô:	Được định nghĩa tại Điểm 3.1.3, Khoản 3.1, Điều 3 của *Bản thỏa thuận* này.
(xi)	Việt Nam Đồng (VNĐ):	Là đơn vị tiền tệ của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được dùng để thanh toán các khoản phí được quy định theo *Bản thỏa thuận* này.
(xii)	Thuế Giá trị gia tăng (Thuế GTGT):	Là khoản thuế do Bên B chi trả phù hợp theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam. Thuế Giá trị gia tăng sẽ được điều chỉnh theo tỷ lệ do Nhà nước Việt Nam công bố tùy vào từng thời điểm.
(xiii)	Hợp đồng thuê và cho thuê lại đất/Hợp đồng:	Là Hợp đồng thuê lại Khu đất thuê sẽ được ký kết giữa Bên A và Bên B sau thời hạn giữ quyền thuê *Khu đất thuê*.

ĐIỀU 2: VỊ TRÍ VÀ DIỆN TÍCH KHU ĐẤT THUÊ DỰ KIẾN

2.1 Bên A chấp thuận việc Bên C đề nghị được hoàn trả một phần Lô đất số 3 tại Khu công nghiệp Giang Điền có tổng diện tích khoảng **14.121 m²** *(Mười bốn nghìn, một trăm hai mươi mốt mét vuông)*. Theo đó diện tích còn lại của Bên C theo *Hợp đồng số 80/HĐTĐ/GĐ* là **0 m²** *(không mét vuông)*.

Bên A đồng ý cho Bên B thuê lại phần diện tích do Bên C hoàn trả nêu trên với tổng diện tích khoảng **14.121 m²** *(Mười bốn nghìn, một trăm hai mươi mốt mét vuông).*

2.2 Vị trí và diện tích *Khu đất thuê* được xác định theo Sơ đồ vị trí lô đất đính kèm theo *Bản thỏa thuận* này.

2.3 Bên B được phép thuê lại đất và sử dụng hạ tầng kỹ thuật tại Khu công nghiệp Giang Điền để đầu tư xây dựng nhà máy và hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng nội dung và mục đích được điều chỉnh tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Bên B với thời hạn được tính từ ngày *Hai Bên* ký *Hợp đồng thuê và cho thuê lại đất* cho **đến ngày 08 tháng 08 năm 2058**.

ĐIỀU 3: ĐIỀU KIỆN GIỮ QUYỀN THUÊ KHU ĐẤT THUÊ

Bên B, Bên C đồng ý với các điều kiện của Bên A để Bên A giữ quyền cho thuê *Khu đất thuê* đối với Bên B như sau:

3.1 Phí sử dụng đất và các loại phí khác

3.1.1 Phí sử dụng mặt bằng công nghiệp (Phí SDMBCN):

- *Phí SDMBCN* được sử dụng cho các mục đích: bồi thường, giải tỏa, di dời dân cư, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp (hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, cây xanh, thảm cỏ, hệ thống chiếu sáng đường giao thông…).
- *Phí SDMBCN* của *Khu đất thuê* đã được Bên C thanh toán 100% cho Bên A theo phương thức thanh toán một lần cho suốt *Thời hạn thuê lại đất* và Bên A sẽ không hoàn trả, cấn trừ lại khoản *Phí SDMBCN* đã thanh toán này cho Bên C và/hoặc Bên B.
- Bên A không thu thêm bất kỳ khoản *Phí SDMBCN* từ Bên B.

3.1.2 Phí quản lý

- *Phí quản lý* được sử dụng cho công tác giữ gìn an ninh trật tự và quản lý, duy tu, bảo dưỡng các công trình tiện ích hạ tầng kỹ thuật trong Khu Công Nghiệp Giang Điền (nhưng ngoài phạm vi các *Khu đất thuê* và các Nhà xưởng mà Bên A cho thuê lại) bao gồm hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống chiếu sáng, đường ống cấp nước, cống thoát nước, khu vực cây xanh, điều kiện vệ sinh và an ninh chung của Khu Công nghiệp.
- Đơn giá *Phí quản lý* (tạm tính tại thời điểm ký *Bản thỏa thuận*) là: **25.265 đồng/m²/năm** *(Hai mươi lăm nghìn, hai trăm sáu mươi lăm đồng/mét vuông/năm)(chưa bao gồm Thuế Giá trị gia tăng).*
- Bên C đã thanh toán *Phí quản lý* từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2021 cho Bên A và Bên A sẽ không hoàn trả, cấn trừ lại khoản *Phí Quản lý* đã thanh toán này cho Bên C và/hoặc Bên B.
- Bên C có trách nhiệm thanh toán phần công nợ *Phí quản lý* cho Bên A tính từ ngày 01/01/2022 cho đến ngày *Hợp đồng thuê và cho thuê lại đất* giữa Bên A và Bên B được ký kết, chậm nhất trong vòng **10 *(mười)* ngày** kể từ ngày nhận được Giấy báo thanh toán của Bên A. Đồng thời, Bên B có trách nhiệm thanh toán *Phí*

Quản lý kể từ thời điểm ký kết *Hợp đồng thuê và cho thuê lại đất* giữa Bên A và Bên B.

- Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết *Thời hạn thuê* lại đất, Bên B thanh toán Phí Quản lý cho Bên A theo Giấy báo thanh toán của Bên A và ***chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 hàng năm.***

3.1.3 Tiền thuê đất thô

- *Tiền thuê đất thô* của *Khu đất thuê* đã được Bên C thanh toán 100% cho Bên A theo phương thức thanh toán một lần cho suốt thời hạn thuê lại đất và Bên A sẽ không hoàn trả, cấn trừ lại khoản *Tiền thuê đất thô* đã thanh toán này cho Bên C và/hoặc Bên B.
- Bên A không thu thêm bất kỳ khoản *Tiền thuê đất thô* từ Bên B.

3.2 Căn cứ xác định phí sử dụng đất và các loại phí khác

Phí quản lý (tương đương 01 USD/m^2/năm) sẽ được điều chỉnh hàng năm và thông báo cho Bên B theo Giấy báo thanh toán của Bên A. Mức điều chỉnh này căn cứ theo mức *Phí quản lý* nêu tại Điểm 3.1.2, Khoản 3.1, Điều 3 của *Bản thỏa thuận* này và tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) tại thời điểm Bên A lập Giấy báo thanh toán.

3.3 Thời hạn giữ quyền thuê Khu đất thuê

- *Thời hạn giữ quyền thuê Khu đất* là **45 *(bốn mươi lăm)* ngày** kể từ ngày ký *Bản thỏa thuận* này.
- *Thời hạn giữ quyền thuê Khu đất* có thể được Bên A xem xét gia hạn tùy tình hình thực tế thực hiện thủ tục xin cấp/điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Bên B và được nêu cụ thể thông qua văn bản gửi Bên A trước 10 *(mười)* ngày khi kết thúc *Thời hạn giữ quyền thuê.*

3.4 Cam kết của Bên B về công tác bảo vệ môi trường

3.4.1 Bên B cam kết tuân thủ các quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam về việc bảo vệ môi trường và các quy định được nêu tại Khoản 3.5, Điều 3 của *Bản thỏa thuận* này và tại "Quy định về bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp Giang Điền" (đính kèm *Bản thỏa thuận* này).

3.4.2 Hệ thống thoát nước mưa và nước thải trên *Khu đất thuê* của Bên B phải được xây dựng riêng biệt và phù hợp với quy định luật pháp hiện hành và các quy định cụ thể của Khu công nghiệp Giang Điền. Trong quá trình xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải của Bên B, Bên A có quyền kiểm tra công trình của Bên B sau khi các công trình này hoàn thành xây dựng. Bên B sẽ thông báo cho Bên A thời gian kiểm tra bằng văn bản thông báo trước 05 *(năm)* ngày làm việc. Bên A sẽ không cản trở, đưa ra chỉ dẫn đối với các nhà thầu của Bên B hoặc gây ra bất kỳ sự chậm trễ nào đối với quá trình xây dựng.

3.4.3 Bên B cam kết bằng phí tổn của mình sẽ xử lý nước thải cục bộ tại *Khu đất thuê* đạt tiêu chuẩn theo *"Bảng giá trị giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải tiếp nhận vào Nhà máy xử lý nước thải tại KCN Giang Điền"*

trước khi xả nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Giang Điền theo các yêu cầu sau:

- Việc xử lý nước thải của Bên B sẽ chịu sự quản lý, kiểm tra của Bên A và các cơ quan quản lý môi trường tỉnh Đồng Nai và các cơ quan chức năng có liên quan. Bên B sẽ ký kết Hợp đồng xử lý nước thải tại KCN Giang Điền trực tiếp với Bên A.
- Khối lượng nước thải tính phí được tính bằng *80% (tám mươi phần trăm)* khối lượng nước cấp được sử dụng trong *Khu đất thuê*.
- Chi phí xử lý nước thải sẽ được điều chỉnh theo danh mục ngành nghề được quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.4.4 Bên B phải cam kết trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ không phát sinh khói, bụi, chất thải ra bên ngoài *Khu đất thuê* và làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh các công ty hoạt động lân cận. Nếu để xảy ra tình trạng này, Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và chịu toàn bộ chi phí bồi thường cho những tổn thất, thiệt hại của các công ty trên (nếu có).

3.5 Nhu cầu sử dụng điện, nước của Bên B

- Công suất điện : [.....] KvA;
- Nước : [.....] m^3/ngày.

Thông tin nêu trên về nhu cầu sử dụng điện và nước cần được cung cấp đến *Khu đất thuê* của Bên B do Bên B cung cấp vào thời điểm ký kết *Bản thỏa thuận*. Trường hợp Bên B muốn tăng nhu cầu sử dụng điện và nước cấp cao hơn các thông số nêu trên, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trước thời điểm cần tăng nhu cầu sử dụng điện và nước cấp ít nhất **12 (mười hai) tháng**. Bên A sẽ căn cứ vào năng lực cung cấp của mình và phản hồi bằng văn bản cho Bên B biết thời điểm có thể đáp ứng nhu cầu sử dụng điện và nước cấp tăng lên theo đề nghị của Bên B.

ĐIỀU 4: QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Quyền và trách nhiệm của Bên A

4.1.1 Bên A cam kết giữ quyền thuê *Khu đất thuê* nêu tại Điều 2 cho Bên B trong *Thời hạn giữ quyền thuê Khu đất* đã quy định để Bên B có đủ thời gian hoàn tất thủ tục xin cấp GCNĐKĐT và GCNĐKDN tại Khu công nghiệp Giang Điền.

4.1.2 Bên A thực hiện việc san nền đối với các lô đất thuê trong KCN Giang Điền với cao độ san nền đã được phê duyệt và quy định tại Bản vẽ quy hoạch cao độ san nền của toàn Khu công nghiệp. Bên A không thực hiện việc san nền đối với *Khu đất thuê* theo yêu cầu riêng của Bên B.

4.1.3 Bên A thực hiện xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho Khu công nghiệp Giang Điền theo quy định Luật bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam và các văn bản khác liên quan.

4.1.4 Bên A sẽ không hoàn trả hay cấn trừ một phần hay toàn bộ *Phí SDMBCN, Phí Quản lý, Tiền thuê đất thô* mà Bên C thanh toán cho Bên A dưới bất kỳ hình thức/điều kiện nào theo quy định Khoản 3.1 tại Điều 3 của *Bản thỏa thuận* này và Bên A không bị ràng buộc bởi bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào có liên quan trong

trường hợp Bên B chấm dứt *Hợp đồng thuê và cho thuê lại đất* đã ký kết trước thời hạn được quy định tại *Hợp đồng thuê và cho thuê lại đất*.

4.1.5 Bên A có quyền từ chối và được miễn trừ mọi trách nhiệm pháp lý khi không ký kết *Hợp đồng thuê và cho thuê lại đất* trong trường hợp Bên B thay đổi, hoán chuyển pháp nhân khác ký kết *Hợp đồng thuê và cho thuê lại đất* với Bên A và/hoặc chia tách diện tích *Khu đất thuê* cho một hoặc các *Bên Thứ Ba* tham gia ký kết *Hợp đồng thuê và cho thuê lại đất* với Bên A và/hoặc vi phạm các nghĩa vụ, cam kết theo *Bản thỏa thuận* này.

4.1.6 Bên A được miễn trừ mọi trách nhiệm pháp lý và không có bất kỳ nghĩa vụ, trách nhiệm giải quyết hoặc tham gia giải quyết trong trường hợp Bên B và Bên C phát sinh các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến giá trị và việc thanh toán trong chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất đối với *Khu đất thuê* cũng như đối với các thỏa thuận, cam kết riêng giữa Bên B và Bên C.

4.1.7 Bên A được giữ quyền quyết định đối với việc cho thuê lại *Khu đất thuê* nêu tại Khoản 2.1 Điều 2 của *Bản Thỏa thuận* trong trường hợp Bên B chấm dứt và/hoặc không ký kết *Hợp đồng thuê và cho thuê lại đất* với Bên A.

4.2 Quyền hạn và nghĩa vụ của Bên B và Bên C:

4.2.1 Bên B có trách nhiệm chi trả các loại phí liên quan theo quy định của ngân hàng khi thực hiện chuyển khoản các loại phí cho Bên A.

4.2.2 Bên B cam kết thực hiện dự án theo tiến độ đã đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước trong thời hạn 12 *(mười hai)* tháng kể từ ngày được cấp/ điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

4.2.3 Trong trường hợp Bên B có nhu cầu san nền *Khu đất thuê* vượt quá phạm vi được Bên A thực hiện theo Khoản 4.1.2 nêu trên, Bên B và Bên C, bằng chi phí của mình, tự thực hiện các thủ tục hồ sơ xin phép và thực hiện việc san nền *Khu đất thuê*. Bên A hỗ trợ Bên B trong việc giới thiệu đơn vị thực hiện các công việc có liên quan khi có yêu cầu và đề nghị của Bên B.

4.2.4 Bên B có trách nhiệm cung cấp lịch trình về nhu cầu sử dụng điện, nước trong từng giai đoạn triển khai dự án ít nhất trước **12 *(mười hai)* tháng** để Bên A cùng các đơn vị cung cấp dịch vụ chuyên ngành xem xét, bố trí cung cấp điện, nước cho phù hợp. Bên B ký hợp đồng sử dụng điện, nước, thông tin liên lạc, xử lý chất thải… với các đơn vị cung cấp dịch vụ chuyên ngành.

4.2.5 Bên B cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam và quy định của Khu công nghiệp Giang Điền.

4.2.6 Bên B cam kết sử dụng *Khu đất thuê* theo đúng mục đích ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Bên B.

4.2.7 Bên B cam kết các thiết kế và phương án thi công xây dựng công trình trên *Khu đất thuê* của Bên B phải tuân theo quy định của Khu công nghiệp Giang Điền và phù hợp với hiện trạng hạ tầng kỹ thuật hiện có hoặc theo quy hoạch thiết kế chung của Khu Công nghiệp.

4.2.8 Bên B cam kết chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc liên đới đối với toàn bộ các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động xây dựng, lắp đặt và cải tạo công

trình của *Bên Thứ Ba* và/hoặc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên B trên *Khu đất thuê* bao gồm nhưng không giới hạn: an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, quản lý và đăng ký lao động, an ninh trật tự, bảo vệ tài sản và con người…

4.2.9 Bên B cam kết sẽ không thay đổi, hoán chuyển pháp nhân khác ký kết *Hợp đồng thuê và cho thuê lại đất* với Bên A và/hoặc chia tách diện tích *Khu đất thuê* cho một hoặc các *Bên Thứ Ba* tham gia ký kết *Hợp đồng thuê và cho thuê lại đất* với Bên A và/hoặc vi phạm các nghĩa vụ, cam kết theo *Bản Thỏa thuận* này.

4.2.10 Việc Bên B vi phạm các nghĩa vụ, cam kết theo *Bản thỏa thuận* này được xem như quyết định của Bên B đơn phương chấm dứt *Bản thỏa thuận* và điều khoản quy định tại Điểm 4.1.5, Khoản 4.1, Điều 4 sẽ được áp dụng. Trong trường hợp này *Bản thỏa thuận* này sẽ tự động hết hiệu lực và mặc nhiên được thanh lý và *Hai Bên* không cần phải ký kết bất kỳ văn bản nào khác.

4.2.11 Bên B và Bên C có trách nhiệm tiến hành thực hiện việc chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất đối với *Khu đất thuê* theo đúng quy định pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc thực hiện việc chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng này.

ĐIỀU 5: CHẤM DỨT THỎA THUẬN

Bản thỏa thuận này sẽ tự động hết hiệu lực và tự động chấm dứt mà không cần có tuyên bố pháp lý, khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

5.1 Bên B, Bên C không thực hiện đúng các cam kết nêu ở Khoản 4.2 tại Điều 4 của *Bản thoả thuận* này.

5.2 Hợp đồng thuê lại đất giữa Bên A và Bên B được ký kết và có hiệu lực.

5.3 Sau khi hết thời gian gia hạn thời hạn giữ đất mà Bên B không tiến hành ký kết *Hợp đồng thuê và cho thuê lại đất* với Bên A thì *Bản thoả thuận* này sẽ tự động hết hiệu lực và mặc nhiên được thanh lý và các Bên không cần phải ký kết bất kỳ văn bản nào khác để tuyên bố chấm dứt hiệu lực của *Bản Thỏa thuận* này.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

6.1 *Bản thỏa thuận* này thay thế cho tất cả các thỏa thuận, thông tin trao đổi, cam kết bằng lời nói hay bằng văn bản trước đây giữa *Ba Bên*.

6.2 Mọi điều khoản khác không được quy định cụ thể tại *Bản thỏa thuận* này sẽ được *Ba Bên* thực hiện theo quy định hiện hành có liên quan của Luật pháp Việt Nam.

6.3 Trong trường hợp một hay nhiều quy định trong *Bản thỏa thuận* này vì bất kỳ lý do gì bị tuyên vô hiệu, trái pháp luật hoặc không thể thi hành thì sự vô hiệu, trái pháp luật hoặc không thể thi hành đó sẽ không làm ảnh hưởng, vô hiệu, tạo hoặc gây ra sự không thi hành đối với các quy định khác trong *Bản thỏa thuận* này.

6.4 *Bản thỏa thuận* này gồm 10 *(mười)* trang và được lập thành 06 *(sáu)* bản tiếng Việt và 06 *(sáu)* bản tiếng Anh. Mỗi Bên giữ 02 *(hai)* bản tiếng Việt và 02 *(hai)* bản tiếng Anh. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt thì bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

Các điều khoản, quy định nêu trên của *Bản thỏa thuận* này đã được *Ba Bên* xem xét, kiểm tra, hiểu rõ, thống nhất và nhìn nhận nội dung đã thể hiện đúng ý định của mình.

ĐẠI DIỆN BÊN C	ĐẠI DIỆN BÊN B	ĐẠI DIỆN BÊN A
Trần Quốc Đoàn	**Trương Vĩ Cường**	**Hoàng Sỹ Quyết**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN BÀN GIAO

(Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất chuyển nhượng)

Số: /2025/BB-CT3-AM

- Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng số Công chứng 937, quyển 03/2025 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 10 tháng 03 năm 2025, tại Văn phòng công chứng Trần Biên địa chỉ 3A, khu phố 1, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa Bên bán Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 và Bên mua Công ty TNHH AM Industries Việt Nam.

Hôm nay, thành phần bàn giao tài sản chuyển nhượng bao gồm:

I. BÊN BÀN GIAO: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ	:	136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Điện thoại	:	028 38339390	
Thành phần tham dự:			
Người đại diện	:	Phạm Văn Đắc	Chánh Văn phòng
Thành viên	:	Trương Trọng Luật	Kỹ thuật viên
Thành viên	:	Phan Minh Dũng	Phó giám đốc Xí nghiệp CK&XD đường sắt

(Sau đây gọi tắt là **"Bên A"** hoặc **"Công ty CT3"**)

II. BÊN NHẬN CÔNG TY TNHH AMINDUSTRIES VIỆT NAM

Địa chỉ	:	Lô số 15, Đường số 8, KCN Giang Điền, Xã Giang Điền, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai, Việt Nam	
Điện thoại	:		
Thành phần tham dự:			
Người đại diện theo pháp luật	:	Trương Vĩ Cường	Tổng Giám đốc
Thành viên	:		
Thành viên	:		

(Sau đây gọi tắt là **"Bên B"** hoặc **"Công ty AM"**)

1. Thời gian bàn giao:

Bắt đầu lúc: giờ phút, ngày tháng năm 2025

Kết thúc lúc: giờ phút, ngày tháng năm 2025

2. **Địa điểm bàn giao:**

Tại: Nhà máy sản xuất dầm thép và kết cấu thép – Giang Điền

Địa chỉ: Đường số 3 Khu CN Giang Điền – Trảng Bom – Đồng Nai

3. **Thành phần bàn giao tiến hành:**

3.1. Kiểm tra tài liệu căn cứ bàn giao tài sản:

- Hợp đồng chuyển nhượng số Công chứng 937, quyển 03/2025 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 10/03/2025, tại Văn phòng công chứng Trấn Biên, địa chỉ 3A, khu phố 1, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bên bán Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 và bên mua Công ty TNHH AM Industries Việt Nam.

3.2. **Xác nhận việc bàn giao tài sản như sau:**

Số TT	Tên tài sản cố định	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT (Đường số 3 KCN Giang Điền, Trảng Bom, Đồng Nai)			
1	**Quyền sử dụng đất của bên A theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số KD 538510"** - Thửa đất số: **253** - Tờ bản đồ số: **15** **+ Trong đó:**	m²	**14.121,0**	- Giấy chứng nhận QSĐ số DK 538510 **"Đang trong quá trình làm thủ tục chuyển đổi tên từ Công ty CT3 sang Công ty AM "** - Đất Khu công nghiệp - Hạn sử dụng đến 08/08/2058
	- Diện tích Nhà xưởng đúc	m²	3.279,6	
	- Diện tích Nhà xưởng kết cấu thép	m²	2.203,2	
	- Diện tích Nnhà xưởng Phun bi & Sơn	m²	917,4	
	- Diện tích xây dựng nhà Văn phòng	m²	125,4	
	- Diện tích xây dựng các công trình phụ trợ khác	m²	7.595,4	

3.3. **Bàn giao hồ sơ:**

- **Bên A "Công ty CT3"** bàn giao cho **Bên B "Công ty AM"** Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số DK 538510 theo "Điều 3", Biên bản số: /2025/BB-CT3-AM, ngày / /2025

4. **Đánh giá công tác bàn giao tài sản:**

- **Bên A "Công ty CT3"** đã hướng dẫn chi tiết vị trí khuôn viên Đất **"14.121,0m²"** theo mục 3.2 "Điều 3 Biên bản số: /2025/BB-CT3-AM, ngày / /2025 ; Bao gồm Nhà xưởng sản xuất dầm thép và kết cấu thép ; Xưởng Phun bi – Phun sơn ; Xưởng đúc ; Khu Văn phòng làm việc cùng các Công trình phụ trợ khác trong khuôn viên đất, theo Hợp đồng chuyển nhượng số Công chứng 937, quyển 03/2025 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 10/03/2025 giữa bên bán Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 và bên mua Công ty TNHH AM Industries Việt Nam.

- ***Tài sản bàn giao:***
- Đúng, đủ theo Hợp đồng chuyển nhượng số Công chứng 937, quyển 03/2025 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 10/03/2025, giữa bên bán Công ty Cổ phần Đầu tư và ~~Xây dựng Công~~ trình 3 và bên mua Công ty TNHH AM Industries Việt Nam.
- ***Trong thời gian bàn giao tài sản:***
- Không phát hiện bất thường xảy ra trong quá trình, bàn giao.

5. **Những thay đổi so với thỏa thuận: Không có thay đổi** .....
- **Kiến nghị: Không có kiến nghị** .....

Kết luận:

- Quá trình bàn giao tài sản chuyển nhượng diễn ra thuận lợi không phát sinh vấn đề nghiêm trọng diễn ra;
- **BÊN B "Công ty AM"** đồng ý tiếp nhận Tài sản theo HĐ chuyển nhượng số Công chứng 937, quyển 03/2025 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 10/03/2025 từ **Bên A "Công ty CT3"**
- **BÊN A "Công ty CT3"** đồng ý bàn giao tài sản theo HĐ chuyển nhượng số Công chứng 937, quyển 03/2025 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 10/03/2025 cho **Bên B "Công ty AM"**
- Công việc bàn giao tài sản nhượng bán theo Hợp đồng chuyển nhượng số Công chứng 937, quyển 03/2025 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 10/03/2025, tại Văn phòng công chứng Trấn Biên, địa chỉ 3A, khu phố 1, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bên bán Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 và bên mua Công ty TNHH AM Industries Việt Nam, đã hoàn tất.
- Thành phần Bàn giao đồng ý với các nội dung của Biên bản bàn giao Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất chuyển nhượng số: /2025/BB-CT3-AM, ngày / /2025 của Biên bản bàn giao này không gì vướng mắc, trở ngại
- Thành phần Bàn giao thống nhất chuyển tiếp triển khai công việc tiếp theo ; Biên bản được lập thành 10 bản, mỗi bên giữ 05 bản.
- Quá trình Bàn giao tài sản kết thúc lúc: giờ phút, ngày tháng năm 2025 không gì vướng mắc, trở ngại.

BÊN NHẬN CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM	BÊN GIAO CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3
	Phan Minh Dũng .....
	Trương Trọng Luật.....

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 253 Tờ bản đồ số: 15

b) Địa chỉ: xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

c) Diện tích: 14121,0m² (bằng chữ: mười bốn nghìn một trăm hai mươi mốt phẩy không mét vuông)

Trong đó: Diện tích được cấp: 14121,0m², Không được cấp: 0,0m²

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp.

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 08/08/2058.

g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền một lần của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp (Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp).

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Loại công trình:Nhà máy sản xuất dầm thép và kết cấu thép.

Hạng mục Công trình	Diện tích xây dựng (m²)	Diện tích sàn (m²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
1. Nhà văn phòng	125,4	250,8	Riêng	Cấp 3	08/08/2058
2. Nhà xưởng sản xuất	2203,2	2203,2	Riêng	Cấp 3	08/08/2058
3. Nhà xưởng phun bi - phun sơn	917,4	917,4	Riêng	Cấp 3	08/08/2058
4. Nhà xưởng đúc	3279,6	3279,6	Riêng	Cấp 3	08/08/2058

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Đồng Nai, Ngày 05 tháng 06 năm 2023

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Lê Thanh Tuấn

Số vào sổ cấp GCN: CT 72972

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Ngày 04 tháng 03 năm 2025

Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 10/08/2023 theo hồ sơ số 000172.XC.025./.

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận, khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

752629323000006

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0300421520 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 23/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 04/01/2023.

Địa chỉ: 136/1 Trần Phú, phường 04, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

DK 538510

UBND TỈNH ĐỒNG NAI **BAN QUẢN LÝ** **CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1136 /TB-KCNĐN	*Đồng Nai, ngày 06 tháng 4 năm 2023*

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công Trình 3
(KCN Giang Điền)

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Giấy phép xây dựng số 222/GPXD-KCNĐN ngày 12/12/2016; điều chỉnh giấy phép xây dựng ngày 11/9/2017 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp;

Căn cứ Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình số 22/BCHT-CT3-TCHC ngày 22/11/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công Trình 3;

Căn cứ Báo cáo hoàn thành công tác giám sát thi công xây dựng công trình số 05/BCHTCT ngày 20/11/2017 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng An Phúc Thanh;

Căn cứ Văn bản số 149/NT-CSPCCC-PC ngày 12/3/2018 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Đồng Nai về nghiệm thu công tác PCCC;

Căn cứ Văn bản số 105/XN-KCNĐN ngày 22/9/2016 và Văn bản số 140/XN-KCNĐN ngày 28/8/2017 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án;

Căn cứ Thông báo số 1032/TB-KCNĐN ngày 29/3/2023 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai về Kế hoạch kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công Trình 3 tại KCN Giang Điền;

Căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng tại Biên bản kiểm tra ngày 31/3/2023 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;

Căn cứ biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào sử dụng lập ngày 22/11/2017 giữa Chủ đầu tư và nhà thầu giám sát.

Ban Quản lý các KCN Đồng Nai **thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu** của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công Trình 3 để đưa vào sử dụng đối với công trình như sau:

1. Thông tin về công trình:

a) Tên công trình: Các công trình: Nhà văn phòng, nhà xưởng sản xuất, nhà xưởng phun bi – phun sơn, nhà xưởng đúc, nhà bảo vệ, nhà xe, nhà vệ sinh, trạm biến áp (02 trạm) và hạ tầng kỹ thuật theo nội dung Giấy phép xây dựng số 222/GPXD-KCNĐN ngày 12/12/2016; điều chỉnh giấy phép xây dựng ngày 11/9/2017 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp.

b) Địa điểm xây dựng: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

c) Loại công trình: Công nghiệp; cấp công trình chính của dự án: Cấp III.

d) Mô tả các thông số nội dung chính của công trình:

d.1) Nhà văn phòng:

+ Diện tích xây dựng : 125,40 m^2.
+ Tổng diện tích sàn : 250,80 m^2.
+ Chiều cao tầng 1 : + 3,60 m.
+ Chiều cao công trình : + 8,45 m; số tầng: 02.
+ Cốt nền xây dựng : + 0,45 m (so với cốt nền đường nội bộ).
+ Cấp công trình : Cấp III.

d.2) Nhà xưởng sản xuất:

+ Diện tích xây dựng : 2.203,20 m^2.
+ Tổng diện tích sàn : 2.203,20 m^2.
+ Chiều cao công trình : + 11,10 m; số tầng: 01.
+ Cốt nền xây dựng : + 0,20 m (so với cốt nền đường nội bộ).
+ Cấp công trình : Cấp III.

d.3) Nhà xưởng phun bi – phun sơn:

+ Diện tích xây dựng : 917,40 m^2.
+ Tổng diện tích sàn : 917,40 m^2.
+ Chiều cao công trình : + 11,44 m; số tầng: 01.
+ Cốt nền xây dựng : ± 0,00 m (so với cốt nền đường nội bộ).
+ Cấp công trình : Cấp III.

d.4) Nhà xưởng đúc:

+ Diện tích xây dựng : 3.279,60 m^2.
+ Tổng diện tích sàn : 3.279,60 m^2.
+ Chiều cao công trình : + 12,20 m; số tầng: 01.
+ Cốt nền xây dựng : ± 0,00 m (so với cốt nền đường nội bộ).
+ Cấp công trình : Cấp III.

d.5) Các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật:

- Nhà bảo vệ: DTXD : 19,25 m^2.
- Nhà xe: DTXD : 112,50 m^2.
- Nhà vệ sinh: DTXD : 17,10 m^2.
- Trạm biến áp (02 trạm) : DTXD: 16,00 m^2 x 2 = 32,00 m^2.

- Bể nước ngầm : Thể tích: 86,94 m^3 (dưới nhà bảo vệ).

- Cổng, hàng rào, sân đường nội bộ, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy.

2. Yêu cầu đối với chủ đầu tư:

- Lưu trữ hồ sơ công trình theo Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình quy định tại Phụ lục số VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng thiết kế được duyệt. Lập danh mục hồ sơ quản lý vận hành và bảo trì công trình theo Phụ lục IX Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

- Tổ chức triển khai thực hiện bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại Điều 30 đến Điều 35, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

- Có trách nhiệm thực hiện đầu đủ các quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và các quy định liên quan trước và trong quá trình sử dụng theo quy định.

- Chủ đầu tư và các nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và sự phù hợp của các văn bản, tài liệu trong hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng.

Qua kiểm tra, Ban Quản lý các KCN Đồng Nai **thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu** của Chủ đầu tư đối với công trình xây dựng nêu trên. Việc kiểm tra của Ban Quản lý các KCN không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng và trách nhiệm của các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng về chất lượng công trình xây dựng đối với phần việc do mình thực hiện theo quy định của pháp luật.

Ban Quản lý các KCN Đồng Nai thông báo đến Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công Trình 3 tại KCN Giang Điền biết, thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phòng QL TNMT;
- Văn phòng Đại diện BQL;
- Lưu VT, QHXD (H).

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Phạm Văn Cường

TỔNG CÔNG TY SONADEZI **CÔNG TY CP SONADEZI GIANG ĐIỀN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 431../SZG-KTh V/v phản hồi văn bản số 1709/2025/CV-AM ngày 17/09/2025 về việc xác nhận đấu nối hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Công ty TNHH AM Industries Việt Nam	*Đồng Nai, ngày 23 tháng 09 năm 2025*

Kính gửi: Công ty TNHH AM Industries Việt Nam

Căn cứ Bản thoả thuận ba bên giữ quyền thuê khu đất tại Khu công nghiệp Giang Điền số 119/BTT-GĐ ngày 25/8/2025 giữa Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền, Công ty TNHH AM Industries Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Công trình 3;

Căn cứ Biên bản thoả thuận về việc sử dụng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp số 08/BB-XNGĐ-KTh ngày 07/03/2016 giữa Xí nghiệp dịch vụ KCN Giang Điền và Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Công trình 3;

Căn cứ Biên bản nghiệm thu hoàn thành đấu nối hạ tầng số 01/BBNT-SZG-KTh ngày 15/02/2018 giữa Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền và Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Công trình 3;

Căn cứ Công văn số 1709/2025/CV-AM ngày 17/09/2025 của Công ty TNHH AM Industries Việt Nam về việc xác nhận đấu nối hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Công ty TNHH AM Industries Việt Nam.

Sau khi xem xét nội dung đề nghị tại văn bản số 1709/2025/CV-AM ngày 17/09/2025, Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền phản hồi nội dung đề nghị của Quý Công ty như sau:

1. Dự án nhà máy sản xuất trên Lô đất số 3, Đường ĐCD.03, KCN Giang Điền, tỉnh Đồng Nai do Quý Công ty thuê lại theo Bản thoả thuận số 119/BTT-GĐ ngày 25/8/2025 đã được nghiệm thu đấu nối hạ tầng vào ngày 15/02/2018 theo Biên bản nghiệm thu số 01/BBNT-SZG-KTh.

2. Vị trí đấu nối theo bản vẽ đính kèm văn bản này, cụ thể như sau:

Loại đấu nối	Tên hố ga	Vị trí	Kích thước cống	Cao độ đáy dòng chảy
Thoát nước mưa	MT2-06	Đường ĐCD.03	D1200	50.37
Thoát nước thải	R3-37	Đường ĐCD.03	D300	50.66

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- P. Kinh doanh (để biết);
- Lưu: VT, KTh.minhlq.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

Ngô Xuân Quảng

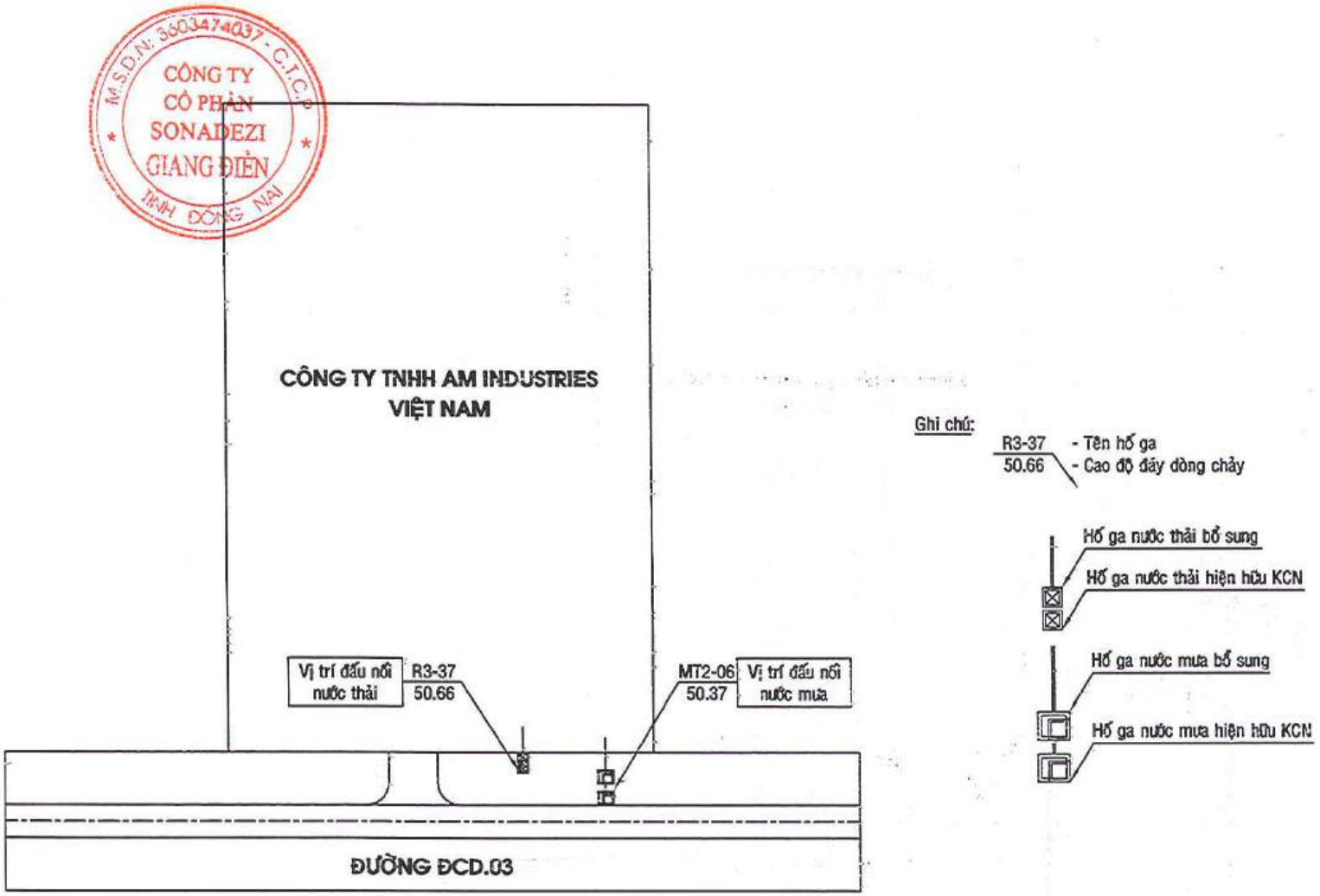

BẢN VẼ ĐÍNH KÈM VĂN BẢN SỐ 431/SZG-KTH NGÀY 23/09/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
Địa chỉ: Tầng 1, Số 1, Đường 1, KCN Biên Hoà 1, phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai
ĐT: 0251. 3833388 Fax: 0251. 3833399
Email: szg@sonadezi-giangdien.vn Web: www.sonadezi-giangdien.vn

TỔNG CÔNG TY SONADEZI **CÔNG TY CP SONADEZI GIANG ĐIỀN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01 /BBNT-SZG-KTh	*Đồng Nai, ngày 15 tháng 02 năm 2018*

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH ĐẤU NỐI HẠ TẦNG

Dự án: **Nhà máy Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3**
(Nhà máy Sản xuất dầm thép và kết cấu thép)

Địa điểm: **Lô 3, đường ĐCD.03, KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai**

1. Đối tượng nghiệm thu: Hoàn thành việc đấu nối hạ tầng

2. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a) Đại diện bên A: Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền

+ Ông: Phạm Quốc Đạt — Chức vụ: Phó Giám đốc kỹ thuật

+ Ông: Nguyễn Thái Sơn Dương — Chức vụ: Nhân viên kỹ thuật

+ Ông: Lê Danh Hưng — Chức vụ: Nhân viên kỹ thuật

b) Đại diện bên B: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3

+ Ông: Trần Việt Dũng — Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

+ Ông: Nguyễn Xuân Huy — Chức vụ: Tư vấn giám sát

3. Thời gian, căn cứ nghiệm thu:

a. Thời gian:

- Bắt đầu: 8 giờ 00 ngày 15 tháng 02 năm 2018;
- Kết thúc: 11 giờ 00 ngày 15 tháng 02 năm 2018.
- Tại: Nhà máy Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 (Nhà máy Sản xuất dầm thép và kết cấu thép), đường ĐCD.03, KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

b. Căn cứ:

- Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất số đất để xây dựng nhà máy tại Khu công nghiệp Giang Điền số 13/HĐTĐ/GD ngày 26/02/2016 giữa Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (Tổng Công ty Sonadezi) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3;

- Căn cứ Biên bản thỏa thuận về việc sử dụng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp số 08/BB-XNGĐ-KTh ngày 07/3/2016 giữa Xí nghiệp dịch vụ KCN Giang Điền và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.

4. Đánh giá công việc đã thực hiện: Thi công đúng theo Biên bản thỏa thuận về việc sử dụng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp số 08/BB-XNGĐ-KTh ngày 07/03/2016 và bản vẽ (đính kèm), cụ thể như sau:

a) Thoát nước mưa:

Tên hố ga	Vị trí	Kích thước cống	Cao độ đáy dòng chảy
MT2-06	ĐCD.03	Ø1200	50.37

(Có hố ga bổ sung theo đúng yêu cầu kỹ thuật trong Biên bản thỏa thuận)

b) Thoát nước thải:

Tên hố ga	Vị trí	Kích thước cống	Cao độ đáy dòng chảy
R3-37	ĐCD.03	Ø300	50.66

(Có hố ga bổ sung theo đúng yêu cầu kỹ thuật trong Biên bản thỏa thuận)

c) Các nội dung khác: Các hố ga đấu nối và hố ga trung gian đã vệ sinh sạch sẽ đất, cát và rác. Mặt bằng xung quanh hàng rào nhà máy đã được hoàn trả, tái lập lại như hiện trạng ban đầu.

5. Kết luận: Đồng ý nghiệm thu.

6. Các bên tham gia nghiệm thu:

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Phạm Xuân Đạt	Trần Việt Dũng

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

SONADEZI GIANG DIEN
MEMBER OF SONADEZI

Địa chỉ: Tầng 1, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 84.251.3833388 Fax: 84.251.3833399
Email: szg@sonadezi-giangdien.vn Website: http://www.sonadezi-giangdien.vn

Số: 36/TTr-SZG-KTh

Đồng Nai, ngày 14 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc triển khai thực hiện hạng mục Sửa chữa hệ thống chiếu sáng đường ĐCD.01
Địa điểm: KCN Giang Điền, tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Tổng Giám đốc Công ty

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Kế hoạch năm 2023 của Phòng Kỹ thuật đã được Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền phê duyệt;

Căn cứ Phiếu báo hỏng hệ thống điện ngày 01/02/2023;

Ngày 01/02/2023 Tổ hạ tầng kiểm tra Trạm điện T5 cấp nguồn điện chiếu sáng đèn đường ĐCD.01 (đoạn từ ĐCD.06 đến ĐCD.04) phát hiện từ trụ điện T/34 đến T/35 đoạn băng cổng nhà xưởng C1 dây điện cáp ngầm bị hư hỏng. Phòng Kỹ thuật đã khắc phục tạm thời để duy trì chiếu sáng vào ban đêm. Để đảm bảo an toàn hệ thống chiếu sáng, Phòng Kỹ thuật kính trình Tổng Giám đốc cho triển khai thực hiện hạng mục "Sửa chữa hệ thống chiếu sáng đường ĐCD.01", cụ thể như sau:

1. Phạm vi công việc:

- Khoan băng cổng, kéo rải dây điện trong mương cáp theo bản vẽ và bảng dự toán đính kèm

2. Nguồn vốn và kinh phí xây dựng công trình:

- Nguồn vốn: Vốn tự có của chủ đầu tư, vốn vay
- Giá trị: **43.333.575 đồng** (Đã bao gồm thuế VAT 10%).

(Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng).

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: **05 ngày** (kể từ ngày bàn giao mặt bằng)

4. Hình thức hợp đồng: Trọn gói

5. Đơn vị đề nghị thực hiện: Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng – Thí nghiệm điện Quốc Tuấn

6. Lý do đề xuất:

- Đơn vị được lựa chọn là đơn vị có năng lực phù hợp với tính chất của công việc trên.

- Quy mô, khối lượng công việc nhỏ và có tính chất công việc đơn giản.

7. Tổ chức thực hiện: Phòng Kỹ thuật tổ chức thực hiện theo đúng Quy định hiện hành. Phòng Kỹ thuật kính trình Tổng Giám đốc xem xét, phê duyệt.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KTh.hungld

TỔNG GIÁM ĐỐC	PHÒNG KỸ THUẬT
Duyệt	
Nguyễn Thị Hạnh	**Bùi Văn Định**

- Quy mô, khối lượng công việc nhỏ và có tính chất công việc đơn giản.

7. Tổ chức thực hiện: Phòng Kỹ thuật tổ chức thực hiện theo đúng Quy định hiện hành. Phòng Kỹ thuật kính trình Tổng Giám đốc xem xét, phê duyệt.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KTh.hungld

TỔNG GIÁM ĐỐC	PHÒNG KỸ THUẬT
Duyệt	
Nguyễn Thị Hạnh	**Bùi Văn Định**

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

SONADEZI GIANG DIEN
MEMBER OF SONADEZI

Địa chỉ: Tầng 1, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 84.251.3833388 Fax: 84.251.3833399
Email: szg@sonadezi-giangdien.vn Website: http://www.sonadezi-giangdien.vn

Số: 36/TTr-SZG-KTh *Đồng Nai, ngày 14 tháng 3 năm 2023*

TỜ TRÌNH
Về việc triển khai thực hiện hạng mục Sửa chữa hệ thống chiếu sáng đường ĐCD.01
Địa điểm: KCN Giang Điền, tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Tổng Giám đốc Công ty

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Kế hoạch năm 2023 của Phòng Kỹ thuật đã được Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền phê duyệt;

Căn cứ Phiếu báo hỏng hệ thống điện ngày 01/02/2023;

Ngày 01/02/2023 Tổ hạ tầng kiểm tra Trạm điện T5 cấp nguồn điện chiếu sáng đèn đường ĐCD.01 (đoạn từ ĐCD.06 đến ĐCD.04) phát hiện từ trụ điện T/34 đến T/35 đoạn băng cổng nhà xưởng C1 dây điện cáp ngầm bị hư hỏng. Phòng Kỹ thuật đã khắc phục tạm thời để duy trì chiếu sáng vào ban đêm. Để đảm bảo an toàn hệ thống chiếu sáng, Phòng Kỹ thuật kính trình Tổng Giám đốc cho triển khai thực hiện hạng mục "Sửa chữa hệ thống chiếu sáng đường ĐCD.01", cụ thể như sau:

1. Phạm vi công việc:

- Khoan băng cổng, kéo rải dây điện trong mương cáp theo bản vẽ và bảng dự toán đính kèm

2. Nguồn vốn và kinh phí xây dựng công trình:

- Nguồn vốn: Vốn tự có của chủ đầu tư, vốn vay
- Giá trị: **43.333.575 đồng** (Đã bao gồm thuế VAT 10%).

(Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng).

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: **05 ngày** (kể từ ngày bàn giao mặt bằng)

4. Hình thức hợp đồng: Trọn gói

5. Đơn vị đề nghị thực hiện: Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng – Thí nghiệm điện Quốc Tuấn

6. Lý do đề xuất:

- Đơn vị được lựa chọn là đơn vị có năng lực phù hợp với tính chất của công việc trên.

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

SONADEZI GIANG DIEN
MEMBER OF SONADEZI

Địa chỉ: Tầng 1, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 84.251.3833388 Fax: 84.251.3833399
Email: szg@sonadezi-giangdien.vn Website: http://www.sonadezi-giangdien.vn

Số: 36/TTr-SZG-KTh *Đồng Nai, ngày 14 tháng 3 năm 2023*

TỜ TRÌNH
Về việc triển khai thực hiện hạng mục Sửa chữa hệ thống chiếu sáng đường ĐCD.01
Địa điểm: KCN Giang Điền, tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Tổng Giám đốc Công ty

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Kế hoạch năm 2023 của Phòng Kỹ thuật đã được Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền phê duyệt;

Căn cứ Phiếu báo hỏng hệ thống điện ngày 01/02/2023;

Ngày 01/02/2023 Tổ hạ tầng kiểm tra Trạm điện T5 cấp nguồn điện chiếu sáng đèn đường ĐCD.01 (đoạn từ ĐCD.06 đến ĐCD.04) phát hiện từ trụ điện T/34 đến T/35 đoạn băng cổng nhà xưởng C1 dây điện cáp ngầm bị hư hỏng. Phòng Kỹ thuật đã khắc phục tạm thời để duy trì chiếu sáng vào ban đêm. Để đảm bảo an toàn hệ thống chiếu sáng, Phòng Kỹ thuật kính trình Tổng Giám đốc cho triển khai thực hiện hạng mục "Sửa chữa hệ thống chiếu sáng đường ĐCD.01", cụ thể như sau:

1. Phạm vi công việc:

- Khoan băng cổng, kéo rải dây điện trong mương cáp theo bản vẽ và bảng dự toán đính kèm

2. Nguồn vốn và kinh phí xây dựng công trình:

- Nguồn vốn: Vốn tự có của chủ đầu tư, vốn vay
- Giá trị: **43.333.575 đồng** (Đã bao gồm thuế VAT 10%).

(Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng).

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: **05 ngày** (kể từ ngày bàn giao mặt bằng)

4. Hình thức hợp đồng: Trọn gói

5. Đơn vị đề nghị thực hiện: Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng – Thí nghiệm điện Quốc Tuấn

6. Lý do đề xuất:

- Đơn vị được lựa chọn là đơn vị có năng lực phù hợp với tính chất của công việc trên.

UBND TỈNH ĐỒNG NAI **BAN QUẢN LÝ** **CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 140 /XN-KCNĐN	*Đồng Nai, ngày 28 tháng 8 năm 2017*

GIẤY XÁC NHẬN
Đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường

Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai xác nhận Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án "Mở rộng sản xuất gối cầu, ghi đường sắt và phụ kiện đường sắt, các sản phẩm cơ khí thông dụng, công suất 720 tấn/năm; Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, công suất 9.000 tấn sản phẩm/năm" tại KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai vào ngày 23 tháng 8 năm 2017.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản Kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo Kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

3. Trong trường hợp có những thay đổi, điều chỉnh nội dung Bản kế hoạch bảo vệ môi trường, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 phải có báo cáo bằng văn bản gửi Ban Quản lý các KCN Đồng Nai để được chấp thuận trước khi thực hiện.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án "Mở rộng sản xuất gối cầu, ghi đường sắt và phụ kiện đường sắt, các sản phẩm cơ khí thông dụng, công suất 720 tấn/năm; Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, công suất 9.000 tấn sản phẩm/năm" kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 để thực hiện và lưu tại cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường để kiểm tra, giám sát./.

Nơi nhận:
- Cty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Trảng Bom;
- Lưu VT, MT (P).

0139

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Mạnh Văn

Số 26, Đường 2A, KCN Biên Hòa II, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
ĐT: (061) 3893699 - 3892378 Fax: (061) 3892379
Email: bqlkcn@dongnai.gov.vn; diza@diza.vn Website: http://diza.dongnai.gov.vn

UBND TỈNH ĐỒNG NAI **BAN QUẢN LÝ** **CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 140 /XN-KCNĐN	*Đồng Nai, ngày 28 tháng 8 năm 2017*

GIẤY XÁC NHẬN
Đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường

Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai xác nhận Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án "Mở rộng sản xuất gối cầu, ghi đường sắt và phụ kiện đường sắt, các sản phẩm cơ khí thông dụng, công suất 720 tấn/năm; Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, công suất 9.000 tấn sản phẩm/năm" tại KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai vào ngày 23 tháng 8 năm 2017.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản Kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo Kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

3. Trong trường hợp có những thay đổi, điều chỉnh nội dung Bản kế hoạch bảo vệ môi trường, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 phải có báo cáo bằng văn bản gửi Ban Quản lý các KCN Đồng Nai để được chấp thuận trước khi thực hiện.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án "Mở rộng sản xuất gối cầu, ghi đường sắt và phụ kiện đường sắt, các sản phẩm cơ khí thông dụng, công suất 720 tấn/năm; Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, công suất 9.000 tấn sản phẩm/năm" kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 để thực hiện và lưu tại cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường để kiểm tra, giám sát./.

Nơi nhận:
- Cty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Trảng Bom;
- Lưu VT, MT (P).

0139

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Mạnh Văn

Số 26, Đường 2A, KCN Biên Hòa II, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
ĐT: (061) 3893699 - 3892378 Fax: (061) 3892379
Email: bqlkcn@dongnai.gov.vn; diza@diza.vn Website: http://diza.dongnai.gov.vn

UBND TỈNH ĐỒNG NAI **BAN QUẢN LÝ** **CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 105 /XN-KCNĐN	*Đồng Nai, ngày 22 tháng 9 năm 2016*

GIẤY XÁC NHẬN
Đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường

Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai xác nhận Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất dầm thép & Kết cấu thép, công suất 1.000 tấn sản phẩm/năm" (trong quy trình sản xuất không có công đoạn xi mạ, phun phủ và đánh bóng kim loại) (địa chỉ: Lô 03, Đường ĐCD.03, KCN Giang Điền) tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai vào ngày 22/9/2016.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản Kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo Kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

3. Trong trường hợp có những thay đổi, điều chỉnh nội dung bản Kế hoạch bảo vệ môi trường, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 phải báo cáo Ban Quản lý các KCN Đồng Nai và chỉ được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất dầm thép & Kết cấu thép, công suất 1.000 tấn sản phẩm/năm" kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 để thực hiện và được lưu tại cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường để kiểm tra, giám sát./.

Nơi nhận:
- Cty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3;
- UBND huyện Trảng Bom;
- Lưu VT, MT (Đ).

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Mạnh Văn

Số 26, Đường 2A, KCN Biên Hòa II, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
ĐT: (061) 3892 378 – 3 893 699; Fax: (061) 3892 379
Email: bqlkcn@dongnai.gov.vn; diza@diza.vn Website: http://diza.dongnai.gov.vn

UBND TỈNH ĐỒNG NAI **BAN QUẢN LÝ** **CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2807 / KCNĐN-QHXD V/v thẩm định thiết kế Dự án đầu tư xây dựng công trình của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 tại KCN Giang Điền.	*Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2016.*

Kính gửi: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3
(136/1 Trần Phú, Phường 04, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh)

Ban Quản lý các KCN Đồng Nai nhận được hồ sơ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 về trình thẩm định thiết kế xây dựng công trình thuộc dự án Nhà máy sản xuất dầm thép và kết cấu thép tại KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Văn bản số 9089/UBND-CNN ngày 29/9/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các KCN thực hiện thẩm định thiết kế xây dựng;

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định của Chủ đầu tư; Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế số 011/BC-TKXDVT ngày 18/11/2016 của Công ty Cổ phần Thiết kế xây dựng Vũng Tàu.

Sau khi xem xét hồ sơ, Ban Quản lý các KCN Đồng Nai thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng công trình thuộc dự án Nhà máy sản xuất dầm thép và kết cấu thép tại KCN Giang Điền, như sau:

I. Thông tin chung về Dự án:

1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất dầm thép và kết cấu thép.
2. Nhóm dự án: Nhóm C; công trình công nghiệp, cấp công trình: cấp III.
3. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.
4. Địa điểm xây dựng: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.
5. Tổng mức đầu tư: 13,8 tỷ đồng (Báo cáo của chủ đầu tư).
6. Nguồn vốn đầu tư: Vốn của doanh nghiệp.
7. Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2017.
8. Nhà thầu tư vấn khảo sát địa chất: Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Kiểm định D.I.C.
9. Nhà thầu tư vấn lập thiết kế: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Vạn Xuân.
10. Nhà thầu thẩm tra bản vẽ thiết kế: Công ty Cổ phần Thiết kế xây dựng Vũng Tàu.

Số 26, Đường 2A, KCN Biên Hòa II, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
ĐT: (061) 3892382 - 3892378; Fax: (061) 3892379.
Email: bqlkcn@dongnai.gov.vn, diza@diza.vn; Website: http://diza.dongnai.gov.vn

II. Nội dung hồ sơ trình thẩm định:

1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số 0300421520 chứng nhận lần đầu ngày 23/9/2004; chứng nhận thay đổi lần thứ 11 ngày 20/01/2016 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.

- Hợp đồng thuê lại đất số 13/HĐTĐ/GĐ ngày 26/02/2016; Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 01/4/2016 ký kết giữa Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.

- Biên bản thỏa thuận về việc sử dụng hạ tầng KCN số 08/BB-XNGĐ-KTh ngày 07/3/2016 ký kết giữa Xí nghiệp Dịch vụ KCN Giang Điền và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 18/TD-PCCC ngày 17/11/2016 do Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh Đồng Nai thẩm duyệt.

- Giấy xác nhận Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 105/XN-KCNĐN ngày 22/9/2016 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai xác nhận.

- Quyết định số 553/QĐ.ĐC1 ngày 21/4/2016 của Chủ đầu tư phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Quyết định số 554/QĐ-DAĐT ngày 21/11/2016 của chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ thiết kế.

- Báo cáo tổng hợp số 590/BCTH-CT3 ngày 21/11/2016 của chủ đầu tư trình thẩm định.

- Bản vẽ thiết kế, báo cáo kinh tế kỹ thuật.

- Báo cáo khảo sát địa chất công trình.

- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế số 011/BC-TKXDVT ngày 18/11/2016 của Công ty Cổ phần Thiết kế xây dựng Vũng Tàu.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của nhà thầu khảo sát địa chất, mã số 0304162637, đăng ký lần đầu ngày 30/12/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/3/2013 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chứng nhận cho Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Kiểm định D.I.C.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của nhà thầu thiết kế, mã số 3502229575, đăng ký lần đầu ngày 15/7/2013; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06/9/2014 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chứng nhận cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Vạn Xuân.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của nhà thầu thẩm tra bản vẽ thiết kế mã số 3502254081, đăng ký lần đầu ngày 26/5/2014; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 15/10/2015 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chứng nhận cho Công ty Cổ phần Thiết kế xây dựng Vũng Tàu.

- Các chứng chỉ hành nghề của chủ trì khảo sát, thiết kế, thẩm tra bản vẽ.

- Bảng kê khai kinh nghiệm của tổ chức thiết kế.

2. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: thiết kế áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam.

3. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

Phương án tổng mặt bằng, cơ cấu sử dụng đất: Dự án Nhà máy sản xuất dầm thép và kết cấu thép được xây dựng trên lô đất tại KCN Giang Điền với các chỉ tiêu kỹ thuật như sau:

- Diện tích khu đất xây dựng : 14.121,00 m^2, tỷ lệ 100%.
- Diện tích xây dựng : 5.971,35 m^2, tỷ lệ 42,29%.
- Diện tích cây xanh : 2.824,20 m^2, tỷ lệ 20,00%.
- Diện tích sân, đường nội bộ : 5.325,45 m^2, tỷ lệ 37,71%.

3.1. Nhà văn phòng:

+ Diện tích xây dựng: 125,40 m^2.
+ Tổng diện tích sàn: 250,80 m^2.
+ Chiều cao tầng 1: + 3,60 m.
+ Chiều cao công trình: + 8,45 m; số tầng: 02.
+ Cốt nền xây dựng: + 0,45 m (so với cốt nền đường nội bộ).
+ Kết cấu: Móng, đà kiềng: bê tông cốt thép; cột, dầm, sàn, vì kèo: thép; tường xây gạch; mái lợp tôn.

3.2. Nhà xưởng sản xuất:

+ Diện tích xây dựng: 2.203,20 m^2.
+ Tổng diện tích sàn: 2.203,20 m^2.
+ Chiều cao công trình: + 11,10 m; số tầng: 01.
+ Cốt nền xây dựng: + 0,20 m (so với cốt nền đường nội bộ).
+ Kết cấu: Móng, đà kiềng: bê tông cốt thép; khung: thép; vách ốp tôn; mái lợp tôn.

3.3. Nhà xưởng phun bi – phun sơn:

+ Diện tích xây dựng: 917,40 m^2.
+ Tổng diện tích sàn: 917,40 m^2.
+ Chiều cao công trình: + 11,44 m; số tầng: 01.
+ Cốt nền xây dựng: ± 0,00 m (so với cốt nền đường nội bộ).
+ Kết cấu: Móng, đà kiềng: bê tông cốt thép; khung: thép; vách ốp tôn; mái lợp tôn.

3.4. Nhà xưởng đúc:

+ Diện tích xây dựng: 2.561,60 m^2.
+ Tổng diện tích sàn: 2.561,60 m^2.
+ Chiều cao công trình: + 11,44 m; số tầng: 01.
+ Cốt nền xây dựng: ± 0,00 m (so với cốt nền đường nội bộ).
+ Kết cấu: Móng, đà kiềng: bê tông cốt thép; khung: thép; vách ốp tôn; mái lợp tôn.

3.5. Các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật:

- Nhà bảo vệ: diện tích xây dựng (DTXD): 19,25 m^2; chiều cao: + 4,57 m.
- Nhà xe: DTXD: 112,50 m^2; chiều cao: + 3,20 m.
- Nhà vệ sinh: DTXD: 17,10 m^2; chiều cao: + 4,00 m.
- Trạm biến áp (02 trạm): DTXD: 16,00 x 2 = 32 m^2; chiều cao: + 2,60 m.
- Bể nước ngầm (dưới nhà bảo vệ): Thể tích: 86,94 m^3.

- Cổng, hàng rào, sân đường nội bộ, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy.

III. Kết quả thẩm định thiết kế xây dựng:

1. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế:

- Tổ chức thực hiện khảo sát: Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Kiểm định D.I.C có đăng ký kinh doanh phù hợp với công việc thực hiện; cá nhân chủ trì lập khảo sát địa chất có chứng chỉ hành nghề theo quy định; đơn vị đã được Bộ Xây dựng công nhận năng lực thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng LAS-XD 948 tại Quyết định số 09/QĐ-BXD ngày 09/01/2015.

- Tổ chức thực hiện thiết kế xây dựng: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Vạn Xuân có đăng ký kinh doanh phù hợp với công việc thực hiện; các cá nhân chủ trì thiết kế có chứng chỉ hành nghề theo quy định; tuy nhiên, đơn vị chưa công khai thông tin năng lực trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng địa phương hoặc Bộ Xây dựng.

- Tổ chức thực hiện thẩm tra thiết kế: Công ty Cổ phần Thiết kế xây dựng Vũng Tàu có đăng ký kinh doanh; tuy nhiên, đơn vị chưa cung cấp thông tin về ngành nghề kinh doanh và chưa công khai thông tin năng lực trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng địa phương hoặc hoặc Bộ Xây dựng; các cá nhân chủ trì thẩm tra thiết kế có chứng chỉ hành nghề theo quy định.

2. Sự phù hợp của của các giải pháp thiết kế: các giải pháp thiết kế phù hợp với loại công trình công nghiệp.

3. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu cho công trình: Thiết kế phù hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của Việt nam.

4. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình, mức độ an toàn công trình và đảm bảo an toàn của công trình lân cận: Giải pháp thiết kế các công trình xây dựng phù hợp công năng sử dụng nhà xưởng sản xuất; công trình thiết kế đảm bảo an toàn chịu lực (theo kết quả thẩm tra thiết kế số 011/BC-TKXDVT ngày 18/11/2016); khoảng cách từ công trình xây dựng đến công trình lân cận đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy (theo kết quả thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 18/TD-PCCC ngày 17/11/2016).

5. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ: Dự án đã được Ban Quản lý các KCN xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường và được Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh Đồng Nai thẩm duyệt thiết kế PCCC.

6. Yêu cầu bổ sung, hoàn thiện thiết kế:

- Đề nghị các nhà thầu: thiết kế, thẩm tra thiết kế cung cấp nội dung về thực hiện công khai thông tin năng lực trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng hoặc Bộ Xây dựng theo quy định tại Điều 159 Luật Xây dựng.

- Đề nghị nhà thầu thẩm tra thiết kế bổ sung thông tin về lĩnh vực kinh doanh.

- Đề nghị tổ chức thiết kế lập quy trình bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

- Đề nghị chủ đầu tư bổ sung Trích lục và đo tách thửa đất bản đồ địa chính số 15/TLĐC đã được Văn Phòng đăng ký đất đai xác nhận ngày 29/3/2016 (Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 01/4/2016).

IV. Kết luận:

Thiết kế xây dựng công trình thuộc dự án Nhà máy sản xuất dầm thép và kết cấu thép của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 tại KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đủ điều kiện để trình chủ đầu tư xem xét phê duyệt sau khi thực hiện đủ các nội dung yêu cầu tại Mục 6 phần III (nêu trên).

Trên đây là thông báo của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai về kết quả thẩm định thiết kế xây dựng công trình thuộc dự án Nhà máy sản xuất dầm thép và kết cấu thép tại KCN Giang Điền, đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định.

Trân trọng./.

TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, QHXD (H);
5220C.

Cao Tiến Sỹ

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 222 /GPXD-KCNĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 12 năm 2016.

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3.**

Địa chỉ: 136/1 Trần Phú, Phường 04, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Nhà máy sản xuất dầm thép và kết cấu thép.

- Tổng số công trình: 04 công trình chính và các công trình phụ trợ + hạ tầng kỹ thuật.
- Trên lô đất có diện tích: 14.121,00 m^2.
- Do: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Vạn Xuân thiết kế.
- Chỉ giới xây dựng: Các công trình chính xây dựng cách hàng rào xung quanh lô đất trên 6 m, phù hợp quy hoạch của KCN.
- Mật độ xây dựng: 42,29%.
- Tại: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Theo thiết kế có ký hiệu: Bản vẽ xin phép xây dựng đính kèm.

2.1. Nhà văn phòng:
+ Diện tích xây dựng: 125,40 m^2.
+ Tổng diện tích sàn: 250,80 m^2.
+ Chiều cao tầng 1: + 3,60 m.
+ Chiều cao công trình: + 8,45 m; số tầng: 02.
+ Cốt nền xây dựng: + 0,45 m (so với cốt nền đường nội bộ).
+ Màu sắc công trình: trắng, xám.

2.2. Nhà xưởng sản xuất:
+ Diện tích xây dựng: 2.203,20 m^2.
+ Tổng diện tích sàn: 2.203,20 m^2.
+ Chiều cao công trình: + 11,10 m; số tầng: 01.
+ Cốt nền xây dựng: + 0,20 m (so với cốt nền đường nội bộ).
+ Màu sắc công trình: trắng, xám, xanh.

2.3. Nhà xưởng phun bi – phun sơn:
+ Diện tích xây dựng: 917,40 m^2.
+ Tổng diện tích sàn: 917,40 m^2.
+ Chiều cao công trình: + 11,44 m; số tầng: 01.
+ Cốt nền xây dựng: ± 0,00 m (so với cốt nền đường nội bộ).
+ Màu sắc công trình: trắng, xám, xanh.

2.4. Nhà xưởng đúc:
+ Diện tích xây dựng: 2.561,60 m^2.

+ Tổng diện tích sàn: 2.561,60 m^2.
+ Chiều cao công trình: + 11,44 m; số tầng: 01.
+ Cốt nền xây dựng: ± 0,00 m (so với cốt nền đường nội bộ).
+ Màu sắc công trình: trắng, xám, xanh.

2.5. Các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật:
- Nhà bảo vệ: diện tích xây dựng (DTXD): 19,25 m^2; chiều cao: + 4,57 m.
- Nhà xe: DTXD: 112,50 m^2; chiều cao: + 3,20 m.
- Nhà vệ sinh: DTXD: 17,10 m^2; chiều cao: + 4,00 m.
- Trạm biến áp (02 trạm): DTXD: 16,00 x 2 = 32 m^2; chiều cao: + 2,60 m.
- Bể nước ngầm (dưới nhà bảo vệ): Thể tích: 86,94 m^3.
- Cổng, hàng rào, sân đường nội bộ, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Hợp đồng thuê lại đất số 13/HĐTĐ/GĐ ngày 26/02/2016; Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 01/4/2016 ký kết giữa Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Chưa có.

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên phải đề nghị gia hạn giấy phép./.

Nơi nhận:
- Như mục 1;
- Lưu VT, QHXD (H).

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐỒNG NAI

Cao Tiến Sỹ

CHỦ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

6. Thực hiện đầy đủ các nội dung tại Thông báo kết quả thẩm định thiết kế số 2807/KCNĐN-QHXD ngày 08/12/2016 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

Điều chỉnh nội dung Mục 2 như sau:

- Mật độ xây dựng: 47,48%.

2.4. Nhà xưởng đúc:

+ Diện tích xây dựng: 3.279,60 m^2.
+ Tổng diện tích sàn: 3.279,60 m^2.
+ Chiều cao công trình: + 12,22 m; số tầng: 01.
+ Cốt nền xây dựng: ± 0,00 m (so với cốt nền đường nội bộ).
+ Màu sắc công trình: trắng, xám, xanh.

2.5. Các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật:

- Nhà bảo vệ: diện tích xây dựng (DTXD): 19,25 m^2; chiều cao: + 4,57 m.
- Nhà xe: DTXD: 112,50 m^2; chiều cao: + 3,20 m.
- Nhà vệ sinh: DTXD: 17,10 m^2; chiều cao: + 4,00 m.
- Trạm biến áp (02 trạm): DTXD (trạm 1): 16,00 m^2; DTXD (trạm 2): 32,00 m^2. Chiều cao: + 2,60 m.
- Bể nước ngầm (dưới nhà bảo vệ): Thể tích: 86,94 m^3.
- Cổng, hàng rào, sân đường nội bộ, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy.

Đồng Nai, ngày 11 tháng 9 năm 2017

TRƯỞNG BAN

Cao Tiến Sỹ

SEAS PROJECT CONSULTANTS
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỰ ÁN SEAS

ĐỊA CHỈ: 4/7 Đường 41 Khu Phố 26, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
ADD: 4/7 Street 41, Quarter 26, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM
AM INDUSTRIES VIET NAM LIMITED COMPANY

ĐỊA ĐIỂM: Lô số 3, Đường số 3, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
LOCATION: Lot 3, Road No. 3, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

THIẾT KẾ CƠ SỞ

BASIC DESIGN

NHÀ MÁY AM INDUSTRIES VIỆT NAM
VIETNAM AM INDUSTRIES FACTORY

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM
CLIENT: AM INDUSTRIES VIET NAM LIMITED COMPANY

ĐỊA ĐIỂM: LÔ SỐ 3, ĐƯỜNG SỐ 3, KHU CÔNG NGHIỆP GIANG ĐIỀN, XÃ TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

LOCATION: LOT 3, ROAD NO 3, GIANG DIEN INDUSTRIAL PARK, TRANG BOM COMMUNE, DONG NAI PROVINCE

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH
AM INDUSTRIES
VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THẨM TRA THIẾT KẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH
TƯ VẤN DỰ ÁN SEAS

Đồng Nai, Tháng 12 Năm 2025

KIẾN TRÚC
ARCHITECT

00. TỔNG THỂ
00. GENERAL

DANH MỤC BẢN VẼ PCCC / FF DRAWING LIST

SỐ HIỆU BẢN VẼ / SHEET NUMBER	TÊN BẢN VẼ	SHEET NAME	PHIÊN BẢN CURRENT REVISION	NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE REVISION DATE
00. GENERAL				
DW-A-00-000	TỜ PHẢN TRANG	PADDLE SHEET	00	18-12-2025
DW-A-00-001a	DANH MỤC BẢN VẼ	DRAWING LIST	00	18-12-2025
DW-A-00-002	KÍ HIỆU KIẾN TRÚC	ARCHITECTURAL SYMBOL	00	18-12-2025
DW-A-00-003	GHI CHÚ CHUNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY	FIREFIGHTING GENERAL NOTES	00	18-12-2025
DW-A-00-100	MẶT BẰNG TỌA ĐỘ KHU ĐẤT	SITE COORDINATE PLAN	00	18-12-2025
DW-A-00-101a	MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH	CONSTRUCTION POSITIONING PLAN	00	18-12-2025
DW-A-00-110	MẶT BẰNG TỔNG THỂ PCCC	FIREFIGHTING MASTER PLAN	00	18-12-2025
DW-A-00-111	MẶT BẰNG TỔNG THỂ MÁI	ROOF MASTER PLAN	00	18-12-2025
DW-A-00-112	MÔ TẢ GIỚI HẠN CHỊU LỬA CẤU KIỆN CỦA NHÀ XƯỞNG, VĂN PHÒNG	FIRE RESISTANT OF FACTORY AND OFFIC' STRUCTURE	00	18-12-2025
DW-A-00-202	MẶT ĐỨNG	ELEVATIONS	00	18-12-2025
DW-A-00-302	MẶT CẮT	SECTIONS	00	18-12-2025
DW-A-00-901	THỐNG KÊ CỬA ĐI	DOOR SCHEDULE	00	18-12-2025
DW-A-00-902	THỐNG KÊ CỬA ĐI	DOOR SCHEDULE	00	18-12-2025
DW-A-00-911	THỐNG KÊ CỬA SỔ	WINDOW SCHEDULE	00	18-12-2025
DW-A-00-912	THỐNG KÊ CỬA SỔ	WINDOW SCHEDULE	00	18-12-2025
00. GENERAL: 15				
01,2,3-NM1,2,3. FACTORY 1,2,3				
DW-A-01,2,3-101	MẶT BẰNG TẦNG 1 HIỆN TRẠNG	EXISTING 1ST FLOOR PLAN	00	18-12-2025
DW-A-01,2,3-102	MẶT BẰNG MÁI HIỆN TRẠNG	EXISTING ROOF PLAN	00	18-12-2025
DW-A-01,2,3-103	MẶT BẰNG TẦNG 1 PHÁ DỠ	DEMOLISHED 1ST FLOOR PLAN	00	18-12-2025
DW-A-01,2,3-201	MẶT ĐỨNG HIỆN TRẠNG	EXISTING ELEVATION	00	18-12-2025
DW-A-01,2,3-202	MẶT ĐỨNG PHÁ DỠ	DEMOLISHED ELEVATION	00	18-12-2025
01,2,3-NM1,2,3. FACTORY 1,2,3: 5				
04-NM4. FACTORY 4				
DW-A-04-000	TỜ PHẢN TRANG	PADDLE SHEET	00	18-12-2025
DW-A-04-001	PHỐI CẢNH	PERSPECTIVES	00	18-12-2025
DW-A-04-002	SƠ ĐỒ TÁCH LỚP	DIAGRAM	00	18-12-2025
DW-A-04-101	MẶT BẰNG KÍCH THƯỚC TẦNG 1 XÂY MỚI	NEW CONSTRUCTION DIMENSION 1ST FLOOR PLAN	00	18-12-2025
DW-A-04-102	MẶT BẰNG THIẾT BỊ TẦNG 1	MACHINE LAYOUT 1ST FLOOR PLAN	00	18-12-2025
DW-A-04-103	MẶT BẰNG LỐI THOÁT NẠN	EVACUATION PLAN	00	18-12-2025
DW-A-04-104	MẶT BẰNG MÁI XÂY MỚI	NEW CONSTRUCTION ROOF PLAN	00	18-12-2025
DW-A-04-201	MẶT ĐỨNG XÂY MỚI	NEW CONSTRUCTION ELEVATION	00	18-12-2025
DW-A-04-301	MẶT CẮT XÂY MỚI (1/2)	NEW CONSTRUCTION SECTION (1/2)	00	18-12-2025
DW-A-04-302	MẶT CẮT XÂY MỚI (2/2)	NEW CONSTRUCTION SECTION (2/2)	00	18-12-2025
DW-A-04-801	CHI TIẾT THANG LEO (1/2)	CAGE LADDER DETAIL (1/2)	00	18-12-2025
DW-A-04-802	CHI TIẾT THANG LEO (2/2)	CAGE LADDER DETAIL (2/2)	00	18-12-2025
04-NM4. FACTORY 4: 12				
05-ĐH1. OFFICE				
DW-A-05-000	TỜ PHẢN TRANG	PADDLE SHEET	00	18-12-2025
DW-A-05-001	PHỐI CẢNH	PERSPECTIVE	00	18-12-2025
DW-A-05-101	MẶT BẰNG	FLOOR PLAN	00	18-12-2025
DW-A-05-104	MẶT BẰNG BỐ TRÍ LỐI THOÁT NẠN TẦNG 1	EVACUATION 1ST FLOOR PLAN	00	18-12-2025
DW-A-05-105	MẶT BẰNG BỐ TRÍ LỐI THOÁT NẠN TẦNG 2	EVACUATION 2ND FLOOR PLAN	00	18-12-2025
DW-A-05-106	MẶT BẰNG BỐ TRÍ LỐI THOÁT NẠN TẦNG 3	EVACUATION 3RD FLOOR PLAN	00	18-12-2025
DW-A-05-107	MẶT BẰNG BỐ TRÍ LỐI THOÁT NẠN SÂN THƯỢNG	EVACUATION 3RD & TERRACE FLOOR PLAN	00	18-12-2025
DW-A-05-201	MẶT ĐỨNG	ELEVATION	00	18-12-2025
DW-A-05-301	MẶT CẮT	SECTION	00	18-12-2025
DW-A-05-430	CHI TIẾT THANG (1/2)	STAIR DETAIL (1/2)	00	18-12-2025
DW-A-05-431	CHI TIẾT THANG (2/2)	STAIR DETAIL (2/2)	00	18-12-2025
05-ĐH1. OFFICE: 11				
06-ĐH2. GUARDHOUSE				
DW-A-06-000	TỜ PHẢN TRANG	PADDLE SHEET	00	18-12-2025
DW-A-06-001	PHỐI CẢNH	PERSPECTIVE	00	18-12-2025
DW-A-06-101	MẶT BẰNG, MẶT ĐỨNG, MẶT CẮT	FLOOR PLAN, ELEVATION, SECTION	00	18-12-2025
06-ĐH2. GUARDHOUSE: 3				
10-DV1. WASTE AREA				
DW-A-10-000.	TỜ PHẢN TRANG	PADDLE SHEET	00	18-12-2025
DW-A-10-101.	MẶT BẰNG, MẶT ĐỨNG, MẶT CẮT	FLOOR PLAN, ELEVATION, SECTION	00	18-12-2025
10-DV1. WASTE AREA: 2				
13-HT1. UNDERGROUND WATER TANK				
DW-A-13-000	TỜ PHẢN TRANG	PADDLE SHEET	00	18-12-2025
DW-A-13-001	PHỐI CẢNH	PERSPECTIVE	00	18-12-2025
DW-A-13-101	MẶT BẰNG	FLOOR PLAN	00	18-12-2025
DW-A-13-201	MẶT ĐỨNG MẶT CẮT	ELEVATION, SECTION	00	18-12-2025
13-HT1. UNDERGROUND WATER TANK: 4				
14-HT2. FLAG POLE				
DW-A-14-000	TỜ PHẢN TRANG	PADDLE SHEET	00	18-12-2025
DW-A-14-101	CHI TIẾT CỘT CỜ	FLAG POLE DETAIL	00	18-12-2025
14-HT2. FLAG POLE: 2				
TỔNG CỘNG/ TOTAL: 54				

GHI CHÚ:

- BẢN VẼ NÀY PHẢI ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN NHƯ: KIẾN TRÚC, NỘI THẤT, KẾT CẤU, CƠ ĐIỆN.
- BẢN VẼ NÀY KHÔNG ĐƯỢC DÙNG ĐỂ XÂY DỰNG NẾU KHÔNG ĐƯỢC CHỨNG NHẬN.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC THỂ HIỆN MILIMET, NGOẠI TRỪ CÓ CHÚ THÍCH KHÁC.
- KHÔNG SỬ DỤNG THƯỚC ĐỂ ĐO KÍCH THƯỚC TRỰC TIẾP TRÊN BẢN VẼ.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA NGOÀI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH BẢN VẼ THI CÔNG.
- NHÀ THẦU GỬI BẢN VẼ XÁC ĐỊNH CÁC KÍCH THƯỚC, CÁC VẤN ĐỀ ĐỂ CÂN LÂM SÀNG TỐ KHI CÓ SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THIẾT KẾ CƠ ĐIỆN VÀ THI CÔNG.
- BẢN VẼ CƠ ĐIỆN CÂN THỂ HIỆN CÁC YÊU CẦU THIẾT KẾ, NHÀ THẦU CÂN KHAI TRIỂN BẢN VẼ THI CÔNG VÀ CHẾ TẠO THEO MỤC ĐÍCH CỦA BẢN VẼ THIẾT KẾ.
- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC KẾT HỢP VỚI THUYẾT MINH KỸ THUẬT VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.
- BẢN VẼ VÀ THIẾT KẾ NÀY ĐƯỢC GIỮ BẢN QUYỀN VÀ KHÔNG SAO CHÉP NẾU KHÔNG ĐƯỢC SỰ CHẤP THUẬN CỦA CDT.

NOTE:

- THIS DRAWING MUST BE READ AND LINKED WITH RELATED DRAWINGS, SUCH AS ARCHITECT, INTERIOR, STRUCTURAL AND MECHANICAL DRAWINGS.
- IF IT IS NOT CERTIFIED, THIS DRAWING CANNOT BE USED FOR CONSTRUCTION PURPOSE.
- MILLIMETER IS THE UNIT USED IN THE DRAWING, WITH THE EXCEPTION OF OTHER ANNOTATIONS.
- DO NOT USE A RULER TO MEASURE DIMENSIONS ON THE DRAWINGS.
- ALL DIMENSIONS MUST BE DOUBLE CHECKED ON CONSTRUCTION SITE BEFORE DEVELOPING SHOP DRAWINGS.
- CONTRACTOR MUST SUBMIT DRAWINGS IN WHICH ALL DIMENSIONS HAVE BEEN CHECKED AND ALL ISSUES AND/OR DIFFERENTIALS BETWEEN M&E DESIGNS AND CONSTRUCTION HAVE BEEN CLARIFIED.
- DESIGN REQUIREMENTS SHOULD BE SHOWN IN THE M&E DESIGN DRAWINGS. CONTRACTOR MUST DEVELOP SHOP DRAWINGS AND FABRICATE ON M&E DESIGN DRAWINGS BASIS.
- THIS DRAWING IS READ IN CONNECTION WITH THE TECHNICAL SPECIFICATION AND CONDITIONS OF THE CONTRACT.
- THIS DRAWING AND DESIGN ARE THE OWNER'S COPYRIGHT. IT IS A BREACH TO REPRODUCE WITHOUT THE OWNER'S APPROVALS.

Rev	NGÀY/ DATE	DIỄN GIẢI / DESCRIPTION
00	18-12-2025	PHÁT HÀNH BẢN VẼ XIN PHÉP/ ISSUED FOR PERMIT

BẢN VẼ XIN PHÉP	☑ PERMIT APPROVAL DRAWING
THIẾT KẾ SƠ PHÁC	☐ CONCEPTUAL DESIGN
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ BASIC (FEED) DESIGN
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ TECHNICAL DESIGN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT DRAWING

DỰ ÁN / PROJECT

NHÀ MÁY AM INDUSTRIES VIỆT NAM
VIETNAM AM INDUSTRIES FACTORY

ĐỊA ĐIỂM: Lô số 3, Đường số 3, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
LOCATION: Lot 3, Road No. 3, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT :
CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM
AM INDUSTRIES VIET NAM LIMITED COMPANY

Địa chỉ : Lô số 15, Đường số 8, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
Address : Lot No. 15, Road No. 8, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

PHÊ DUYỆT
APPROVED BY

TƯ VẤN THIẾT KẾ / CONSULTANTS :
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỰ ÁN SEAS
SEAS PROJECT CONSULTANTS CO., LTD

Địa chỉ : 4/7 Đường 41, KP 2, P.An Khánh, TP. HCM
Address : 4/7 Street 41, Quarter 2, An Khanh Ward, HCMC
ĐT: 028.38418054 - Email: seas@seas.com.vn - Website :https:// www.seas.com.vn

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT
TECHNICAL DIRECTOR

TRƯƠNG CÔNG TRIỀU

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ DESIGN PRESIDENT	VÕ THANH TUYỀN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ REPRESENTATIVE	VÕ THANH TUYỀN	
THIẾT KẾ DESIGNER	TRẦN HUỲNH MINH THƯ	
QUẢN LÝ THIẾT KẾ DESIGN MANAGER	DƯƠNG VĂN HOÀNG	

HANG MUC / ITEM

KIẾN TRÚC - 00. TỔNG THỂ
ARCHITECTURE - 00. GENERAL

TÊN BẢN VẼ / DWG TITLE :

DANH MỤC BẢN VẼ
DRAWING LIST

MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE	SỐ BẢN VẼ DRAWING No.:	HIỆU CHỈNH REV.	TỈ LỆ SCALE	KHỔ GIẤY SIZE
AMIND.02-25	DW-A-00-001a	00		A1

BẢNG GHI CHÚ CHUNG KÝ HIỆU KIẾN TRÚC - GENERAL ARCHITECTURE SYMBOLS INDICATION TABLE

KÍ HIỆU CHÚ THÍCH VẬT LIỆU
MATERIAL INDICATION SYMBOLS

- **ĐẤT TỰ NHIÊN** - EARTH/ COMPACT FILL
- **BÊ TÔNG CỐT THÉP** - REINFORCED CONCRETE
- **GẠCH XÂY** - BRICK
- **GẠCH ACC** - AAC BRICK
- **THẠCH CAO** - GYPSUM
- **CÁT** - SAND
- **TÔN (MẶT ĐỨNG)** - TOLE (FACADE)
- **KÍNH (MẶT ĐỨNG)** - GLASS (FACADE)
- **GỖ (MẶT ĐỨNG)** - WOOD (FACADE)
- **TẤM PANEL** - PANEL
- **CỎ** - GRASS
- **GẠCH CỎ** - PLANTING GRASS TILES
- **GẠCH VỈA HÈ** - PAVEMENT BRICK
- **NƯỚC** - WATER
- **TÔN LÁY SÁNG** - TOLE LIGHT

KÍ HIỆU - SYMBOLS

HƯỚNG BẮC
NORTH DIRECTION

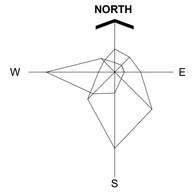

CHI TIẾT TRÍCH DẪN
DETAIL REFERENCE

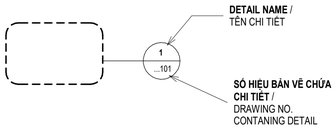

ĐƯỜNG DẪN THANG
STAIR PATH

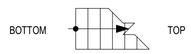

KÍ HIỆU THAM CHIẾU PHÒNG
ROOM REFERENCE

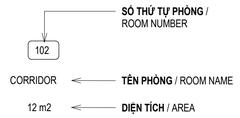

TRỤC CỘT
COLUMN GRID

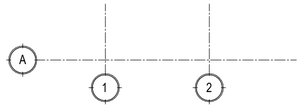

ĐƯỜNG DẪN RAMP DỐC
RAMP PATH

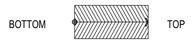

KÍ HIỆU CAO ĐỘ (MẶT ĐỨNG, MẶT CẮT)
LEVEL INDICATION (ELEVATION, SECTION)

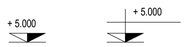

THAM CHIẾU MẶT CẮT
SECTIONS REFERENCE

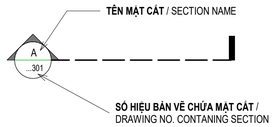

DẤU NGẮT
BREAK LINE

CHÊNH CAO ĐỘ SÀN
FLOOR STEP

KÍ HIỆU CAO ĐỘ (SÀN, TRẦN)
LEVEL INDICATION (FLOOR, CEILING)

THAM CHIẾU MẶT ĐỨNG
ELEVATIONS REFERENCE

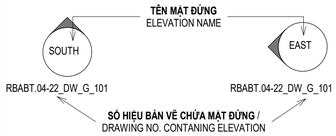

ĐỘ DỐC
SLOPE

THÔNG TẦNG
VOID

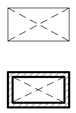

TÊN TIÊU ĐỀ BẢN VẼ
TITLE DRAWING

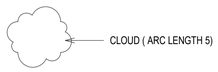

KÍ HIỆU CỬA, TƯỜNG, SÀN, TRẦN
DOOR, WALL, FLOOR, CEILING SYMBOL

DX.Y	**D**: **KÝ HIỆU CỬA ĐI** - DOOR SYMBOL **X**: **LOẠI VẬT LIỆU** - MATERIAL TYPE **Y**: **LOẠI CỬA ĐI** - DOOR TYPE
EDX	**ED**: **KÝ HIỆU CỬA THOÁT HIỂM** EMERGENCY DOOR **X**: **LOẠI CỬA THOÁT HIỂM** EMERGENCY DOOR TYPE
FDX	**FD**: **KÝ HIỆU CỬA NGĂN CHÁY** FIRE PREVENTION DOOR SYMBOL **X**: **LOẠI CỬA NGĂN CHÁY** FIRE PREVENTION DOOR TYPE
EFDX	**EFD**: **KÝ HIỆU CỬA THOÁT HIỂM NGĂN CHÁY** FIRE PREVENTION EMERGENCY DOOR SYMBOL **X**: **LOẠI CỬA THOÁT HIỂM NGĂN CHÁY** FIRE PREVENTION EMERGENCY DOOR TYPE
RDX	**RD**: **KÝ HIỆU CỬA CUỐN** ROLLER SHUTTER DOOR SYMBOL **X**: **LOẠI CỬA CUỐN** ROLLER SHUTTER DOOR TYPE
RDFX	**RDF**: **KÝ HIỆU CỬA CUỐN NGĂN CHÁY** FIRE PREVENTION ROLLER SHUTTER DOOR SYMBOL **X**: **LOẠI CỬA CUỐN NGĂN CHÁY** FIRE PREVENTION ROLLER SHUTTER DOOR TYPE
SX	**S**: **KÝ HIỆU CỬA SỔ** - WINDOW SYMBOL **X**: **LOẠI CỬA SỔ** - WINDOW TYPE
LVX	**LV**: **KÝ HIỆU LOUVER** - LOUVER SYMBOL **X**: **LOẠI LOUVER** - LOUVER TYPE
FX	**F**: **KÝ HIỆU SÀN** - FLOOR SYMBOL **X**: **KÝ HIỆU KẾT CẤU SÀN VÀ HOÀN THIỆN SÀN** STRUCTURE AND FINISHING FLOOR SYMBOL
RX	**R**: **KÝ HIỆU MÁI** - ROOF SYMBOL **X**: **KÝ HIỆU KẾT CẤU MÁI VÀ HOÀN THIỆN MÁI** STRUCTURE AND FINISHING ROOF SYMBOL
C1	**C**: **KÝ HIỆU TRẦN** - CEILING SYMBOL **X**: **LOẠI TRẦN** - CEILING TYPE
WGX	**WG**: **VÁCH KÍNH CƯỜNG LỰC** - CURTAIN WALL **X**: **LOẠI VÁCH KÍNH** - CURTAIN WALL TYPE
WX	**W**: **KÝ HIỆU TƯỜNG** - WALL SYMBOL **X**: **LOẠI TƯỜNG, VẬT LIỆU** - WALL TYPE, MATERIAL TYPE
WFX	**WF**: **KÝ HIỆU TƯỜNG NGĂN CHÁY** FIRE PREVENTION WALL SYMBOL **X**: **LOẠI TƯỜNG, VẬT LIỆU** - WALL TYPE, MATERIAL TYPE

CÁC QUY CHUẨN - TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG TRONG DỰ ÁN:

- **TIÊU CHUẨN XÂY DỰNG VN, TCXDVN 322:2004 /** VIETNAM CONSTRUCTION STANDARD, TCXDVN 322:2004
- **QUY CHUẨN XÂY DỰNG VN (TẬP 1, 2, 3 XUẤT BẢN 1997 - BXD) /** VIETNAM CONSTRUCTION REGULATION (CHAPTER 1,2,3 PUBLISHED 1997 - BXD)
- **QCVN 01:2021/BXD: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG**
- **QCVN 06:2022/BXD: QUY CHUẨN KỸ THUẬT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY / QCVN 06:2022/BXD/** TECHNICAL REGULATION ON FIREFIGHTING AND PROTECTION
- **SỬA ĐỔI 1:2023 QCVN 06:2022/BXD QUY CHUẨN KỸ THUẬT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY. /** ADJUSTMENT 1:2023 QCVN 06/2022/BXD TECHNICAL REGULATION ON FIREFIGHTING AND PROTECTION
- **TCVN 4604:2012: TIÊU CHUẨN XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP - NHÀ SẢN XUẤT**
- **TCVN 2622:1995: TIÊU CHUẨN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH.**
- **QCVN 03:2022/BXD: PHÂN CẤP CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ THIẾT KẾ XÂY DỰNG;**
- **TCVN 4317:1986 - NHÀ KHO /** TCVN 4317:1986 - WAREHOUSE
- **TCVN 4514:2012 XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP-TỔNG MẶT BẰNG-TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ;**
- **QCVN 10:2014/BXD: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐẢM BẢO NGƯỜI KHUYẾT TẬT TIẾP CẬN SỬ DỤNG.**

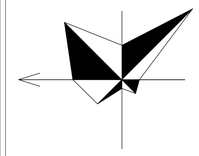

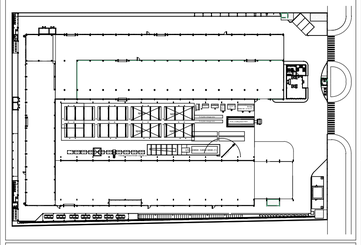

GHI CHÚ:

- BẢN VẼ NÀY PHẢI ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN NHƯ: KIẾN TRÚC, NỘI THẤT, KẾT CẤU, CƠ ĐIỆN.
- BẢN VẼ NÀY KHÔNG ĐƯỢC DÙNG ĐỂ XÂY DỰNG NẾU KHÔNG ĐƯỢC CHỨNG NHẬN.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC THỂ HIỆN MILIMET, NGOẠI TRỪ CÓ CHÚ THÍCH KHÁC.
- KHÔNG SỬ DỤNG THƯỚC ĐỂ ĐO KÍCH THƯỚC TRỰC TIẾP TRÊN BẢN VẼ.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA NGOÀI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH BẢN VẼ THI CÔNG.
- NHÀ THẦU GỬI BẢN VẼ XÁC ĐỊNH CÁC KÍCH THƯỚC, CÁC VÁN ĐỀ ĐỂ CÂN LÀM SÁNG TỎ KHI CÓ SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THIẾT KẾ CƠ ĐIỆN VÀ THI CÔNG.
- BẢN VẼ CƠ ĐIỆN CẦN THỂ HIỆN CÁC YÊU CẦU THIẾT KẾ, NHÀ THẦU CẦN KHAI TRIỂN BẢN VẼ THI CÔNG VÀ CHẾ TẠO THEO MỤC ĐÍCH CỦA BẢN VẼ THIẾT KẾ.
- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC KẾT HỢP VỚI THUYẾT MINH KỸ THUẬT VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.
- BẢN VẼ VÀ THIẾT KẾ NÀY ĐƯỢC GIỮ BẢN QUYỀN VÀ KHÔNG SAO CHÉP NẾU KHÔNG ĐƯỢC SỰ CHẤP THUẬN CỦA CDT.

NOTE:

- THIS DRAWING MUST BE READ AND LINKED WITH RELATED DRAWINGS, SUCH AS ARCHITECT, INTERIOR, STRUCTURAL AND MECHANICAL DRAWINGS.
- IF IT IS NOT CERTIFIED, THIS DRAWING CANNOT BE USED FOR CONSTRUCTION PURPOSE.
- MILLIMETER IS THE UNIT USED IN THE DRAWING, WITH THE EXCEPTION OF OTHER ANNOTATIONS.
- DO NOT USE A RULER TO MEASURE DIMENSIONS ON THE DRAWINGS.
- ALL DIMENSIONS MUST BE DOUBLE CHECKED ON CONSTRUCTION SITE BEFORE DEVELOPING SHOP DRAWINGS.
- CONTRACTOR MUST SUBMIT DRAWINGS IN WHICH ALL DIMENSIONS HAVE BEEN CHECKED AND ALL ISSUES AND/OR DIFFERENTIALS BETWEEN M&E DESIGNS AND CONSTRUCTION HAVE BEEN CLARIFIED.
- DESIGN REQUIREMENTS SHOULD BE SHOWN IN THE M&E DESIGN DRAWINGS. CONTRACTOR MUST DEVELOP SHOP DRAWINGS AND FABRICATE ON M&E DESIGN DRAWINGS BASIS.
- THIS DRAWING IS READ IN CONNECTION WITH THE TECHNICAL SPECIFICATION AND CONDITIONS OF THE CONTRACT.
- THIS DRAWING AND DESIGN ARE THE OWNER'S COPYRIGHT. IT IS A BREACH TO REPRODUCE WITHOUT THE OWNER'S APPROVALS.

Rev	NGÀY/ DATE	DIỄN GIẢI / DESCRIPTION
00	18-12-2025	PHÁT HÀNH BẢN VẼ XIN PHÉP/ ISSUED FOR PERMIT

BẢN VẼ XIN PHÉP	☑ PERMIT APPROVAL DRAWING
THIẾT KẾ SƠ PHÁC	☐ CONCEPTUAL DESIGN
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ BASIC (FEED) DESIGN
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ TECHNICAL DESIGN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT DRAWING

DỰ ÁN / PROJECT

NHÀ MÁY AM INDUSTRIES VIỆT NAM
VIETNAM AM INDUSTRIES FACTORY

ĐỊA ĐIỂM: Lô số 3, Đường số 3, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
LOCATION: Lot 3, Road No. 3, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT :
CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM
AM INDUSTRIES VIET NAM LIMITED COMPANY

PHÊ DUYỆT / APPROVED BY

Địa chỉ : Lô số 15, Đường số 8, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
Address : Lot No. 15, Road No. 8, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

TƯ VẤN THIẾT KẾ / CONSULTANTS :
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỰ ÁN SEAS
SEAS PROJECT CONSULTANTS CO., LTD

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT / TECHNICAL DIRECTOR

Địa chỉ : 4/7 Đường 41, KP 2, P.An Khánh, TP. HCM
Address : 4/7 Street 41, Quarter 2, An Khanh Ward, HCMC
ĐT: 028.38418054 - Email: seas@seas.com.vn - Website :https:// www.seas.com.vn

TRƯƠNG CÔNG TRIỀU

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ DESIGN PRESIDENT	VÕ THANH TUYỀN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ REPRESENTATIVE	VÕ THANH TUYỀN	
THIẾT KẾ DESIGNER	TRẦN HUỲNH MINH THƯ	
QUẢN LÝ THIẾT KẾ DESIGN MANAGER	DƯƠNG VĂN HOÀNG	

HANG MUC / ITEM

KIẾN TRÚC - 00. TỔNG THỂ
ARCHITECTURE - 00. GENERAL

TÊN BẢN VẼ / DWG TITLE :

KÍ HIỆU KIẾN TRÚC
ARCHITECTURAL SYMBOL

MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE	SỐ BẢN VẼ DRAWING No.:	HIỆU CHỈNH REV.	TỈ LỆ SCALE	KHỔ GIẤY SIZE
AMIND.02-25	DW-A-00-002	00		A1

GHI CHÚ CHUNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY:

LOẠI CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY GIA CÔNG THÉP

A. NHÀ XƯỞNG:
- NHÓM NHÀ: F5 (THEO BẢNG 6, MỤC 2.5.3.3, QCVN06:2022/BXD
- HANG NGUY HIỂM CHÁY NỔ: D (THEO PHỤ LỤC C, BẢNG C.1, QCVN06: 2022/BXD)
- BẬC CHỊU LỬA: IV (THEO PHỤ LỤC H, QCVN 06:2022/ BXD)
- BỘ PHẬN CHỊU LỰC: TOÀN BỘ CỘT, KÈO MÁI BẰNG THÉP ĐẢM BẢO GIỚI HẠN CHỊU LỬA R15; CẤP NGUY HIỂM CHÁY K0 (THEO BẢNG 4, QCVN 06:2022/ BXD)
- TƯỜNG NGOÀI KHÔNG CHỊU LỰC: VÁCH TOLE CAO TỚI MÁI, CẤP NGUY HIỂM CHÁY K0.
- BỘ PHẬN MÁI: KẾT CẤU MÁI KHÔNG THAM GIA CHỊU LỰC, KHÔNG THAM GIA VÀO ĐỘ BỀN TỔNG THỂ VÀ SỰ ỔN ĐỊNH KHÔNG GIAN CHO NHÀ KHI CÓ CHÁY; XÀ GỒ MÁI KHÔNG THAM GIA CHỊU LỰC, KHÔNG THAM GIA VÀO ĐỘ BỀN TỔNG THỂ VÀ SỰ ỔN ĐỊNH KHÔNG GIAN CHO NHÀ KHI CÓ CHÁY, TÍNH TOÁN ĐẢM BẢO GIỚI HẠN CHỊU LỬA R8 THEO THUYẾT MINH TÍNH TOÁN ĐÍNH KÈM; CẤP NGUY HIỂM CHÁY K0

B. VĂN PHÒNG:
- NHÓM NHÀ F4.3 (THEO BẢNG 6, MỤC 2.5.3.3, QCVN06:2022/BXD)
- BẬC CHỊU LỬA: III (THEO PHỤ LỤC H, QCVN 06:2022/ BXD)
- BỘ PHẬN CHỊU LỰC: TOÀN BỘ CỘT, DẦM BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐẢM BẢO GIỚI HẠN CHỊU LỬA R15; ĐẠT CẤP NGUY HIỂM CHÁY K0 (THEO BẢNG 4, QCVN 06:2022/ BXD)
- TƯỜNG NGOÀI KHÔNG CHỊU LỰC: TƯỜNG GẠCH DÀY 200mm, CAO TỚI MÁI, CẤP NGUY HIỂM CHÁY K0
- BỘ PHẬN MÁI: KẾT CẤU MÁI KHÔNG THAM GIA CHỊU LỰC, MÁI BÊ TÔNG CỐT THÉP KHÔNG YÊU CẦU GIỚI HẠN CHỊU LỬA; CẤP NGUY HIỂM CHÁY K0
- SÀN GIỮA CÁC TẦNG: SÀN GIỮA TẦNG VĂN PHÒNG VÀNG BTCT ĐẢM BẢO GIỚI HẠN CHỊU LỬA REI45; ĐẠT CẤP NGUY HIỂM CHÁY K0 (THEO BẢNG 4, QCVN 06:2022/ BXD)
- TƯỜNG BUỒNG THANG: TƯỜNG GẠCH DÀY TỐI THIỂU 110mm, CAO ĐẾN MÁI; ĐẢM BẢO GIỚI HẠN CHỊU LỬA REI60; ĐẠT CẤP NGUY HIỂM CHÁY K0 (THEO BẢNG 4, QCVN 06:2022/ BXD)
- BẬN THANG VÀ CHIẾU THANG BẰNG BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐẢM BẢO GIỚI HẠN CHỊU LỬA R45; ĐẠT CẤP NGUY HIỂM CHÁY K0 (THEO BẢNG 4, QCVN 06:2022/ BXD)
- VÌ CÔNG TRÌNH CAO HƠN NHÀ XƯỞNG, NÊN TƯỜNG TIẾP GIÁP TẠI MẶT NHÀ XƯỞNG SẼ LÀ TƯỜNG NGĂN CHÁY LOẠI 1 REI150.

B. NHÀ BẢO VỆ
- BẬC CHỊU LỬA CÔNG TRÌNH : BẬC III (THEO PHỤ LỤC H, QCVN 06:2022/ BXD)
- BỘ PHẬN CHỊU LỰC: TOÀN BỘ CỘT, DẦM BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐẢM BẢO GIỚI HẠN CHỊU LỬA R15; ĐẠT CẤP NGUY HIỂM CHÁY K0 (THEO BẢNG 4, QCVN 06:2022/ BXD)
- TƯỜNG NGOÀI KHÔNG CHỊU LỰC: TƯỜNG GẠCH DÀY 200mm, CAO TỚI MÁI, CẤP NGUY HIỂM CHÁY K0
- BỘ PHẬN MÁI: KẾT CẤU MÁI KHÔNG THAM GIA CHỊU LỰC, MÁI BÊ TÔNG CỐT THÉP KHÔNG YÊU CẦU GIỚI HẠN CHỊU LỬA; CẤP NGUY HIỂM CHÁY K0

C. NHÀ RÁC:
- BẬC CHỊU LỬA CÔNG TRÌNH : BẬC IV (THEO PHỤ LỤC H, QCVN 06:2022/ BXD)
- BỘ PHẬN CHỊU LỰC CỦA NHÀ: TOÀN BỘ CỘT, DẦM, KÈO MÁI BẰNG THÉP ĐẢM BẢO GIỚI HẠN CHỊU LỬA R15, ĐẠT CẤP NGUY HIỂM CHÁY K0 (THEO BẢNG 4, QCVN 06:2022/ BXD)
- TƯỜNG NGOÀI KHÔNG CHỊU LỰC: TƯỜNG GẠCH DÀY 100mm CAO TỚI MÁI, CẤP NGUY HIỂM CHÁY K0
- TẠI VỊ TRÍ GIÁP VỚI NHÀ XƯỞNG XÂY TƯỜNG NGĂN CHÁY LOẠI 1 ĐẢM BẢO GIỚI HẠN CHỊU LỬA REI150 PHÍA TRONG (ĐẢM BẢO KHOẢNG CÁCH PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY THEO BẢNG E.1, QCVN 06:2022/BCD)
- BỘ PHẬN MÁI: KẾT CẤU MÁI KHÔNG THAM GIA CHỊU LỰC, KHÔNG THAM GIA VÀO ĐỘ BỀN TỔNG THỂ VÀ SỰ ỔN ĐỊNH KHÔNG GIAN CHO NHÀ KHI CÓ CHÁY; XÀ GỒ MÁI KHÔNG THAM GIA CHỊU LỰC, KHÔNG THAM GIA VÀO ĐỘ BỀN TỔNG THỂ VÀ SỰ ỔN ĐỊNH KHÔNG GIAN CHO NHÀ KHI CÓ CHÁY, TÍNH TOÁN ĐẢM BẢO GIỚI HẠN CHỊU LỬA R8 THEO THUYẾT MINH TÍNH TOÁN ĐÍNH KÈM; CẤP NGUY HIỂM CHÁY K0

F. CÁC GHI CHÚ KHÁC
- VẬT LIỆU HOÀN THIỆN, TRANG TRÍ TƯỜNG VÀ TRẦN, VẬT LIỆU ÁP LÁT, PHỦ SÀN TRÊN ĐƯỜNG THOÁT NẠN: TUÂN THỦ THEO BẢNG B.6-B.9 PHỤ LỤC B QCVN 06:2022/BXD. ĐẠT CẤP CHÁY CV0
- TƯỜNG NGĂN CHÁY, CỬA ĐI VÀ CỬA SỔ NGĂN CHÁY:
  + QUY CHUẨN: BẢNG 1&2 (MỤC 2.3.3.5 QCVN06:2022/ BXD)
- CÁC CỬA CỦA LỐI THOÁT NẠN TỪ HÀNH LANG CỦA CÁC TẦNG, SẢNH, BUỒNG THANG BỘ: KHÔNG CÓ CHỐT KHÓA, ĐỂ MỞ TỰ DO TỪ BÊN TRONG MÀ KHÔNG CẦN CHÌA KHÓA QUAY VÀO TRỞ LẠI BÊN TRONG CÔNG TRÌNH
- THIẾT BỊ ĐIỆN ĐẶT TRONG KHU VỰC KHO: ĐƯỢC KHÔNG CHẾ CHUNG BẰNG THIẾT BỊ ĐÓNG NGẮT TỰ ĐỘNG (CẦU DAO APTOMAT) VÀ ĐẶT TRÊN TƯỜNG NGOÀI KHO BẰNG VẬT LIỆU CHỐNG CHÁY.
- CÁC LỖ MỞ XUYÊN SÀN, TƯỜNG CỦA CÁC ĐƯỜNG ỐNG VÀ ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN, ĐIỆN NHẸ, PCCC, ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ, THÔNG GIÓ VÀ HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC: ĐỀU ĐƯỢC CHÈN BẰNG CÁC VẬT LIỆU CHỐNG CHÁY LAN NHƯ: SILICON CHỐNG CHÁY, VỮA CHỐNG CHÁY VÀ TẤM CHỐNG CHÁY.
- CỬA HAI CÁNH PHẢI ĐƯỢC LẮP CƠ CẤU TỰ ĐỘNG SAO CHO CÁC CÁNH ĐƯỢC ĐÓNG LẦN LƯỢT
- KẾT CẤU CHỊU LỰC CỦA CÔNG TRÌNH (NHÀ SẢN XUẤT) BẰNG THÉP, VÁCH TOLE

D. CẤP NGUY HIỂM CHÁY KẾT CẤU CỦA NHÀ, CÔNG TRÌNH VÀ KHOANG CHÁY: S0

E . KHOẢNG CÁCH PCCC THEO ĐƯỜNG RANH GIỚI: 0(THEO BẢNG E.3 QCVN 06:2022/BXD)

F. LỐI VÀO TỪ TRÊN CAO PHỤC VỤ CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN (THEO MỤC 6.3.5, QCVN 06:2022/BXD)
- ĐỐI VỚI NHÀ NHÓM F5 SỐ LƯỢNG LỐI VÀO TỪ TRÊN CAO PHẢI TÍNH TOÁN DỰA VÀO CHIỀU DÀI CỦA BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY. CỨ MỖI ĐOẠN ĐỦ HOẶC KHÔNG ĐỦ 20M THÌ CHIỀU DÀI BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY PHẢI CÓ MỘT VỊ TRÍ LỐI VÀO TỪ TRÊN CAO
- ĐỐI VỚI NHÀ NHÓM F5, PHẢI BỐ TRÍ CÁC LỐI VÀO TỪ TRÊN CAO Ở PHÍA TRÊN MỘT BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY, LÊN ĐẾN CHIỀU CAO PCCC 50 M

8. LỐI LÊN MÁI: 1, BỐ TRÍ LỐI LÊN MÁI THEO THANG THÉP HỘ BÊN NGOÀI NHÀ XƯỞNG (THEO MỤC A.1.3.1, QCVN 06:2022/BXD)

GHI CHÚ CHUNG CHO ĐƯỜNG XE CHỮA CHÁY, BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY

HẠNG MỤC	QUY CHUẨN	NỘI DUNG
ĐƯỜNG CHO XE CHỮA CHÁY, BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY	**MỤC 6.2.8**	**MỤC 6.2.8** **ĐÁNH DẤU ĐƯỜNG CHO XE CHỮA CHÁY** - CHIỀU CAO TỪ MẶT ĐẤT ĐẾN ĐIỂM THẤP NHẤT CỦA BIỂN BÁO PHẢI NẰM TRONG KHOẢNG 1,0M ĐẾN 1,5M. CHIỀU CAO CHỮ KHÔNG NHỎ HƠN 50MM. - BIỂN BÁO PHẢI BÁO ĐẢM NHÌN THẤY ĐƯỢC VÀO BUỔI TỐI VÀ KHÔNG ĐƯỢC BỐ TRÍ CÁCH ĐƯỜNG CHO XE CHỮA CHÁY HOẶC BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY QUÁ 3M. - TẤT CẢ CÁC PHẦN CỦA ĐƯỜNG CHO XE CHỮA CHÁY HOẶC BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY KHÔNG ĐƯỢC CẢ
	MỤC 6.2.3	- BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY PHẢI ĐƯỢC BỐ TRÍ ĐẢM BẢO ĐỂ KHOẢNG CÁCH DỌ THEO PHƯƠNG NẰM NGANG TỪ MÉP GẦN NHẤT HƠN CỦA BÃI ĐỖ ĐẾN ĐIỂM GIỮA CỦA LỐI VÀO TỪ TRÊN CAO KHÔNG GẦN HƠN 2M VÀ KHÔNG XA QUÁ 10M - CHIỀU RỘNG BĐXCC NHỎ NHẤT LÀ 3,5M; CHIỀU DÀI ĐẢM BẢO TƯƠNG ỨNG THEO QUY MÔ KHỐI TÍCH QUY ĐỊNH Ở BẢNG 16 - QCVN 06:2022/BXD VÀ SỬA ĐỔI 1:2023 QCVN 06:2022/BXD. - KHÔNG YÊU CẦU CÓ BÃI ĐỖ XE ĐỐI VỚI NHÓM NHÀ F4.3 KHI CHIỀU CAO PCCC KHÔNG QUÁ 15M VÀ CÓ ĐƯỜNG CHO CHỮA CHÁY TIẾP CẬN ĐẾN ĐIỂM BẤT KỲ TRÊN HÌNH CHIẾU BẰNG CỦA NHÀ KHÔNG LỚN HƠN 60M THEO QUY ĐỊNH TẠI 6.2.2.1 QCVN 06:2022/BXD VÀ SỬA ĐỔI 1:2023 QCVN 06:2022/BXD.
	MỤC 6.2.4	BỀ MẶT BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY PHẢI NGANG BẰNG. NẾU NẰM TRÊN MỘT MẶT NGHIÊNG THÌ ĐỘ DỐC KHÔNG QUÁ 1:15. ĐỘ DỐC CỦA ĐƯỜNG CHO XE CHỮA CHÁY KHÔNG ĐƯỢC QUÁ 1:8,3
	MỤC 6.2.7	ĐƯỜNG CHO XE CHỮA CHÁY VÀ BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY PHẢI ĐƯỢC ĐẢM BẢO THÔNG THOÁNG TẠI MỌI THỜI ĐIỂM. KHOẢNG KHÔNG GIỮA BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY VÀ LỐI VÀO TỪ TRÊN CAO PHẢI BẢO ĐẢM KHÔNG BỊ CẢN TRỞ BỞI CÂY XANH HOẶC CÁC VẬT THỂ CỐ ĐỊNH KHÁC. **THUYẾT MINH ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHO XE CHỮA CHÁY** BỀ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHO XE CHỮA CHÁY NHỎ NHẤT LÀ 3,5M, ĐẢM BẢO TIẾP CẬN ĐƯỢC TỚI CÁC BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY. ĐỘ DỐC CỦA ĐƯỜNG CHO XE CHỮA CHÁY KHÔNG ĐƯỢC QUÁ 1:8,3 (~12%). KHOẢNG CÁCH TỪ MÉP ĐƯỜNG CHO XE CHỮA CHÁY ĐẾN TƯỜNG CỦA NHÀ KHÔNG QUY ĐỊNH KHI NHÀ, PHẦN NHÀ KHÔNG CÓ YÊU CẦU CỨU NẠN TỪ TRÊN CAO VÀ LỰC LƯỢNG CHỮA CHÁY CÓ PHƯƠNG ÁN KHÁC ĐỂ TIẾP CẬN. NHỮNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHỈ ĐỦ CHO 1 LÀN XE CHẠY THÌ TỐI ĐA 100M PHẢI BỐ TRÍ MỘT VỊ TRÍ TRÁNH XE PCCC CÓ KÍCH THƯỚC RỘNG 7M × DÀI 8M. NHỮNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG CÔNG CỘNG ĐƯỢC SỬ DỤNG LÀM BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY HOẶC ĐƯỜNG CHO XE CHỮA CHÁY KHÔNG CẦN ĐÁNH DẤU VỊ TRÍ CÁC GÓC CỦA BÃI ĐỖ HOẶC ĐƯỜNG CHO XE CHỮA CHÁY. TẠI CÁC ĐIỂM ĐẦU VÀ CUỐI CỦA ĐƯỜNG CHO XE CHỮA CHÁY HOẶC BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY KHÔNG ĐƯỢC CÁCH BIÊN BÁO GẦN NHẤT QUÁ 15M THEO MỤC 6.2.8 QCVN 06:2022/BXD VÀ SỬA ĐỔI 1:2023 QCVN 06:2022/BXD. ĐƯỜNG CHO XE CHỮA CHÁY VÀ BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY PHẢI ĐƯỢC ĐẢM BẢO THÔNG THOÁNG TẠI MỌI THỜI ĐIỂM. KHOẢNG KHÔNG GIỮA BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY VÀ LỐI VÀO TỪ TRÊN CAO PHẢI ĐẢM BẢO KHÔNG BỊ CẢN TRỞ BỞI CÂY XANH VÀ CÁC VẬT THỂ CỐ ĐỊNH KHÁC.
TẢI TRỌNG CỦA BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY	**MỤC 6.2.9**	MẶT ĐƯỜNG CHO XE CHỮA CHÁY VÀ BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY PHẢI BẢO ĐẢM CHỊU ĐƯỢC TẢI TRỌNG CỦA XE CHỮA CHÁY THEO YÊU CẦU THIẾT KẾ VÀ PHÙ HỢP VỚI CHỦNG LOẠI PHƯƠNG TIỆN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH NƠI XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH.
BÃI TRÁNH XE CHỮA CHÁY	**MỤC 6.5**	ĐỐI VỚI ĐƯỜNG GIAO THÔNG NHỎ HẸP CHỈ ĐỦ CHO 1 LÀN XE THÌ CỨ ÍT NHẤT 100M PHẢI THIẾT KẾ MỘT ĐOẠN ĐƯỜNG MỞ RỘNG CÓ CHIỀU DÀI TỐI THIỂU 8M VÀ CHIỀU RỘNG TỐI THIỂU 7M ĐỂ XE CHỮA CHÁY VÀ CÁC LOẠI XE KHÁC CÓ THỂ TRÁNH NHAU DỄ DÀNG.

Ký hiệu *Symbol*	Mô tả *Description*
	BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY/ CHỊU TẢI ĐƯỢC 40 TẤN *FIRE FIGHTING TRUCK PARKING/ MUST BE ABLE TO WITHSTAND LOAD 40 TONS*
	BÃI TRÁNH XE/ CHỊU TẢI ĐƯỢC 40 TẤN *VEHICLES TO AVOID COLLISON/ MUST BE ABLE TO WITHSTAND LOAD 40 TONS*
	LỐI VÀO TỪ TRÊN CAO *ELEVATED ENTRANCE*
	ĐƯỜNG XE CHỮA CHÁY CÓ THỂ TIẾP CẬN *ROAD FIRE TRUCK CAN BE ACCESSED*
	BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY/ CHỊU TẢI ĐƯỢC 40 TẤN *FIRE FIGHTING TRUCK PARKING/ MUST BE ABLE TO WITHSTAND LOAD 40 TONS*

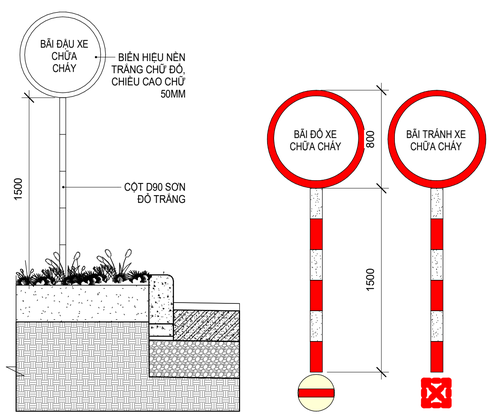

CHI TIẾT LỐI VÀO TỪ TRÊN CAO

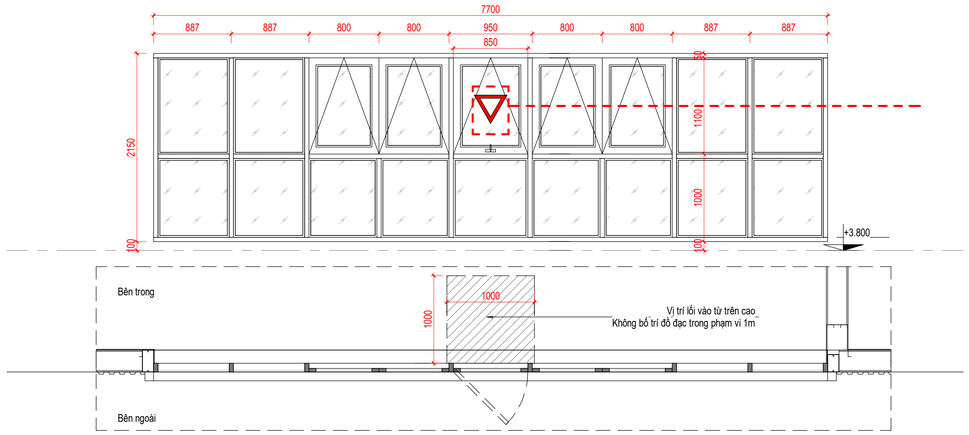

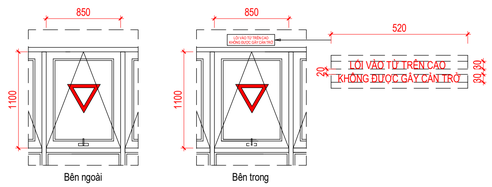

CHÚ THÍCH
LỐI VÀO TỪ TRÊN CAO:
- LÀ Ô CỬA SỔ KÍNH
- MẶT BÊN NGOÀI ĐƯỢC ĐÁNH DẤU BẰNG TAM GIÁC ĐỀU MÀU ĐỎ, CẠNH TAM GIÁC 200MM
- MẶT BÊN TRONG GHI DÒNG CHỮ: " LỐI VÀO TỪ TRÊN CAO KHÔNG ĐƯỢC GẮY CẢN TRỞ ", CHIỀU CAO CHỮ 30 mm
- KHÔNG GIAN BÊN TRONG, TẠI MỌI THỜI ĐIỂM TRONG PHAM VI 1M TỈNH TỪ LỐI VÀO TRÊN CAO KHÔNG ĐƯỢC BỐ TRÍ ĐỒ ĐẠC HOẶC BẤT KỲ VẬT NÀO GÂY CẢN TRỞ

CHI TIẾT ĐIỂN HÌNH BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY
TYPICAL FIRE TRUCK PARKING LOT DETAIL

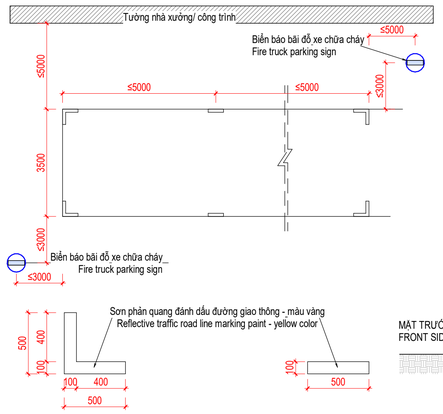

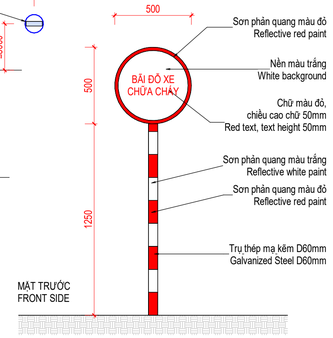

THUYẾT MINH ĐƯỜNG GIAO THÔNG, BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY THIẾT KẾ THEO QCVN 06:2022/BXD
- BỀ MẶT CỦA BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY PHẢI NGANG BẰNG. NẾU NẰM TRÊN MỘT MẶT NGHIÊNG THÌ ĐỘ DỐC KHÔNG ĐƯỢC QUÁ 1:15. ĐỘ DỐC CỦA ĐƯỜNG CHO XE CHỮA CHÁY KHÔNG ĐƯỢC QUÁ 1:8,3.
- PHẢI ĐÁNH DẤU TẤT CẢ CÁC GÓC CỦA BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY VÀ ĐƯỜNG CHO XE CHỮA CHÁY NGOẠI TRỪ NHỮNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG CÔNG CỘNG ĐƯỢC SỬ DỤNG LÀM BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY HOẶC ĐƯỜNG CHO XE CHỮA CHÁY. VIỆC ĐÁNH DẤU PHẢI ĐƯỢC THỰC HIỆN BẰNG CÁC DẢI SƠN PHẢN QUANG, ĐẢM BẢO CÓ THỂ NHÌN THẤY ĐƯỢC VÀO BUỔI TỐI VÀ PHẢI BỐ TRÍ Ở CẢ HAI PHÍA CỦA ĐƯỜNG CHO XE CHỮA CHÁY HOẶC BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY VỚI KHOẢNG CÁCH KHÔNG QUÁ 5M.
- TẠI CÁC ĐIỂM ĐẦU VÀ ĐIỂM CUỐI CỦA ĐƯỜNG CHO XE CHỮA CHÁY HOẶC BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY PHẢI CÓ BIỂN BÁO NỀN TRẮNG, CHỮ ĐỎ VỚI CHIỀU CAO CHỮ KHÔNG NHỎ HƠN 50MM. CHIỀU CAO TỪ MẶT ĐẤT ĐẾN ĐIỂM THẤP NHẤT CỦA BIỂN BÁO PHẢI NẰM TRONG KHOẢNG 1M-1.5M. BIỂN BÁO PHẢI ĐẢM BẢO NHÌN THẤY ĐƯỢC VÀO BUỔI TỐI VÀ KHÔNG ĐƯỢC BỐ TRÍ CÁCH ĐƯỜNG CHO XE CHỮA CHÁY HOẶC BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY QUÁ 3M. TẤT CẢ CÁC PHẦN CỦA ĐƯỜNG CHO XE CHỮA CHÁY HOẶC BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY KHÔNG ĐƯỢC CÁCH BIÊN BÁO GẦN NHẤT QUÁ 15M.

CHI TIẾT VỊ TRÍ TRÁNH XE CHỮA CHÁY
VEHICLE AVOIDANCE POSITION

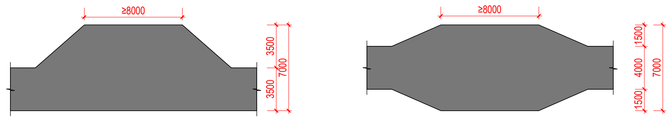

Tối đa 100m sẽ có một vị trí tránh xe chữa cháy có kích thước rộng 7m dài 8m
Đảm bảo kết cấu chịu lực cho xe thang chữa cháy tải trọng tối đa 45 tấn

GHI CHÚ:

- BẢN VẼ NÀY PHẢI ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN NHƯ: KIẾN TRÚC, NỘI THẤT, KẾT CẤU, CƠ ĐIỆN.
- BẢN VẼ NÀY KHÔNG ĐƯỢC DÙNG ĐỂ XÂY DỰNG NẾU KHÔNG ĐƯỢC CHỨNG NHẬN.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC THỂ HIỆN MILIMET, NGOẠI TRỪ CÓ CHÚ THÍCH KHÁC.
- KHÔNG SỬ DỤNG THƯỚC ĐỂ ĐO KÍCH THƯỚC TRỰC TIẾP TRÊN BẢN VẼ.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA NGOÀI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH BẢN VẼ THI CÔNG.
- NHÀ THẦU GỬI BẢN VẼ XÁC ĐỊNH CÁC KÍCH THƯỚC, CÁC VÁN ĐỂ ĐỂ CÂN LÁM SÁNG TỎ KHI CÓ SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THIẾT KẾ CƠ ĐIỆN VÀ THI CÔNG.
- BẢN VẼ CƠ ĐIỆN CÂN THỂ HIỆN CÁC YÊU CẦU THIẾT KẾ, NHÀ THẦU CÂN KHAI TRIỂN BẢN VẼ THI CÔNG VÀ CHẾ TẠO THEO MỤC ĐÍCH CỦA BẢN VẼ THIẾT KẾ.
- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC KẾT HỢP VỚI THUYẾT MINH KỸ THUẬT VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.
- BẢN VẼ VÀ THIẾT KẾ NÀY ĐƯỢC GIỮ BẢN QUYỀN VÀ KHÔNG SAO CHÉP NẾU KHÔNG ĐƯỢC SỰ CHẤP THUẬN CỦA CDT.

NOTE:

- THIS DRAWING MUST BE READ AND LINKED WITH RELATED DRAWINGS, SUCH AS ARCHITECT, INTERIOR, STRUCTURAL AND MECHANICAL DRAWINGS.
- IF IT IS NOT CERTIFIED, THIS DRAWING CANNOT BE USED FOR CONSTRUCTION PURPOSE.
- MILLMETER IS THE UNIT USED IN THE DRAWING, WITH THE EXCEPTION OF OTHER ANNOTATIONS.
- DO NOT USE A RULER TO MEASURE DIMENSIONS ON THE DRAWINGS.
- ALL DIMENSIONS MUST BE DOUBLE CHECKED ON CONSTRUCTION SITE BEFORE DEVELOPING SHOP DRAWINGS.
- CONTRACTOR MUST SUBMIT DRAWINGS IN WHICH ALL DIMENSIONS HAVE BEEN CHECKED AND ALL ISSUES AND/OR DIFFERENTIALS BETWEEN M&E DESIGNS AND CONSTRUCTION HAVE BEEN CLARIFIED.
- DESIGN REQUIREMENTS SHOULD BE SHOWN IN THE M&E DESIGN DRAWINGS. CONTRACTOR MUST DEVELOP SHOP DRAWINGS AND FABRICATE ON M&E DESIGN DRAWINGS BASIS.
- THIS DRAWING IS READ IN CONNECTION WITH THE TECHNICAL SPECIFICATION AND CONDITIONS OF THE CONTRACT.
- THIS DRAWING AND DESIGN ARE THE OWNER'S COPYRIGHT. IT IS A BREACH TO REPRODUCE WITHOUT THE OWNER'S APPROVALS.

Rev	NGÀY/ DATE	DIỄN GIẢI / DESCRIPTION
00	18-12-2025	PHÁT HÀNH BẢN VẼ XIN PHÉP/ ISSUED FOR PERMIT

BẢN VẼ XIN PHÉP	☑ PERMIT APPROVAL DRAWING
THIẾT KẾ SƠ PHÁC	☐ CONCEPTUAL DESIGN
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ BASIC (FEED) DESIGN
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ TECHNICAL DESIGN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT DRAWING

DỰ ÁN / PROJECT

NHÀ MÁY AM INDUSTRIES VIỆT NAM
VIETNAM AM INDUSTRIES FACTORY

ĐỊA ĐIỂM: Lô số 3, Đường số 3, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
LOCATION: Lot 3, Road No. 3, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT :
CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM
AM INDUSTRIES VIET NAM LIMITED COMPANY

PHÊ DUYỆT / APPROVED BY

Địa chỉ : Lô số 15, Đường số 8, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
Address : Lot No. 15, Road No. 8, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

TƯ VẤN THIẾT KẾ / CONSULTANTS:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỰ ÁN SEAS
SEAS PROJECT CONSULTANTS CO., LTD

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT / TECHNICAL DIRECTOR

Địa chỉ : 4/7 Đường 41, KP 2, P.An Khánh, TP. HCM
Address : 4/7 Street 41, Quarter 2, An Khanh Ward, HCMC
ĐT: 028.38418054 - Email: seas@seas.com.vn - Website :https:// www.seas.com.vn

TRƯƠNG CÔNG TRIỀU

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ DESIGN PRESIDENT	VÕ THÀNH TUYÊN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ REPRESENTATIVE	VÕ THÀNH TUYÊN	
THIẾT KẾ DESIGNER	TRẦN HUỲNH MINH THƯ	
QUẢN LÝ THIẾT KẾ DESIGN MANAGER	DƯƠNG VĂN HOÀNG	

HẠNG MỤC / ITEM

KIẾN TRÚC - 00. TỔNG THỂ
ARCHITECTURE - 00. GENERAL

TÊN BẢN VẼ / DWG TITLE :

GHI CHÚ CHUNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
FIREFIGHTING GENERAL NOTES

MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE	SỐ BẢN VẼ DRAWING No.:	HIỆU CHỈNH REV.	TỈ LỆ SCALE	KHỔ GIẤY SIZE
AMIND.02-25	DW-A-00-003	00		A1

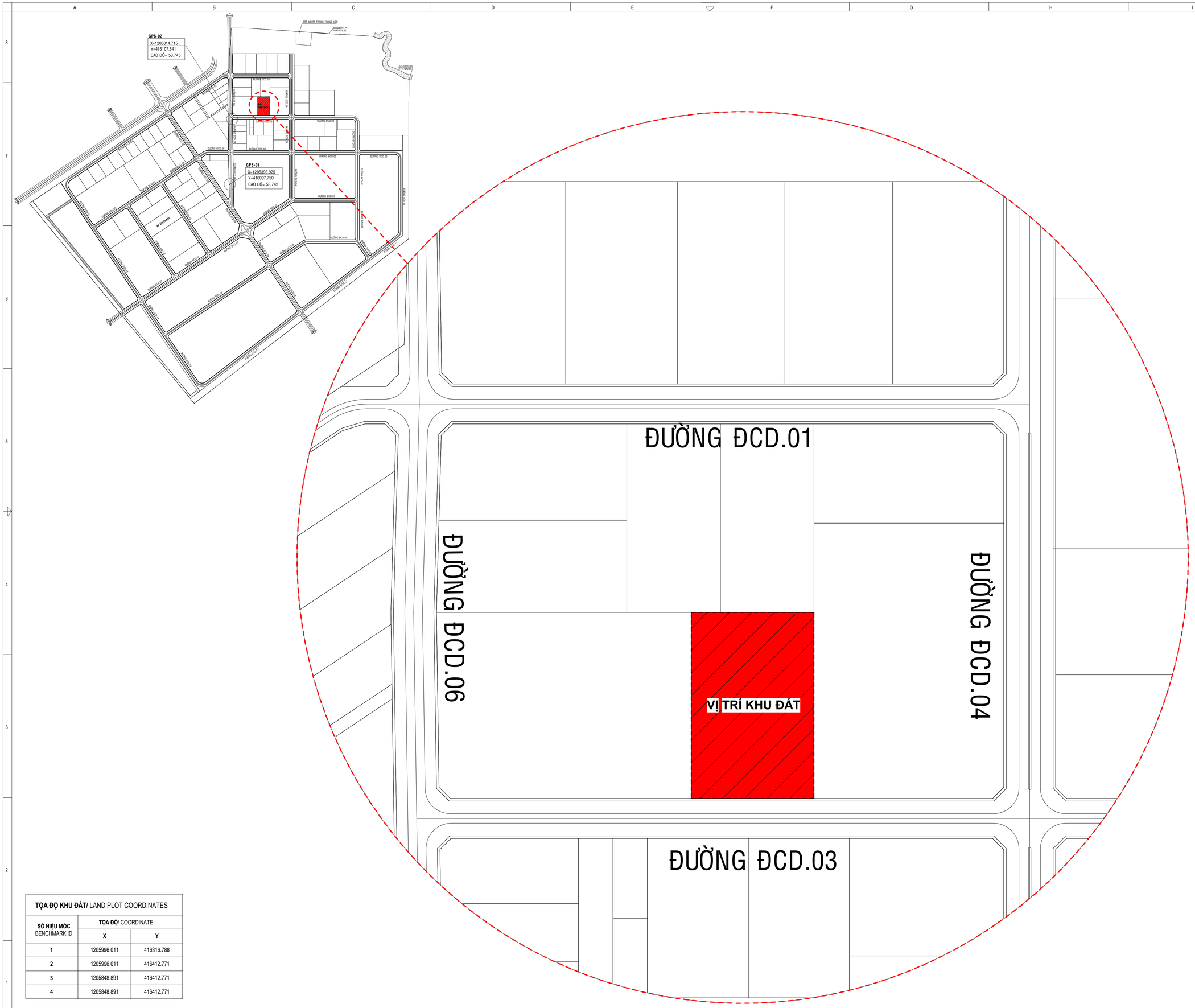

TỌA ĐỘ KHU ĐẤT/ LAND PLOT COORDINATES		
SỐ HIỆU MỐC BENCHMARK ID	TỌA ĐỘ/ COORDINATE	
	X	Y
1	1205996.011	416316.788
2	1205996.011	416412.771
3	1205848.891	416412.771
4	1205848.891	416412.771

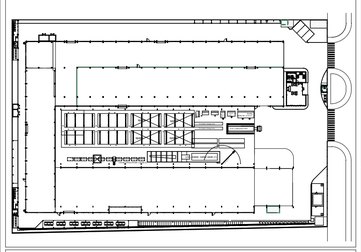

GHI CHÚ:

- BẢN VẼ NÀY PHẢI ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN NHƯ: KIẾN TRÚC, NỘI THẤT, KẾT CẤU, CƠ ĐIỆN.
- BẢN VẼ NÀY KHÔNG ĐƯỢC DÙNG ĐỂ XÂY DỰNG NẾU KHÔNG ĐƯỢC CHỨNG NHẬN.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC THỂ HIỆN MILIMET, NGOẠI TRỪ CÓ CHÚ THÍCH KHÁC.
- KHÔNG SỬ DỤNG THƯỚC ĐỂ ĐO KÍCH THƯỚC TRỰC TIẾP TRÊN BẢN VẼ.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA NGOÀI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH BẢN VẼ THI CÔNG.
- NHÀ THẦU GỬI BẢN VẼ XÁC ĐỊNH CÁC KÍCH THƯỚC, CÁC VẤN ĐỀ ĐỂ CÂN LÀM SÁNG TỎ KHI CÓ SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THIẾT KẾ CƠ ĐIỆN VÀ THI CÔNG.
- BẢN VẼ CƠ ĐIỆN CẦN THỂ HIỆN CÁC YÊU CẦU THIẾT KẾ, NHÀ THẦU CẦN KHAI TRIỂN BẢN VẼ THI CÔNG VÀ CHẾ TẠO THEO MỤC ĐÍCH CỦA BẢN VẼ THIẾT KẾ.
- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC KẾT HỢP VỚI THUYẾT MINH KỸ THUẬT VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.
- BẢN VẼ VÀ THIẾT KẾ NÀY ĐƯỢC GIỮ BẢN QUYỀN VÀ KHÔNG SAO CHÉP NẾU KHÔNG ĐƯỢC SỰ CHẤP THUẬN CỦA CDT.

NOTE:

- THIS DRAWING MUST BE READ AND LINKED WITH RELATED DRAWINGS, SUCH AS ARCHITECT, INTERIOR, STRUCTURAL AND MECHANICAL DRAWINGS.
- IF IT IS NOT CERTIFIED, THIS DRAWING CANNOT BE USED FOR CONSTRUCTION PURPOSE.
- MILLIMETER IS THE UNIT USED IN THE DRAWING, WITH THE EXCEPTION OF OTHER ANNOTATIONS.
- DO NOT USE A RULER TO MEASURE DIMENSIONS ON THE DRAWINGS.
- ALL DIMENSIONS MUST BE DOUBLE CHECKED ON CONSTRUCTION SITE BEFORE DEVELOPING SHOP DRAWINGS.
- CONTRACTOR MUST SUBMIT DRAWINGS IN WHICH ALL DIMENSIONS HAVE BEEN CHECKED AND ALL ISSUES AND/OR DIFFERENTIALS BETWEEN M&E DESIGNS AND CONSTRUCTION HAVE BEEN CLARIFIED.
- DESIGN REQUIREMENTS SHOULD BE SHOWN IN THE M&E DESIGN DRAWINGS. CONTRACTOR MUST DEVELOP SHOP DRAWINGS AND FABRICATE ON M&E DESIGN DRAWINGS BASIS.
- THIS DRAWING IS READ IN CONNECTION WITH THE TECHNICAL SPECIFICATION AND CONDITIONS OF THE CONTRACT.
- THIS DRAWING AND DESIGN ARE THE OWNER'S COPYRIGHT. IT IS A BREACH TO REPRODUCE WITHOUT THE OWNER'S APPROVALS.

Rev	NGÀY/ DATE	DIỄN GIẢI / DESCRIPTION
00	18-12-2025	PHÁT HÀNH BẢN VẼ XIN PHÉP/ ISSUED FOR PERMIT

BẢN VẼ XIN PHÉP	☑ PERMIT APPROVAL DRAWING
THIẾT KẾ SƠ PHÁC	☐ CONCEPTUAL DESIGN
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ BASIC (FEED) DESIGN
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ TECHNICAL DESIGN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT DRAWING

DỰ ÁN / PROJECT

NHÀ MÁY AM INDUSTRIES VIỆT NAM
VIETNAM AM INDUSTRIES FACTORY

ĐỊA ĐIỂM: Lô số 3, Đường số 3, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
LOCATION: Lot 3, Road No. 3, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT :
CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM
AM INDUSTRIES VIET NAM LIMITED COMPANY

AM INDUSTRIES

Địa chỉ : Lô số 15, Đường số 8, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
Address : Lot No. 15, Road No. 8, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

PHÊ DUYỆT
APPROVED BY

TƯ VẤN THIẾT KẾ / CONSULTANTS :
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỰ ÁN SEAS
SEAS PROJECT CONSULTANTS CO., LTD

SEAS CONSULTANTS

Địa chỉ : 4/7 Đường 41, KP 2, P.An Khánh, TP. HCM
Address : 4/7 Street 41, Quarter 2, An Khanh Ward, HCMC
ĐT: 028.38418054 - Email: seas@seas.com.vn - Website :https:// www.seas.com.vn

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT
TECHNICAL DIRECTOR
TRƯƠNG CÔNG TRIỀU

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ DESIGN PRESIDENT	VÕ THANH TUYỀN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ REPRESENTATIVE	VÕ THANH TUYỀN	
THIẾT KẾ DESIGNER	TRẦN HUỲNH MINH THƯ	
QUẢN LÝ THIẾT KẾ DESIGN MANAGER	DƯƠNG VĂN HOÀNG	

HANG MUC / ITEM

KIẾN TRÚC - 00. TỔNG THỂ
ARCHITECTURE - 00. GENERAL

TÊN BẢN VẼ / DWG TITLE :

MẶT BẰNG TỌA ĐỘ KHU ĐẤT
SITE COORDINATE PLAN

MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE	SỐ BẢN VẼ DRAWING No.:	HIỆU CHỈNH REV.	TỈ LỆ SCALE	KHỔ GIẤY SIZE
AMIND.02-25	DW-A-00-100	00		A1

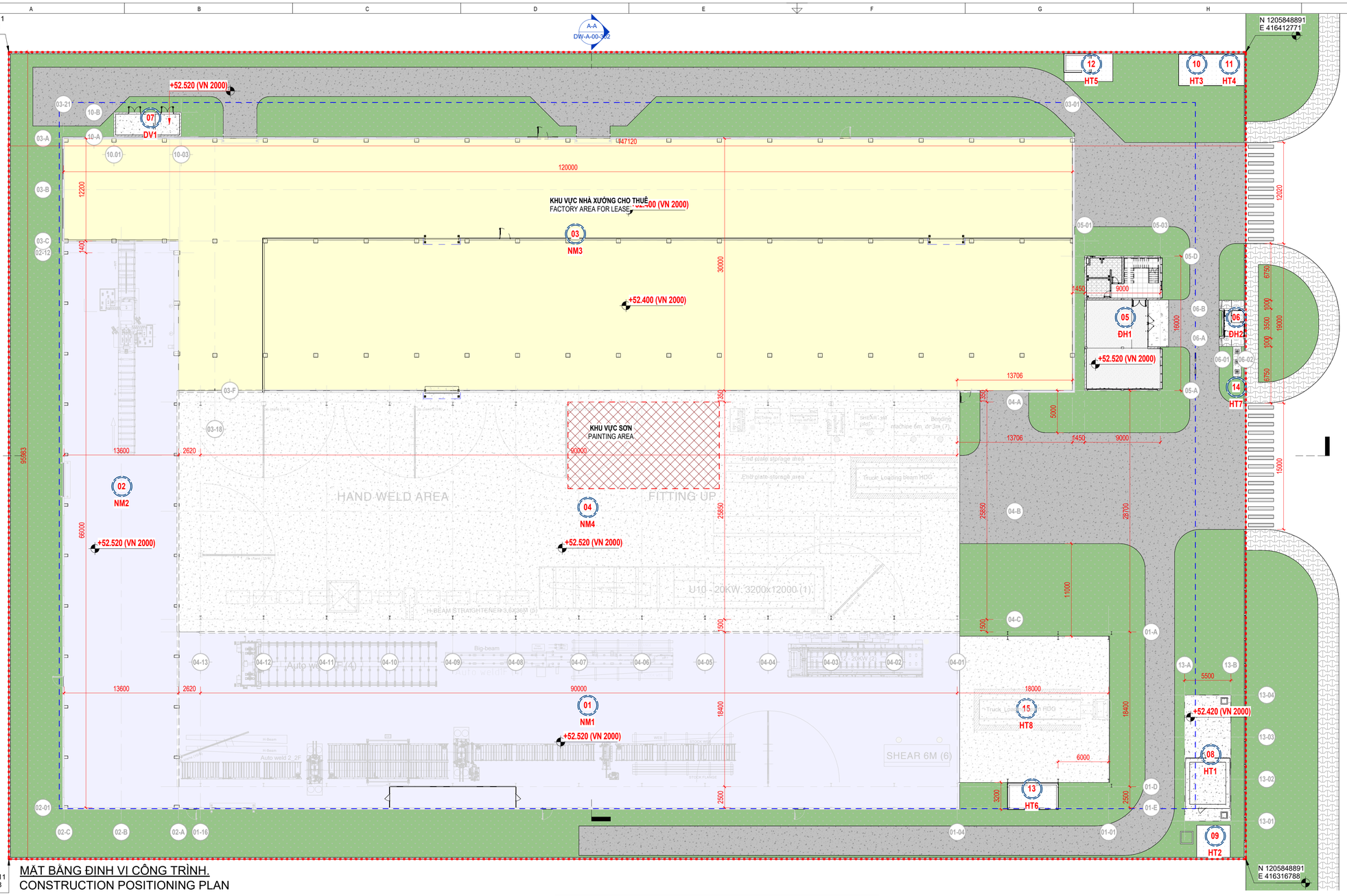

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH.
CONSTRUCTION POSITIONING PLAN

TL / SC: 1 : 250

HIỆN TRẠNG/ EXISTING

XÂY MỚI/ NEW CONSTRUCTION

LEGEND/ GHI CHÚ

RANH KHU ĐẤT/
SITE BOUNDARY LINE

CHỈ GIỚI XÂY DỰNG/
SETBACK LINE

LEGEND/ GHI CHÚ

CÂY XANH/ GREENERY

ĐƯỜNG BÊ TÔNG TẢI NẶNG/
CONCRETE HEAVY LOAD ROAD

MẶT ĐƯỜNG BÃI ĐỖ XE/ PARKING LOT

VỈA HÈ LÁT GẠCH/ TILING PAVEMENT

TỌA ĐỘ KHU ĐẤT/ LAND PLOT COORDINATES

SỐ HIỆU MỐC BENCHMARK ID	TỌA ĐỘ/ COORDINATE	
	X	Y
1	1205996.011	416316.788
2	1205996.011	416412.771
3	1205848.891	416412.771
4	1205848.891	416412.771

DANH MỤC CÔNG TRÌNH. / BUILDING LIST

STT	KÝ HIỆU CÔNG TRÌNH	TÊN CÔNG TRÌNH/ BUILDING NAME
01	NM1	NHÀ XƯỞNG 01 FACTORY 01
02	NM2	NHÀ XƯỞNG 02 FACTORY 02
03	NM3	NHÀ XƯỞNG 03 FACTORY 03
04	NM4	NHÀ XƯỞNG 04 FACTORY 04
05	ĐH1	NHÀ VĂN PHÒNG OFFICE
06	ĐH2	NHÀ BẢO VỆ GUARDHOUSE
07	DV1	NHÀ RÁC WASTE AREA
08	HT1	BỂ NƯỚC NGẦM PCCC UNDERGROUND WATER TANK
09	HT2	TRẠM BIẾN ÁP 1 TRANSFORMER 1
10	HT3	TRẠM BIẾN ÁP 2 TRANSFORMER 2
11	HT4	TRẠM BIẾN ÁP 3 TRANSFORMER 3
12	HT5	TRẠM BIẾN TẦN INVERTER STATION
13	HT6	TRẠM BIẾN TẦN INVERTER STATION
14	HT7	CỘT CỜ FLAG POLE
15	HT8	BÃI ĐỂ NGUYÊN LIỆU THÉP TẤM SLATE STEEL MATERIAL STORAGE YARD

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH

STT	Ký hiệu	Hạng mục	Số tầng	Chiều cao (m)	Diện tích xây dựng (m^2)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m2)	Tỷ lệ	Ghi chú
A		**ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**			**9,745.62**	**10,177.62**	**69.02%**	
	I	**ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NHÀ MÁY**			**9,394.72**	**9,394.72**	**65.35%**	
1	NM1	Nhà xưởng kết cấu thép	1	11.13	2,203.20	2,203.20		Hiện hữu
2	NM2	Nhà xưởng phun bi	1	11.62	917.40	917.40		Hiện hữu
3	NM3	Nhà xưởng đúc	1	13.07	3,297.60	3,297.60		Hiện hữu
4	NM4	Nhà xưởng 04	1	14.10	2,666.80	2,666.80		Xây mới
5	NM5	Khu vực nhập thép tấm	1	10.29	309.72	309.72		Hiện hữu
	II	**ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐIỀU HÀNH - DỊCH VỤ**			**182.60**	**614.60**	**1.29%**	
6	ĐH1	Nhà văn phòng	4	15.00	149.60	581.60		Xây mới
7	ĐH2	Nhà Bảo vệ	1	3.50	9.80	9.80		Xây mới
8	DV1	Nhà rác	1	3.42	23.20	23.20		Xây mới
	III	**ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG - KỸ THUẬT**			**168.29**	**168.29**	**1.19%**	
9	HT1	Bể nước ngầm PCCC 180 m3		(-3,3)	82.50	82.50		Hiện hữu
10	HT2	Trạm biến áp 1		-	15.28	15.28	Các hạng mục không tính vào MĐXD theo Mục 1.4.20 QCVN 01:2021	Hiện hữu
11	HT3	Trạm biến áp 2		-	14.59	14.59		Hiện hữu
12	HT4	Trạm biến áp 3		-	14.59	14.59		Hiện hữu
13	HT5	Trạm biến tần 1	1	3.20	19.14	19.14		Hiện hữu
14	HT6	Trạm biến tần 2	1	3.38	18.60	18.60		Hiện hữu
15	HT7	Cột cờ		-	3.60	3.60		Xây mới
B		**ĐẤT CÂY XANH**			**2,826.19**		**20.01%**	
C		**ĐẤT GIAO THÔNG SÂN BÃI**			**1,715.25**		**12.15%**	
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG THUẦN (không bao gồm các công trình hạ tầng - kỹ thuật)					**66.65%**			
HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (lần)						**0.72**		
DIỆN TÍCH KHU ĐẤT					**14,121.00**			

GHI CHÚ:

- BẢN VẼ NÀY PHẢI ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN NHƯ: KIẾN TRÚC, NỘI THẤT, KẾT CẤU, CƠ ĐIỆN.
- BẢN VẼ NÀY KHÔNG ĐƯỢC DÙNG ĐỂ XÂY DỰNG NẾU KHÔNG ĐƯỢC CHỨNG NHẬN.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC THỂ HIỆN MILIMET, NGOẠI TRỪ CÓ CHÚ THÍCH KHÁC.
- KHÔNG SỬ DỤNG THƯỚC ĐỂ ĐO KÍCH THƯỚC TRỰC TIẾP TRÊN BẢN VẼ.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA NGOÀI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH BẢN VẼ THI CÔNG.
- NHÀ THẦU GỬI BẢN VẼ XÁC ĐỊNH CÁC KÍCH THƯỚC, CÁC VẤN ĐỀ ĐỂ CÂN LÀM SÁNG TỎ KHI CÓ SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THIẾT KẾ CƠ ĐIỆN VÀ THI CÔNG.
- BẢN VẼ CƠ ĐIỆN CẦN THỂ HIỆN CÁC YÊU CẦU THIẾT KẾ, NHÀ THẦU CẦN KHAI TRIỂN BẢN VẼ THI CÔNG VÀ CHẾ TẠO THEO MỤC ĐÍCH CỦA BẢN VẼ THIẾT KẾ.
- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC KẾT HỢP VỚI THUYẾT MINH KỸ THUẬT VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.
- BẢN VẼ VÀ THIẾT KẾ NÀY ĐƯỢC GIỮ BẢN QUYỀN VÀ KHÔNG SAO CHÉP NẾU KHÔNG ĐƯỢC SỰ CHẤP THUẬN CỦA CDT.

NOTE:

- THIS DRAWING MUST BE READ AND LINKED WITH RELATED DRAWINGS, SUCH AS ARCHITECT, INTERIOR, STRUCTURAL AND MECHANICAL DRAWINGS.
- IF IT IS NOT CERTIFIED, THIS DRAWING CANNOT BE USED FOR CONSTRUCTION PURPOSE.
- MILLIMETER IS THE UNIT USED IN THE DRAWING, WITH THE EXCEPTION OF OTHER ANNOTATIONS.
- DO NOT USE A RULER TO MEASURE DIMENSIONS ON THE DRAWINGS.
- ALL DIMENSIONS MUST BE DOUBLE CHECKED ON CONSTRUCTION SITE BEFORE DEVELOPING SHOP DRAWINGS.
- CONTRACTOR MUST SUBMIT DRAWINGS IN WHICH ALL DIMENSIONS HAVE BEEN CHECKED AND ALL ISSUES AND/OR DIFFERENTIALS BETWEEN M&E DESIGNS AND CONSTRUCTION HAVE BEEN CLARIFIED.
- DESIGN REQUIREMENTS SHOULD BE SHOWN IN THE M&E DESIGN DRAWINGS. CONTRACTOR MUST DEVELOP SHOP DRAWINGS AND FABRICATE ON M&E DESIGN DRAWINGS BASIS.
- THIS DRAWING IS READ IN CONNECTION WITH THE TECHNICAL SPECIFICATION AND CONDITIONS OF THE CONTRACT.
- THIS DRAWING AND DESIGN ARE THE OWNER'S COPYRIGHT. IT IS A BREACH TO REPRODUCE WITHOUT THE OWNER'S APPROVALS.

Rev	NGÀY/ DATE	DIỄN GIẢI / DESCRIPTION
00	18-12-2025	PHÁT HÀNH BẢN VẼ XIN PHÉP/ ISSUED FOR PERMIT

BẢN VẼ XIN PHÉP	☑ PERMIT APPROVAL DRAWING
THIẾT KẾ SƠ PHÁC	☐ CONCEPTUAL DESIGN
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ BASIC (FEED) DESIGN
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ TECHNICAL DESIGN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT DRAWING

DỰ ÁN / PROJECT

NHÀ MÁY AM INDUSTRIES VIỆT NAM
VIETNAM AM INDUSTRIES FACTORY

ĐỊA ĐIỂM: Lô số 3, Đường số 3, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
LOCATION: Lot 3, Road No. 3, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT :
CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM
AM INDUSTRIES VIET NAM LIMITED COMPANY

PHÊ DUYỆT APPROVED BY

AM INDUSTRIES

Địa chỉ : Lô số 15, Đường số 8, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
Address : Lot No. 15, Road No. 8, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

TƯ VẤN THIẾT KẾ / CONSULTANTS :
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỰ ÁN SEAS
SEAS PROJECT CONSULTANTS CO., LTD

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT TECHNICAL DIRECTOR

SEAS CONSULTANTS

Địa chỉ : 47 Đường 41, KP 2, P.An Khánh, TP. HCM
Address : 47 Street 41, Quarter 2, An Khanh Ward, HCMC
ĐT: 028.38418054 - Email: seas@seas.com.vn - Website :https:// www.seas.com.vn

TRƯƠNG CÔNG TRIỀU

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ DESIGN PRESIDENT	VÕ THANH TUYỀN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ REPRESENTATIVE	VÕ THANH TUYỀN	
THIẾT KẾ DESIGNER	TRẦN HUỲNH MINH THƯ	
QUẢN LÝ THIẾT KẾ DESIGN MANAGER	DƯƠNG VĂN HOÀNG	

HẠNG MỤC / ITEM

KIẾN TRÚC - 00. TỔNG THỂ
ARCHITECTURE - 00. GENERAL

TÊN BẢN VẼ / DWG TITLE :

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH
CONSTRUCTION POSITIONING PLAN

MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE	SỐ BẢN VẼ DRAWING No.:	HIỆU CHỈNH REV.	TỈ LỆ SCALE	KHỔ GIẤY SIZE
AMIND.02-25	DW-A-00-101a	00		A1

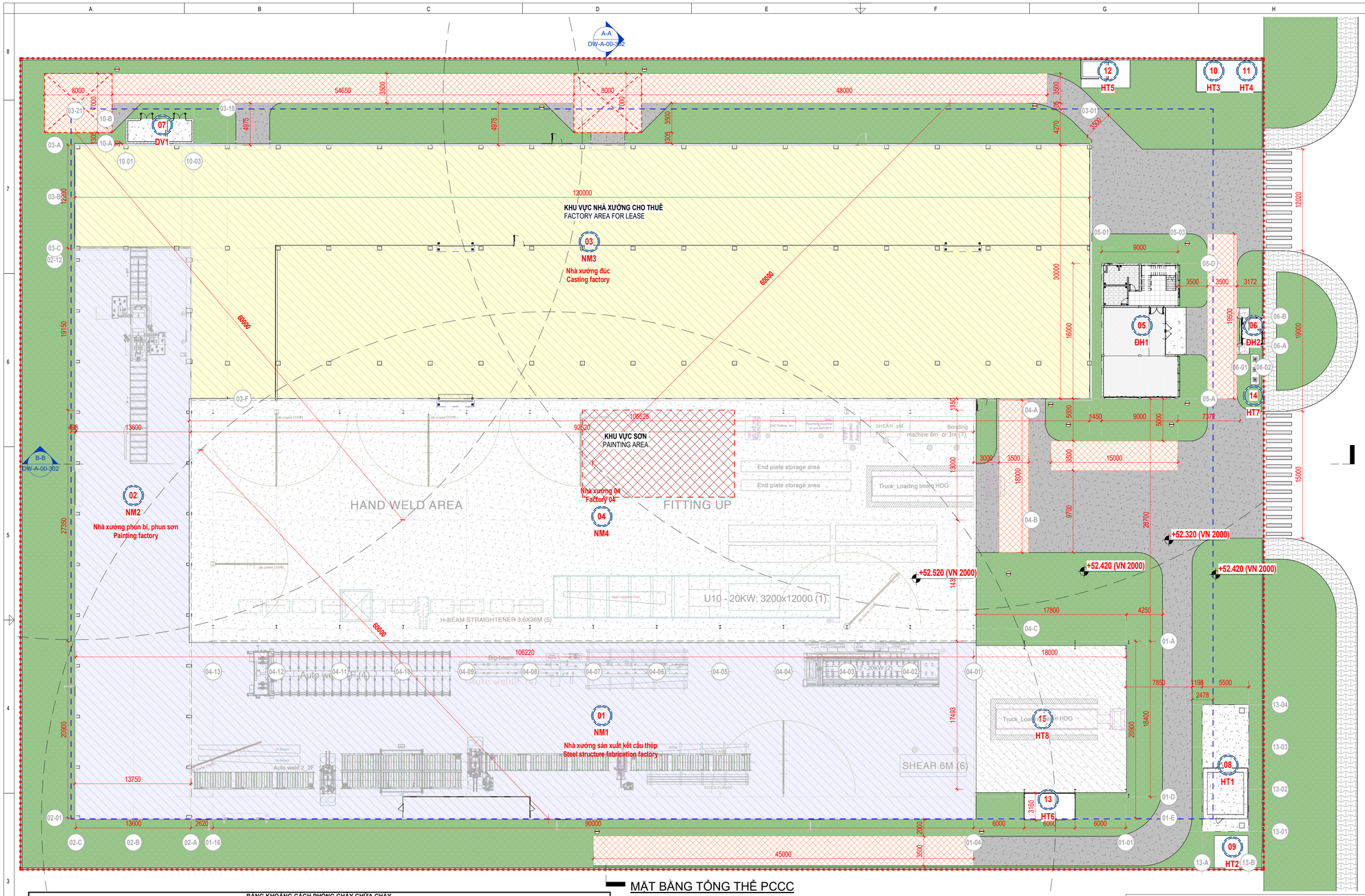

MẶT BẰNG TỔNG THỂ PCCC
FIRE-FIGHTING MASTER PLAN

TL / SC: 1 : 250

BẢNG KHOẢNG CÁCH PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

ID	HẠNG MỤC	HỆ THỐNG CHỮA CHÁY TỰ ĐỘNG (Toàn bộ nhà)	KHOẢNG CÁCH PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY GIỮA CÁC NHÀ (m)			KHOẢNG CÁCH PCCC XÁC ĐỊNH THEO ĐƯỜNG RANH GIỚI (m)		KẾT LUẬN
			KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC NHÀ GẦN NHẤT THEO THIẾT KẾ		KHOẢNG CÁCH QUY ĐỊNH (PHỤ LỤC E, QCVN 06:2022/ BXD)	KHOẢNG CÁCH THIẾT KẾ NHỎ NHẤT TỚI ĐƯỜNG RANH GIỚI	GIỚI HẠN CHỊU LỬA CỦA TƯỜNG NGOÀI THEO BẢNG E.3	
NM	NHÀ XƯỞNG	KHÔNG	NHÀ RÁC	0.3	-	6	0	ĐẠT
			VĂN PHÒNG	1.45	-			ĐẠT
ĐH1	VĂN PHÒNG	KHÔNG	NHÀ BẢO VỆ	7.372	6	10.712	0	ĐẠT

GHI CHÚ:
- Khoảng cách phòng cháy chống cháy giữa các nhà được thiết kế tuân thủ Bảng E.1, E.2, E.3 QCVN 06:2022/BXD VÀ SỬA ĐỔI 1:2023 QCVN 06:2022/BXD.
- Xác định khoảng cách phòng cháy chống cháy đối với nhà hành chính - phụ trợ trong các cơ sở công nghiệp – tương tự như Nhà Công Cộng.
- Xác định khoảng cách phòng cháy chống cháy đối với gara để xe tương tự như đối với Nhà kho.
- Không quy định khoảng cách phòng cháy chống cháy giữa các nhà ở, nhà và công trình công cộng nếu bức tường cao và rộng hơn giữa hai nhà, hoặc cả hai bức tường liền kề của hai nhà là các tường ngăn cháy loại 1 (Theo chú thích 4 - Bảng E.1 QCVN 06:2022/ BXD)

DIỆN TÍCH KHOANG CHÁY TẦNG 1 (KHOANG LỚN NHẤT - M2)

ID	HẠNG MỤC		HẠNG GIAN PHÒNG	BẬC CHỊU LỬA	CHỮA CHÁY TỰ ĐỘNG	QUY ĐỊNH (M2) (PHỤ LỤC H QCVN 06:2022/BXD)	THIẾT KẾ	KẾT LUẬN
NM	NHÀ XƯỞNG		D	IV	Không	Không hạn chế	9085	ĐẠT
	NX1	*NHÀ XƯỞNG 1 (HIỆN HỮU)*					*2203.2*	
	NX2	*NHÀ XƯỞNG 2 (HIỆN HỮU)*					*917.4*	
	NX3	*NHÀ XƯỞNG 3 (HIỆN HỮU)*					*3297.6*	
	NX4	*NHÀ XƯỞNG 4 (XÂY MỚI)*					*2666.8*	
ĐH1	VĂN PHÒNG (XÂY MỚI)			III	Không	≤ 1200	149.6	ĐẠT
DV1	NHÀ RÁC (XÂY MỚI)		D	IV	Không	Không hạn chế	23.2	ĐẠT

TÍNH TOÁN CHIỀU DÀI BÃI ĐỖ XE PCCC

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	CHIỀU CAO TRUNG BÌNH (m)	DIỆN TÍCH SÀN (m2)	KHỐI TÍCH (m3)	CHU VI HẠNG MỤC (m)	QUY ĐỊNH Bảng 15 và bảng 16 QCVN 06:2022/BXD)	TÍNH TOÁN (m)	THIẾT KẾ (m)	KẾT LUẬN
NM	NHÀ XƯỞNG	9.55	9085	**86761.75**	400.176	1/2 CHU VI	201	216.15	ĐẠT
ĐH1	VĂN PHÒNG	15	576	2160	50	1/6 CHU VI VÀ KHÔNG ĐƯỢC NHỎ HƠN 15M	15	19.5	ĐẠT

Ký hiệu *Symbol*	Mô tả *Description*
	BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY/ CHỊU TẢI ĐƯỢC 40 TẤN *FIRE FIGHTING TRUCK PARKING/ MUST BE ABLE TO WITHSTAND LOAD 40 TONS*
	BÃI TRÁNH XE/ CHỊU TẢI ĐƯỢC 40 TẤN *VEHICLES TO AVOID COLLISON/ MUST BE ABLE TO WITHSTAND LOAD 40 TONS*
	LỐI VÀO TỪ TRÊN CAO *ELEVATED ENTRANCE*
	ĐƯỜNG XE CHỮA CHÁY CÓ THỂ TIẾP CẬN *ROAD FIRE TRUCK CAN BE ACCESSED*
	BIỂN BÁO VỊ TRÍ ĐỖ XE CHỮA CHÁY VEHICLE AVOIDANCE POSTITION

HIỆN TRẠNG/ EXISTING

XÂY MỚI/ NEW CONSTRUCTION

LEGEND/ GHI CHÚ

RANH KHU ĐẤT/ SITE BOUNDARY LINE

CHỈ GIỚI XÂY DỰNG/ *SETBACK LINE*

LEGEND/ GHI CHÚ

CÂY XANH/ GREENERY

ĐƯỜNG BÊ TÔNG TẢI NẶNG/ CONCRETE HEAVY LOAD ROAD

MẶT ĐƯỜNG BÃI ĐỖ XE/ PARKING LOT

VỈA HÈ LÁT GẠCH/ TILING PAVEMENT

DANH MỤC CÔNG TRÌNH. / BUILDING LIST

STT	KÝ HIỆU CÔNG TRÌNH	TÊN CÔNG TRÌNH/ BUILDING NAME
01	NM1	NHÀ XƯỞNG 01 FACTORY 01
02	NM2	NHÀ XƯỞNG 02 FACTORY 02
03	NM3	NHÀ XƯỞNG 03 FACTORY 03
04	NM4	NHÀ XƯỞNG 04 FACTORY 04
05	ĐH1	NHÀ VĂN PHÒNG OFFICE
06	ĐH2	NHÀ BẢO VỆ GUARDHOUSE
07	DV1	NHÀ RÁC WASTE AREA
08	HT1	BỂ NƯỚC NGẦM PCCC UNDERGROUND WATER TANK
09	HT2	TRẠM BIẾN ÁP 1 TRANSFORMER 1
10	HT3	TRẠM BIẾN ÁP 2 TRANSFORMER 2
11	HT4	TRẠM BIẾN ÁP 3 TRANSFORMER 3
12	HT5	TRẠM BIẾN TẦN INVERTER STATION
13	HT6	TRẠM BIẾN TẦN INVERTER STATION
14	HT7	CỘT CỜ FLAG POLE
15	HT8	BÃI ĐỂ NGUYÊN LIỆU THÉP TẤM SLATE STEEL MATERIAL STORAGE YARD

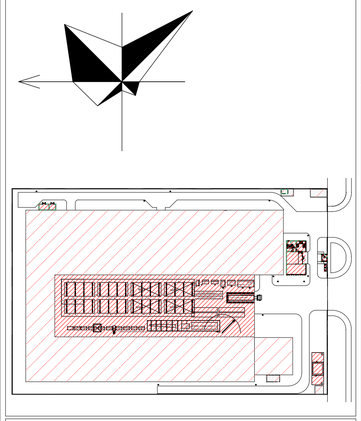

GHI CHÚ:

- BẢN VẼ NÀY PHẢI ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN NHƯ: KIẾN TRÚC, NỘI THẤT, KẾT CẤU, CƠ ĐIỆN.
- BẢN VẼ NÀY KHÔNG ĐƯỢC DÙNG ĐỂ XÂY DỰNG NẾU KHÔNG ĐƯỢC CHỨNG NHẬN.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC THỂ HIỆN MILIMET, NGOẠI TRỪ CÓ CHÚ THÍCH KHÁC.
- KHÔNG SỬ DỤNG THƯỚC ĐỂ ĐO KÍCH THƯỚC TRỰC TIẾP TRÊN BẢN VẼ.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA NGOÀI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH BẢN VẼ THI CÔNG.
- NHÀ THẦU GỬI BẢN VẼ XÁC ĐỊNH CÁC KÍCH THƯỚC, CÁC VÁN ĐỂ ĐỂ CÂN LÂM SÁNG TỎ KHI CÓ SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THIẾT KẾ CƠ ĐIỆN VÀ THI CÔNG.
- BẢN VẼ CƠ ĐIỆN CẦN THỂ HIỆN CÁC YÊU CẦU THIẾT KẾ, NHÀ THẦU CẦN KHAI TRIỂN BẢN VẼ THI CÔNG VÀ CHẾ TẠO THEO MỤC ĐÍCH CỦA BẢN VẼ THIẾT KẾ.
- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC KẾT HỢP VỚI THUYẾT MINH KỸ THUẬT VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.
- BẢN VẼ VÀ THIẾT KẾ NÀY ĐƯỢC GIỮ BẢN QUYỀN VÀ KHÔNG SAO CHÉP NẾU KHÔNG ĐƯỢC SỰ CHẤP THUẬN CỦA CDT.

NOTE:

- THIS DRAWING MUST BE READ AND LINKED WITH RELATED DRAWINGS, SUCH AS ARCHITECT, INTERIOR, STRUCTURAL AND MECHANICAL DRAWINGS.
- IT IS NOT CERTIFIED, THIS DRAWING CANNOT BE USED FOR CONSTRUCTION PURPOSE.
- MILLIMETER IS THE UNIT USED IN THE DRAWING, WITH THE EXCEPTION OF OTHER ANNOTATIONS.
- DO NOT USE A RULER TO MEASURE DIMENSIONS ON THE DRAWINGS.
- ALL DIMENSIONS MUST BE DOUBLE CHECKED ON CONSTRUCTION SITE BEFORE DEVELOPING SHOP DRAWINGS.
- CONTRACTOR MUST SUBMIT DRAWINGS IN WHICH ALL DIMENSIONS HAVE BEEN CHECKED AND ALL ISSUES AND/OR DIFFERENTIALS BETWEEN M&E DESIGNS AND CONSTRUCTION HAVE BEEN CLARIFIED.
- DESIGN REQUIREMENTS SHOULD BE SHOWN IN THE M&E DESIGN DRAWINGS. CONTRACTOR MUST DEVELOP SHOP DRAWINGS AND FABRICATE ON M&E DESIGN DRAWINGS BASIS.
- THIS DRAWING IS READ IN CONNECTION WITH THE TECHNICAL SPECIFICATION AND CONDITIONS OF THE CONTRACT.
- THIS DRAWING AND DESIGN ARE THE OWNER'S COPYRIGHT. IT IS A BREACH TO REPRODUCE WITHOUT THE OWNER'S APPROVALS.

Rev	NGÀY/ DATE	DIỄN GIẢI / DESCRIPTION
00	18-12-2025	PHÁT HÀNH BẢN VẼ XIN PHÉP/ ISSUED FOR PERMIT

BẢN VẼ XIN PHÉP	☑ PERMIT APPROVAL DRAWING
THIẾT KẾ SƠ PHÁC	☐ CONCEPTUAL DESIGN
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ BASIC (FEED) DESIGN
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ TECHNICAL DESIGN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT DRAWING

DỰ ÁN / PROJECT

NHÀ MÁY AM INDUSTRIES VIỆT NAM
VIETNAM AM INDUSTRIES FACTORY

ĐỊA ĐIỂM: Lô số 3, Đường số 3, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
LOCATION: Lot 3, Road No. 3, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT :
CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM
AM INDUSTRIES VIET NAM LIMITED COMPANY

PHÊ DUYỆT APPROVED BY

AM INDUSTRIES

Địa chỉ : Lô số 15, Đường số 8, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
Address : Lot No. 15, Road No. 8, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

TƯ VẤN THIẾT KẾ / CONSULTANTS :
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỰ ÁN SEAS
SEAS PROJECT CONSULTANTS CO., LTD

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT TECHNICAL DIRECTOR

SEAS CONSULTANTS

Địa chỉ : 4/7 Đường 41, KP 2, P.An Khánh, TP. HCM
Address : 4/7 Street 41, Quarter 2, An Khanh Ward, HCMC
ĐT: 028.38418054 - Email: seas@seas.com.vn - Website :https:// www.seas.com.vn

TRƯƠNG CÔNG TRIỀU

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ DESIGN PRESIDENT	VÕ THANH TUYỀN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ REPRESENTATIVE	VÕ THANH TUYỀN	
THIẾT KẾ DESIGNER	TRẦN HUỲNH MINH THƯ	
QUẢN LÝ THIẾT KẾ DESIGN MANAGER	DƯƠNG VĂN HOÀNG	

HẠNG MỤC / ITEM

KIẾN TRÚC - 00. TỔNG THỂ
ARCHITECTURE - 00. GENERAL

TÊN BẢN VẼ / DWG TITLE :

MẶT BẰNG TỔNG THỂ PCCC
FIREFIGHTING MASTER PLAN

MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE	SỐ BẢN VẼ DRAWING No.:	HIỆU CHỈNH REV.	TỈ LỆ SCALE	KHỔ GIẤY SIZE
AMIND.02-25	DW-A-00-110	00		A1

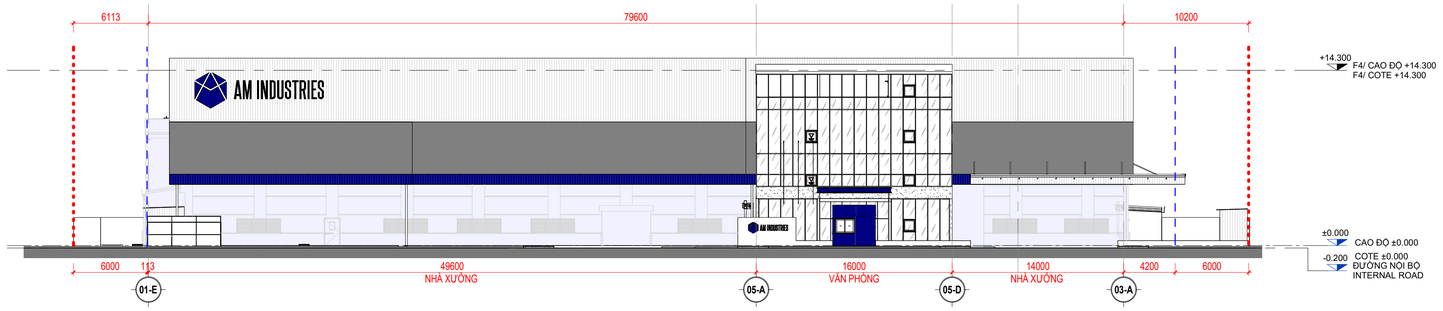

MẶT ĐỨNG TRỤC 01-E - 03-A
ELEVATION AXIS 01-E - 03-A
TL / SC: 1 : 250

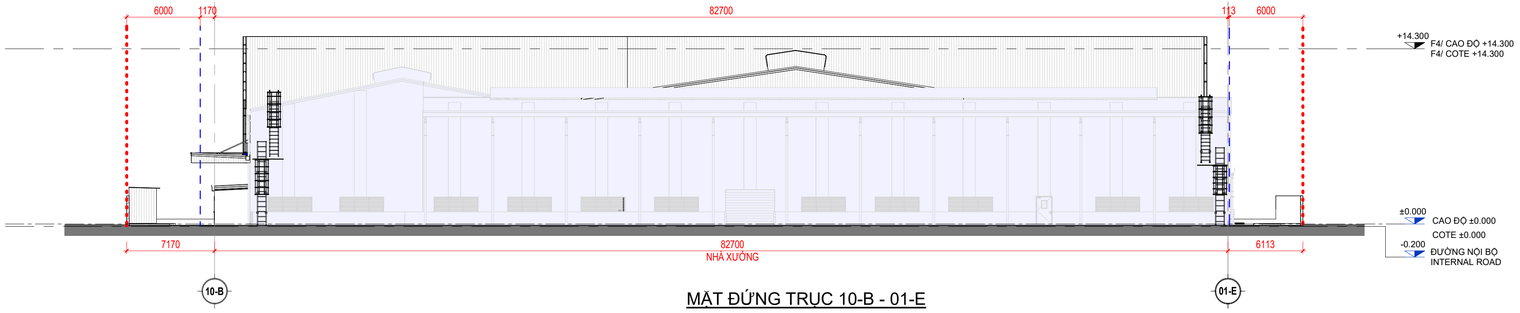

MẶT ĐỨNG TRỤC 10-B - 01-E
ELEVATION AXIS 10-B - 01-E
TL / SC: 1 : 250

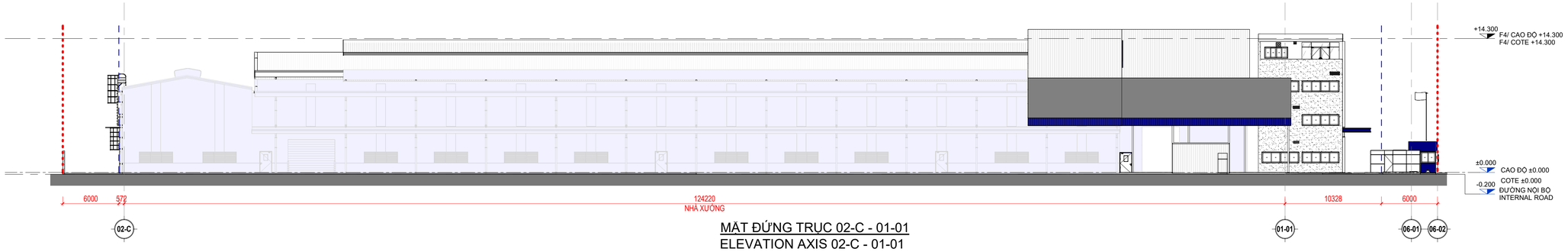

MẶT ĐỨNG TRỤC 02-C - 01-01
ELEVATION AXIS 02-C - 01-01
TL / SC: 1 : 250

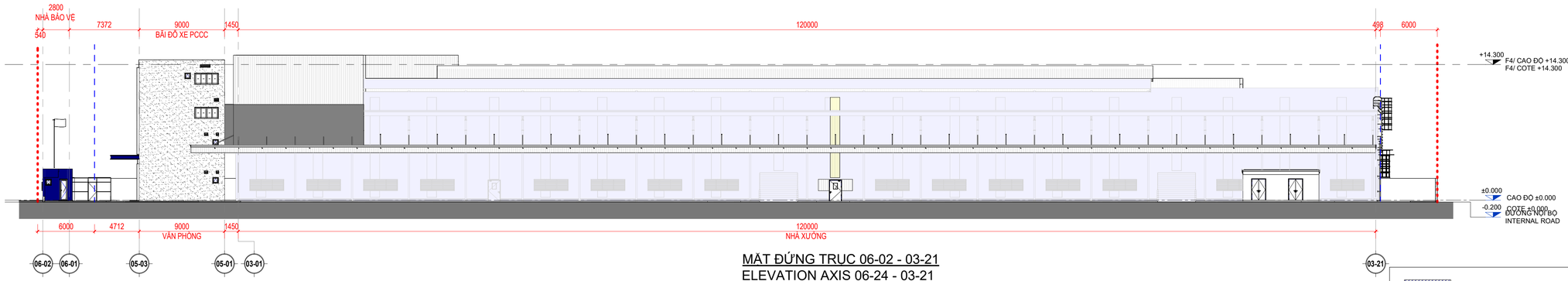

MẶT ĐỨNG TRỤC 06-02 - 03-21
ELEVATION AXIS 06-24 - 03-21
TL / SC: 1 : 250

HIỆN TRẠNG/ EXISTING

XÂY MỚI/ NEW CONSTRUCTION

LEGEND/ GHI CHÚ

RANH KHU ĐẤT/
SITE BOUNDARY LINE

CHỈ GIỚI XÂY DỰNG/
SETBACK LINE

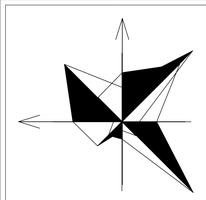

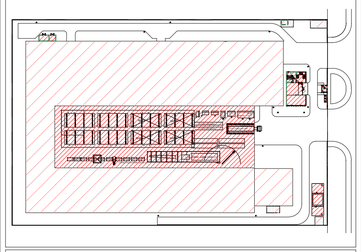

GHI CHÚ:

- BẢN VẼ NÀY PHẢI ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN NHƯ: KIẾN TRÚC, NỘI THẤT, KẾT CẤU, CƠ ĐIỆN.
- BẢN VẼ NÀY KHÔNG ĐƯỢC DÙNG ĐỂ XÂY DỰNG NẾU KHÔNG ĐƯỢC CHỨNG NHẬN.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC THỂ HIỆN MILIMET, NGOẠI TRỪ CÓ CHÚ THÍCH KHÁC.
- KHÔNG SỬ DỤNG THƯỚC ĐỂ ĐO KÍCH THƯỚC TRỰC TIẾP TRÊN BẢN VẼ.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA NGOÀI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH BẢN VẼ THI CÔNG.
- NHÀ THẦU GỬI BẢN VẼ XÁC ĐỊNH CÁC KÍCH THƯỚC, CÁC VẤN ĐỀ CẦN LÀM SÁNG TỎ KHI CÓ SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THIẾT KẾ CƠ ĐIỆN VÀ THI CÔNG.
- BẢN VẼ CƠ ĐIỆN CẦN THỂ HIỆN CÁC YÊU CẦU THIẾT KẾ, NHÀ THẦU CẦN KHAI TRIỂN BẢN VẼ THI CÔNG VÀ CHẾ TẠO THEO MỤC ĐÍCH CỦA BẢN VẼ THIẾT KẾ.
- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC KẾT HỢP VỚI THUYẾT MINH KỸ THUẬT VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.
- BẢN VẼ VÀ THIẾT KẾ NÀY ĐƯỢC GIỮ BẢN QUYỀN VÀ KHÔNG SAO CHÉP NẾU KHÔNG ĐƯỢC SỰ CHẤP THUẬN CỦA CDT.

NOTE:

- THIS DRAWING MUST BE READ AND LINKED WITH RELATED DRAWINGS, SUCH AS ARCHITECT, INTERIOR, STRUCTURAL AND MECHANICAL DRAWINGS.
- IF IT IS NOT CERTIFIED, THIS DRAWING CANNOT BE USED FOR CONSTRUCTION PURPOSE.
- MILLIMETER IS THE UNIT USED IN THE DRAWING, WITH THE EXCEPTION OF OTHER ANNOTATIONS.
- DO NOT USE A RULER TO MEASURE DIMENSIONS ON THE DRAWINGS.
- ALL DIMENSIONS MUST BE DOUBLE CHECKED ON CONSTRUCTION SITE BEFORE DEVELOPING SHOP DRAWINGS.
- CONTRACTOR MUST SUBMIT DRAWINGS IN WHICH ALL DIMENSIONS HAVE BEEN CHECKED AND ALL ISSUES AND/OR DIFFERENTIALS BETWEEN M&E DESIGNS AND CONSTRUCTION HAVE BEEN CLARIFIED.
- DESIGN REQUIREMENTS SHOULD BE SHOWN IN THE M&E DESIGN DRAWINGS. CONTRACTOR MUST DEVELOP SHOP DRAWINGS AND FABRICATE ON M&E DESIGN DRAWINGS BASIS.
- THIS DRAWING IS READ IN CONNECTION WITH THE TECHNICAL SPECIFICATION AND CONDITIONS OF THE CONTRACT.
- THIS DRAWING AND DESIGN ARE THE OWNER'S COPYRIGHT. IT IS A BREACH TO REPRODUCE WITHOUT THE OWNER'S APPROVALS.

Rev	NGÀY/ DATE	DIỄN GIẢI / DESCRIPTION
00	18-12-2025	PHÁT HÀNH BẢN VẼ XIN PHÉP/ ISSUED FOR PERMIT

BẢN VẼ XIN PHÉP	☑ PERMIT APPROVAL DRAWING
THIẾT KẾ SƠ PHÁC	☐ CONCEPTUAL DESIGN
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ BASIC (FEED) DESIGN
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ TECHNICAL DESIGN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT DRAWING

DỰ ÁN / PROJECT

NHÀ MÁY AM INDUSTRIES VIỆT NAM
VIETNAM AM INDUSTRIES FACTORY

ĐỊA ĐIỂM: Lô số 3, Đường số 3, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
LOCATION: Lot 3, Road No. 3, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT :
CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM
AM INDUSTRIES VIET NAM LIMITED COMPANY

Địa chỉ : Lô số 15, Đường số 8, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
Address : Lot No. 15, Road No. 8, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

PHÊ DUYỆT
APPROVED BY

TƯ VẤN THIẾT KẾ / CONSULTANTS:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỰ ÁN SEAS
SEAS PROJECT CONSULTANTS CO., LTD

Địa chỉ : 4/7 Đường 41, KP 2, P.An Khánh, TP. HCM
Address : 4/7 Street 41, Quarter 2, An Khanh Ward, HCMC
ĐT: 028.38418054 - Email: seas@seas.com.vn - Website :https:// www.seas.com.vn

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT
TECHNICAL DIRECTOR
TRƯƠNG CÔNG TRIỀU

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ DESIGN PRESIDENT	VÕ THANH TUYỀN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ REPRESENTATIVE	VÕ THANH TUYỀN	
THIẾT KẾ DESIGNER	TRẦN HUỲNH MINH THƯ	
QUẢN LÝ THIẾT KẾ DESIGN MANAGER	DƯƠNG VĂN HOÀNG	

HẠNG MỤC / ITEM

KIẾN TRÚC - 00. TỔNG THỂ
ARCHITECTURE - 00. GENERAL

TÊN BẢN VẼ / DWG TITLE :

MẶT ĐỨNG
ELEVATIONS

MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE	SỐ BẢN VẼ DRAWING No.:	HIỆU CHỈNH REV.	TỈ LỆ SCALE	KHỔ GIẤY SIZE
AMIND.02-25	DW-A-00-202	00		A1

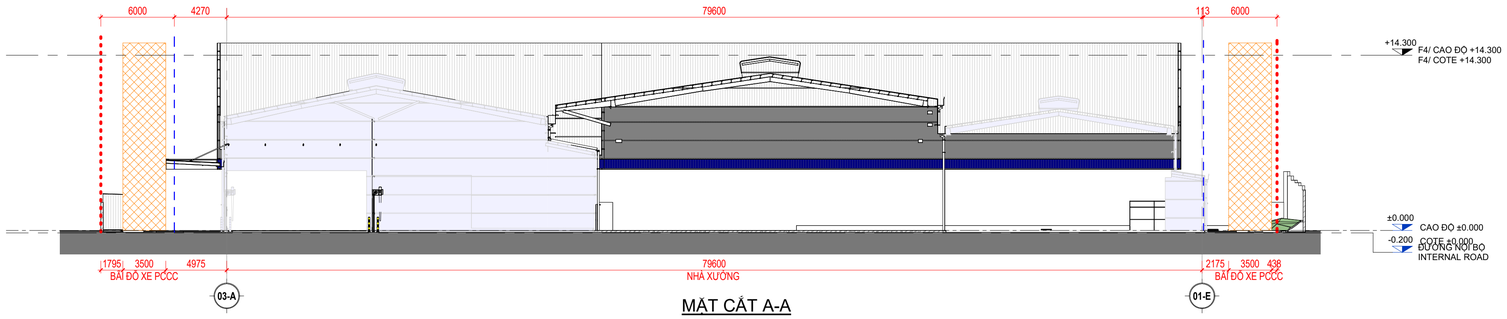

MẶT CẮT A-A
SECTION A-A
TL / SC: 1 : 250

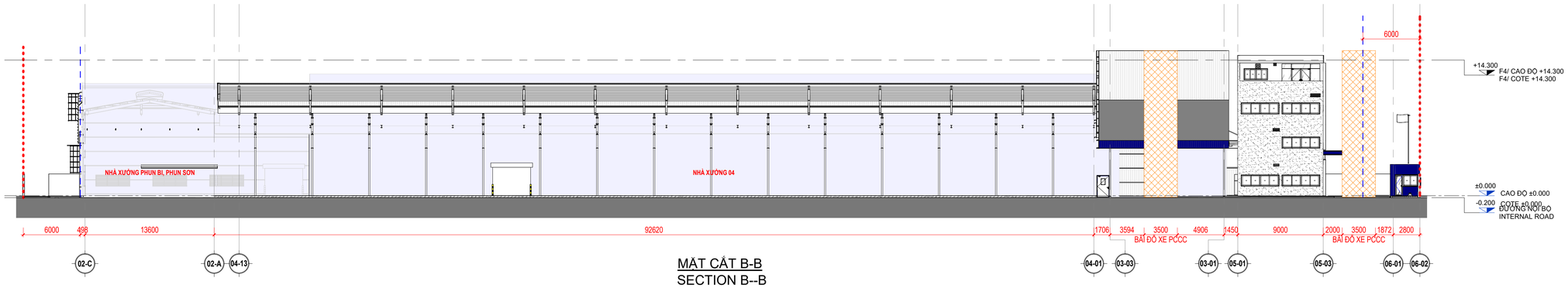

MẶT CẮT B-B
SECTION B--B
TL / SC: 1 : 250

HIỆN TRẠNG/ EXISTING	**LEGEND/ GHI CHÚ**	
XÂY MỚI/ NEW CONSTRUCTION	**RANH KHU ĐẤT**/ SITE BOUNDARY LINE	
	CHỈ GIỚI XÂY DỰNG/ *SETBACK LINE*	

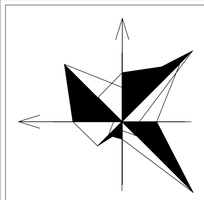

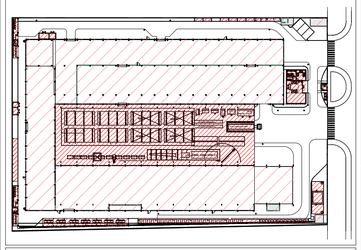

GHI CHÚ:

- BẢN VẼ NÀY PHẢI ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN NHƯ: KIẾN TRÚC, NỘI THẤT, KẾT CẤU, CƠ ĐIỆN.
- BẢN VẼ NÀY KHÔNG ĐƯỢC DÙNG ĐỂ XÂY DỰNG NẾU KHÔNG ĐƯỢC CHỨNG NHẬN.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC THỂ HIỆN MILIMET, NGOẠI TRỪ CÓ CHÚ THÍCH KHÁC.
- KHÔNG SỬ DỤNG THƯỚC ĐỂ ĐO KÍCH THƯỚC TRỰC TIẾP TRÊN BẢN VẼ.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA NGOÀI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH BẢN VẼ THI CÔNG.
- NHÀ THẦU GỬI BẢN VẼ XÁC ĐỊNH CÁC KÍCH THƯỚC, CÁC VẤN ĐỀ ĐỂ CÂN LÀM SÁNG TỎ KHI CÓ SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THIẾT KẾ CƠ ĐIỆN VÀ THI CÔNG.
- BẢN VẼ CƠ ĐIỆN CÂN THỂ HIỆN CÁC YÊU CẦU THIẾT KẾ, NHÀ THẦU CÂN KHAI TRIỂN BẢN VẼ THI CÔNG VÀ CHẾ TẠO THEO MỤC ĐÍCH CỦA BẢN VẼ THIẾT KẾ.
- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC KẾT HỢP VỚI THUYẾT MINH KỸ THUẬT VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.
- BẢN VẼ VÀ THIẾT KẾ NÀY ĐƯỢC GIỮ BẢN QUYỀN VÀ KHÔNG SAO CHÉP NẾU KHÔNG ĐƯỢC SỰ CHẤP THUẬN CỦA CDT.

NOTE:

- THIS DRAWING MUST BE READ AND LINKED WITH RELATED DRAWINGS, SUCH AS ARCHITECT, INTERIOR, STRUCTURAL AND MECHANICAL DRAWINGS.
- IF IT IS NOT CERTIFIED, THIS DRAWING CANNOT BE USED FOR CONSTRUCTION PURPOSE.
- MILLIMETER IS THE UNIT USED IN THE DRAWING, WITH THE EXCEPTION OF OTHER ANNOTATIONS.
- DO NOT USE A RULER TO MEASURE DIMENSIONS ON THE DRAWINGS.
- ALL DIMENSIONS MUST BE DOUBLE CHECKED ON CONSTRUCTION SITE BEFORE DEVELOPING SHOP DRAWINGS.
- CONTRACTOR MUST SUBMIT DRAWINGS IN WHICH ALL DIMENSIONS HAVE BEEN CHECKED AND ALL ISSUES AND/OR DIFFERENTIALS BETWEEN M&E DESIGNS AND CONSTRUCTION HAVE BEEN CLARIFIED.
- DESIGN REQUIREMENTS SHOULD BE SHOWN IN THE M&E DESIGN DRAWINGS. CONTRACTOR MUST DEVELOP SHOP DRAWINGS AND FABRICATE ON M&E DESIGN DRAWINGS BASIS.
- THIS DRAWING IS READ IN CONNECTION WITH THE TECHNICAL SPECIFICATION AND CONDITIONS OF THE CONTRACT.
- THIS DRAWING AND DESIGN ARE THE OWNER'S COPYRIGHT. IT IS A BREACH TO REPRODUCE WITHOUT THE OWNER'S APPROVALS.

Rev	NGÀY/ DATE	DIỄN GIẢI / DESCRIPTION
00	18-12-2025	PHÁT HÀNH BẢN VẼ XIN PHÉP/ ISSUED FOR PERMIT

BẢN VẼ XIN PHÉP	☑ PERMIT APPROVAL DRAWING
THIẾT KẾ SƠ PHÁC	☐ CONCEPTUAL DESIGN
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ BASIC (FEED) DESIGN
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ TECHNICAL DESIGN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT DRAWING

DỰ ÁN / PROJECT

NHÀ MÁY AM INDUSTRIES VIỆT NAM
VIETNAM AM INDUSTRIES FACTORY

ĐỊA ĐIỂM: Lô số 3, Đường số 3, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
LOCATION: Lot 3, Road No. 3, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT :
CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM
AM INDUSTRIES VIET NAM LIMITED COMPANY

PHÊ DUYỆT
APPROVED BY

AM INDUSTRIES

Địa chỉ : Lô số 15, Đường số 8, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
Address : Lot No. 15, Road No. 8, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

TƯ VẤN THIẾT KẾ / CONSULTANTS:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỰ ÁN SEAS
SEAS PROJECT CONSULTANTS CO., LTD

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT
TECHNICAL DIRECTOR

SEAS CONSULTANTS

Địa chỉ : 4/7 Đường 41, KP 2, P.An Khánh, TP. HCM
Address : 4/7 Street 41, Quarter 2, An Khanh Ward, HCMC
ĐT: 028.38418034 - Email: seas@seas.com.vn - Website :https:// www.seas.com.vn

TRƯƠNG CÔNG TRIỀU

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ DESIGN PRESIDENT	VÕ THANH TUYỀN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ REPRESENTATIVE	VÕ THANH TUYỀN	
THIẾT KẾ DESIGNER	TRẦN HUỲNH MINH THƯ	
QUẢN LÝ THIẾT KẾ DESIGN MANAGER	DƯƠNG VĂN HOÀNG	

HANG MUC / ITEM

KIẾN TRÚC - 00. TỔNG THỂ
ARCHITECTURE - 00. GENERAL

TÊN BẢN VẼ / DWG TITLE :

MẶT CẮT
SECTIONS

MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE	SỐ BẢN VẼ DRAWING No.:	HIỆU CHỈNH REV.	TỈ LỆ SCALE	KHỔ GIẤY SIZE
AMIND.02-25	DW-A-00-302	00		A1

NM4. NHÀ XƯỞNG 04
NM4. FACTORY A04

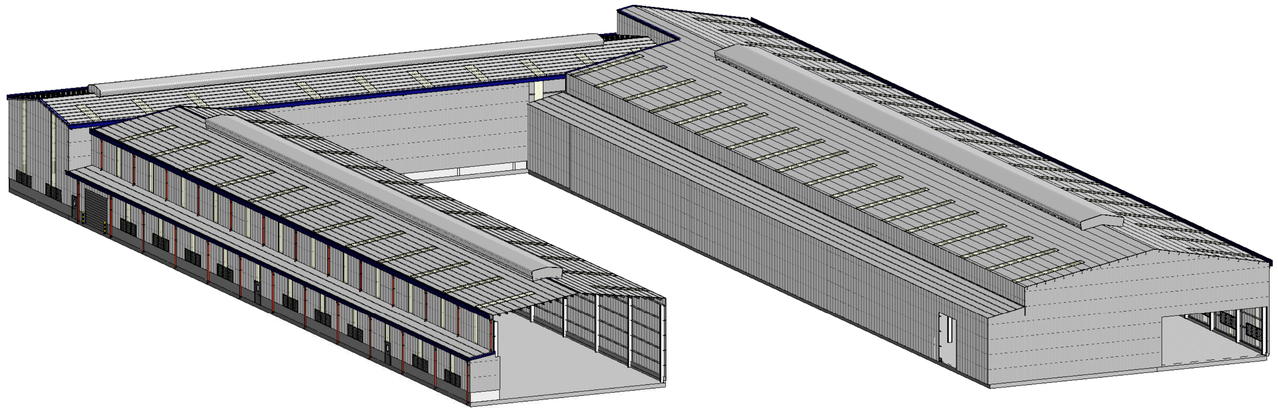

PHỐI CẢNH HIỆN TRẠNG
EXISTING PERSPECTIVE
TL / SC:

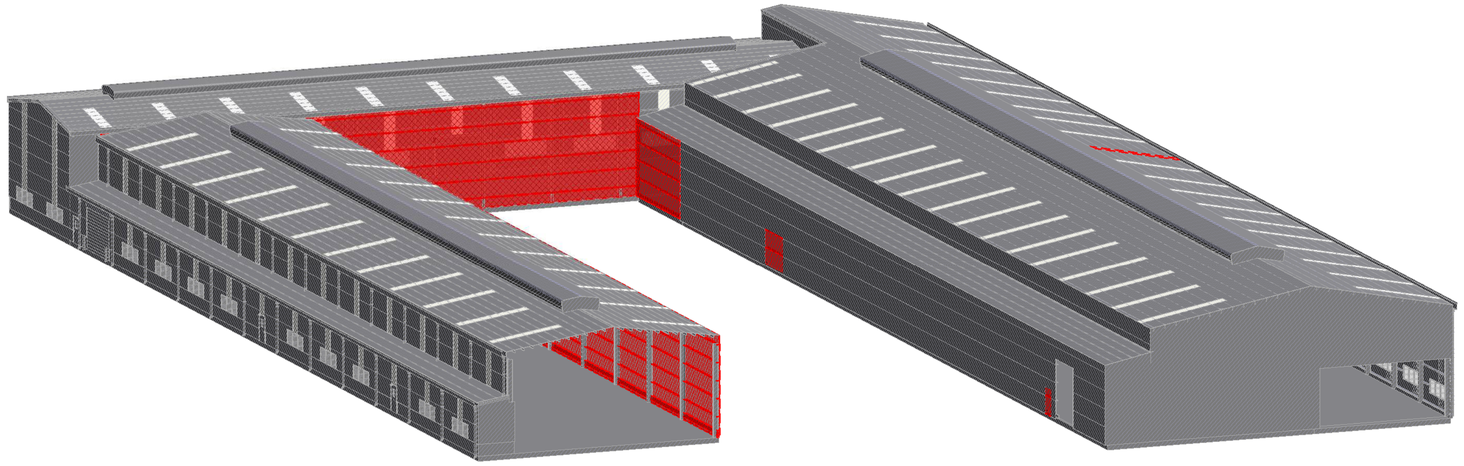

PHỐI CẢNH PHÁ DỠ
DEMOLISHED PERSPECTIVE
TL / SC:

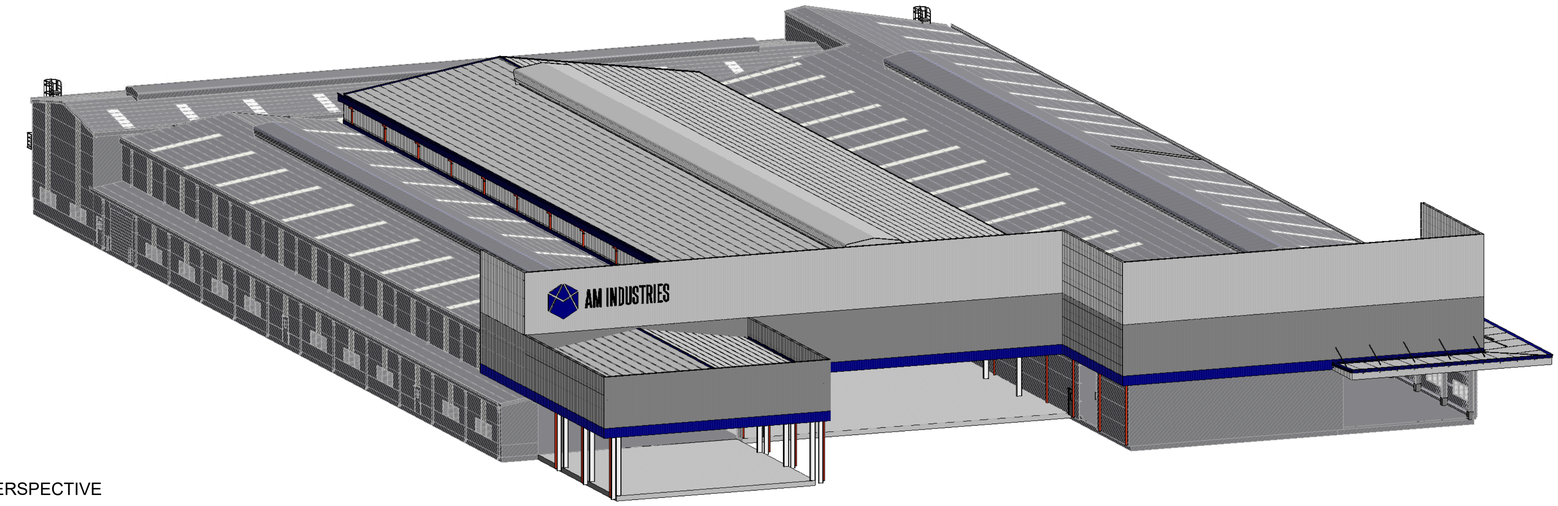

PHỐI CẢNH XÂY MỚI
NEW CONSTRUCTION PERSPECTIVE
TL / SC:

GHI CHÚ:

- BẢN VẼ NÀY PHẢI ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN NHƯ: KIẾN TRÚC, NỘI THẤT, KẾT CẤU, CƠ ĐIỆN.
- BẢN VẼ NÀY KHÔNG ĐƯỢC DÙNG ĐỂ XÂY DỰNG NẾU KHÔNG ĐƯỢC CHỨNG NHẬN.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC THỂ HIỆN MILIMET, NGOẠI TRỪ CÓ CHÚ THÍCH KHÁC.
- KHÔNG SỬ DỤNG THƯỚC ĐỂ ĐO KÍCH THƯỚC TRỰC TIẾP TRÊN BẢN VẼ.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA NGOÀI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH BẢN VẼ THI CÔNG.
- NHÀ THẦU GỬI BẢN VẼ XÁC ĐỊNH CÁC KÍCH THƯỚC, CÁC VẤN ĐỀ ĐỂ CÂN LÀM SÁNG TỎ KHI CÓ SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THIẾT KẾ CƠ ĐIỆN VÀ THI CÔNG.
- BẢN VẼ CƠ ĐIỆN CẦN THỂ HIỆN CÁC YÊU CẦU THIẾT KẾ, NHÀ THẦU CẦN KHAI TRIỂN BẢN VẼ THI CÔNG VÀ CHẾ TẠO THEO MỤC ĐÍCH CỦA BẢN VẼ THIẾT KẾ.
- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC KẾT HỢP VỚI THUYẾT MINH KỸ THUẬT VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.
- BẢN VẼ VÀ THIẾT KẾ NÀY ĐƯỢC GIỮ BẢN QUYỀN VÀ KHÔNG SAO CHÉP NẾU KHÔNG ĐƯỢC SỰ CHẤP THUẬN CỦA CDT.

NOTE:

- THIS DRAWING MUST BE READ AND LINKED WITH RELATED DRAWINGS, SUCH AS ARCHITECT, INTERIOR, STRUCTURAL AND MECHANICAL DRAWINGS.
- IF IT IS NOT CERTIFIED, THIS DRAWING CANNOT BE USED FOR CONSTRUCTION PURPOSE.
- MILLIMETER IS THE UNIT USED IN THE DRAWING, WITH THE EXCEPTION OF OTHER ANNOTATIONS.
- DO NOT USE A RULER TO MEASURE DIMENSIONS ON THE DRAWINGS.
- ALL DIMENSIONS MUST BE DOUBLE CHECKED ON CONSTRUCTION SITE BEFORE DEVELOPING SHOP DRAWINGS.
- CONTRACTOR MUST SUBMIT DRAWINGS IN WHICH ALL DIMENSIONS HAVE BEEN CHECKED AND ALL ISSUES AND/OR DIFFERENTIALS BETWEEN M&E DESIGNS AND CONSTRUCTION HAVE BEEN CLARIFIED.
- DESIGN REQUIREMENTS SHOULD BE SHOWN IN THE M&E DESIGN DRAWINGS. CONTRACTOR MUST DEVELOP SHOP DRAWINGS AND FABRICATE ON M&E DESIGN DRAWINGS BASIS.
- THIS DRAWING IS READ IN CONNECTION WITH THE TECHNICAL SPECIFICATION AND CONDITIONS OF THE CONTRACT.
- THIS DRAWING AND DESIGN ARE THE OWNER'S COPYRIGHT. IT IS A BREACH TO REPRODUCE WITHOUT THE OWNER'S APPROVALS.

Rev	NGÀY/ DATE	DIỄN GIẢI / DESCRIPTION
00	18-12-2025	PHÁT HÀNH BẢN VẼ XIN PHÉP/ ISSUED FOR PERMIT

BẢN VẼ XIN PHÉP	☑ PERMIT APPROVAL DRAWING
THIẾT KẾ SƠ PHÁC	☐ CONCEPTUAL DESIGN
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ BASIC (FEED) DESIGN
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ TECHNICAL DESIGN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT DRAWING

DỰ ÁN / PROJECT

NHÀ MÁY AM
AM FACTORY

ĐỊA ĐIỂM: Đường số 3, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
LOCATION: Road No. 3, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT :
CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM
AM INDUSTRIES VIET NAM LIMITED COMPANY

Địa chỉ : Lô số 15, Đường số 8, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
Address : Lot No. 15, Road No. 8, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

PHÊ DUYỆT
APPROVED BY

TƯ VẤN THIẾT KẾ / CONSULTANTS:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỰ ÁN SEAS
SEAS PROJECT CONSULTANTS CO., LTD

Địa chỉ : 4/7 Đường 41, KP 2, P.An Khánh, TP. HCM
Address : 4/7 Street 41, Quarter 2, An Khanh Ward, HCMC
ĐT: 028.38418254 - Email: seas@seas.com.vn - Website :https:// www.seas.com.vn

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT
TECHNICAL DIRECTOR

TRƯƠNG CÔNG TRIỀU

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ DESIGN PRESIDENT	VÕ THANH TUYỀN
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ REPRESENTATIVE	VÕ THANH TUYỀN
THIẾT KẾ DESIGNER	TRẦN HUỲNH MINH THƯ
QUẢN LÝ THIẾT KẾ DESIGN MANAGER	DƯƠNG VĂN HOÀNG

HẠNG MỤC / ITEM

KIẾN TRÚC - NX4. NHÀ XƯỞNG 04
ARCHITECTURE - NX4. FACTORY 04

TÊN BẢN VẼ / DWG TITLE :

PHỐI CẢNH
PERSPECTIVES

MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE	SỐ BẢN VẼ DRAWING No.:	HIỆU CHỈNH REV.	TỈ LỆ SCALE	KHỔ GIẤY SIZE
AMIND.02-25	DW-A-04-001	00		A1

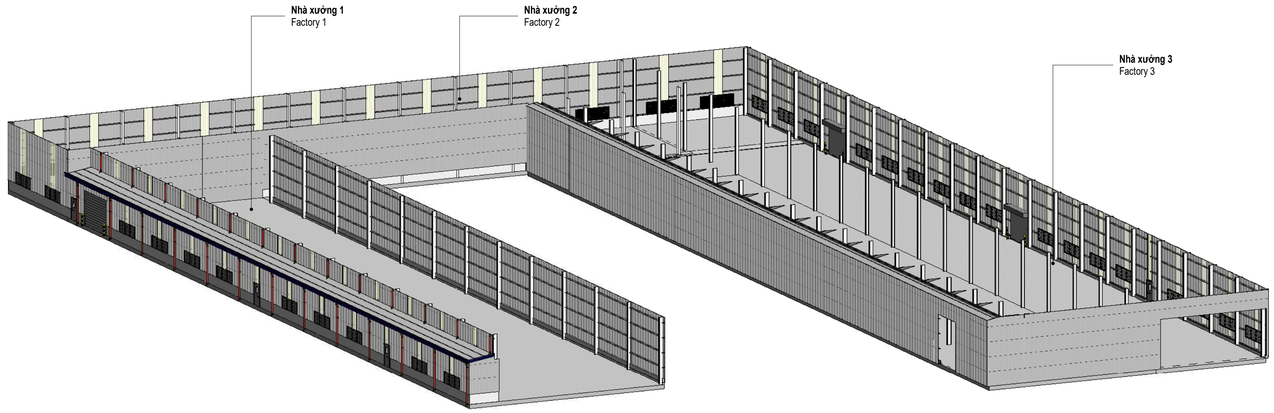

HIỆN TRẠNG
EXISTING

TL / SC:

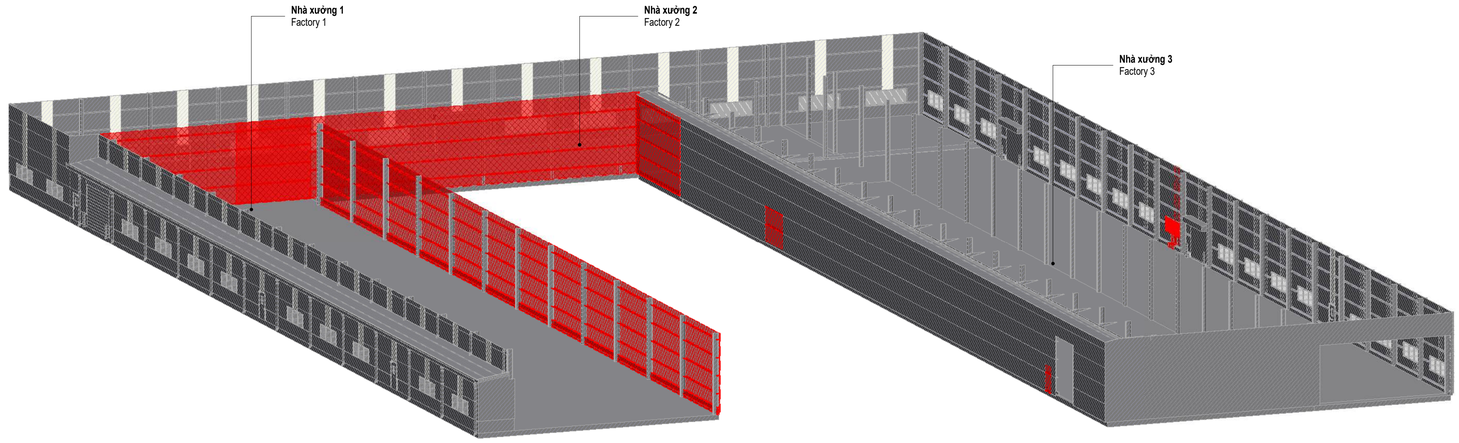

PHÁ DỠ
DEMOLISHING

TL / SC:

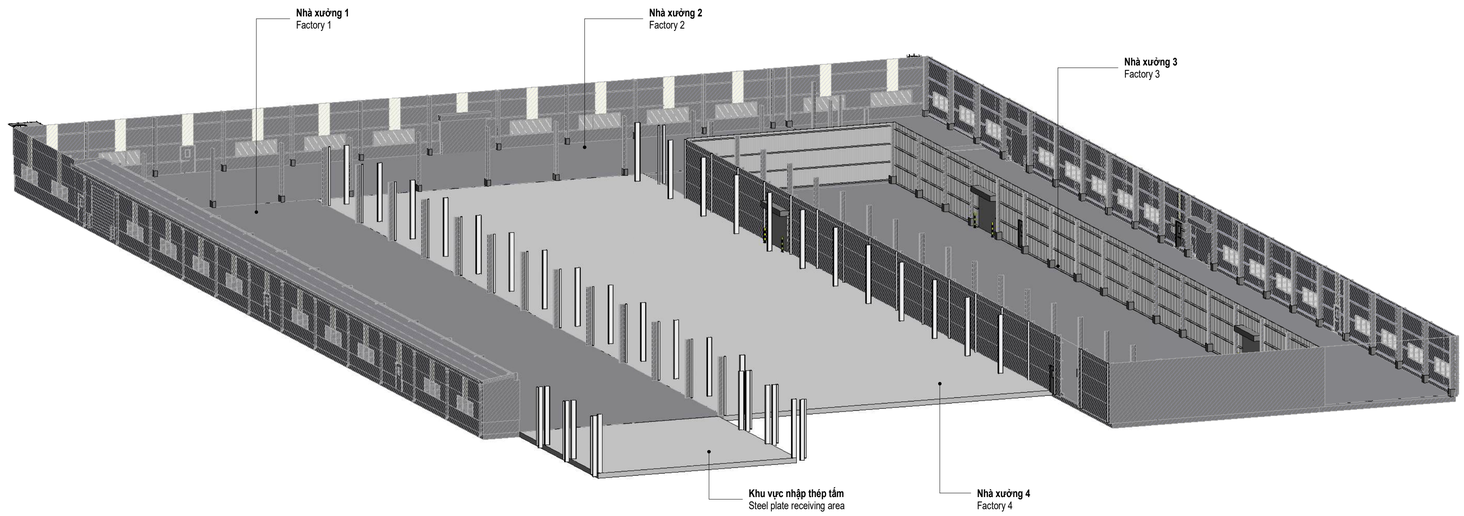

XÂY MỚI
NEW CONSTRUCTION

TL / SC:

GHI CHÚ:

- BẢN VẼ NÀY PHẢI ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN NHƯ: KIẾN TRÚC, NỘI THẤT, KẾT CẤU, CƠ ĐIỆN.
- BẢN VẼ NÀY KHÔNG ĐƯỢC DÙNG ĐỂ XÂY DỰNG NẾU KHÔNG ĐƯỢC CHỨNG NHẬN.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC THỂ HIỆN MILIMET, NGOẠI TRỪ CÓ CHÚ THÍCH KHÁC.
- KHÔNG SỬ DỤNG THƯỚC ĐỂ ĐO KÍCH THƯỚC TRỰC TIẾP TRÊN BẢN VẼ.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA NGOÀI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH BẢN VẼ THI CÔNG.
- NHÀ THẦU GỬI BẢN VẼ XÁC ĐỊNH CÁC KÍCH THƯỚC, CÁC VẤN ĐỀ ĐỂ CÂN LÂM SÁNG TỎ KHI CÓ SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THIẾT KẾ CƠ ĐIỆN VÀ THI CÔNG.
- BẢN VẼ CƠ ĐIỆN CẦN THỂ HIỆN CÁC YÊU CẦU THIẾT KẾ, NHÀ THẦU CẦN KHAI TRIỂN BẢN VẼ THI CÔNG VÀ CHẾ TẠO THEO MỤC ĐÍCH CỦA BẢN VẼ THIẾT KẾ.
- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC KẾT HỢP VỚI THUYẾT MINH KỸ THUẬT VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.
- BẢN VẼ VÀ THIẾT KẾ NÀY ĐƯỢC GIỮ BẢN QUYỀN VÀ KHÔNG SAO CHÉP NẾU KHÔNG ĐƯỢC SỰ CHẤP THUẬN CỦA CDT.

NOTE:

- THIS DRAWING MUST BE READ AND LINKED WITH RELATED DRAWINGS, SUCH AS ARCHITECT, INTERIOR, STRUCTURAL AND MECHANICAL DRAWINGS.
- IF IT IS NOT CERTIFIED, THIS DRAWING CANNOT BE USED FOR CONSTRUCTION PURPOSE.
- MILLIMETER IS THE UNIT USED IN THE DRAWING, WITH THE EXCEPTION OF OTHER ANNOTATIONS.
- DO NOT USE A RULER TO MEASURE DIMENSIONS ON THE DRAWINGS.
- ALL DIMENSIONS MUST BE DOUBLE CHECKED ON CONSTRUCTION SITE BEFORE DEVELOPING SHOP DRAWINGS.
- CONTRACTOR MUST SUBMIT DRAWINGS IN WHICH ALL DIMENSIONS HAVE BEEN CHECKED AND ALL ISSUES AND/OR DIFFERENTIALS BETWEEN M&E DESIGNS AND CONSTRUCTION HAVE BEEN CLARIFIED.
- DESIGN REQUIREMENTS SHOULD BE SHOWN IN THE M&E DESIGN DRAWINGS. CONTRACTOR MUST DEVELOP SHOP DRAWINGS AND FABRICATE ON M&E DESIGN DRAWINGS BASIS.
- THIS DRAWING IS READ IN CONNECTION WITH THE TECHNICAL SPECIFICATION AND CONDITIONS OF THE CONTRACT.
- THIS DRAWING AND DESIGN ARE THE OWNER'S COPYRIGHT. IT IS A BREACH TO REPRODUCE WITHOUT THE OWNER'S APPROVALS.

Rev	NGÀY/ DATE	DIỄN GIẢI / DESCRIPTION
00	18-12-2025	PHÁT HÀNH BẢN VẼ XIN PHÉP/ ISSUED FOR PERMIT

BẢN VẼ XIN PHÉP	☑ PERMIT APPROVAL DRAWING
THIẾT KẾ SƠ PHÁC	☐ CONCEPTUAL DESIGN
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ BASIC (FEED) DESIGN
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ TECHNICAL DESIGN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT DRAWING

DỰ ÁN / PROJECT

NHÀ MÁY AM
AM FACTORY

ĐỊA ĐIỂM: Đường số 3, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
LOCATION: Road No. 3, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT :
CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM
AM INDUSTRIES VIET NAM LIMITED COMPANY

AM INDUSTRIES

Địa chỉ : Lô số 15, Đường số 8, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
Address : Lot No. 15, Road No. 8, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

PHÊ DUYỆT
APPROVED BY

TƯ VẤN THIẾT KẾ / CONSULTANTS:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỰ ÁN SEAS
SEAS PROJECT CONSULTANTS CO., LTD

SEAS CONSULTANTS

Địa chỉ : 4/7 Đường 41, KP 2, P.An Khánh, TP. HCM
Address : 4/7 Street 41, Quarter 2, An Khanh Ward, HCMC
ĐT: 028.38418254 - Email: seas@seas.com.vn - Website :https:// www.seas.com.vn

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT
TECHNICAL DIRECTOR

TRƯƠNG CÔNG TRIỀU

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ DESIGN PRESIDENT	VÕ THANH TUYỀN
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ REPRESENTATIVE	VÕ THANH TUYỀN
THIẾT KẾ DESIGNER	TRẦN HUỲNH MINH THƯ
QUẢN LÝ THIẾT KẾ DESIGN MANAGER	DƯƠNG VĂN HOÀNG

HANG MUC / ITEM

KIẾN TRÚC - NX4. NHÀ XƯỞNG 04
ARCHITECTURE - NX4. FACTORY 04

TÊN BẢN VẼ / DWG TITLE :

SƠ ĐỒ TÁCH LỚP
DIAGRAM

MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE	SỐ BẢN VẼ DRAWING No.:	HIỆU CHỈNH REV.	TỈ LỆ SCALE	KHỔ GIẤY SIZE
AMIND.02-25	DW-A-04-002	00		A1

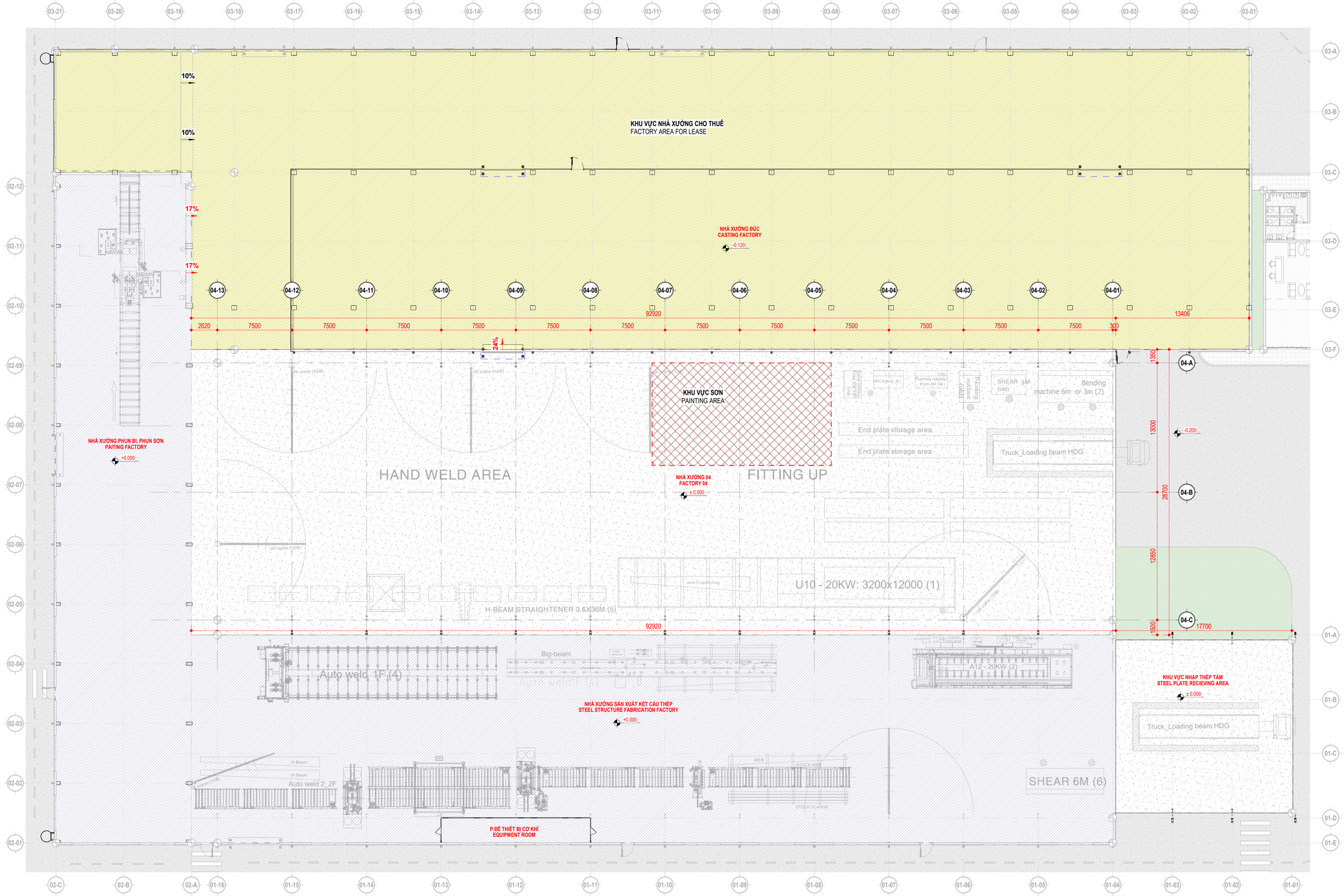

MẶT BẰNG NHÀ XƯỞNG 04
FACTORY 04 PLAN
TL / SC: 1 : 200

HIỆN TRẠNG/ EXISTING

PHÁ DỠ/ DEMOLISH

XÂY MỚI/ NEW CONSTRUCTION

GHI CHÚ:

- BẢN VẼ NÀY PHẢI ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN NHƯ: KIẾN TRÚC, NỘI THẤT, KẾT CẤU, CƠ ĐIỆN.
- BẢN VẼ NÀY KHÔNG ĐƯỢC DÙNG ĐỂ XÂY DỰNG NẾU KHÔNG ĐƯỢC CHỨNG NHẬN.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC THỂ HIỆN MILIMET, NGOẠI TRỪ CÓ CHÚ THÍCH KHÁC.
- KHÔNG SỬ DỤNG THƯỚC ĐỂ ĐO KÍCH THƯỚC TRỰC TIẾP TRÊN BẢN VẼ.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA NGOÀI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH BẢN VẼ THI CÔNG.
- NHÀ THẦU GỬI BẢN VẼ XÁC ĐỊNH CÁC KÍCH THƯỚC, CÁC VẤN ĐỀ ĐỂ CÂN LÀM SÁNG TỎ KHI CÓ SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THIẾT KẾ CƠ ĐIỆN VÀ THI CÔNG.
- BẢN VẼ CƠ ĐIỆN CÂN THỂ HIỆN CÁC YÊU CẦU THIẾT KẾ, NHÀ THẦU CÂN KHAI TRIỂN BẢN VẼ THI CÔNG VÀ CHẾ TẠO THEO MỤC ĐÍCH CỦA BẢN VẼ THIẾT KẾ.
- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC KẾT HỢP VỚI THUYẾT MINH KỸ THUẬT VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.
- BẢN VẼ VÀ THIẾT KẾ NÀY ĐƯỢC GIỮ BẢN QUYỀN VÀ KHÔNG SAO CHÉP NẾU KHÔNG ĐƯỢC SỰ CHẤP THUẬN CỦA CDT.

NOTE:

- THIS DRAWING MUST BE READ AND LINKED WITH RELATED DRAWINGS, SUCH AS ARCHITECT, INTERIOR, STRUCTURAL AND MECHANICAL DRAWINGS.
- IF IT IS NOT CERTIFIED, THIS DRAWING CANNOT BE USED FOR CONSTRUCTION PURPOSE.
- MILLIMETER IS THE UNIT USED IN THE DRAWING, WITH THE EXCEPTION OF OTHER ANNOTATIONS.
- DO NOT USE A RULER TO MEASURE DIMENSIONS ON THE DRAWINGS.
- ALL DIMENSIONS MUST BE DOUBLE CHECKED ON CONSTRUCTION SITE BEFORE DEVELOPING SHOP DRAWINGS.
- CONTRACTOR MUST SUBMIT DRAWINGS IN WHICH ALL DIMENSIONS HAVE BEEN CHECKED AND ALL ISSUES AND/OR DIFFERENTIALS BETWEEN M&E DESIGNS AND CONSTRUCTION HAVE BEEN CLARIFIED.
- DESIGN REQUIREMENTS SHOULD BE SHOWN IN THE M&E DESIGN DRAWINGS. CONTRACTOR MUST DEVELOP SHOP DRAWINGS AND FABRICATE ON M&E DESIGN DRAWINGS BASIS.
- THIS DRAWING IS READ IN CONNECTION WITH THE TECHNICAL SPECIFICATION AND CONDITIONS OF THE CONTRACT.
- THIS DRAWING AND DESIGN ARE THE OWNER'S COPYRIGHT. IT IS A BREACH TO REPRODUCE WITHOUT THE OWNER'S APPROVALS.

Rev	NGÀY/ DATE	DIỄN GIẢI / DESCRIPTION
00	18-12-2025	PHÁT HÀNH BẢN VẼ XIN PHÉP/ ISSUED FOR PERMIT

BẢN VẼ XIN PHÉP	☑ PERMIT APPROVAL DRAWING
THIẾT KẾ SƠ PHÁC	☐ CONCEPTUAL DESIGN
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ BASIC (FEED) DESIGN
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ TECHNICAL DESIGN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT DRAWING

DỰ ÁN / PROJECT

NHÀ MÁY AM
AM FACTORY

ĐỊA ĐIỂM: Đường số 3, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
LOCATION: Road No. 3, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT :
CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM
AM INDUSTRIES VIET NAM LIMITED COMPANY

Địa chỉ : Lô số 15, Đường số 8, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
Address : Lot No. 15, Road No. 8, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

PHÊ DUYỆT
APPROVED BY

TƯ VẤN THIẾT KẾ / CONSULTANTS :
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỰ ÁN SEAS
SEAS PROJECT CONSULTANTS CO., LTD

Địa chỉ : 4/7 Đường 41, KP 2, P.An Khánh, TP. HCM
Address : 4/7 Street 41, Quarter 2, An Khanh Ward, HCMC
ĐT: 028.38418054 - Email: seas@seas.com.vn - Website :https:// www.seas.com.vn

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT
TECHNICAL DIRECTOR

TRƯƠNG CÔNG TRIỀU

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ DESIGN PRESIDENT	VÕ THANH TUYỀN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ REPRESENTATIVE	VÕ THANH TUYỀN	
THIẾT KẾ DESIGNER	TRẦN HUỲNH MINH THƯ	
QUẢN LÝ THIẾT KẾ DESIGN MANAGER	DƯƠNG VĂN HOÀNG	

HANG MUC / ITEM

KIẾN TRÚC - NM4. NHÀ XƯỞNG 04
ARCHITECTURE - NM4. FACTORY 04

TÊN BẢN VẼ / DWG TITLE :

MẶT BẰNG THIẾT BỊ TẦNG 1
MACHINE LAYOUT 1ST FLOOR PLAN

MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE	SỐ BẢN VẼ DRAWING No.:	HIỆU CHỈNH REV.	TỈ LỆ SCALE	KHỔ GIẤY SIZE
AMIND.02-25	DW-A-04-102	00		A1

ĐH1. NHÀ VĂN PHÒNG
ĐH1. OFFICE

PHỐI CẢNH VĂN PHÒNG
OFFICE PERSPECTIVE
TL / SC:

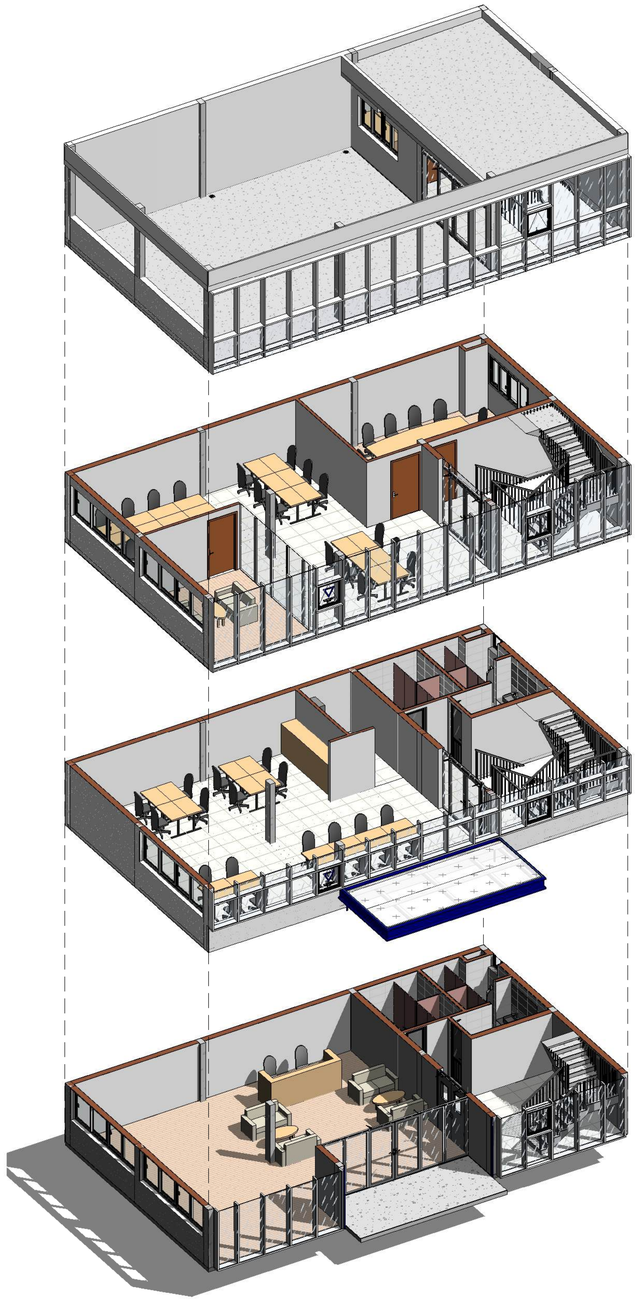

GHI CHÚ:

- BẢN VẼ NÀY PHẢI ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN NHƯ: KIẾN TRÚC, NỘI THẤT, KẾT CẤU, CƠ ĐIỆN.
- BẢN VẼ NÀY KHÔNG ĐƯỢC DÙNG ĐỂ XÂY DỰNG NẾU KHÔNG ĐƯỢC CHỨNG NHẬN.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC THỂ HIỆN MILIMET, NGOẠI TRỪ CÓ CHÚ THÍCH KHÁC.
- KHÔNG SỬ DỤNG THƯỚC ĐỂ ĐO KÍCH THƯỚC TRỰC TIẾP TRÊN BẢN VẼ.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA NGOÀI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH BẢN VẼ THI CÔNG.
- NHÀ THẦU GỬI BẢN VẼ XÁC ĐỊNH CÁC KÍCH THƯỚC, CÁC VẤN ĐỀ ĐỂ CÂN LÀM SÁNG TỎ KHI CÓ SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THIẾT KẾ CƠ ĐIỆN VÀ THI CÔNG.
- BẢN VẼ CƠ ĐIỆN CẦN THỂ HIỆN CÁC YÊU CẦU THIẾT KẾ, NHÀ THẦU CẦN KHAI TRIỂN BẢN VẼ THI CÔNG VÀ CHẾ TẠO THEO MỤC ĐÍCH CỦA BẢN VẼ THIẾT KẾ.
- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC KẾT HỢP VỚI THUYẾT MINH KỸ THUẬT VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.
- BẢN VẼ VÀ THIẾT KẾ NÀY ĐƯỢC GIỮ BẢN QUYỀN VÀ KHÔNG SAO CHÉP NẾU KHÔNG ĐƯỢC SỰ CHẤP THUẬN CỦA CDT.

NOTE:

- THIS DRAWING MUST BE READ AND LINKED WITH RELATED DRAWINGS, SUCH AS ARCHITECT, INTERIOR, STRUCTURAL AND MECHANICAL DRAWINGS.
- IF IT IS NOT CERTIFIED, THIS DRAWING CANNOT BE USED FOR CONSTRUCTION PURPOSE.
- MILLIMETER IS THE UNIT USED IN THE DRAWING, WITH THE EXCEPTION OF OTHER ANNOTATIONS.
- DO NOT USE A RULER TO MEASURE DIMENSIONS ON THE DRAWINGS.
- ALL DIMENSIONS MUST BE DOUBLE CHECKED ON CONSTRUCTION SITE BEFORE DEVELOPING SHOP DRAWINGS.
- CONTRACTOR MUST SUBMIT DRAWINGS IN WHICH ALL DIMENSIONS HAVE BEEN CHECKED AND ALL ISSUES AND/OR DIFFERENTIALS BETWEEN M&E DESIGNS AND CONSTRUCTION HAVE BEEN CLARIFIED.
- DESIGN REQUIREMENTS SHOULD BE SHOWN IN THE M&E DESIGN DRAWINGS. CONTRACTOR MUST DEVELOP SHOP DRAWINGS AND FABRICATE ON M&E DESIGN DRAWINGS BASIS.
- THIS DRAWING IS READ IN CONNECTION WITH THE TECHNICAL SPECIFICATION AND CONDITIONS OF THE CONTRACT.
- THIS DRAWING AND DESIGN ARE THE OWNER'S COPYRIGHT. IT IS A BREACH TO REPRODUCE WITHOUT THE OWNER'S APPROVALS.

Rev	NGÀY/ DATE	DIỄN GIẢI / DESCRIPTION
00	18-12-2025	PHÁT HÀNH BẢN VẼ XIN PHÉP/ ISSUED FOR PERMIT

BẢN VẼ XIN PHÉP	☑ PERMIT APPROVAL DRAWING
THIẾT KẾ SƠ PHÁC	☐ CONCEPTUAL DESIGN
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ BASIC (FEED) DESIGN
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ TECHNICAL DESIGN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT DRAWING

DỰ ÁN / PROJECT

NHÀ MÁY AM
AM FACTORY

ĐỊA ĐIỂM: Đường số 3, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
LOCATION: Road No. 3, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT :
CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM
AM INDUSTRIES VIET NAM LIMITED COMPANY

Địa chỉ : Lô số 15, Đường số 8, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
Address : Lot No. 15, Road No. 8, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

PHÊ DUYỆT
APPROVED BY

TƯ VẤN THIẾT KẾ / CONSULTANTS:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỰ ÁN SEAS
SEAS PROJECT CONSULTANTS CO., LTD

Địa chỉ : 4/7 Đường 41, KP 2, P.An Khánh, TP. HCM
Address : 4/7 Street 41, Quarter 2, An Khanh Ward, HCMC
ĐT: 028.38418054 - Email: seas@seas.com.vn - Website :https:// www.seas.com.vn

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT
TECHNICAL DIRECTOR

TRƯƠNG CÔNG TRIỀU

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ DESIGN PRESIDENT	VÕ THANH TUYỀN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ REPRESENTATIVE	VÕ THANH TUYỀN	
THIẾT KẾ DESIGNER	TRẦN HUỲNH MINH THƯ	
QUẢN LÝ THIẾT KẾ DESIGN MANAGER	DƯƠNG VĂN HOÀNG	

HẠNG MỤC / ITEM

KIẾN TRÚC - ĐH1.VĂN PHÒNG
ARCHITECTURE - ĐH1. OFFICE

TÊN BẢN VẼ / DWG TITLE :

PHỐI CẢNH
PERSPECTIVE

MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE	SỐ BẢN VẼ DRAWING No.:	HIỆU CHỈNH REV.	TỈ LỆ SCALE	KHỔ GIẤY SIZE
AMIND.02-25	DW-A-05-001	00		A1

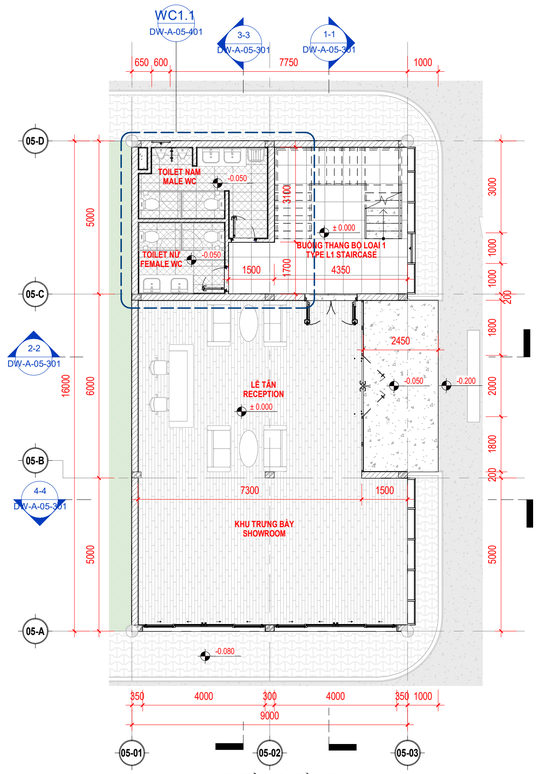

MẶT BẰNG TẦNG 1
1ST FLOOR PLAN
TL / SC: 1 : 100

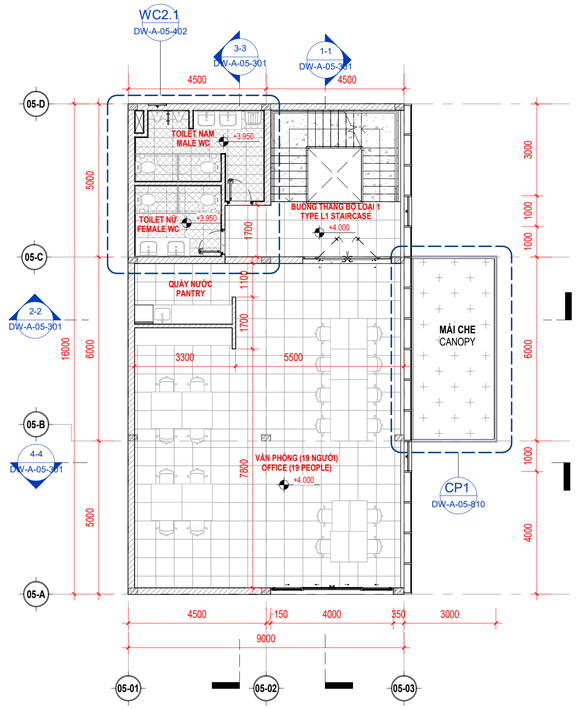

MẶT BẰNG TẦNG 2
2ND FLOOR PLAN
TL / SC: 1 : 100

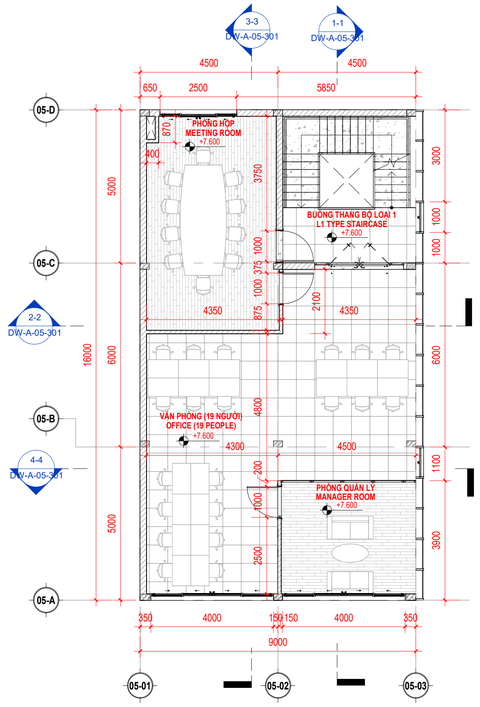

MẶT BẰNG TẦNG 3
3RD FLOOR PLAN
TL / SC: 1 : 100

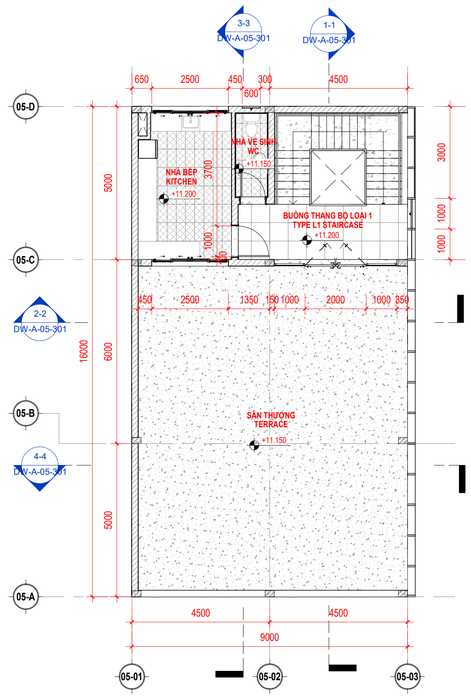

MẶT BẰNG SÂN THƯỢNG
TERRACE PLAN
TL / SC: 1 : 100

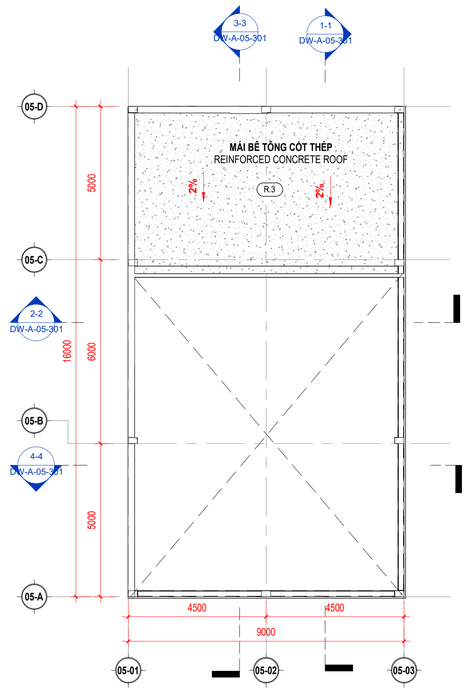

MẶT BẰNG MÁI
ROOF PLAN
TL / SC: 1 : 100

GHI CHÚ:

- BẢN VẼ NÀY PHẢI ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN NHƯ: KIẾN TRÚC, NỘI THẤT, KẾT CẤU, CƠ ĐIỆN.
- BẢN VẼ NÀY KHÔNG ĐƯỢC DÙNG ĐỂ XÂY DỰNG NẾU KHÔNG ĐƯỢC CHỨNG NHẬN.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC THỂ HIỆN MILIMET, NGOẠI TRỪ CÓ CHÚ THÍCH KHÁC.
- KHÔNG SỬ DỤNG THƯỚC ĐỂ ĐO KÍCH THƯỚC TRỰC TIẾP TRÊN BẢN VẼ.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA NGOÀI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH BẢN VẼ THI CÔNG.
- NHÀ THẦU GỬI BẢN VẼ XÁC ĐỊNH CÁC KÍCH THƯỚC, CÁC VÁN ĐỂ ĐỂ CÂN LÁM SÁNG TỎ KHI CÓ SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THIẾT KẾ CƠ ĐIỆN VÀ THI CÔNG.
- BẢN VẼ CƠ ĐIỆN CẦN THỂ HIỆN CÁC YÊU CẦU THIẾT KẾ, NHÀ THẦU CẦN KHAI TRIỂN BẢN VẼ THI CÔNG VÀ CHẾ TẠO THEO MỤC ĐÍCH CỦA BẢN VẼ THIẾT KẾ.
- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC KẾT HỢP VỚI THUYẾT MINH KỸ THUẬT VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.
- BẢN VẼ VÀ THIẾT KẾ NÀY ĐƯỢC GIỮ BẢN QUYỀN VÀ KHÔNG SAO CHÉP NẾU KHÔNG ĐƯỢC SỰ CHẤP THUẬN CỦA CDT.

NOTE:

- THIS DRAWING MUST BE READ AND LINKED WITH RELATED DRAWINGS, SUCH AS ARCHITECT, INTERIOR, STRUCTURAL AND MECHANICAL DRAWINGS.
- IF IT IS NOT CERTIFIED, THIS DRAWING CANNOT BE USED FOR CONSTRUCTION PURPOSE.
- MILLIMETER IS THE UNIT USED IN THE DRAWING, WITH THE EXCEPTION OF OTHER ANNOTATIONS.
- DO NOT USE A RULER TO MEASURE DIMENSIONS ON THE DRAWINGS.
- ALL DIMENSIONS MUST BE DOUBLE CHECKED ON CONSTRUCTION SITE BEFORE DEVELOPING SHOP DRAWINGS.
- CONTRACTOR MUST SUBMIT DRAWINGS IN WHICH ALL DIMENSIONS HAVE BEEN CHECKED AND ALL ISSUES AND/OR DIFFERENTIALS BETWEEN M&E DESIGNS AND CONSTRUCTION HAVE BEEN CLARIFIED.
- DESIGN REQUIREMENTS SHOULD BE SHOWN IN THE M&E DESIGN DRAWINGS. CONTRACTOR MUST DEVELOP SHOP DRAWINGS AND FABRICATE ON M&E DESIGN DRAWINGS BASIS.
- THIS DRAWING IS READ IN CONNECTION WITH THE TECHNICAL SPECIFICATION AND CONDITIONS OF THE CONTRACT.
- THIS DRAWING AND DESIGN ARE THE OWNER'S COPYRIGHT. IT IS A BREACH TO REPRODUCE WITHOUT THE OWNER'S APPROVALS.

Rev	NGÀY/ DATE	DIỄN GIẢI / DESCRIPTION
00	18-12-2025	PHÁT HÀNH BẢN VẼ XIN PHÉP/ ISSUED FOR PERMIT

BẢN VẼ XIN PHÉP	☑ PERMIT APPROVAL DRAWING
THIẾT KẾ SƠ PHÁC	☐ CONCEPTUAL DESIGN
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ BASIC (FEED) DESIGN
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ TECHNICAL DESIGN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT DRAWING

DỰ ÁN / PROJECT

NHÀ MÁY AM
AM FACTORY

ĐỊA ĐIỂM: Đường số 3, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
LOCATION: Road No. 3, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT :
CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM
AM INDUSTRIES VIET NAM LIMITED COMPANY

Địa chỉ : Lô số 15, Đường số 8, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
Address : Lot No. 15, Road No. 8, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

PHÊ DUYỆT
APPROVED BY

TƯ VẤN THIẾT KẾ / CONSULTANTS:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỰ ÁN SEAS
SEAS PROJECT CONSULTANTS CO., LTD

Địa chỉ : 4/7 Đường 41, KP 2, P.An Khánh, TP. HCM
Address : 4/7 Street 41, Quarter 2, An Khanh Ward, HCMC
ĐT: 028.38418054 - Email: seas@seas.com.vn - Website :https:// www.seas.com.vn

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT
TECHNICAL DIRECTOR
TRƯƠNG CÔNG TRIỀU

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ DESIGN PRESIDENT	VÕ THANH TUYỀN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ REPRESENTATIVE	VÕ THANH TUYỀN	
THIẾT KẾ DESIGNER	TRẦN HUỲNH MINH THƯ	
QUẢN LÝ THIẾT KẾ DESIGN MANAGER	DƯƠNG VĂN HOÀNG	

HẠNG MỤC / ITEM

KIẾN TRÚC - ĐH1.VĂN PHÒNG
ARCHITECTURE - ĐH1. OFFICE

TÊN BẢN VẼ / DWG TITLE :

MẶT BẰNG
FLOOR PLAN

MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE	SỐ BẢN VẼ DRAWING No.:	HIỆU CHỈNH REV.	TỈ LỆ SCALE	KHỔ GIẤY SIZE
AMIND.02-25	DW-A-05-101	00		A1

ĐH2. NHÀ BẢO VỆ
ĐH2. GUARDHOUSE

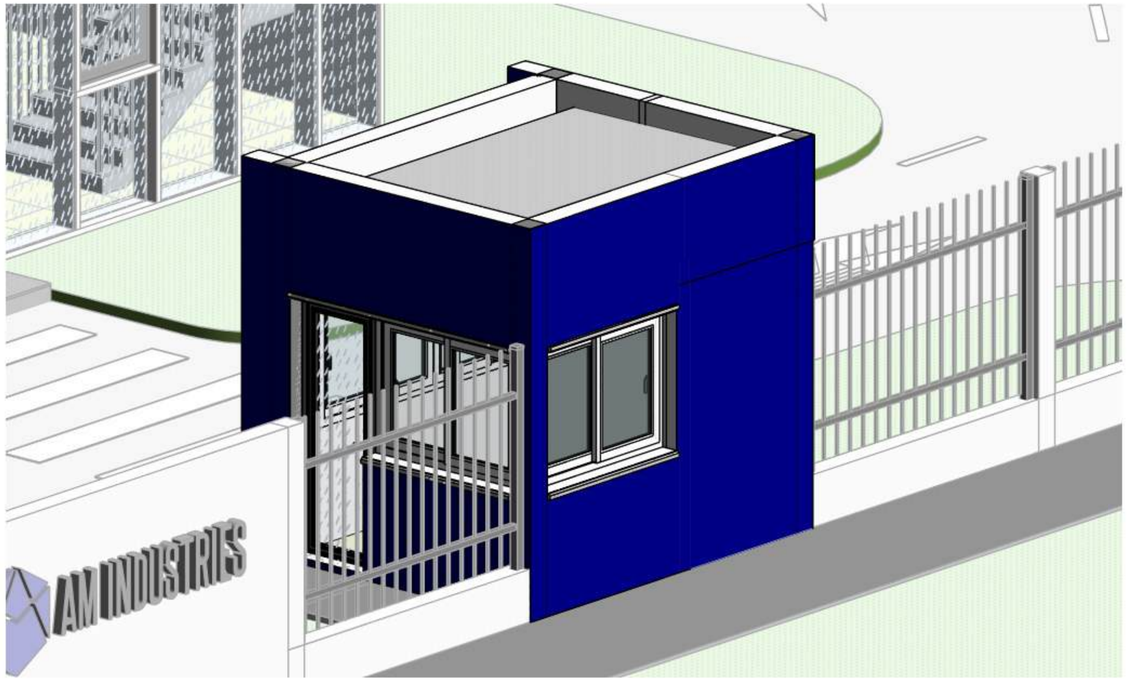

PHỐI CẢNH 1 NHÀ BẢO VỆ
GUARDHOUSE PERSPECTIVE 1
TL / SC:

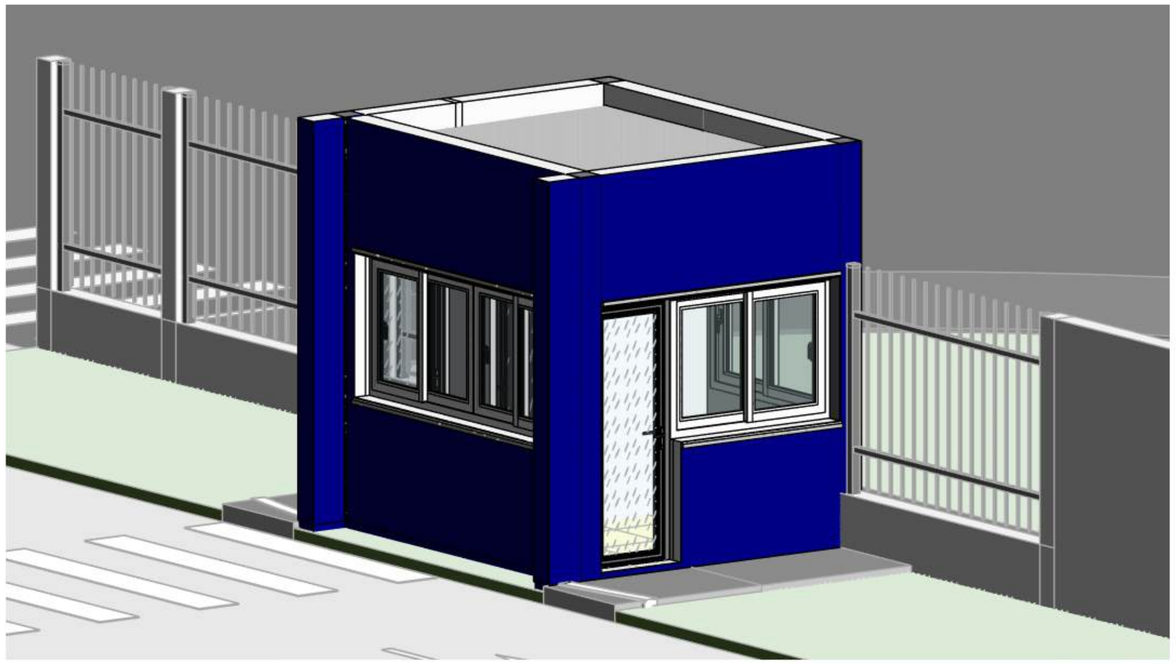

PHỐI CẢNH 2 NHÀ BẢO VỆ
GUARDHOUSE PERSPECTIVE 2
TL / SC:

GHI CHÚ:

- BẢN VẼ NÀY PHẢI ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN NHƯ: KIẾN TRÚC, NỘI THẤT, KẾT CẤU, CƠ ĐIỆN.
- BẢN VẼ NÀY KHÔNG ĐƯỢC DÙNG ĐỂ XÂY DỰNG NẾU KHÔNG ĐƯỢC CHỨNG NHẬN.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC THỂ HIỆN MILIMET, NGOẠI TRỪ CÓ CHÚ THÍCH KHÁC.
- KHÔNG SỬ DỤNG THƯỚC ĐỂ ĐO KÍCH THƯỚC TRỰC TIẾP TRÊN BẢN VẼ.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA NGOÀI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH BẢN VẼ THI CÔNG.
- NHÀ THẦU GỬI BẢN VẼ XÁC ĐỊNH CÁC KÍCH THƯỚC, CÁC VẤN ĐỀ CẦN LÀM SÁNG TỎ KHI CÓ SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THIẾT KẾ CƠ ĐIỆN VÀ THI CÔNG.
- BẢN VẼ CƠ ĐIỆN CẦN THỂ HIỆN CÁC YÊU CẦU THIẾT KẾ, NHÀ THẦU CẦN KHAI TRIỂN BẢN VẼ THI CÔNG VÀ CHẾ TẠO THEO MỤC ĐÍCH CỦA BẢN VẼ THIẾT KẾ.
- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC KẾT HỢP VỚI THUYẾT MINH KỸ THUẬT VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.
- BẢN VẼ VÀ THIẾT KẾ NÀY ĐƯỢC GIỮ BẢN QUYỀN VÀ KHÔNG SAO CHÉP NẾU KHÔNG ĐƯỢC SỰ CHẤP THUẬN CỦA CDT.

NOTE:

- THIS DRAWING MUST BE READ AND LINKED WITH RELATED DRAWINGS, SUCH AS ARCHITECT, INTERIOR, STRUCTURAL AND MECHANICAL DRAWINGS.
- IF IT IS NOT CERTIFIED, THIS DRAWING CANNOT BE USED FOR CONSTRUCTION PURPOSE.
- MILLIMETER IS THE UNIT USED IN THE DRAWING, WITH THE EXCEPTION OF OTHER ANNOTATIONS.
- DO NOT USE A RULER TO MEASURE DIMENSIONS ON THE DRAWINGS.
- ALL DIMENSIONS MUST BE DOUBLE CHECKED ON CONSTRUCTION SITE BEFORE DEVELOPING SHOP DRAWINGS.
- CONTRACTOR MUST SUBMIT DRAWINGS IN WHICH ALL DIMENSIONS HAVE BEEN CHECKED AND ALL ISSUES AND/OR DIFFERENTIALS BETWEEN M&E DESIGNS AND CONSTRUCTION HAVE BEEN CLARIFIED.
- DESIGN REQUIREMENTS SHOULD BE SHOWN IN THE M&E DESIGN DRAWINGS. CONTRACTOR MUST DEVELOP SHOP DRAWINGS AND FABRICATE ON M&E DESIGN DRAWINGS BASIS.
- THIS DRAWING IS READ IN CONNECTION WITH THE TECHNICAL SPECIFICATION AND CONDITIONS OF THE CONTRACT.
- THIS DRAWING AND DESIGN ARE THE OWNER'S COPYRIGHT. IT IS A BREACH TO REPRODUCE WITHOUT THE OWNER'S APPROVALS.

Rev	NGÀY/ DATE	DIỄN GIẢI / DESCRIPTION
00	18-12-2025	PHÁT HÀNH BẢN VẼ XIN PHÉP/ ISSUED FOR PERMIT

BẢN VẼ XIN PHÉP	☑ PERMIT APPROVAL DRAWING
THIẾT KẾ SƠ PHÁC	☐ CONCEPTUAL DESIGN
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ BASIC (FEED) DESIGN
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ TECHNICAL DESIGN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT DRAWING

DỰ ÁN / PROJECT

NHÀ MÁY AM
AM FACTORY

ĐỊA ĐIỂM: Đường số 3, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
LOCATION: Road No. 3, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT :
CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM
AM INDUSTRIES VIET NAM LIMITED COMPANY

AM INDUSTRIES

Địa chỉ : Lô số 15, Đường số 8, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
Address : Lot No. 15, Road No. 8, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

PHÊ DUYỆT
APPROVED BY

TƯ VẤN THIẾT KẾ / CONSULTANTS:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỰ ÁN SEAS
SEAS PROJECT CONSULTANTS CO., LTD

SEAS CONSULTANTS

Địa chỉ : 4/7 Đường 41, KP 2, P.An Khánh, TP. HCM
Address : 4/7 Street 41, Quarter 2, An Khanh Ward, HCMC
ĐT: 028.38418034 - Email: seas@seas.com.vn - Website :https:// www.seas.com.vn

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT
TECHNICAL DIRECTOR
TRƯƠNG CÔNG TRIỀU

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ DESIGN PRESIDENT	VÕ THANH TUYÊN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ REPRESENTATIVE	VÕ THANH TUYÊN	
THIẾT KẾ DESIGNER	TRẦN HUỲNH MINH THƯ	
QUẢN LÝ THIẾT KẾ DESIGN MANAGER	DƯƠNG VĂN HOÀNG	

HANG MUC / ITEM

KIẾN TRÚC - ĐH2. NHÀ BẢO VỆ
ARCHITECTURE - ĐH2. GUARDHOUSE

TÊN BẢN VẼ / DWG TITLE :

PHỐI CẢNH
PERSPECTIVE

MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE	SỐ BẢN VẼ DRAWING No.:	HIỆU CHỈNH REV.	TỈ LỆ SCALE	KHỔ GIẤY SIZE
AMIND.02-25	DW-A-06-001	00		A1

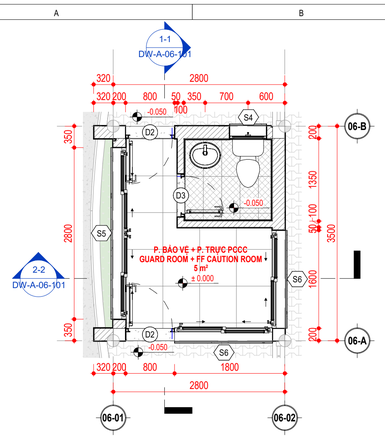

MẶT BẰNG TẦNG 1
1ST FLOOR PLAN
TL / SC: 1 : 50

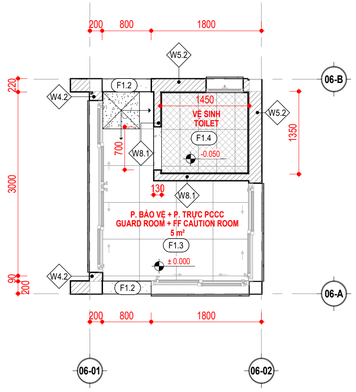

MẶT BẰNG HOÀN THIỆN
FINISHING FLOOR PLAN
TL / SC: 1 : 50

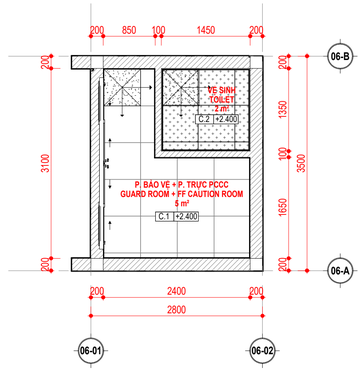

MẶT BẰNG TRẦN
CEILING PLAN
TL / SC: 1 : 50

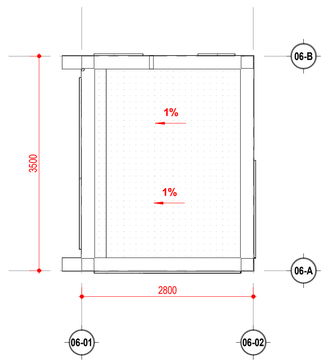

MẶT BẰNG MÁI
ROOF PLAN
TL / SC: 1 : 50

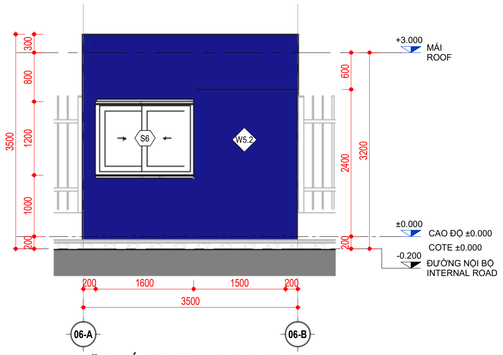

MẶT ĐỨNG TRỤC 06-A - 06-B
ELEVATION AXIS 06-A - 06-B
TL / SC: 1 : 50

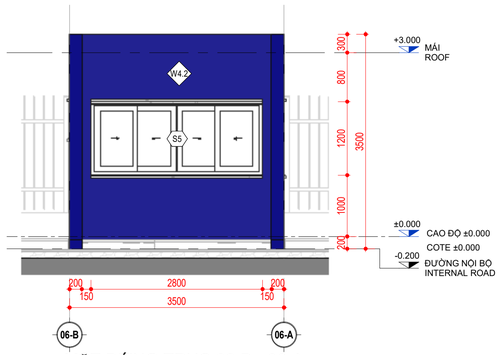

MẶT ĐỨNG TRỤC 06-B - 06-A
ELEVATION AXIS 06-B - 06-A
TL / SC: 1 : 50

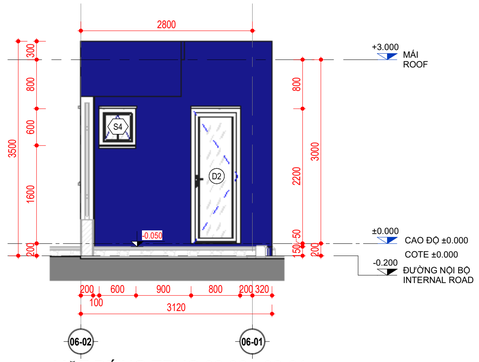

MẶT ĐỨNG TRỤC 06-02 - 06-01
ELEVATION AXIS 06-02 - 06-01
TL / SC: 1 : 50

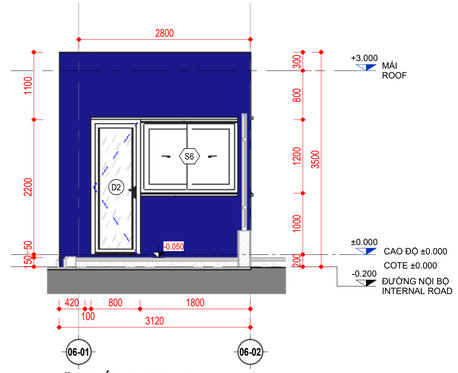

MẶT ĐỨNG TRỤC 06-01 - 06-02
ELEVATION AXIS 06-01 - 06-02
TL / SC: 1 : 50

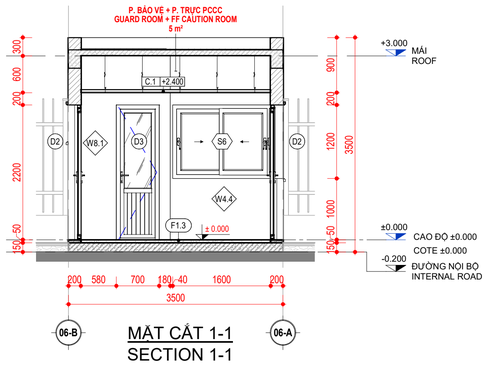

MẶT CẮT 1-1
SECTION 1-1
TL / SC: 1 : 50

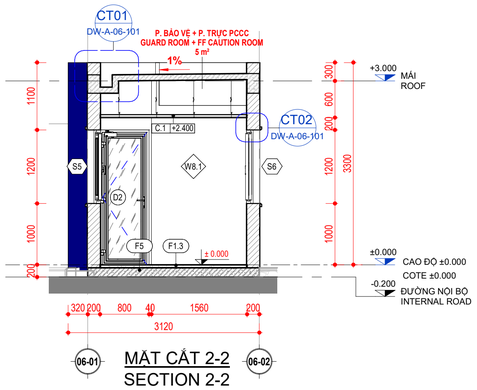

MẶT CẮT 2-2
SECTION 2-2
TL / SC: 1 : 50

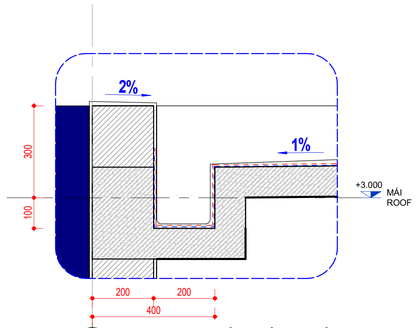

CT01- CHI TIẾT MÁNG XÔI
CT01 - GUTTER DETAIL
TL / SC: 1 : 10

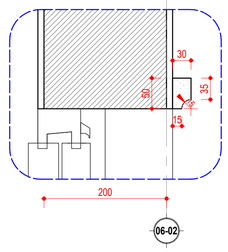

CT02- CHI TIẾT DIỀM NGẮT NƯỚC
CT02 - WATER DRIP LINE DETAIL
TL / SC: 1 : 5

THỐNG KÊ SÀN/ FLOOR SCHEDULE

KÝ HIỆU/ TYPE MARK	MÔ TẢ	DESCRIPTION
F1.2	SÀN BÊ TÔNG CỐT THÉP, HOÀN THIỆN ĐÁ GRANITE(TẦNG TRỆT)	R.C FLOOR , GRANITE FINISHING (1ST FLOOR)
F1.3	SÀN BTCT, HOÀN THIỆN GẠCH CERAMIC 600x600MM(TẦNG TRỆT)	R.C FLOOR, CERAMIC TILE FLOOR FINISH 600 X 600MM (1ST FLOOR)
F1.4	SÀN BTCT, HOÀN THIỆN GẠCH CERAMIC 300x600MM, CHỐNG TRƯỢT(TẦNG TRỆT)	R.C FLOOR, NON-SLIP CERAMIC TILE FLOOR FINISH 300 X 600MM (1ST FLOOR)

THỐNG KÊ TƯỜNG/ WALL SCHEDULE

KÝ HIỆU/ TYPE MARK	MÔ TẢ	DESCRIPTION
W4.2	TƯỜNG GẠCH ĐẤT NUNG DÀY 200mm, SƠN NƯỚC MÀU XANH 2 MẶT	BRICK WALL 200mm, PAINTED BLUE COLOR BOTH SIDE
W4.4	TƯỜNG GẠCH ĐẤT NUNG DÀY 200mm, SƠN GAI MÀU XANH 1 MẶT, SƠN NƯỚC MÀU TRẮNG 1 MẶT	BRICK WALL 200mm THK, BLUE COLOR STUCCO PAINTED ONE SIDE, WHITE COLOR PAINTED ONE SIDE
W5.2	TƯỜNG GẠCH ĐẤT NUNG DÀY 200mm, SƠN NƯỚC MÀU XANH 1 MẶT, ỐP GẠCH 300x600mm 1 MẶT	BRICK WALL 200mm THK, BLUE COLOR PAINTED ONE SIDE, TILING 300x600mm ONE SIDE
W8.1	TƯỜNG GẠCH ĐẤT NUNG DÀY 100mm, SƠN NƯỚC MÀU TRẮNG 1 MẶT, ỐP GẠCH 300x600mm 1 MẶT	BRICK WALL 100mm THK, WHITE COLOR PAINTED ONE SIDE, TILING 300x600mm ONE SIDE
W11	TƯỜNG GẠCH ĐẤT NUNG DÀY 100mm, HOÀN THIỆN VỮA 2 MẶT	BRICK WALL 100mm THK, PLASTERED BOTH SIDE

THỐNG KÊ CỬA ĐI/ DOOR SCHEDULE

KÝ HIỆU/ TYPE MARK	MÔ TẢ	DESCRIPTION	SỐ LƯỢNG/ COUNT
D2	CỬA KÍNH TRONG SUỐT KHUNG NHÔM, 1 CÁNH MỞ	CLEAR GLASS DOOR WITH ALUMINUM FRAME, SINGLE SWING PANEL	2
D3	CỬA KÍNH MỜ KHUNG NHÔM, 1 CÁNH MỞ	FROSTED GLASS DOOR WITH ALUMINUM FRAME, SINGLE SWING PANEL	1

THỐNG KÊ CỬA SỔ/ WINDOW SCHEDULE

KÝ HIỆU/ TYPE MARK	MÔ TẢ	DESCRIPTION	SỐ LƯỢNG/ COUNT
S4	CỬA SỔ LẬT 1 CÁNH	SINGLE HUNG WINDOW	1
S5	CỬA TRƯỢT KÍNH, KHUNG NHÔM BO CONG, CHỐNG BỤI	SLIDING GLASS DOOR WITH CURVED ALUMINUM FRAME, DUST-RESISTANT	1
S6	CỬA TRƯỢT KÍNH, KHUNG NHÔM BO CONG, CHỐNG BỤI	SLIDING GLASS DOOR WITH CURVED ALUMINUM FRAME, DUST-RESISTANT	2

GHI CHÚ:

- BẢN VẼ NÀY PHẢI ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN NHƯ: KIẾN TRÚC, NỘI THẤT, KẾT CẤU, CƠ ĐIỆN.
- BẢN VẼ NÀY KHÔNG ĐƯỢC DÙNG ĐỂ XÂY DỰNG NẾU KHÔNG ĐƯỢC CHỨNG NHẬN.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC THỂ HIỆN MILIMET, NGOẠI TRỪ CÓ CHỈ THÍCH KHÁC.
- KHÔNG SỬ DỤNG THƯỚC ĐỂ ĐO KÍCH THƯỚC TRỰC TIẾP TRÊN BẢN VẼ.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA NGOÀI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH BẢN VẼ THI CÔNG.
- NHÀ THẦU GỬI BẢN VẼ XÁC ĐỊNH CÁC KÍCH THƯỚC, CÁC VẤN ĐỀ CẦN LÀM SÁNG TỎ KHI CÓ SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THIẾT KẾ CƠ ĐIỆN VÀ THI CÔNG.
- BẢN VẼ CƠ ĐIỆN CẦN THỂ HIỆN CÁC YÊU CẦU THIẾT KẾ, NHÀ THẦU CẦN KHAI TRIỂN BẢN VẼ THI CÔNG VÀ CHẾ TẠO THEO MỤC ĐÍCH CỦA BẢN VẼ THIẾT KẾ.
- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC KẾT HỢP VỚI THUYẾT MINH KỸ THUẬT VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.
- BẢN VẼ VÀ THIẾT KẾ NÀY ĐƯỢC GIỮ BẢN QUYỀN VÀ KHÔNG SAO CHÉP NẾU KHÔNG ĐƯỢC SỰ CHẤP THUẬN CỦA CDT.

NOTE:

- THIS DRAWING MUST BE READ AND LINKED WITH RELATED DRAWINGS, SUCH AS ARCHITECT, INTERIOR, STRUCTURAL AND MECHANICAL DRAWINGS.
- IF IT IS NOT CERTIFIED, THIS DRAWING CANNOT BE USED FOR CONSTRUCTION PURPOSE.
- MILLIMETER IS THE UNIT USED IN THE DRAWING, WITH THE EXCEPTION OF OTHER ANNOTATIONS.
- DO NOT USE A RULER TO MEASURE DIMENSIONS ON THE DRAWINGS.
- ALL DIMENSIONS MUST BE DOUBLE CHECKED ON CONSTRUCTION SITE BEFORE DEVELOPING SHOP DRAWINGS.
- CONTRACTOR MUST SUBMIT DRAWINGS IN WHICH ALL DIMENSIONS HAVE BEEN CHECKED AND ALL ISSUES AND/OR DIFFERENTIAL S BETWEEN M&E DESIGNS AND CONSTRUCTION HAVE BEEN CLARIFIED.
- DESIGN REQUIREMENTS SHOULD BE SHOWN IN THE M&E DESIGN DRAWINGS. CONTRACTOR MUST DEVELOP SHOP DRAWINGS AND FABRICATE ON M&E DESIGN DRAWINGS BASIS.
- THIS DRAWING IS READ IN CONNECTION WITH THE TECHNICAL SPECIFICATION AND CONDITIONS OF THE CONTRACT.
- THIS DRAWING AND DESIGN ARE THE OWNER'S COPYRIGHT. IT IS A BREACH TO REPRODUCE WITHOUT THE OWNER'S APPROVALS.

Rev	NGÀY/ DATE	DIỄN GIẢI / DESCRIPTION
00	18-12-2025	PHÁT HÀNH BẢN VẼ XIN PHÉP/ ISSUED FOR PERMIT

BẢN VẼ XIN PHÉP	☑ PERMIT APPROVAL DRAWING
THIẾT KẾ SƠ PHÁC	☐ CONCEPTUAL DESIGN
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ BASIC (FEED) DESIGN
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ TECHNICAL DESIGN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT DRAWING

DỰ ÁN / PROJECT

NHÀ MÁY AM
AM FACTORY

ĐỊA ĐIỂM: Đường số 3, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
LOCATION: Road No. 3, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT :
CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM
AM INDUSTRIES VIET NAM LIMITED COMPANY

PHÊ DUYỆT / APPROVED BY

Địa chỉ : Lô số 15, Đường số 8, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
Address : Lot No. 15, Road No. 8, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

TƯ VẤN THIẾT KẾ / CONSULTANTS:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỰ ÁN SEAS
SEAS PROJECT CONSULTANTS CO., LTD

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT / TECHNICAL DIRECTOR

Địa chỉ : 4/7 Đường 41, KP 2, P.An Khánh, TP. HCM
Address : 4/7 Street 41, Quarter 2, An Khanh Ward, HCMC
ĐT: 028.38418054 - Email: seas@seas.com.vn - Website :https:// www.seas.com.vn

TRƯƠNG CÔNG TRIỀU

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ DESIGN PRESIDENT	VÕ THANH TUYỀN	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ REPRESENTATIVE	VÕ THANH TUYỀN	
THIẾT KẾ DESIGNER	TRẦN HUỲNH MINH THƯ	
QUẢN LÝ THIẾT KẾ DESIGN MANAGER	DƯƠNG VĂN HOÀNG	

HẠNG MỤC / ITEM

KIẾN TRÚC - ĐH2. NHÀ BẢO VỆ
ARCHITECTURE - ĐH2. GUARDHOUSE

TÊN BẢN VẼ / DWG TITLE :

MẶT BẰNG, MẶT ĐỨNG, MẶT CẮT
FLOOR PLAN, ELEVATION, SECTION

MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE	SỐ BẢN VẼ DRAWING No.:	HIỆU CHỈNH REV.	TỈ LỆ SCALE	KHỔ GIẤY SIZE
AMIND.02-25	DW-A-06-101	00		A1

DV1. NHÀ RÁC
DV1. WASTE AREA

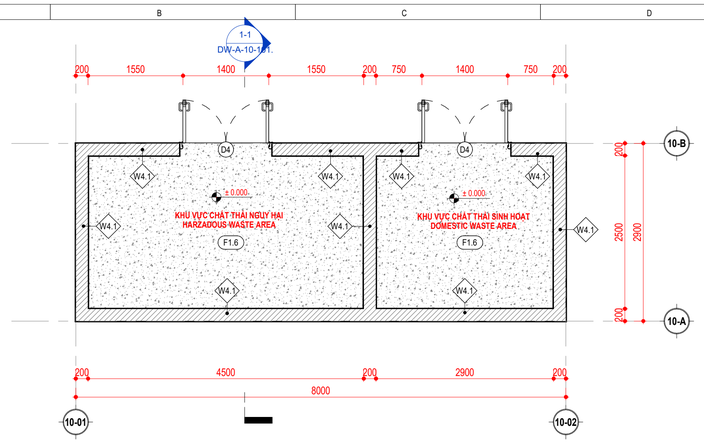

NHÀ RÁC 01 - MẶT BẰNG
WASTE HOUSE 01 - FLOOR PLAN
TL / SC: 1 : 50

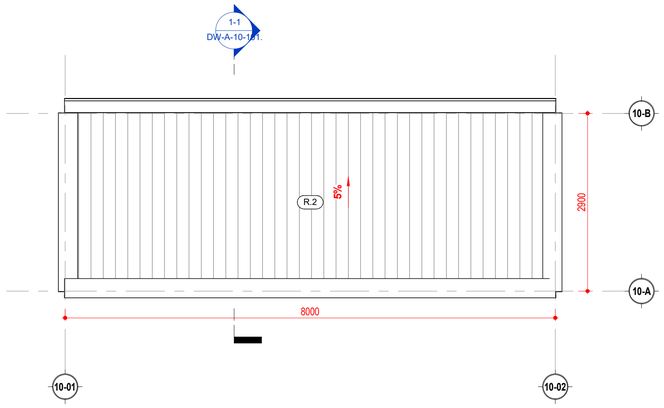

NHÀ RÁC 01 - MẶT BẰNG MÁI
WASTE HOUSE 01 - ROOF PLAN
TL / SC: 1 : 50

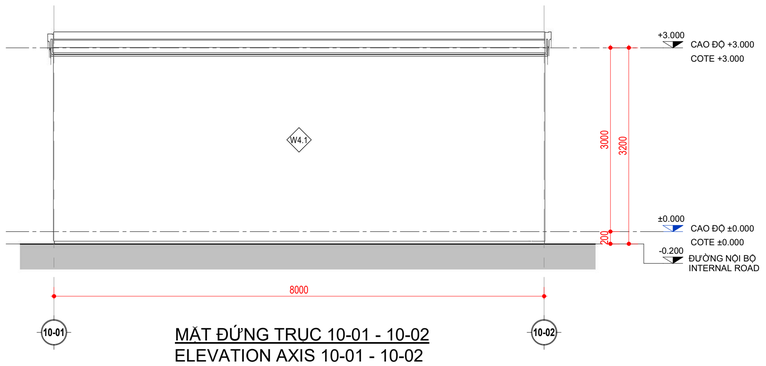

MẶT ĐỨNG TRUC 10-01 - 10-02
ELEVATION AXIS 10-01 - 10-02
TL / SC: 1 : 50

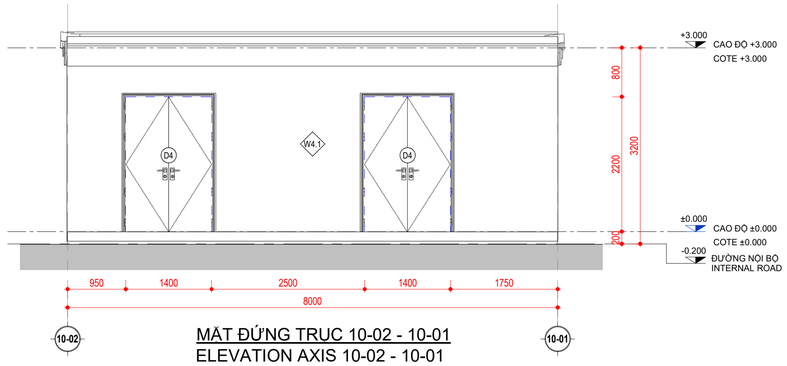

MẶT ĐỨNG TRUC 10-02 - 10-01
ELEVATION AXIS 10-02 - 10-01
TL / SC: 1 : 50

(1) ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA UPVC
UPVC DOWNSPOUT

(2) MÁNG XÔI MÁI (BXH = 300X300MM): THÉP MẠ MÀU TRÙNG MÀU LOGO, ĐỘ DÀY T ≥ 0.65MM BMT
EAVE GUTTER (BXH = 300X300MM): COLOR COATED METAL SHEET SAME AS LOGO COLOR, THICKNESS T ≥ 0.65MM BMT

(3) CÁC LOẠI ĐIỂM: THÉP MẠ MÀU TRÙNG MÀU LOGO, ĐỘ DÀY T ≥ 0.65MM BMT
FLASHING: COLOR COATED METAL SHEET SAME AS LOGO COLOR, THICKNESS T ≥ 0.65MM BMT

THỐNG KÊ MÁI - ROOF SCHEDULE

TYPE MARK/ KÝ HIỆU	MÔ TẢ	DESCRIPTION
R.2	MÁI TÔN HẠNG MỤC PHỤ	AUXILIARY METAL ROOF

MẶT ĐỨNG TRUC 10-B - 10-A
ELEVATION AXIS 10-B - 10-A
TL / SC: 1 : 50

MẶT ĐỨNG TRUC 10-A - 10-B
ELEVATION AXIS 10-A - 10-B
TL / SC: 1 : 50

MẶT CẮT 1-1
SECTION 1-1
TL / SC: 1 : 50

THỐNG KÊ SÀN (DV2) - FLOOR SCHEDULE (DV2)

KÝ HIỆU/ TYPE MARK	MÔ TẢ	DESCRIPTION
F1.6	SÀN BTCT, CHỐNG THẤM GỐC XI MĂNG POLYURETHANE HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG (TẦNG TRỆT)	R.C FLOOR , CEMENT–POLYURETHANE BASED WATERPROOFING OR EQUIVALENT (1ST FLOOR)

THỐNG KÊ TƯỜNG (DV2) - WALL SCHEDULE (DV2)

KÝ HIỆU/ TYPE MARK	MÔ TẢ	DESCRIPTION
W4.1	TƯỜNG GẠCH ĐẤT NUNG DÀY 200mm, SƠN NƯỚC MÀU TRẮNG 2 MẶT	BRICK WALL 200mm THK, PAINTED WHITE COLOR BOTH SIDE

THỐNG KÊ CỬA - DOOR SCHEDULE

KÝ HIỆU/ TYPE MARK	MÔ TẢ	DESCRIPTION	SỐ LƯỢNG/ COUNT
D4	CỬA THÉP 2 CÁNH	STEEL DOUBLE SWING DOOR	2

GHI CHÚ:

- BẢN VẼ NÀY PHẢI ĐƯỢC ĐỌC CÙNG VỚI CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN NHƯ: KIẾN TRÚC, NỘI THẤT, KẾT CẤU, CƠ ĐIỆN.
- BẢN VẼ NÀY KHÔNG ĐƯỢC DÙNG ĐỂ XÂY DỰNG NẾU KHÔNG ĐƯỢC CHỨNG NHẬN.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC THỂ HIỆN MILIMET, NGOẠI TRỪ CÓ CHÚ THÍCH KHÁC.
- KHÔNG SỬ DỤNG THƯỚC ĐỂ ĐO KÍCH THƯỚC TRỰC TIẾP TRÊN BẢN VẼ.
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC PHẢI ĐƯỢC KIỂM TRA NGOÀI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH BẢN VẼ THI CÔNG.
- NHÀ THẦU GỬI BẢN VẼ XÁC ĐỊNH CÁC KÍCH THƯỚC, CÁC VẤN ĐỀ ĐỂ CÂN LÁM SÁNG TỎ KHI CÓ SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THIẾT KẾ CƠ ĐIỆN VÀ THI CÔNG.
- BẢN VẼ CƠ ĐIỆN CÂN THỂ HIỆN CÁC YÊU CẦU THIẾT KẾ, NHÀ THẦU CÂN KHAI TRIỂN BẢN VẼ THI CÔNG VÀ CHẾ TẠO THEO MỤC ĐÍCH CỦA BẢN VẼ THIẾT KẾ.
- BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ĐỌC KẾT HỢP VỚI THUYẾT MINH KỸ THUẬT VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG.
- BẢN VẼ VÀ THIẾT KẾ NÀY ĐƯỢC GIỮ BẢN QUYỀN VÀ KHÔNG SAO CHÉP NẾU KHÔNG ĐƯỢC SỰ CHẤP THUẬN CỦA CDT.

NOTE:

- THIS DRAWING MUST BE READ AND LINKED WITH RELATED DRAWINGS, SUCH AS ARCHITECT, INTERIOR, STRUCTURAL AND MECHANICAL DRAWINGS.
- IF IT IS NOT CERTIFIED, THIS DRAWING CANNOT BE USED FOR CONSTRUCTION PURPOSE.
- MILLIMETER IS THE UNIT USED IN THE DRAWING, WITH THE EXCEPTION OF OTHER ANNOTATIONS.
- DO NOT USE A RULER TO MEASURE DIMENSIONS ON THE DRAWINGS.
- ALL DIMENSIONS MUST BE DOUBLE CHECKED ON CONSTRUCTION SITE BEFORE DEVELOPING SHOP DRAWINGS.
- CONTRACTOR MUST SUBMIT DRAWINGS IN WHICH ALL DIMENSIONS HAVE BEEN CHECKED AND ALL ISSUES AND/OR DIFFERENTIALS BETWEEN M&E DESIGNS AND CONSTRUCTION HAVE BEEN CLARIFIED.
- DESIGN REQUIREMENTS SHOULD BE SHOWN IN THE M&E DESIGN DRAWINGS. CONTRACTOR MUST DEVELOP SHOP DRAWINGS AND FABRICATE ON M&E DESIGN DRAWINGS BASIS.
- THIS DRAWING IS READ IN CONNECTION WITH THE TECHNICAL SPECIFICATION AND CONDITIONS OF THE CONTRACT.
- THIS DRAWING AND DESIGN ARE THE OWNER'S COPYRIGHT. IT IS A BREACH TO REPRODUCE WITHOUT THE OWNER'S APPROVALS.

Rev	NGÀY/ DATE	DIỄN GIẢI / DESCRIPTION
00	18-12-2025	PHÁT HÀNH BẢN VẼ XIN PHÉP/ ISSUED FOR PERMIT

BẢN VẼ XIN PHÉP	☑ PERMIT APPROVAL DRAWING
THIẾT KẾ SƠ PHÁC	☐ CONCEPTUAL DESIGN
THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ BASIC (FEED) DESIGN
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ TECHNICAL DESIGN
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION DRAWING DESIGN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT DRAWING

DỰ ÁN / PROJECT

NHÀ MÁY AM
AM FACTORY

ĐỊA ĐIỂM: Đường số 3, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
LOCATION: Road No. 3, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT :
CÔNG TY TNHH AM INDUSTRIES VIỆT NAM
AM INDUSTRIES VIET NAM LIMITED COMPANY
AM INDUSTRIES
Địa chỉ : Lô số 15, Đường số 8, KCN Giang Điền, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
Address : Lot No. 15, Road No. 8, Giang Dien Industrial Park, Trang Bom Commune, Dong Nai Province.

PHÊ DUYỆT / APPROVED BY

TƯ VẤN THIẾT KẾ / CONSULTANTS :
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỰ ÁN SEAS
SEAS PROJECT CONSULTANTS CO., LTD
SEAS CONSULTANTS
Địa chỉ : 4/7 Đường 41, KP 2, P.An Khánh, TP. HCM
Address : 4/7 Street 41, Quarter 2, An Khanh Ward, HCMC
ĐT: 028.38418054 - Email: seas@seas.com.vn - Website :https:// www.seas.com.vn

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT / TECHNICAL DIRECTOR
TRƯƠNG CÔNG TRIỀU

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ DESIGN PRESIDENT	VÕ THANH TUYỀN
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ REPRESENTATIVE	VÕ THANH TUYỀN
THIẾT KẾ DESIGNER	TRẦN HUỲNH MINH THƯ
QUẢN LÝ THIẾT KẾ DESIGN MANAGER	DƯƠNG VĂN HOÀNG

HẠNG MỤC / ITEM

KIẾN TRÚC - DV1. NHÀ RÁC
ARCHITECTURE - DV1. WASTE AREA

TÊN BẢN VẼ / DWG TITLE :

MẶT BẰNG, MẶT ĐỨNG, MẶT CẮT
FLOOR PLAN, ELEVATION, SECTION

MÃ DỰ ÁN PROJECT CODE	SỐ BẢN VẼ DRAWING No.:	HIỆU CHỈNH REV.	TỈ LỆ SCALE	KHỔ GIẤY SIZE
AMIND.02-25	DW-A-10-101.	00		A1

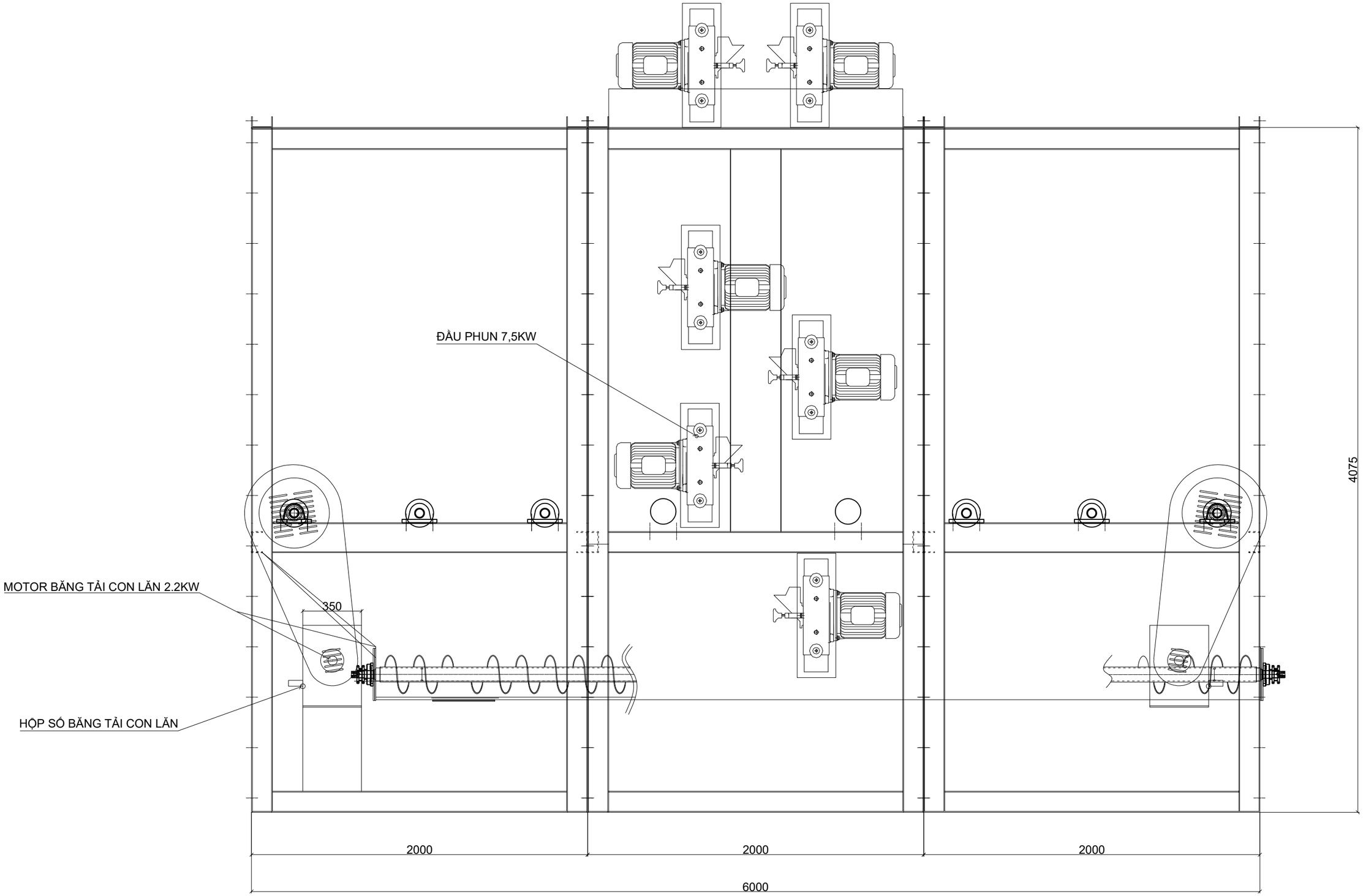

CÔNG TY TNHH GROWELL VIỆT NAM			*TÊN SP*
DUYỆT	*KIỀU HẢI NAM*		
NGƯỜI LẬP	*LÊ CỐ HẠNH*	*02.07.2025*	CÔNG TRÌNH:
NỘI DUNG	*NGƯỜI THỰC HIỆN*	*KÝ TÊN*	

GÀU TẢI

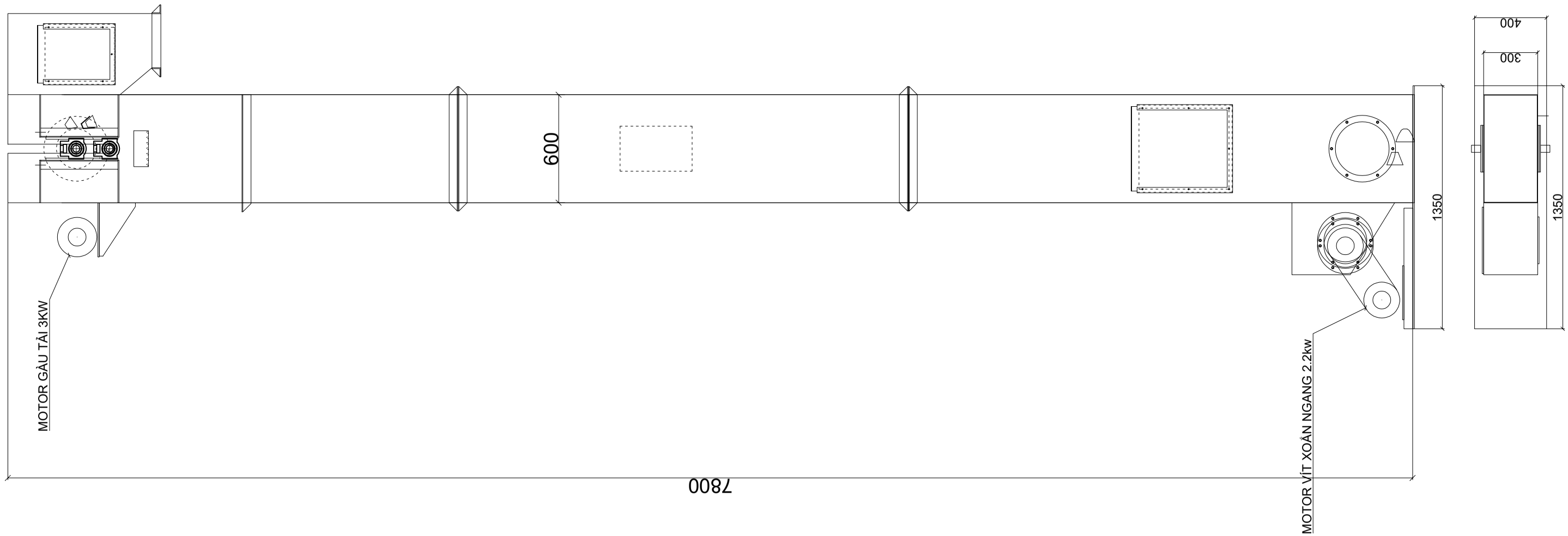

CÔNG TY TNHH GROWELL VIỆT NAM			TÊN SP	GÀU TẢI 01
DUYỆT	KIỀU HẢI NAM			
NGƯỜI LẬP	LÊ CỐ HẠNH	02.07.2025	CÔNG TRÌNH:	
NỘI DUNG	NGƯỜI THỰC HIỆN	KÝ TÊN		

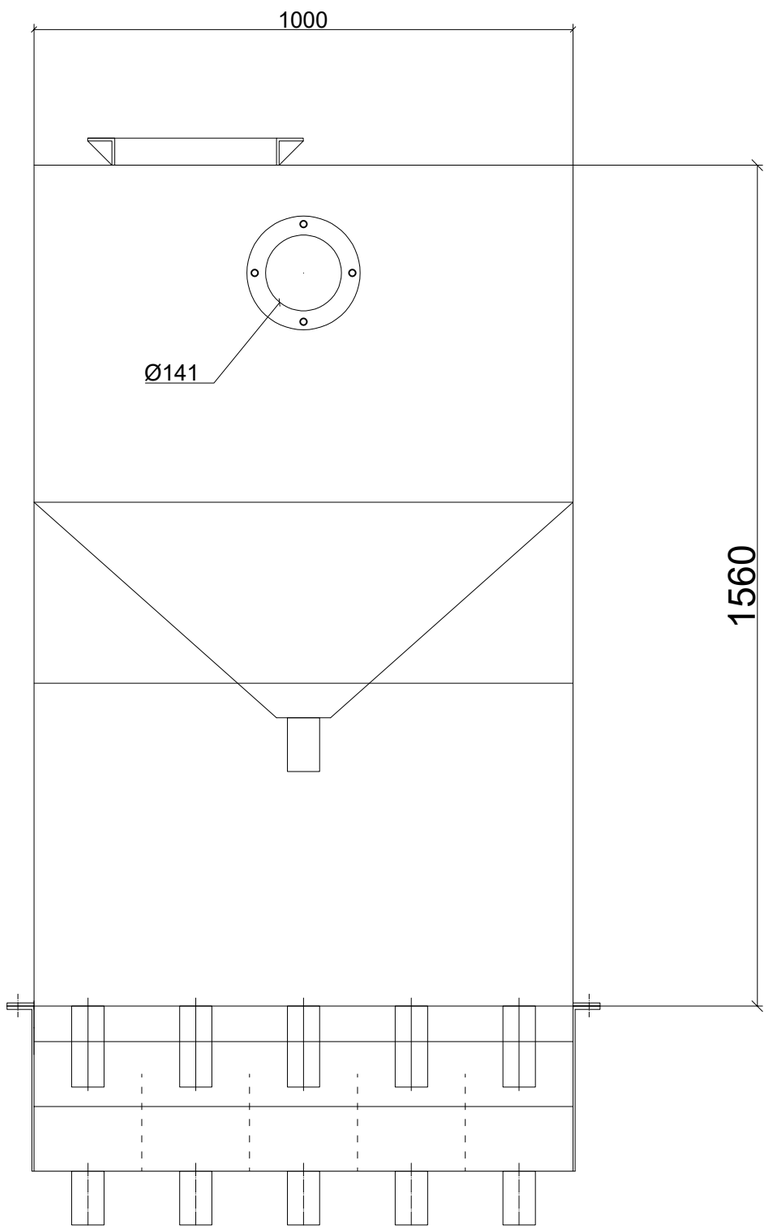

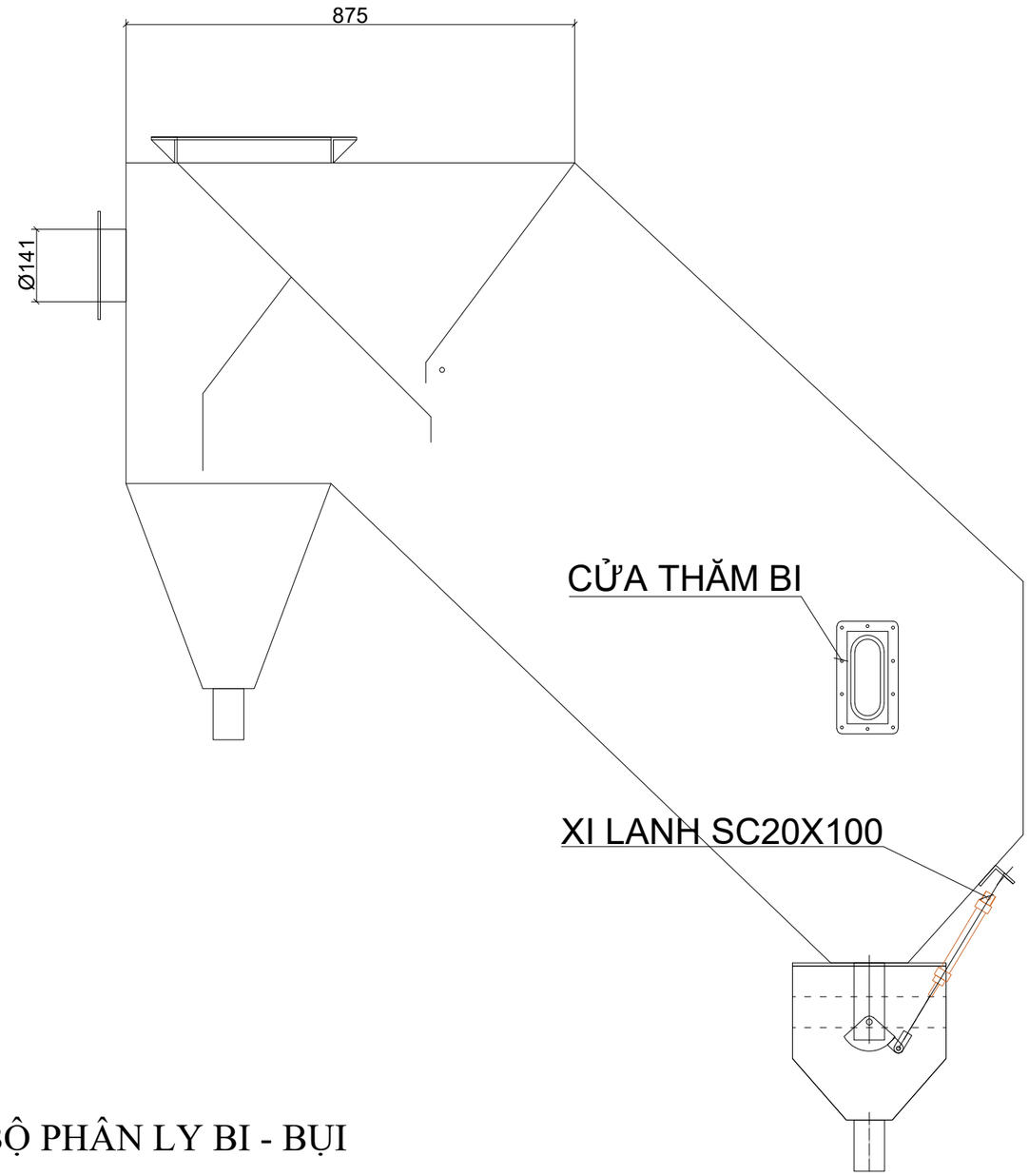

BỘ PHÂN LY BI - BỤI

CÔNG TY TNHH GROWELL VIỆT NAM			*TÊN SP*
DUYỆT	*KIỀU HẢI NAM*		
NGƯỜI LẬP	*LÊ CỐ HẠNH*	*05.10.2023*	CÔNG TRÌNH: / SIZE:
NỘI DUNG	*NGƯỜI THỰC HIỆN*	*NGÀY*	

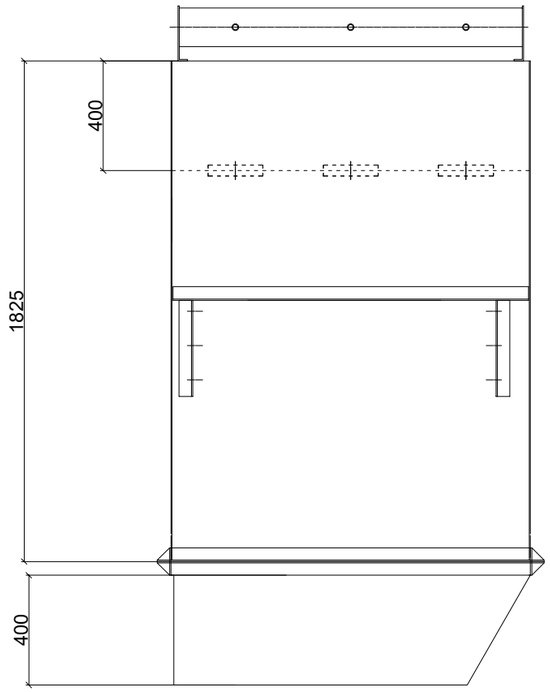

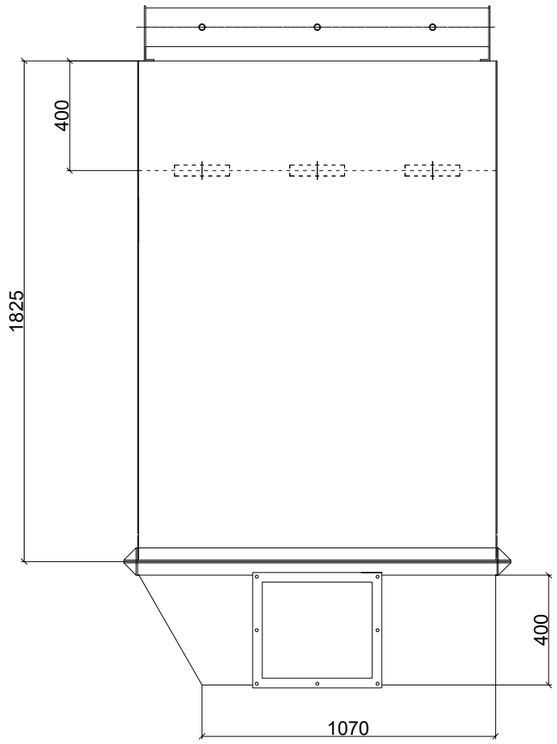

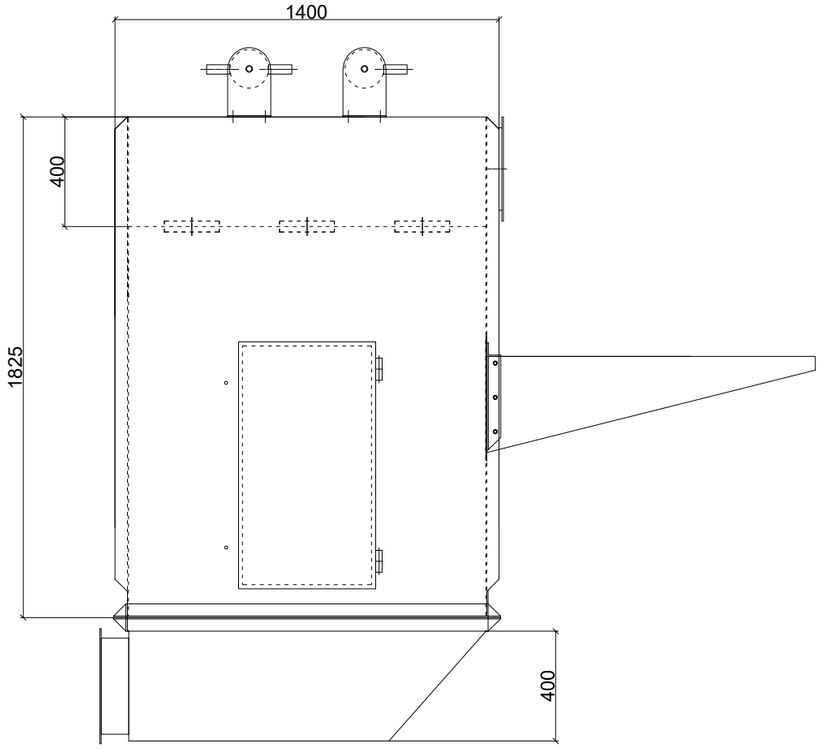

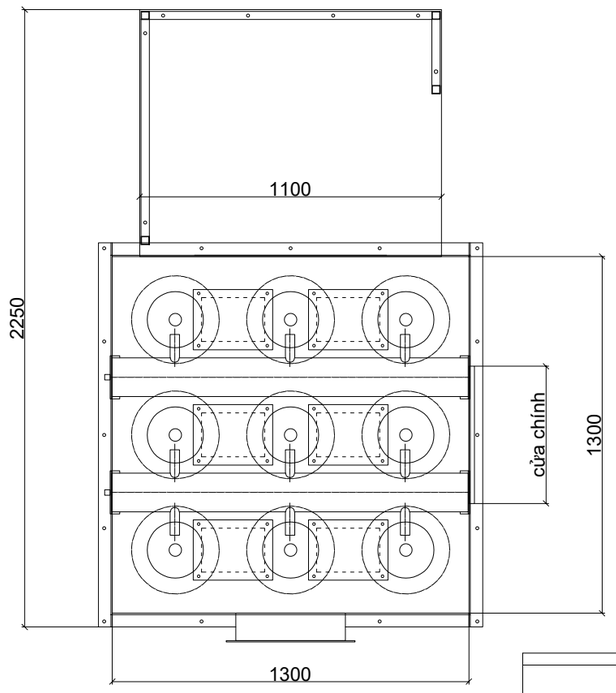

THÙNG BỤI 18.5 KW
SL: 1

CÔNG TY TNHH GROWELL VIỆT NAM			*TÊN SP*
DUYỆT	*KIỀU HẢI NAM*		
NGƯỜI LẬP	*LÊ CỐ HẠNH*	*02.07.2025*	CÔNG TRÌNH:
NỘI DUNG	*NGƯỜI THỰC HIỆN*	*KÝ TÊN*	

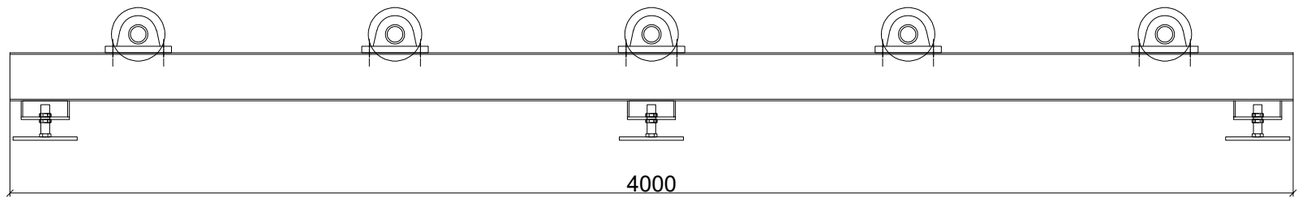

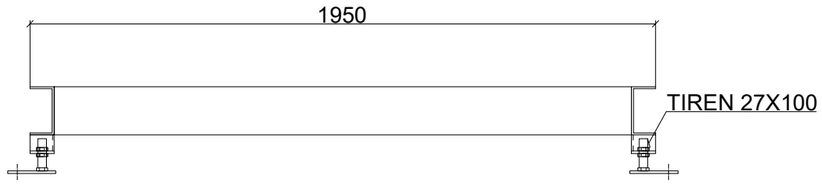

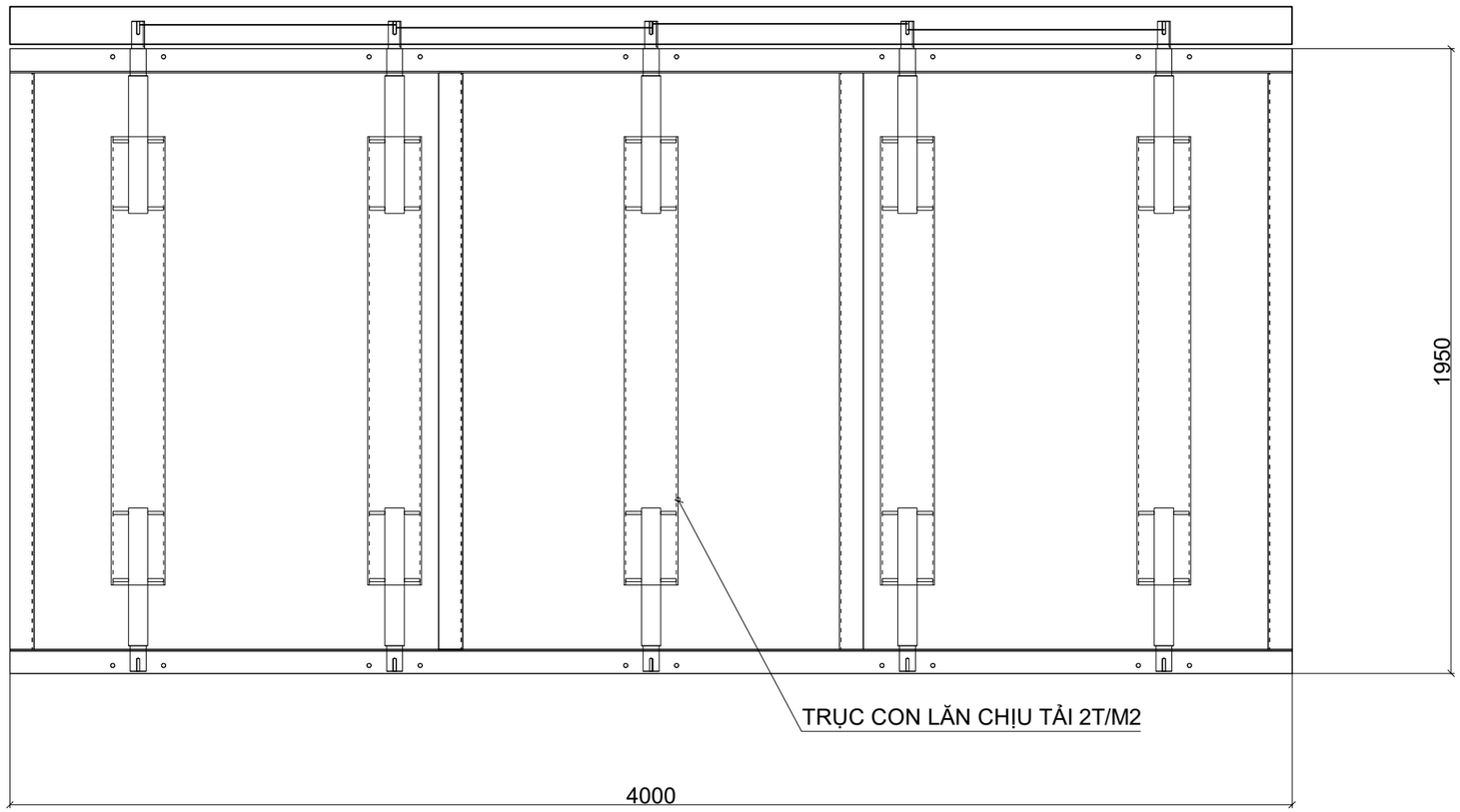

CÁC HỆ KHUNG CON LĂN KHÁC TƯƠNG TỰ

CÔNG TY TNHH GROWELL VIỆT NAM			TÊN SP	KHUNG CON LĂN
DUYỆT	KIỀU HẢI NAM			
NGƯỜI LẬP	LÊ CỐ HẠNH	02.07.2025	CÔNG TRÌNH:	
NỘI DUNG	NGƯỜI THỰC HIỆN	KÝ TÊN		

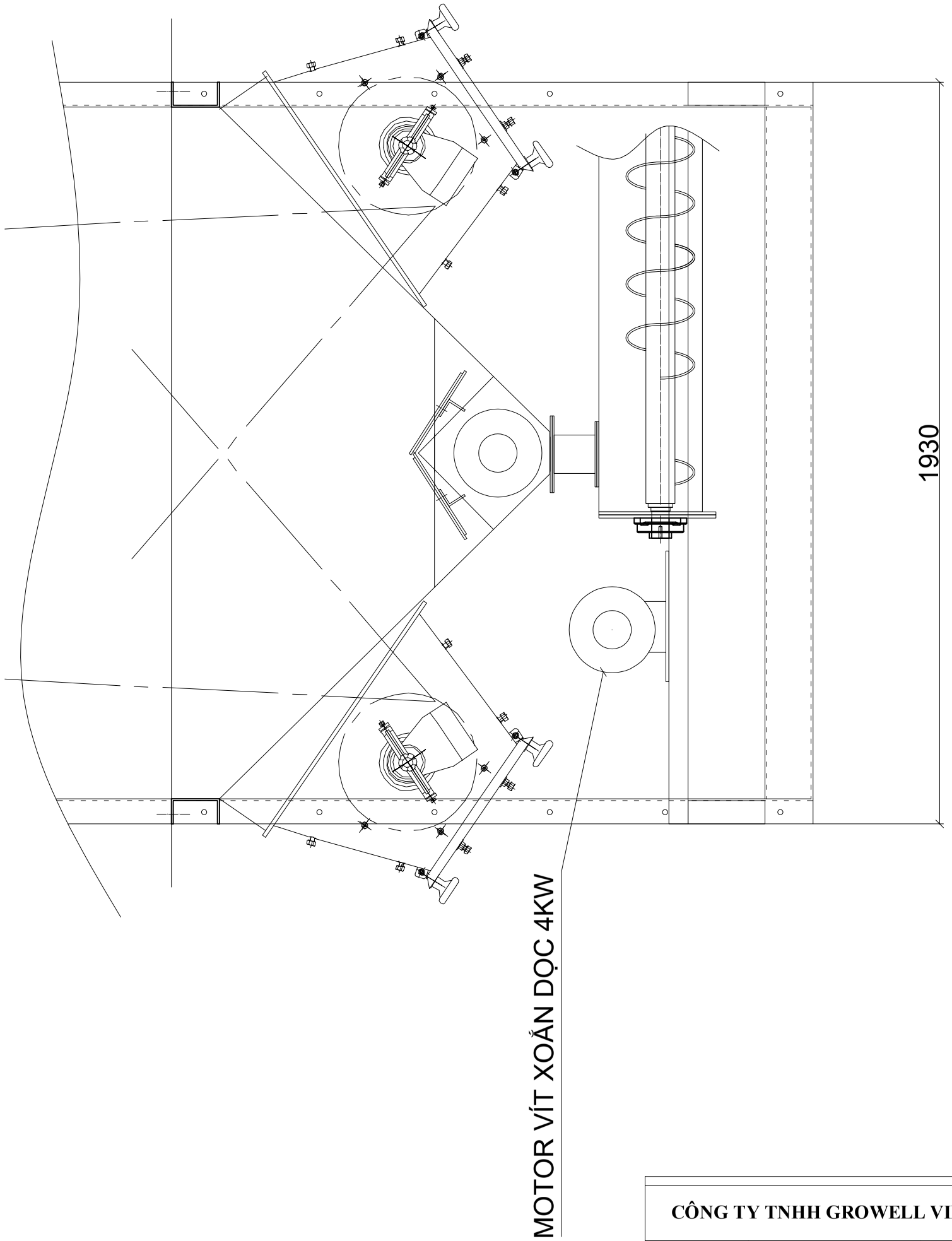

CÔNG TY TNHH GROWELL VIỆT NAM			*TÊN SP*	
DUYỆT	*KIỀU HẢI NAM*			
NGƯỜI LẬP	*LÊ CỐ HẠNH*	*05.10.2023*	CÔNG TRÌNH:	SIZE:
NỘI DUNG	*NGƯỜI THỰC HIỆN*	*NGÀY*		

STT	TÊN CHI TIẾT	SỐ LƯỢNG
1	LP7 (GANG HCr)	19
2	LP5 (GANG HCr)	9
3	RL-01-S	2
4	RR-01-S	2
5	RU-01-S	2
6	RC-01-S	1
7	RC-02-S	1
8	RC-03-S	1
9	RC-04-S	1
10	RC-05-S	1
11	RC-06-S	1
12	RC-07-S	1
13	RC-08-S	1
14	RD-01-S	2
15	RD-02-S	2
16	RD-03-S	1
17	RL-02-S	2
18	RR-02-S	2

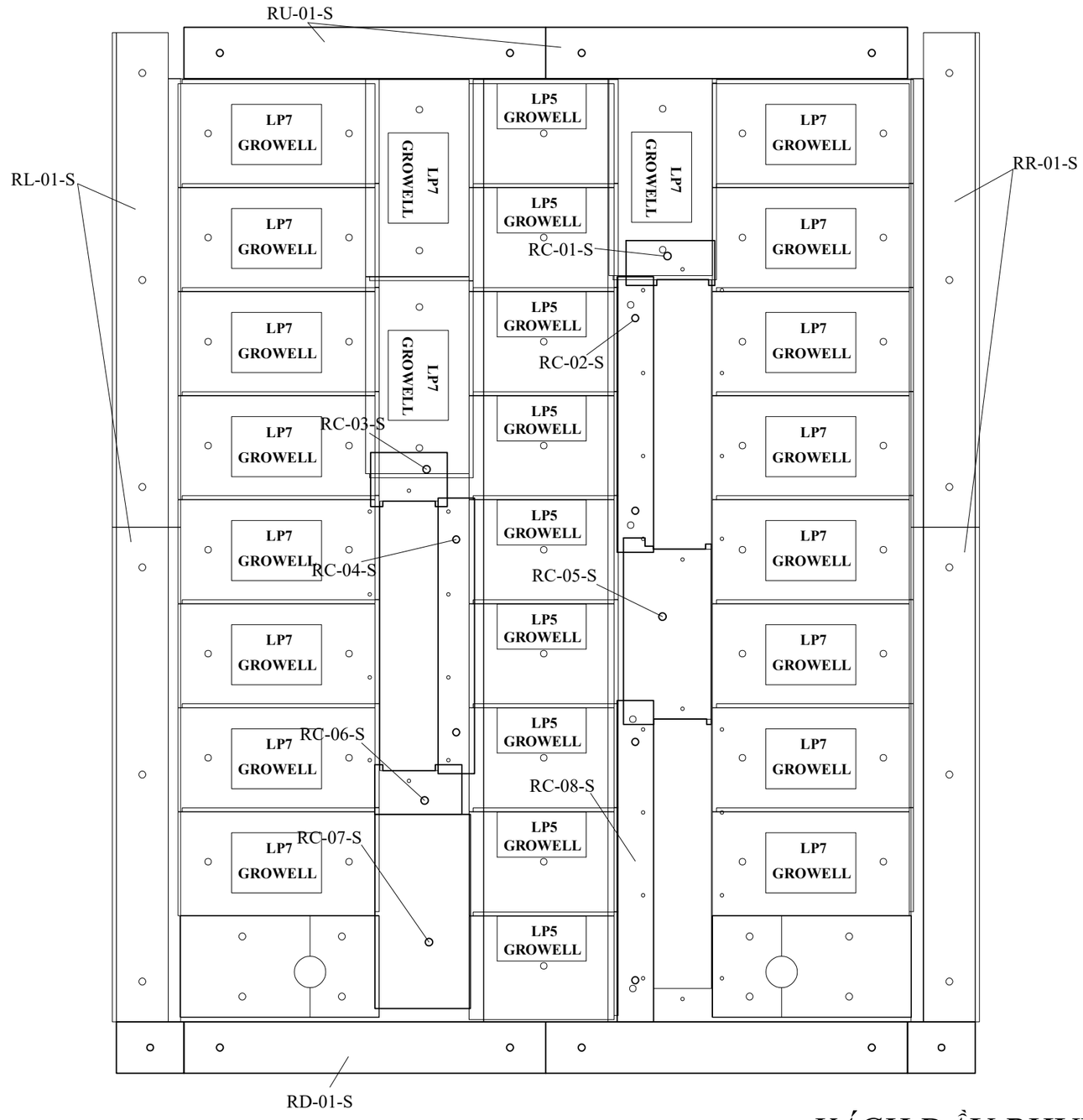

VÁCH ĐẦU PHUN MẶT SAU

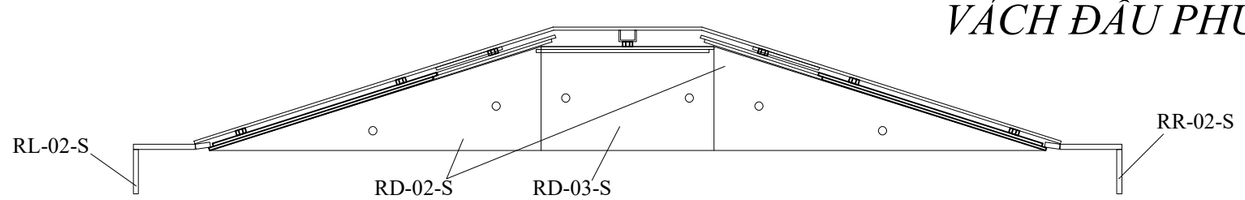

CÔNG TY TNHH GROWELL VIỆT NAM			*TÊN SP*
DUYỆT	*KIỀU HẢI NAM*		
NGƯỜI LẬP	*LÊ CỐ HẠNH*	*05.10.2023*	CÔNG TRÌNH: / SIZE:
NỘI DUNG	*NGƯỜI THỰC HIỆN*	*NGÀY*	

STT	TÊN CHI TIẾT	SỐ LƯỢNG
1	LP7 (GANG HCr)	19
2	LP5 (GANG HCr)	9
3	FL-01-S	2
4	FR-01-S	2
5	FU-01-S	2
6	FC-01-S	1
7	FC-02-S	1
8	FC-03-S	1
9	FC-04-S	1
10	FC-05-S	1
11	FC-06-S	1
12	FC-07-S	1
13	FC-08-S	1
14	FD-01-S	2
15	FD-02-S	2
16	FD-03-S	1
17	FL-02-S	2
18	FR-02-S	2

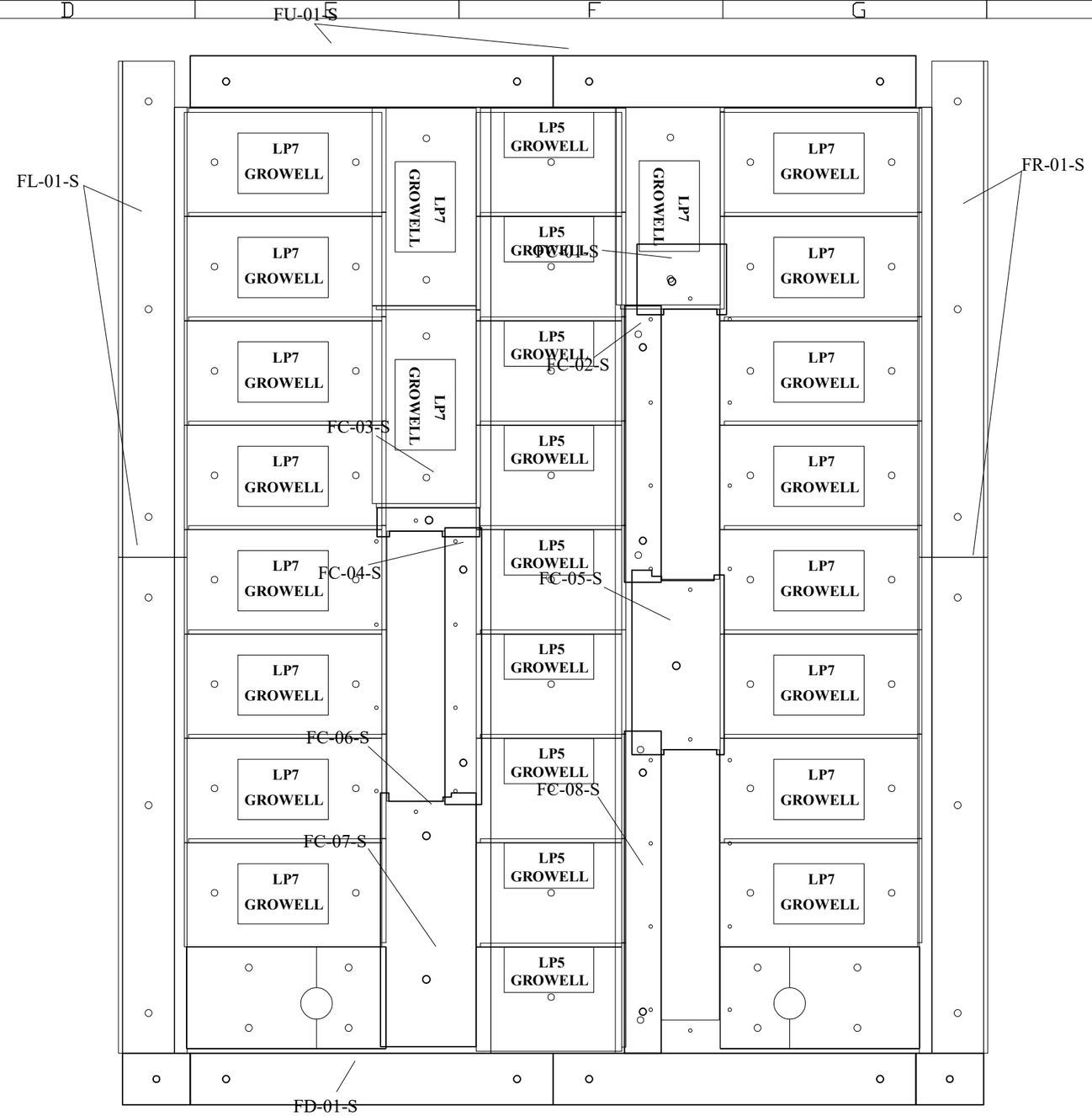

VÁCH ĐẦU PHUN MẶT TRƯỚC

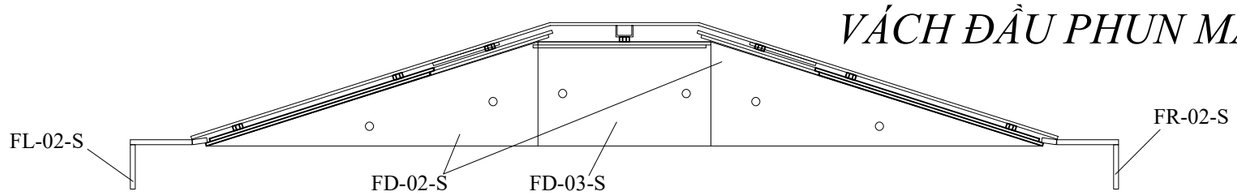

CÔNG TY TNHH GROWELL VIỆT NAM			*TÊN SP*
DUYỆT	*KIỀU HẢI NAM*		
NGƯỜI LẬP	*LÊ CỐ HẠNH*	*05.10.2023*	CÔNG TRÌNH: / SIZE:
NỘI DUNG	*NGƯỜI THỰC HIỆN*	*NGÀY*	

STT	TÊN CHI TIẾT	SỐ LƯỢNG
1	LP7 (GANG HCr)	19
2	LP5 (GANG HCr)	9
3	FL-01-S	2
4	FR-01-S	2
5	FU-01-S	2
6	FC-01-S	1
7	FC-02-S	1
8	FC-03-S	1
9	FC-04-S	1
10	FC-05-S	1
11	FC-06-S	1
12	FC-07-S	1
13	FC-08-S	1
14	FD-01-S	2
15	FD-02-S	2
16	FD-03-S	1
17	FL-02-S	2
18	FR-02-S	2

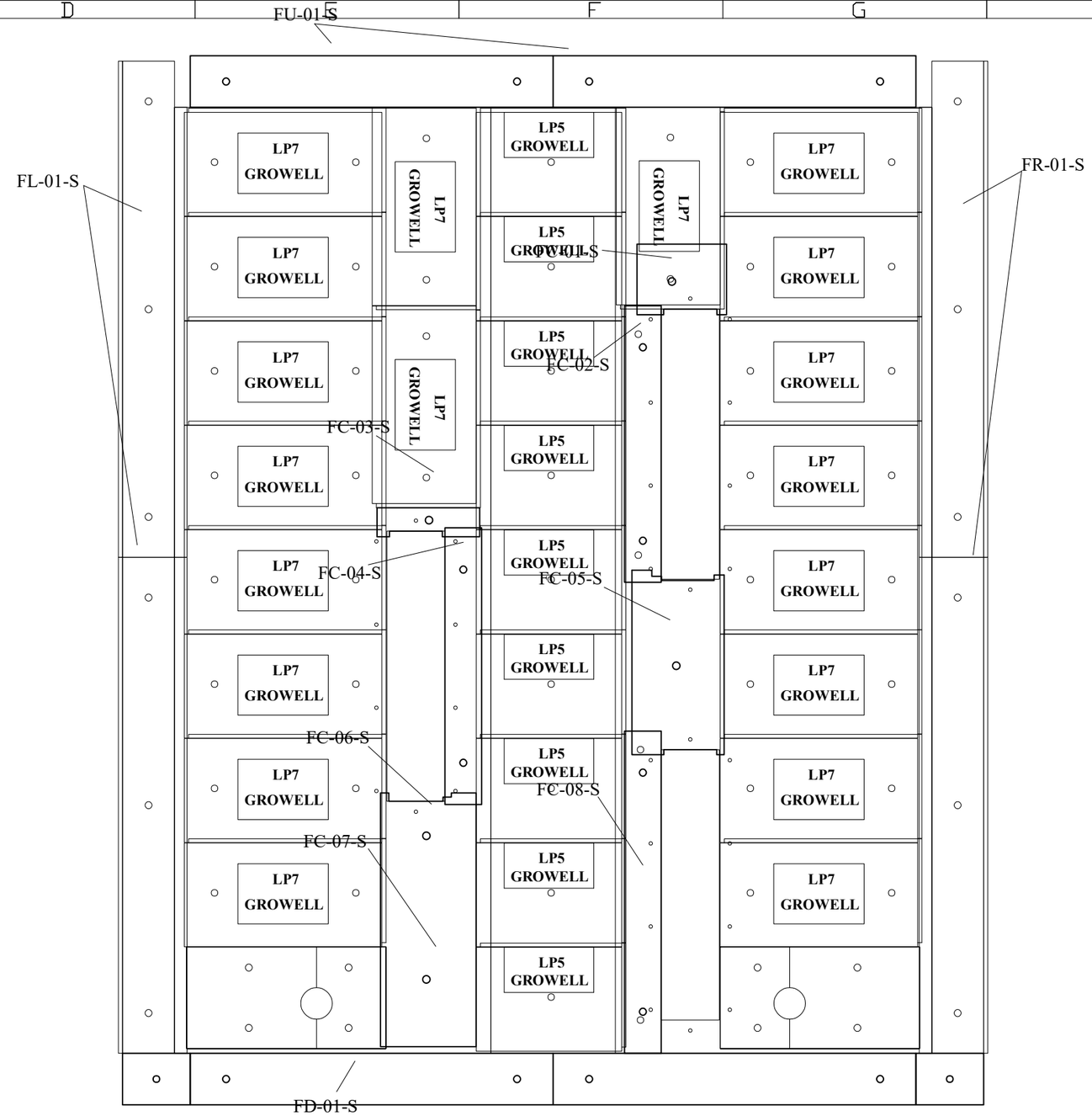

VÁCH ĐẦU PHUN MẶT TRƯỚC

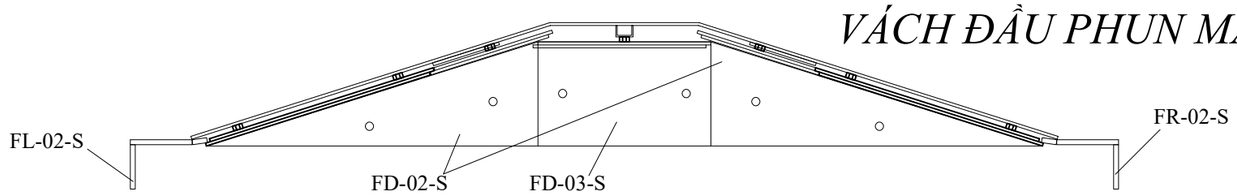

CÔNG TY TNHH GROWELL VIỆT NAM			*TÊN SP*
DUYỆT	*KIỀU HẢI NAM*		
NGƯỜI LẬP	*LÊ CỐ HẠNH*	*05.10.2023*	CÔNG TRÌNH: / SIZE:
NỘI DUNG	*NGƯỜI THỰC HIỆN*	*NGÀY*	

STT	TÊN CHI TIẾT	SỐ LƯỢNG
1	LP7 (GANG HCr)	26
2	FFN-01-S	1
3	FFN-02-S	1
4	FRN-01-S	1
5	FRN-02-S	1
6	DP 01-01	1
7	DP 01-02	1
8	DP 01-03	1
9	DP 01-04	1
10	DP 01-05	1
11	DP 01-06	1

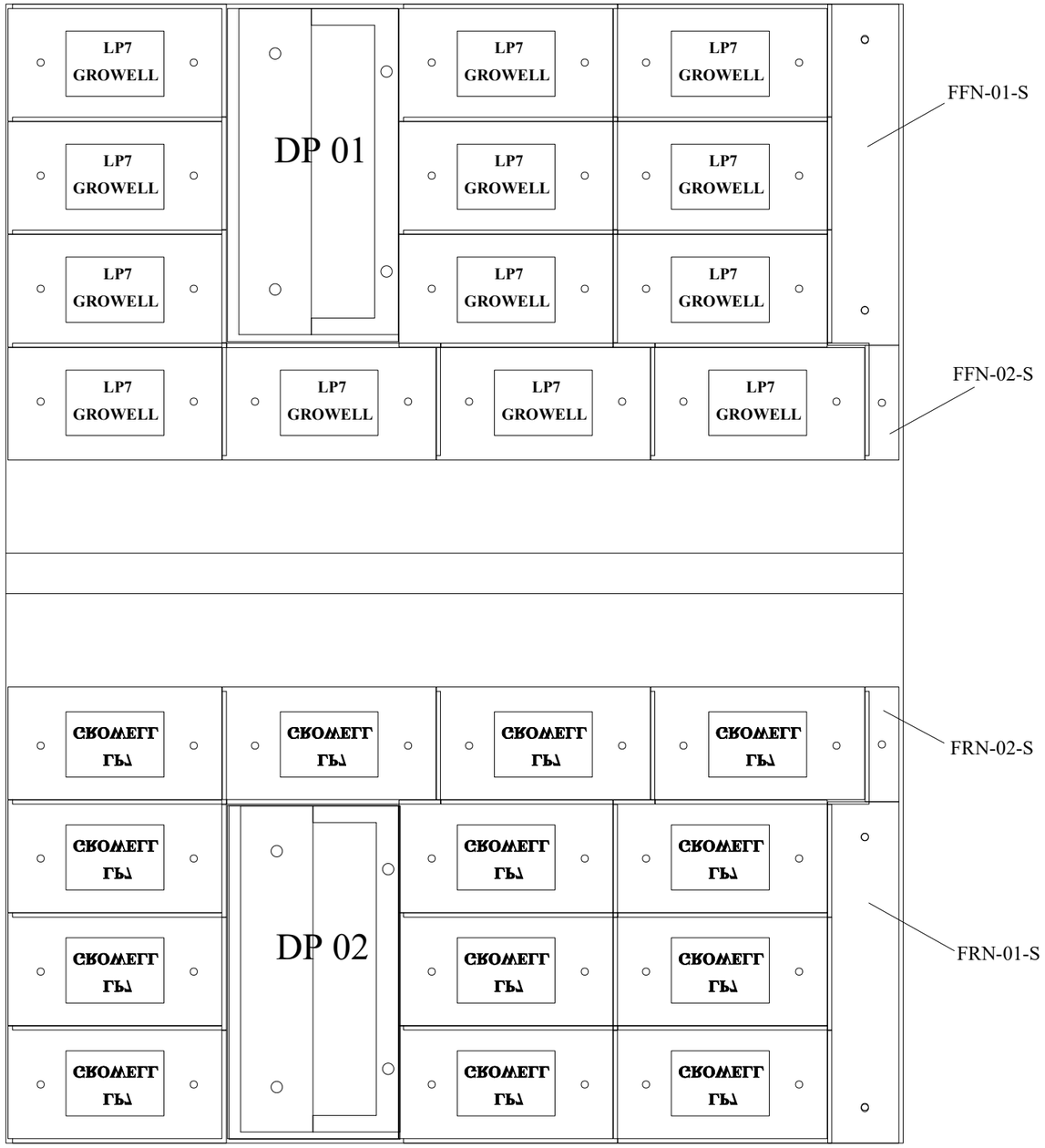

DP 01 (DP 02 TƯƠNG TỰ)

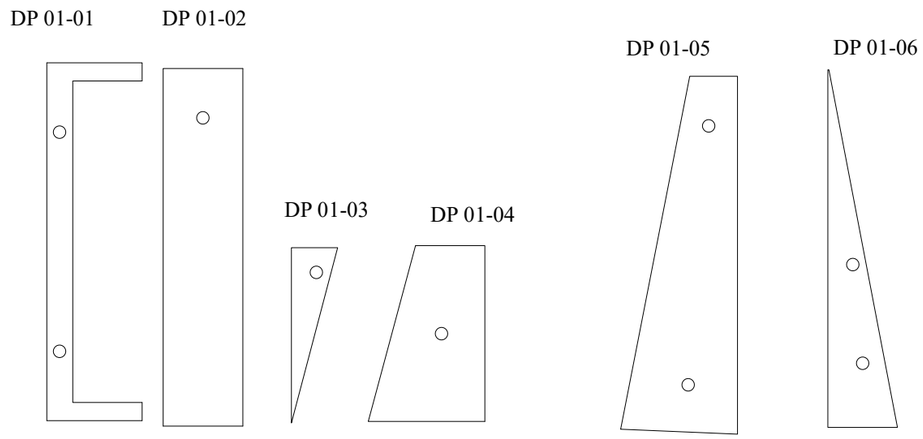

VÁCH ĐẦU PHUN DƯỚI PHỄU

CÔNG TY TNHH GROWELL VIỆT NAM			*TÊN SP*
DUYỆT	*KIỀU HẢI NAM*		
NGƯỜI LẬP	*LÊ CỐ HẠNH*	*05.10.2023*	CÔNG TRÌNH:
NỘI DUNG	*NGƯỜI THỰC HIỆN*	*NGÀY*	SIZE:

STT	TÊN CHI TIẾT	SỐ LƯỢNG
1	LP7 (GANG HCr)	18
2	LP5 (GANG HCr)	7
3	DP 03-01	1
4	DP 03-02	1
5	DP 03-03	1
6	DP 03-04	1

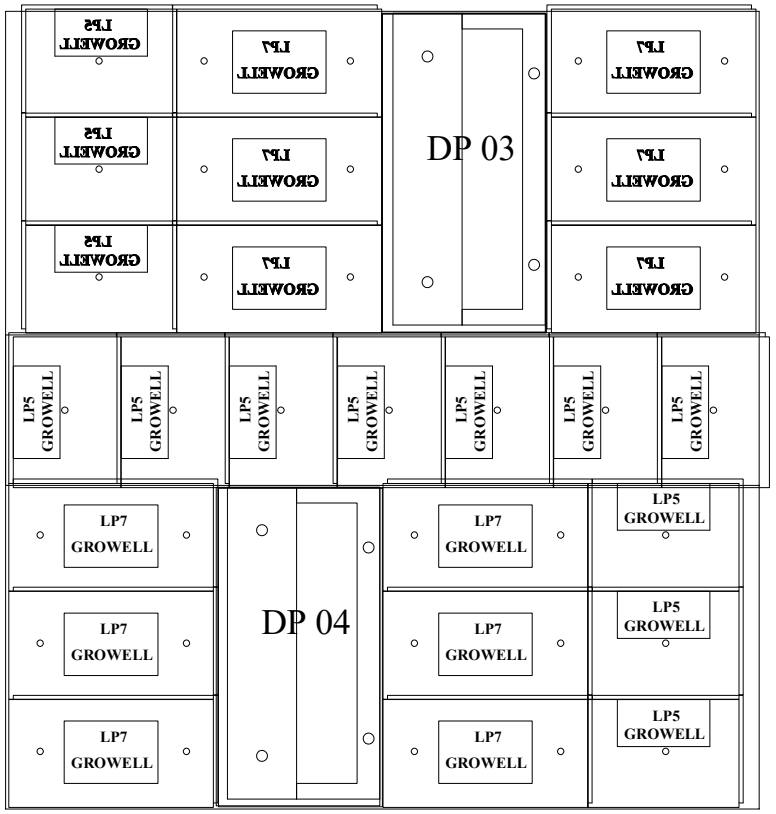

DP 03 (DP 04 TƯƠNG TỰ)

DP 03-01

DP 03-02

DP 03-03

DP 03-04

VÁCH ĐẦU PHUN TRÊN NÓC MÁY

CÔNG TY TNHH GROWELL VIỆT NAM			*TÊN SP*
DUYỆT	*KIỀU HẢI NAM*		
NGƯỜI LẬP	*LÊ CÔ HẠNH*	*05.10.2023*	CÔNG TRÌNH:
NỘI DUNG	*NGƯỜI THỰC HIỆN*	*NGÀY*	SIZE:

STT	TÊN CHI TIẾT	SỐ LƯỢNG
1	UP-01-S	1
2	UP-02-S	1
3	UP-03-S	1
4	UP-04-S	1

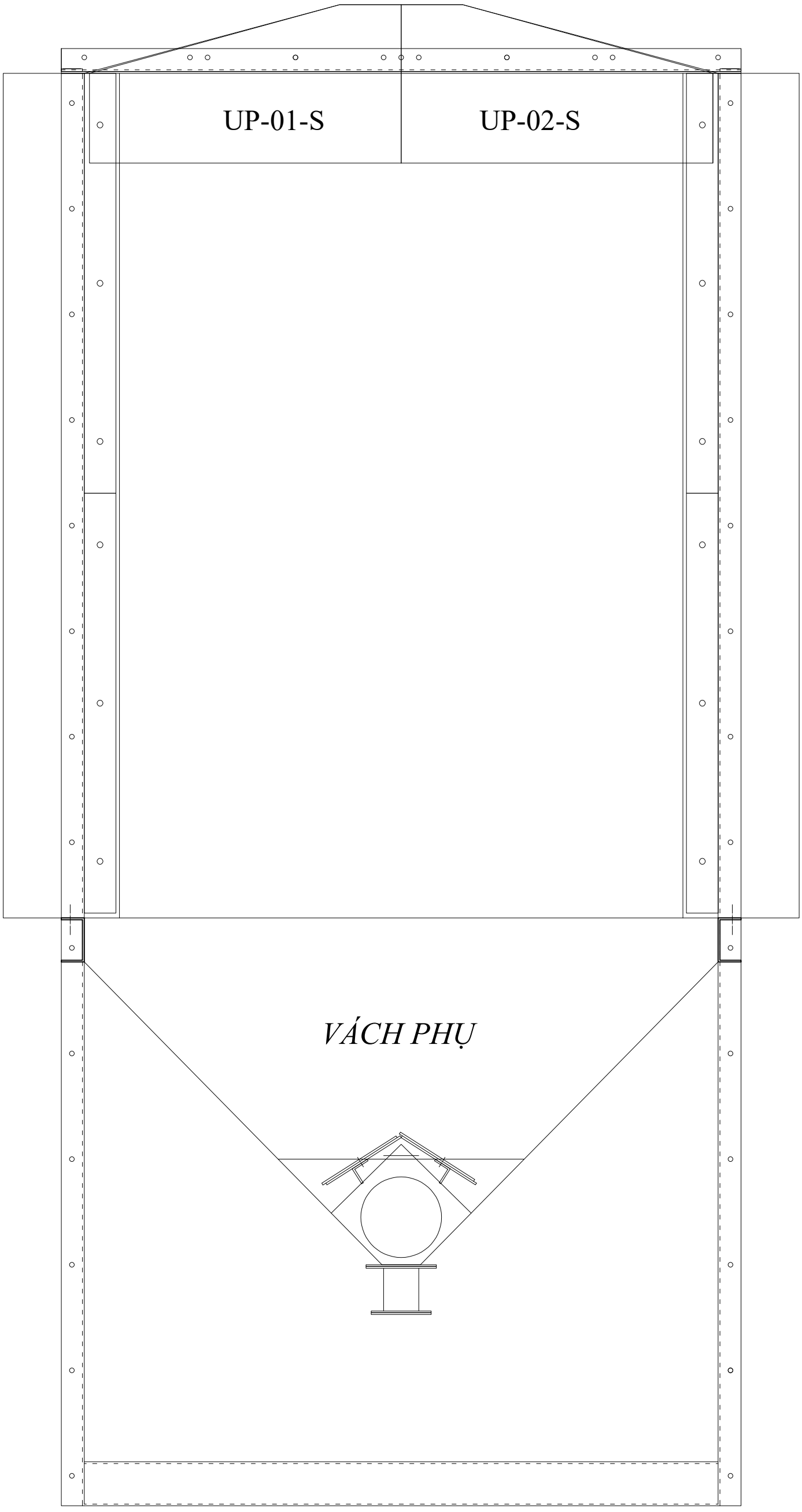

CÔNG TY TNHH GROWELL VIỆT NAM

DUYỆT	*KIỀU HẢI NAM*	
NGƯỜI LẬP	*LÊ CÓ HẠNH*	*05.10.2023*
NỘI DUNG	*NGƯỜI THỰC HIỆN*	*NGÀY*

TÊN SP

CÔNG TRÌNH:

SIZE:

CỬA XẢ LIỆU

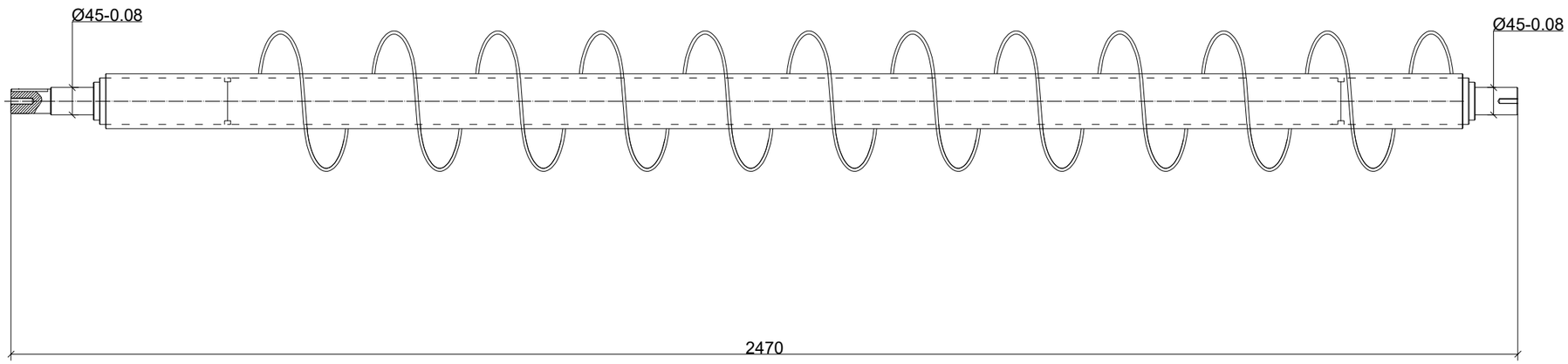

VÍT TẢI D230x2470, 2 đầu trục thép C45
Cánh thép Q345 dày 5-6mm
SL: 2

CÔNG TY TNHH GROWELL VIỆT NAM			*TÊN SP*	
DUYỆT	*KIỀU HẢI NAM*			
NGƯỜI LẬP	*LÊ CỐ HẠNH*	*05.10.2023*	CÔNG TRÌNH:	SIZE:
NỘI DUNG	*NGƯỜI THỰC HIỆN*	*NGÀY*		

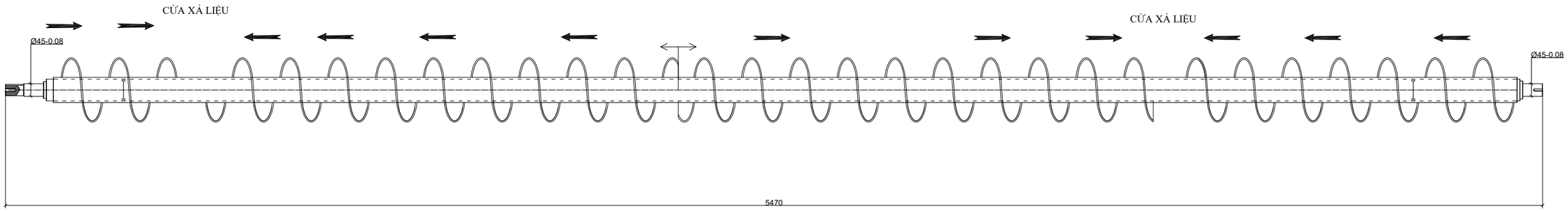

VÍT TẢI D230x5470, 2 đầu trục thép C45
Cánh thép Q345 dày 5-6mm
SL: 1

CÔNG TY TNHH GROWELL VIỆT NAM			*TÊN SP*	
DUYỆT	*KIỀU HẢI NAM*			
NGƯỜI LẬP	*LÊ CỐ HẠNH*	*05.10.2023*	CÔNG TRÌNH:	SIZE:
NỘI DUNG	*NGƯỜI THỰC HIỆN*	*NGÀY*		

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Pilot II

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Số UN	:	UN1263
Mã sản phẩm GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)	:	Pilot II
Mã sản phẩm	:	635
Các cách khác để xác định lai lịch	:	Không có sẵn.
Loại sản phẩm	:	Chất lỏng.
Mô tả sản phẩm	:	Sơn.

Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyên nên tránh

Không áp dụng.

Thông tin chi tiết về nhà cung cấp :

Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam
Số 1, Đường số 10,
KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An,
Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Việt Nam

Phone: + 84 274 374 2206
Fax: + 84 274 374 2205

SDSJotun@jotun.com

Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam, Ltd.,
Nhà máy Hiệp Phước,
TP. Hồ Chí Minh.
Lô F3, Đường số 01,
KCN Hiệp Phước,
Xã Hiệp Phước,
Huyện Nhà Bè,
TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Số điện thoại khẩn cấp (với giờ hoạt động) : Office phone + 84 274 374 2206
or + 47 33 45 70 00 Jotun Norway (head office)

II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Mức xếp loại nguy hiểm :
CHẤT LỎNG DỄ CHÁY - Loại 3
GÂY KHÓ CHỊU CHO DA - Loại 3
ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC 1 LẦN (Các tác dụng gây mê) - Loại 3
ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC LẶP LẠI - Loại 1
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 3
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 2

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Hình đồ cảnh báo :

Từ cảnh báo : Nguy hiểm.

II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Cảnh báo nguy cơ : H226 - Hơi và chất lỏng dễ cháy.
H316 - Gây kích ứng da nhẹ.
H336 - Có thể gây uể oải hoặc chóng mặt.
H372 - Làm tổn thương các cơ quan qua phơi nhiễm lâu và nhiều lần. (hệ thống thần kinh trung ương (CNS))
H402 - Có hại đối với sinh vật thủy sinh.
H411 - Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các công bố về phòng ngừa

Ngăn chặn : P210 - Tránh xa nguồn nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn gây cháy khác. Cấm hút thuốc.
P273 - Tránh thải ra môi trường.
P260 - Không hít thở hơi hoặc bụi phun.
P270 - Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Phản ứng : P391 - Thu dọn chất thải tràn đổ.
P314 - Hỏi ý kiến tư vấn y tế hoặc chăm sóc y tế nếu cảm thấy không khỏe.
P304 + P312 - NẾU HÍT PHẢI: Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.

Lưu trữ : P403 + P233 - Lưu trữ trong môi trường thoáng khí. Giữ bao bì kín.

Xử lý : P501 - Xả bỏ chất thải và bao bì theo tất cả các quy định của địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.

Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại : Không biết chất nào.

III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Chất/pha chế : Hỗn hợp

Các cách khác để xác định lai lịch : Không có sẵn.

Tên thành phần nguy hiểm	%	Số CAS
Naphtha (petroleum), hydrodesulfurized heavy, (<0.1% Benzene)	≥25 - ≤50	64742-82-1
xylene	≤3	1330-20-7
Basic zinc salt of neodecanoic acid	<1	84418-68-8

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp, nếu có, được liệt kê trong phần 8

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc mắt : Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Tìm bác sĩ chăm sóc sau khi tiếp xúc hoặc nếu cảm thấy không được khỏe.

Hít phải : Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

Tiếp xúc ngoài da : Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Tìm bác sĩ chăm sóc sau khi tiếp xúc hoặc nếu cảm thấy không được khỏe. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Nuốt phải : Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa, hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Hít phải : Có thể gây uể oải hoặc chóng mặt.

Tiếp xúc ngoài da : Gây kích ứng da nhẹ.

Nuốt phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

Tiếp xúc mắt : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu
chảy nước mắt
bị đỏ

Hít phải : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh

Tiếp xúc ngoài da : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
kích ứng khó chịu
bị đỏ

Nuốt phải : Không có thông tin cụ thể gì.

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị : Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn.

Điều trị cụ thể : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.

Bảo vệ nhân viên sơ cứu : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Phương tiện dập tắt

Các chất chữa cháy phù hợp : Dùng hóa chất khô, CO_2, bụi nước hay bọt.

Các chất chữa cháy không phù hợp : Đừng dùng tia nước.

Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất : Hơi và chất lỏng dễ cháy. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Vật liệu này độc cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài. Nước chữa cháy bị ô nhiễm với chất này phải được khống chế và ngăn không cho đổ ra nguồn nước, cống rãnh.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm : Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:
carbon dioxit
carbon monoxit
ôxit kim loại

Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy : Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bình chứa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chứa phơi ra lửa.

Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy : Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Cho người không phải nhân viên cấp cứu : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tắt tất cả các nguồn phát lửa. Không dùng pháo sáng, khói hay ngọn lửa trong khu vực nguy hiểm. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

Cho các nhân viên cấp cứu : Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.

Đề phòng cho môi trường : Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí). Chất làm ô nhiễm nước. Có thể có hại cho môi trường nếu thải ra số lượng lớn. Thu gom chất tràn.

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chất chảy đổ bằng chất không gây cháy, chất hấp thụ, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem phần 13). Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn

Biện pháp bảo vệ : Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Không hít thở hơi hoặc sương. Đừng nuốt. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh thải ra môi trường. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Dùng thiết bị bằng điện (quạt, đèn, dụng cụ xử lý vật liệu) không gây nổ. Chỉ sử dụng dụng cụ không phát tia lửa. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

điện toát ra. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cặn và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.

Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát : Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ : Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các thùng sơn đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và dựng đứng để tránh rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần nguy hiểm	Giới hạn phơi nhiễm
xylene	**Bộ Y tế (Việt Nam, 6/2019). [xylen]** STEL: 300 mg/m³ 15 phút. TWA: 100 mg/m³ 8 giờ.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp : Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Dùng các phương tiện che chắn của quy trình, hệ thống thông gió tại chỗ hay các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ mức phơi nhiễm của công nhân đối với khí độc hại thấp hơn bất kỳ giới hạn nào được khuyến cáo hoặc do luật định. Các phương tiện kiểm soát cũng cần giữ cho độ tập trung của khí, hơi hoặc bụi dưới bất kỳ giới hạn gây nổ nào. Sử dụng thiết bị thông hơi chống nổ.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Biện pháp vệ sinh : Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.

Bảo vệ mắt : Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng hắt vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, phải sử dụng phương tiện bảo hộ sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn: kính chống văng hóa chất.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay : Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Xem xét các thông số do nhà sản xuất găng cung cấp, kiểm tra trong khi sử dụng để biết rằng găng vẫn còn giữ được các tính chất bảo vệ của nó. Cần lưu ý rằng thời gian thấm qua của bất kỳ vật liệu găng tay nào của bất kỳ nhà sản xuất găng tay nào cũng khác nhau. Trong trường hợp hỗn hợp có chứa nhiều chất, thì thời gian bảo vệ của găng tay không thể tính chính xác được.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Không một vật liệu hay tổ hợp vật liệu găng tay nào cho phép chống vô hạn đối với bất kỳ một hóa chất riêng lẻ hay một tổ hợp hóa chất nào.
Thời gian thấm qua phải lớn hơn thời gian kết thúc sử dụng sản phẩm.
Phải tuân thủ các hướng dẫn và thông tin do nhà sản xuất găng tay cung cấp về việc sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng, và thay thế.
Phải thay găng tay thường xuyên, và khi có bất cứ dấu hiệu hư hỏng nào của vật liệu găng tay.
Luôn bảo đảm găng tay không có các khiếm khuyết và chúng phải được cất giữ và sử dụng đúng cách.
Khả năng làm việc hoặc hiệu quả của găng tay có thể bị giảm do các hư hỏng về vật lý/hóa học và bảo dưỡng kém.
Kem bảo vệ có thể giúp bảo vệ vùng da sẽ tiếp xúc với sơn nhưng không nên bôi kem lên da đã tiếp xúc.

Mang găng tay phù hợp được thử nghiệm theo ISO 374-1:2016.
Khuyến cáo, tay(thời điểm đột phá) > 8 tiếng: cao su nitril (> 0.75 mm), 4H/Silver Shield® (> 0.07 mm), Teflon (> 0.35 mm)
Không đề nghị, tay(thời điểm đột phá) < 1 tiếng: Cao su butyl (> 0.4 mm)
Có thể được sử dụng, tay(thời điểm đột phá) 4 - 8 tiếng: cao su tổng hợp (> 0.35 mm), PVC (> 0.5 mm)

Bảo vệ thân thể : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này. Khi có nguy cơ cháy do tĩnh điện, phải sử dụng trang phục bảo hộ chống tĩnh điện. Để đạt được hiệu quả bảo vệ chống tĩnh điện tốt nhất, trang phục cần bao gồm bộ áo liền quần, ủng và găng tay chống tĩnh điện.

Biện pháp bảo vệ da khác : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.

Bảo vệ hô hấp : Dựa trên nguy cơ và khả năng phơi nhiễm, chọn một mặt nạ dưỡng khí đáp ứng tiêu chuẩn hoặc chứng nhận phù hợp. Phải sử dụng mặt nạ dưỡng khí theo chương trình bảo vệ hô hấp để đảm bảo lắp đặt, đào tạo phù hợp và các khía cạnh sử dụng quan trọng khác.

Nếu người lao động tiếp xúc với nồng độ cao hơn Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp, họ phải mang dụng cụ thở thích hợp đã được kiểm nghiệm. Sử dụng mặt nạ có bộ lọc dung môi và lọc bụi khi thi công bằng súng phun.(như loại bộ lọc kết hợp A2-P2). Tại nơi kín, dùng không khí nén hay thiết bị thở không khí trong lành. Khi thi công bằng cọ lăn hay bằng chổi, nên dùng mặt nạ có bộ lọc dung môi.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Bề ngoài

Trạng thái vật lý : Chất lỏng.

Màu sắc : Màu đen., Màu xanh., Màu nâu., Màu xanh lục., Xám., Không màu., Trắng nhờ., Màu cam., Màu đỏ., MCI Base 1, MCI Base 2, MCI Base 3, MCI Base 5, MCI Base 6, Màu trắng., Màu vàng., Yellow-base

Mùi : Đặc tính.

Ngưỡng về mùi : Không áp dụng.

pH : Không áp dụng.

Điểm nóng chảy : Không áp dụng.

Điểm sôi : Giá trị thấp nhất được biết: 136.16°C (277.1°F) (xylene). Bình quân gia trọng: 169.83°C (337.7°F)

Điểm bùng cháy : Cốc đậy kín: 36°C (96.8°F)

Tỷ lệ hóa hơi : Trị số cao nhất được biết: 0.77 (xylene) Bình quân gia trọng: 0.13so sánh với acetat butyl

Khả năng cháy (chất rắn, khí) : Không áp dụng.

Giới hạn nổ (bốc cháy) dưới và trên : 0.8 - 7.6%

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Áp suất hóa hơi : Trị số cao nhất được biết: 2.7 kPa (20.3 mm Hg) (tại 20°C) (Naphtha (petroleum), hydrodesulfurized heavy, (<0.1% Benzene)). Bình quân gia trọng: 2.64 kPa (19.8 mm Hg) (tại 20°C)

Tỷ trọng hơi : Trị số cao nhất được biết: 3.7 (Không khí = 1) (xylene).

Mật độ tương đối : 0.978 để 1.143 g/cm³

Tính hòa tan :

nước lạnh	Không hòa tan
nước nóng	Không hòa tan

Độ hòa tan trong nước : Không có sẵn.

Hệ số phân chia nước/Octanol : Không có sẵn.

Nhiệt độ tự cháy : Giá trị thấp nhất được biết: 280 để 470°C (536 để 878°F) (Naphtha (petroleum), hydrodesulfurized heavy, (<0.1% Benzene)).

Nhiệt độ phân hủy : Không có sẵn.

Tính dẻo : Động lực học (40°C (104°F)): >20.5 mm^2/s (>20.5 đơn vị cSt)

Thời gian chảy (ISO 2431) : Không có sẵn.

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng : Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.

Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

Khả năng gây các phản ứng nguy hại : Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.

Tình trạng cần tránh : Tránh để gần những nơi có thể kích hỏa (tia lửa hoặc ngọn lửa). Đừng ép, cắt, nối, đánh đồng, hàn, soi, nghiền hoặc phơi các đồ đựng ra chỗ nóng hoặc nguồn kích hỏa.

Các vật liệu không tương thích : Tránh xa ra các chất sau đây để phòng ngừa phản ứng tỏa nhiệt mạnh: chất oxy hóa, kiềm mạnh, axit mạnh.

Sản phẩm phân rã có mối nguy : Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thối rữa.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Liều lượng	Sự phơi nhiễm
xylene	LC50 Hít phải Hơi LD50 Đường miệng TDLo Ngoài da	Chuột Chuột Thỏ	11 mg/l 4300 mg/kg 4300 mg/kg	4 giờ - -

Kích ứng/Ăn mòn

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Điểm	Sự phơi nhiễm	Theo dõi tác dụng kích ứng
xylene	Mắt - Kích ứng nhẹ Da - Kích ứng nhẹ	Thỏ Chuột	- -	87 milligrams 8 giờ 60 microliters	- -

Nhạy cảm

Không có sẵn.

Tính đột biến

Không có sẵn.

Tính gây ung thư

Không có sẵn.

Độc tính sinh sản

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Tên	Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới
Naphtha (petroleum), hydrodesulfurized heavy, (<0.1% Benzene) xylene	Loại 3 Loại 3	- -	Các tác dụng gây mê Kích ứng đường hô hấp

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Tên	Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới
Naphtha (petroleum), hydrodesulfurized heavy, (<0.1% Benzene)	Loại 1	-	hệ thống thần kinh trung ương (CNS)

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Tên	Kết quả
Naphtha (petroleum), hydrodesulfurized heavy, (<0.1% Benzene) xylene	HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 1 HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 1

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra : Không có sẵn.

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Hít phải : Có thể gây uể oải hoặc chóng mặt.

Tiếp xúc ngoài da : Gây kích ứng da nhẹ.

Nuốt phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

Tiếp xúc mắt : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu
chảy nước mắt
bị đỏ

Hít phải : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
buồn nôn hay nôn mửa
đau đầu
buồn ngủ/mệt mỏi
chóng mặt/hoa mắt
bất tỉnh

Tiếp xúc ngoài da : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
kích ứng khó chịu
bị đỏ

Nuốt phải : Không có thông tin cụ thể gì.

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

Các tác dụng tức thời có thể gặp : Không có sẵn.

Các tác dụng chậm có thể gặp : Không có sẵn.

Phơi nhiễm lâu dài

Các tác dụng tức thời có thể gặp : Không có sẵn.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Các tác dụng chậm có thể gặp : Không có sẵn.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Không có sẵn.

Tổng quát : Làm tổn thương các cơ quan qua phơi nhiễm lâu và nhiều lần.

Tính gây ung thư : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tính đột biến : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Độc tính sinh sản : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các số liệu đo lường độ độc

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần	Đường miệng (mg/kg)	Ngoài da (mg/kg)	Hít vào (các chất khí) (ppm)	Hít vào (các chất hơi) (mg/l)	Hít vào (bụi và các thể sương) (mg/l)
Pilot II xylene	N/A N/A	95730.7 1100	N/A N/A	957.3 11	N/A N/A

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc Tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Sự phơi nhiễm
Naphtha (petroleum), hydrodesulfurized heavy, (<0.1% Benzene)	Cấp tính EC50 <10 mg/l	Daphnia	48 giờ
	Cấp tính IC50 <10 mg/l	Tảo	72 giờ
	Cấp tính LC50 <10 mg/l	Cá	96 giờ
xylene	Cấp tính LC50 8500 µg/l Nước biển	Loài tôm cua - Palaemonetes pugio	48 giờ
	Cấp tính LC50 13400 µg/l Nước ngọt	Cá - Pimephales promelas	96 giờ

Độ bền và khả năng phân hủy

Tên sản phẩm/thành phần	Chu kỳ bán phân rã dưới nước	Quang phân	Tính bị vi khuẩn làm thối rữa
Naphtha (petroleum), hydrodesulfurized heavy, (<0.1% Benzene)	-	-	Không dễ
xylene	-	-	Dễ dàng

Khả năng tồn lưu

Tên sản phẩm/thành phần	$LogP_{ow}$	BCF	Tiềm năng
Naphtha (petroleum), hydrodesulfurized heavy, (<0.1% Benzene)	-	10 để 2500	cao
xylene	3.12	8.1 để 25.9	thấp

Khả năng phân tán qua đất

Hệ số phân cách đất/nước (K_{OC}) : Không có sẵn.

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Hậu quả xấu khác : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp thải bỏ : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Cần phải cẩn thận khi làm việc với các dụng cụ đựng rỗng chưa được làm sạch hoặc rửa sạch. Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cặn sản phẩm. Hơi của cặn sản phẩm có thể tạo ra một bầu khí quyển rất dễ cháy hoặc nổ trong dụng cụ đựng. Không cắt, hàn hoặc mài các dụng cụ đựng đã qua sử dụng trừ khi chúng đã được làm sạch cẩn thận phần bên trong. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

	UN	IMDG	IATA
Số UN	UN1263	UN1263	UN1263
Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển	Sơn	Sơn. Chất gây ô nhiễm biển (Naphtha (petroleum), hydrodesulfurized heavy, (<0.1% Benzene))	Sơn
(các) nhóm nguy hại vận chuyển	3	3	3
Quy cách đóng gói	III	III	III
Mối nguy cho môi trường	Vâng. Không cần dán nhãn chất độc hại với môi trường.	Vâng.	Vâng. Không cần dán nhãn chất độc hại với môi trường.

Thông tin bổ sung

ADR/RID : Không cần đóng dấu chất nguy hiểm cho môi trường khi vận chuyển với khối lượng ≤5 L hoặc ≤5 kg.
Số xác định mối nguy 30
Mã đường hầm (D/E)

ADN : Không cần đóng dấu chất nguy hiểm cho môi trường khi vận chuyển với khối lượng ≤5 L hoặc ≤5 kg.

IMDG : Không cần đóng dấu chất ô nhiễm biển khi vận chuyển với khối lượng ≤5 L hoặc ≤5 kg.
Danh mục cấp cứu F-E, S-E

IATA : Cần đóng dấu chất nguy hiểm cho môi trường nếu được quy định trong các quy định vận chuyển khác.

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng : **Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng:** luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

Vận chuyển số lượng lớn theo các công cụ IMO : Không có sẵn.

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Thông tư số 05/1999/TT-BYT

Tên thành phần nguy hiểm	Loại	Ghi chú
xylene	Loại 2	

Phân loại chất độc (TCVN 3164-79) : 4

Quy định quốc tế

Danh mục của Hiệp ước về Vũ khí Hóa học các chất hóa học theo các lịch trình I, II, III

Không liệt kê.

Nghị định thư Montreal

Không liệt kê.

Hiệp ước Stockholm về các chất gây ô nhiễm hữu cơ bền

Không liệt kê.

Công Ước Rotterdam về Thỏa Thuận Có Hiểu Biết Trước (PIC)

Không liệt kê.

Nghị định thư UNECE Aarhus về PÓP và các kim loại nặng

Không liệt kê.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại

NFPA

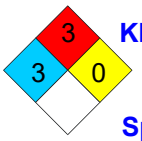

Khả năng cháy

Sức khỏe

Không ổn định

Special hazards

HMIS

Sức khỏe	*	3
Khả năng cháy		3
Nguy hiểm thể chất		0

Lịch sử

Ngày in	:	04.07.2024
Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh	:	04.07.2024
Ngày phát hành lần trước	:	20.12.2023
Phiên bản	:	1.04
Bảng từ viết tắt	:	ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính BCF = Hệ số nồng độ sinh học GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu HMIS = Hệ Thống Thông Tin Chất Nguy Hiểm (Hoa Kỳ) IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế IBC = Côngtenơ khổ trung IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế LogPow = Lôgarít của hệ số phân chia octanol/nước MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải)) N/A = Không có sẵn NFPA = Hiệp Hội Bảo Vệ Hỏa Hoạn Quốc Gia (Hoa Kỳ) SGG = Nhóm Phân tách UN = Liên hợp quốc

Quy trình được sử dụng để đưa ra phân loại

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Phân loại	Cơ sở lý luận
CHẤT LỎNG DỄ CHÁY - Loại 3	Căn cứ vào dữ liệu thử nghiệm
GÂY KHÓ CHỊU CHO DA - Loại 3	Phương pháp tính toán
ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC 1 LẦN (Các tác dụng gây mê) - Loại 3	Phương pháp tính toán
ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC LẶP LẠI - Loại 1	Phương pháp tính toán
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 3	Phương pháp tính toán
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 2	Phương pháp tính toán

Tham khảo : Không có sẵn.

Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Người đọc lưu ý

Thông tin trong tài liệu này được đưa ra từ những kiến thức tốt nhất của Jotun, dựa trên các thử nghiệm và kinh nghiệm thực tế. Những sản phẩm Jotun được xem như là bán thành phẩm cho tới khi được thi công tốt trên bề mặt cấu trúc cần bảo vệ. Tuy nhiên trong thực tế, sản phẩm có thể được sử dụng trong những điều kiện ngoài tầm kiểm soát của Jotun. Nên Jotun chỉ có thể đảm bảo chất lượng vốn có của sản phẩm. Sản phẩm có thể được thay đổi nhỏ để phù hợp với yêu cầu của nước sở tại. Jotun có quyền thay đổi những thông số đã đưa ra mà không cần thông báo.

Người sử dụng phải nên luôn tham khảo Jotun những hướng dẫn chuyên biệt cho sự phù hợp của sản phẩm này theo nhu cầu của mình và phương pháp thi công chuyên biệt.

Nếu có sự mâu thuẫn nào gây ra do vấn đề ngôn ngữ trong tài liệu này, thì tài liệu tiếng Anh (United Kingdom) sẽ được xem như là tài liệu chính thức.

Safety Data Sheet

KF-71T

1. IDENTIFICATION OF THE SUBSTANCE/PREPARATION AND OF THE COMPANY/UNDERTAKING

1.1 Product identifier : Carbon Steel Electrodes for Flux Cored Arc Welding

1.2 Trade name : KF-71T

1.3 Relevant identified uses of the substance or mixture and uses advised against :

1.3.1. Relevant identified uses: Welding

1.3.2. Uses advised against: No data available

2. HAZARDS IDENTIFICATION

2.1 Classification of the mixture:

The product is placed on the market in solid form.

2.1.1 *Classification in accordance with Directive 1999/45/EC* : Mixture is classified as **R43, R42, Xn; R68/20, Xn;R48/20, 21, 22**

2.1.2 *Classification in accordance with Regulation (EC) No 1272/2008* : Mixture is classified as **Skin Sens. 1. H317, Resp. Sens. 1 H334, STOT SE 2 H371, STOT RE 2 H373**

2.2 Label elements:

Labeling in accordance with Regulation (EC) No 1272/2008:

Pictograms:

GHS08 GHS07

Signal word: Danger

Hazard statements:

H317 May cause an allergic skin reaction.

H334 May cause allergy or asthma symptoms or breathing difficulties if inhaled.

H371 May cause damage to respiratory system.

H373 May cause damage to respiratory system through prolonged or repeated exposure.

Precautionary statements:

P260 Do not breathe fume.

P280 Wear protective gloves/protective clothing/eye protection/face protection. **P309+P311** If exposed or if you feel unwell: Call a POISON CENTER or doctor/physician.

P342+P311 If experiencing respiratory symptoms: Call a POISON CENTER or doctor/physician. **P405** Store locked up.

P501 Dispose of contents and container in accordance with local and national regulations.

The mixture does not require a label according to Annex I.
Annex I, section 1.3 Derogations from labelling requirements for special cases:
In accordance with Article 23 the following derogation shall apply:
Metals in massive form, alloys, mixtures containing polymers and mixtures containing elastomers do not require a label according to this Annex, if they do not present a hazard to human health by inhalation, ingestion or contact with skin or to the aquatic environment in the form in which they are placed on the market, although classified as hazardous in accordance with the criteria of this Annex.

※ On the other hand, we want to offer classification and label of welding fume for workers.

2.3 Other hazards : No data available.

3. COMPOSITION/INFORMATION ON INGREDIENTS

3.1 Substances: Not relevant.

3.2 Mixtures: The mixture contains these substances:

Substance name	CAS/EC No.	Conc.(%) Value(s)	Classification			
			67/548/EEC	CLP		
				Hazard Class and Category Code(s)	Hazard state-Ment	Pictogram / Signal word
Iron [2,3]	7439-89-6 / 231-096-4	80 to 90	Xn; R68/20/21/22 Xn; R68/20/21/22	STOT SE 2 STOT RE 2	H371 H373	GHS08 Warning
Titanium dioxide [3]	13463-67-7 / 236-675-5	4 to 10	Xi; R36 Xi; R37 T; R48/23	Eye Irrit 2 STOT SE 3 STOT RE 1	H319 H335 H372	GHS08 GHS07 Danger
Silicon dioxide	7631-86-9 / 231-545-4	1 to 3	-	-	-	-
Manganese [2,3]	7439-96-5 / 231-105-1	1 to 3	Xn; R68/20/21/22	STOT RE 2	H373	GHS08 Warning
Silicon metal	7440-21-3 / 231-130-8	1 to 3	-	-	-	-
Aluminum oxide	1344-28-1 / 215-691-6	1 to 2	-	-	-	-

[2] Substance with workplace exposure limits.

[3] Substance is classified in terms of C&L Inventory.

Note C : Some organic substances may be marketed either in a specific isomeric form or as a mixture of several isomers. In this case the supplier must state on the label whether the substance is a specific isomer or a mixture of isomers.

* For full text of H-statements and R-phrases: see SECTION 16.

4. FIRST AID MEASURES

4.1 Description of first aid measures:

In case of respiratory exposure: Remove to fresh air and keep at rest. If breathing is difficult or has stopped, administer artificial respiration as necessary. Seek medical attention.

In case of skin contamination: Wash contaminated area thoroughly with soap and water.

Remove and wash contaminated clothing. If a persistent rash or irritation occurs, seek medical attention.

In case of intrusion into eye: Immediately flush eyes with large amounts of running water for at least 15 minutes, lifting the upper and lower eyelids. Get medical attention.

In case of oral intake: Ingestion is considered unlikely due to product form. However, if swallowed do not induce vomiting. Seek medical attention. Advice to doctor: treat symptomatically.

4.2 Most important symptoms and effects, both acute and delayed: No data available.

4.3 Indication of any immediate medical attention and special treatment needed: No data available.

5. FIREFIGHTING MEASURES

5.1 Extinguishing media:

Suitable extinguishing media: Use extinguishing media appropriate for surrounding fire (dry chemical, foam, water spray, carbon dioxide).

Unsuitable extinguishing media: No data available.

5.2 Special hazards arising from the substance or mixture: Fire may produce irritating or poisonous gases.

5.3 Advice for firefighters: In the event of a fire, wear self-contained breathing apparatus and protective clothing.

6. ACCIDENTAL RELEASE MEASURES

6.1 Personal precautions, protective equipment and emergency procedures:

For non-emergency personnel: Wear appropriate personal protective equipment as specified in Section 8. Ensure adequate ventilation.

For emergency responders: No data available.

6.2 Environmental precautions: Avoid dispersal of spilled material and contact with soil, ground and surface water, drains and sewers.

6.3 Methods and material for containment and cleaning up: Take up mechanically.

Collect the material in labeled containers and dispose of according to local and regional authority

requirements.

6.4 Reference to other sections: See Section 7 for information on safe handling. See Section 8 for information on personal protection equipment. See Section 13 for disposal information.

7. HANDLING AND STORAGE

7.1 Precautions for safe handling: Welding may produce fumes, gases and dust hazardous to health. Avoid breathing these fumes, gases and dust. Use adequate ventilation. Avoid contact with skin, eyes and clothing. Do not eat, drink and smoke in work areas. Wear appropriate personal protective equipment as specified in in Section 8.

7.2 Conditions for safe storage, including any incompatibilities: Store in cool, dry and well-ventilated place. Keep away from incompatible materials. Keep away from heat and open flame.

7.3 Specific end use(s): No data available.

8. EXPOSURE CONTROLS/PERSONAL PROTECTION

8.1 Control parameters: Community workplace exposure limits were not established for substances contained in the mixture.

8.2. Exposure controls: Do not eat, drink and smoke. Immediately remove all contaminated clothing. Wash hands before breaks and at the end of work.

8.2.1 Appropriate engineering controls: Use local exhaust ventilation during all welding operations.

8.2.2 In individual protection measures, such as personal protective equipment:

8.2.2.1 Eye/face protection: Always wear eye protection during welding operations, helmet and/or face shield with filter lens.

8.2.2.2 Skin protection:

Hand protection: Wear appropriate protective (welding) gloves during welding.

Other: Wear appropriate protective clothing and boots.

8.2.2.3 Respiratory protection: If ventilation is insufficient, use appropriate respirator or self-contained breathing apparatus.

8.2.2.4 Thermal hazards: No data available.

8.2.3 Environmental exposure controls: Do not allow to enter sewers, surface and ground water.

9. PHYSICAL AND CHEMICAL PROPERTIES

9.1 Information on basic physical and chemical properties:

Appearance:	solid (massive form)
Odour:	-
Odour threshold:	-
pH:	-
Melting point/freezing point :	-
Initial boiling point and boiling range:	-
Flash point:	-
Evaporation rate:	-
Flammability (solid, gas):	-
Upper/lower flammability or explosive limits:	-
Vapour pressure:	-
Vapour density:	-
Relative density:	-
Solubility(ies):	-
Partition coefficient: n-octanol/water:	-
Auto-ignition temperature:	-
Decomposition temperature:	-
Viscosity:	-
Explosive properties:	-
Oxidising properties:	-

9.2 Other information: No data available.

10. STABILITY AND REACTIVITY

10.1 Reactivity: No data available.

10.2 Chemical stability: The product is stable under normal conditions.

10.3 Possibility of hazardous reactions: No data available.

10.4 Conditions to avoid: No data available.

10.5 Incompatible materials: No data available.

10.6 Hazardous decomposition products: Metal oxide fumes and gases are produced during welding.

11. TOXICOLOGICAL INFORMATION

11.1 Information on toxicological effects:

Substances: No data available.

Mixtures:

Acute toxicity: No data available.

Skin corrosion/irritation: No data available.

Serious eye damage/Irritation: No data available.

Respiratory or skin sensitisation: No data available.

Germ cell mutagenicity: No data available.

Carcinogenicity: No data available.

Reproductive toxicity: No data available.

STOT-single exposure: No data available.

STOT-repeated exposure: No data available.

Aspiration hazard: No data available.

12. ECOLOGICAL INFORMATION

12.1 Toxicity: No data available.

12.2 Persistence and degradability: No data available.

12.3 Bioaccumulative potential: No data available.

12.4 Mobility in soil: No data available.

12.5 Results of PBT and vPvB assessment: No data available.

12.6 Other adverse effects: No data available.

13. DISPOSAL CONSIDERATIONS

13.1 Waste treatment methods: Dispose off in accordance with local and national regulations.

14. TRANSPORT INFORMATION

14.1 UN number: No data available.

14.2 UN proper shipping name: No data available.

14.3 Transport hazard class(es): No data available.

14.4 Packing group: No data available.

14.5 Environmental hazards: No data available.

14.6 Special precautions for user: No data available.

14.7 Transport in bulk according to Annex II of MARPOL73/78 and the IBC Code: No data available.

15. REGULATORY INFORMATION

15.1 Safety, health and environmental regulations/legislation specific for the substance or mixture:

The substances in the mixture are not subject to authorisation under Title VII or restrictions under Title VIII of Regulation (EC) No. 1907/2006.

Regulation (EC) No 1907/2006 of the European Parliament and of the Council of 18 December 2006 concerning the Registration, Evaluation, Authorization and Restriction of Chemicals (REACH), establishing a European Chemicals Agency, amending Directive 1999/45/EC and repealing Council Regulation (EEC) No 793/93 and Commission Regulation (EC) No 1488/94 as well as Council Directive 76/769/EEC and Commission Directives 91/155/EEC, 93/67/EEC, 93/105/EC and 2000/21/EC;

Regulation (EC) No 1272/2008 of the European parliament and of the Council of 16 December 2008 on classification, labeling and packaging of substances and mixtures, amending and repealing Directives 67/548/EEC and 1999/45/EC, and amending Regulation (EC) No 1907/2006;

COMMISSION REGULATION (EU) No 453/2010 of 20 May 2010 amending Regulation (EC) No 1907/2006 of the European Parliament and of the Council on the Registration, Evaluation, Authorisation and Restriction of Chemicals (REACH);

DIRECTIVE 1999/45/EC OF THE EUROPEAN PARLIAMENT AND OF THE COUNCIL of 31 May 1999

concerning the approximation of the laws, regulations and administrative provisions of the Member States relating to the classification, packaging and labelling of dangerous preparations;

COUNCIL DIRECTIVE of 27 June 1967 on the approximation of laws, regulations and administrative provisions relating to the classification, packaging and labelling of dangerous substances (67/548/EEC).

15.2 Chemical safety assessment: Chemical safety assessment is not available.

16. OTHER INFORMATION

List of relevant risk phrases and hazard statements: -

Instructions for the training: Product handling instruction shall be included into the educational system about the safety work (initial training, training at the workplace, repeated training) according to specific conditions at the workplace.

Recommended restrictions on use (i.e. non-statutory recommendations by supplier):

Mixture should not be used for any other purpose than for which is appointed (point 1.2). Because of the fact that specific conditions of use of mixture are out of supplier's control, it is responsibility of the user to adjust the prescribed warnings to local laws and regulations. Safety information describes the product in terms of safety and it cannot be considered as technical information about product.

Sources of key data used to compile the Safety Data Sheet: SDS was elaborated according to requirements set in Annex II of Regulation (EC) No 1907/2006 of the European Parliament and of the Council. SDS was prepared using data from the producer.

Purpose of SDS: Purpose of this SDS is to provide relevant information for users of product to ensure proper handling and control of risks/hazards.

- End of document -

MSDS-AM001

BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

1.	**Tên sản phẩm**	Dầu thủy lực (Hydraulic oil)	**Công dụng**	Sử dụng cho máy bơm thủy lực

2.	**Tính chất vật lí**	
	Ngoại quan	Chất lỏng có màu
	Mùi	Có mùi
	Nhiệt độ sôi	Chưa có thông tin
	Điều kiện cần tránh	Chưa có thông tin
	Vật chất cần tránh	Chưa có thông tin

3.	**Thành phần hóa học**	%

4. Nguy hại sức khỏe và biện pháp sơ cấp cứu

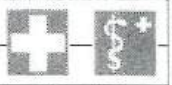

	Nguy hại cho sức khỏe	**Sơ cấp cứu**
Tiếp xúc mắt	Có thể gây dị ứng nhẹ, ngứa mắt	Dội bằng nước từ vòi đang chảy ít nhất 15 phút, nếu dị ứng phát triển mạnh lên, yêu cầu sự giúp đỡ của nhân viên y tế.
Tiếp xúc da	Có thể gây dị ứng vừa phải	Rửa bằng xà phòng cho đến khi hết mùi, nếu thấy đỏ lên hoặc phồng rộp, cần yêu cầu sự giúp đỡ của nhân viên y tế.
Hít phải	Gây dị ứng mũi, họng, phổi, gây nhức đầu, buồn nôn, hoa mắt, và bất tỉnh .	Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng mát, tiến hành hô hấp nhân tạo nếu thấy thở không được, nhờ sự hỗ trợ của nhân viên y tế .
Nuốt phải	Gây dị ứng đường ruột, buồn nôn, nhức đầu và bất tỉnh .	Không được thúc để nôn ra ngoài, cần sự giúp đỡ của nhân viên y tế .
Hiệu ứng mãn tính		

5. Biện pháp chữa cháy

Bảo vệ cá nhân	Sử dụng kính để ngăn vết bắn vào mắt, đùng găng tay cao su
Chất chữa cháy	Bình chữa cháy CO2, chữa cháy bằng bột, nước, xà phòng .
Lưu ý	Không nên tham gia dập tắt đám cháy khi không mang đầy đủ những PPE cần thiết .

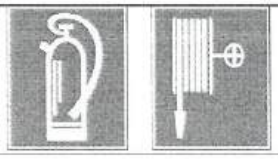

6. Biện pháp xử lí rò rỉ

Bảo vệ cá nhân	Mang khẩu trang, găng tay cao su, kính bảo hộ, quần áo bảo hộ Tránh tiếp xúc với vật liệu gây cháy, ngăn chặn rò rỉ nếu không gây nguy hiểm cho con người .
Bảo vệ môi trường	
Biện pháp thu gom	Dùng giẻ thấm

7. Bảo vệ cá nhân khi sử dụng

Bảo vệ hô hấp và mắt	Mang khẩu trang, kính baũo hoã
Bảo vệ tay	Mang găng tay cao su
Bảo vệ cơ thể	Mang quần áo bảo hộ lao động cần thiết
Chú ý	

8. Sử dụng và lưu trữ

Sử dụng	Nơi thông gió mát mẻ khô ráo
Lưu trữ	Khu vực riêng, không gần lửa

9.	**Số điện thoại liên lạc khẩn cấp**	PCCC : 114 Y tế : 115 **ĐT khẩn cấp: 0918535285**
10.	**Vị trí hoàn chỉnh MSDS**	Phòng Vật tư – AM– **Hằng: 0932 190 001**
11.	**Ngày lập : 29/12/2023**	**Ngày xem xét lại : 29/12/2024**

Kiểm tra **Xét Duyệt**

MSDS-AM002

BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

1.	**Tên sản phẩm**	NƯỚC LÀM MÁT MŨI KHOAN	**Công dụng**	DUNG DỊCH HẤP THụ

2.	**Tính chất vật lí**		3.	**Thành phần hóa học**	%
	Ngoại quan	Chất lỏng có màu trắng đục			
	Mùi	Có mùi hôi thối			
	Nhiệt độ sôi	Chưa có thông tin			
	Điều kiện cần tránh	Chưa có thông tin			
	Cần tránh				

4.	**Nguy hại sức khoẻ và biện pháp sơ cấp cứu**		
		Nguy hại sức khỏe	**Sơ cấp cứu**
	Tiếp xúc mắt	Có thể gây ngứa mắt	Rửa bằng nước sạch ít nhất 10 phút
	Tiếp xúc da	Có thể gây dị ứng cho da	Rửa bằng nước sạch ít nhất 10 phút
	Hít phải	Nôn ói, đau đầu	
	Nuốt phải	Không nuốt phải	Đưa ngay đến bác sĩ gần nhất
	Hiệu ứng mãn tính	Chưa có thông tin	

5.	**Biện pháp chữa cháy**	
	Bảo vệ cá nhân	Dùng găng tay khi tiếp xúc
	Chất chữa cháy	
	Lưu ý	

6.	**Biện pháp xử lý rò rỉ**	
	Bảo vệ cá nhân	Khẩu trang PPE cần thiết
	Bảo vệ môi trường	Không để chảy ra môi trường
	Biện pháp thu gom	

7.	**Bảo vệ cá nhân khi xử dụng**	
	Bảo vệ hô hấp và mắt	Mang khaẩu trang, kính bảo hộ
	Bảo vệ tay	Đeo găng tay cao su
	Bảo vệ cơ thể	Mang quần áo bảo hộ cần thiết
	Chú ý	Sử dụng hóa chất nơi thông thoáng

8.	**Sử dụng và lưu trữ**	
	Sử dụng	
	Lưu trữ	Lưu trữ ở khu vực riêng .

9.	**Số điện thoại liên hệ khẩn cấp:**	PCCC : 114 Y tế : 115 ĐT khẩn cấp: 0918535285
10.	**Vị trí hoàn chỉnh MSDS**	Phòng Vật tư – AM– **Hằng: 0932 190 001**
11.	**Ngày lập : 29/12/2023**	**Ngày xem xét lại : 29/12/2024**

Kiểm tra **Xét Duyệt**

MSDS-AM-003

BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

1.	Tên sản phẩm	OXY LỎNG - O2	Công dụng	CẮT VẬT LIỆU Irritant

2.	Tính chất vật lí		3.	Thành phần hóa học	%
	Ngoại quan	Lỏng siêu lạnh, không màu		Oxy dạng lỏng	100
	Mùi	Không mùi			
	Nhiệt độ sôi	-297°F(-183°C)			
	Điều kiện cần tránh	Nguồn lửa gây nóng			
	Cần tránh				

4. Nguy hại sức khỏe và biện pháp sơ cấp cứu

	Nguy hại sức khỏe	Sơ cấp cứu
Tiếp xúc mắt	Phỏng lạnh gây mù mắt	Rửa mắt bằng nước sạch ít nhất 10 phút, sau đó chuyển đến bác sĩ ngay
Tiếp xúc da	Bỏng giộp, bỏng lạnh	Dội nhiều nước ấm vào (41-46°C). Không được dùng nước nóng, nếu nướng ấm không có sẵn, dùng khăn choàng mềm phủ lên. Đưa đến bác sĩ ngay
Hít phải	Rát, thay đổi nhiệt độ cơ thể, bồn nôn, khó thở, chóng mặt, làm mất phương hướng, gây ảo giác, tâm trạng bị rối loạn. Đau tứ chi rùng mình, tắt nghẽn phổi, co giật.	Nếu có những ảnh hưởng nguy hại xảy ra, di chuyển bệnh nhân tới khu vực không ô nhiễm, gọi bác sĩ ngay.
Nuốt phải	Phỏng lạnh	Nếu nuốt vào một lượng lớn, phải đưa đến bác sĩ ngay.
Hiệu ứng mãn tính		

5. Biện pháp chữa cháy

Bảo vệ cá nhân	Mang mặt nạ phòng chống khí độc, áo khoác, ủng và các PPE khác cần thiết như bao tay chống bỏng lạnh
Chất chữa cháy	Khí carbonic, hóa chất khô thông thường. Đối với đám cháy lớn, sử dụng nước hoặc bọt thông thường với vòi phun mạnh để dập lửa.
Lưu ý	Không tham gia dập tắt đám cháy khi không mang đầy đủ PPE

6. Biện pháp xử lý rò rỉ

Xử lý khi rò rỉ	Tránh tiếp xúc với vật liệu gây cháy, không được đụng vào nguyên liệu rằng ra ngoài, ngăn chặn rò rỉ nếu không nguy hiểm cho con người. Những người không liên quan không được đến gần, cách ly khu vực nguy hiểm và cấm không cho ai vào.

7. Bảo vệ cá nhân khi xử dụng

Bảo vệ hô hấp và mắt	Mang khẩu trang, mặt nạ, kính bảo hộ
Bảo vệ tay	Mang gang tay cách nhiệt phù hợp
Bảo vệ cơ thể	Mang quần áo bảo hộ lao động cần thiết
Chú ý	

8. Sử dụng và lưu trư

Sử dụng	Nơi thoáng gió mát mẻ.
Lưu trữ	Lưu trữ bên ngoài hoặc khu vực riêng

9.	Số điện thoại liên hệ khẩn cấp:	PCCC : 114 Y tế : 115 ĐT khẩn cấp: 0918535285
10.	Vị trí hoàn chỉnh MSDS	Phòng Vật tư – AM– Hằng: 0932 190 001
11.	Ngày lập : 29/12/2023	Ngày xem xét lại : 29/12/2024

Kiểm tra **Xét Duyệt**

MSDS-AM004

BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

1.	**Tên sản phẩm**	Nhớt 40 (Motor Oil)	**Công dụng**	Dùng cho các máy sử dụng động cơ

2.	**Tính chất vật lí**		3.	**Thành phần hóa học**	%
	Ngoại quan	Chất lỏng có màu			
	Mùi	Có mùi			
	Nhiệt độ sôi	Chưa có thông tin			
	Điều kiện cần tránh	Tránh gần lửa			
	Vật chất cần tránh				

4. Nguy hại sức khỏe và biện pháp sơ cấp cứu

	Nguy hại cho sức khỏe	Sơ cấp cứu
Tiếp xúc mắt	Có thể gây dị ứng nhẹ, ngứa mắt	Dội bằng nước từ vòi đang chảy ít nhất 15 phút, nếu dị ứng phát triển mạnh lên, yêu cầu sự giúp đỡ của nhân viên y tế.
Tiếp xúc da	Có thể gây dị ứng vừa phải	Rửa bằng xà phòng cho đến khi hết mùi, nếu thấy đỏ lên hoặc phồng rộp, cần yêu cầu sự giúp đỡ của nhân viên y tế.
Hít phải	Gây dị ứng mũi, họng, phổi, gây nhức đầu, buồn nôn, hoa mắt, và bất tỉnh .	Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng mát, tiến hành hô hấp nhân tạo nếu thấy thở không được, nhờ sự hỗ trợ của nhân viên y tế .
Nuốt phải	Gây dị ứng đường ruột, buồn nôn, nhức đầu và bất tỉnh .	Không được thúc để nôn ra ngoài, cần sự giúp đỡ của nhân viên y tế .
Hiệu ứng mãn tính	Có thể gây dị ứng nhẹ, ngứa mắt	Dội bằng nước từ vòi đang chảy ít nhật 15 phút, nếu dị ứng phát triển mạnh lên, yêu cầu sự giúp đỡ của nhân viên y tế.

5. Biện pháp chữa cháy

Bảo vệ cá nhân	Sử dụng kính để ngăn vết bẩn vào mắt, dùng găng tay cao su
Chất chữa cháy	Bình chữa cháy CO2, chữa cháy bằng bột, nước, nước xà phòng .
Lưu ý	

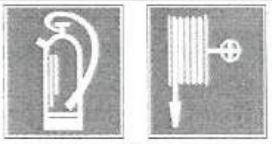

6. Biện pháp xử lí rò rỉ

Bảo vệ cá nhân	Mang khẩu trang, găng tay cao su, kính bảo hộ, quần áo bảo hộ Tránh tiếp xúc với vật liệu gây cháy, ngăn chặn rò rỉ nếu không gây nguy hiểm cho con người .
Bảo vệ môi trường	
Biện pháp thu gom	Dùng giẻ thấm

7. Bảo vệ cá nhân khi sử dụng

Bảo vệ hô hấp và mắt	Mang khẩu trang, kính bảo hoà
Bảo vệ tay	Mang găng tay cao su
Bảo vệ cơ thể	Mang quần áo bảo hộ lao động cần thiết
Chú ý	

8. Sử dụng và lưu trữ

Sử dụng	Nơi thông gió mát mẻ khô ráo
Lưu trữ	Khu vực riêng, không gần lửa

9. Số điện thoại liên lạc khẩn cấp

PCCC : 114
Y tế : 115
ĐT khẩn cấp: 0918535285

10.	Vị trí hoàn chỉnh MSDS	Phòng Vật tư – AM– **Hằng: 0932 190 001**
11.	**Ngày lập : 29/12/2023**	**Ngày xem xét lại : 29/12/2024**

Kiểm tra **Xét Duyệt**

MSDS-AM005

BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

1.	Tên sản phẩm	DẦU DIESEL	Công dụng	CHẠY MÁY PHÁT ĐIỆN, XE NÂNG

2.	Tính chất vật lí		3.	Thành phần hóa học	%
	Ngoại quan	Chất lỏng		Hidrocacbon	99%
	Mùi	Có mùi		Phụ gia	1%
	Nhiệt độ sôi	177°C ~ 343°C			
	Điều kiện cần tránh	Nguồn lửa gây nóng			
	Vật cần tránh				

4. Nguy hại sức khỏe và biện pháp sơ cấp cứu

	Nguy hại sức khỏe	Sơ cấp cứu
Tiếp xúc mắt	Có thể gây dị ứng nhẹ	Dội bằng nước từ vòi đang chảy ít nhất 15 phút, nếu dị ứng phát triển mạnh lên, yêu cầu sự giúp đỡ của nhân viên y tế.
Tiếp xúc da	Có thể gây dị ứng vừa phải	Rửa bằng xà phòng cho đến khi hết mùi, nếu thấy đỏ lên hoặc phồng rộp, cần yêu cầu sự giúp đỡ của nhân viên y tế.
Hít phải	Gây dị ứng mũi, họng, phổi, gây nhức đầu, buồn nôn, hoa mắt, và bất tỉnh .	Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng mát, tiến hành hô hấp nhân tạo nếu thấy thở không được, nhờ sự hỗ trợ của nhân viên y tế .
Nuốt phải	Gây dị ứng đường ruột, buồn nôn, nhức đầu và bất tỉnh .	Không được thúc để nôn ra ngoài, cần sự giúp đỡ của nhân viên y tế .
Hiệu ứng mãn tính		

5. Biện pháp chữa cháy

Bảo vệ cá nhân	Sử dụng kính để ngăn vết bẩn vào mắt, dùng găng tay cao su
Chất chữa cháy	Bình chữa cháy CO2, chữa cháy bằng bột, nước, nước xà phòng .
Lưu ý	Không nên tham gia dập tắt đám cháy khi không mang đầy đủ những PPE cần thiết .

6. Biện pháp xử lý rò rỉ

Bảo vệ cá nhân	Mang khẩu trang, găng tay cao su, kính bảo hộ, quần áo bảo hộ Tránh tiếp xúc với vật liệu gây cháy, ngăn chặn rò rỉ nếu không gây nguy hiểm cho con người .
Bảo vệ môi trường	
Biện pháp thu gom	Dùng giẻ thấm

7. Bảo vệ cá nhân khi xử dụng

Bảo vệ hô hấp và mắt	Mang khẩu trang, kính bảo hộ
Bảo vệ tay	Mang găng tay cao su
Bảo vệ cơ thể	Mang quần áo bảo hộ lao động cần thiết
Chú ý	

8. Sử dụng và lưu trữ

Sử dụng	Nơi thông gió mát mẻ khô ráo
Lưu trữ	Khu vực riêng, không gần lửa

9. Số điện thoại liên hệ khẩn cấp:

PCCC : 114
Y tế : 115
ĐT khẩn cấp: 0918535285

10. Vị trí hoàn chỉnh MSDS Phòng Vật tư – AM– **Hằng: 0932 190 001**

11. Ngày lập : 29/12/2023 **Ngày xem xét lại : 29/12/2024**

Kiểm tra **Xét Duyệt**

MSDS-AM006

BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

1.	Tên sản phẩm	GAS LPG	Công dụng	KẾT HỢP VỚI OXY ĐỂ CẮT THÉP

2.	Tính chất vật lí		3.	Thành phần hóa học	%
	Ngoại quan	Khí hóa lỏng		Etil mercaptan	12g/m3
	Mùi	Không mùi			
	Nhiệt độ sôi	410°C ~ 580°C			
	Điều kiện cần tránh	Nguồn lửa gây nóng			
	Vật cần tránh				

4.	Nguy hại sức khỏe và biện pháp sơ cấp cứu	
	Nguy hại sức khỏe	Sơ cấp cứu
	Tiếp xúc mắt	Gây nhức mắt	Rửa ngay bằng nước sạch và đưa đi bác sĩ
	Tiếp xúc da	Có thể gây dị ứng da	Rửa ngay bằng nước sạch và đưa đi bác sĩ
	Hít phải	Gây chóng mặt, buồn nôn	Hô hấp và đưa đến bác sĩ gần nhất
	Nuốt phải	Gây khó chịu và nôn ói	Súc miệng ngay bằng nước sạch và đưa đi bác sĩ
	Hiệu ứng mãn tính		

5.	Biện pháp chữa cháy	
	Bảo vệ cá nhân	Mang mặt nạ phòng chống khí độc, áo khoác, ủng và các PPE cần thiết khác
	Chất chữa cháy	Bình chữa cháy CO2, chữa cháy bằng bột, nước, nước xà phòng .
	Lưu ý	Không nên tham gia dập tắt đám cháy khi không mang đầy đủ PPE cần thiết

6.	Biện pháp xử lý rò rỉ	
	Bảo vệ cá nhân	Mang khẩu trang, găng tay da, kính bảo hộ lao động, quần áo bảo hộ. Tránh tiếp xúc với vật liệu gây cháy, ngăn chặn rò rỉ nếu không gây nguy hiểm cho con người
	Bảo vệ môi trường	
	Biện pháp thu gom	

7.	Bảo vệ cá nhân khi xử dụng	
	Bảo vệ hô hấp và mắt	Mang khẩu trang, mặt nạ, kính bảo hộ
	Bảo vệ tay	Mang găng tay cách nhiệt phù hợp
	Bảo vệ cơ thể	Mang quần áo bảo hộ lao động cần thiết
	Chú ý	

8.	Sử dụng và lưu trữ	
	Sử dụng	Nơi thông gió mát mẻ khô ráo
	Lưu trữ	Khu vực riêng, không gần lửa

9.	Số điện thoại liên hệ khẩn cấp:	PCCC : 114 Y tế : 115 ĐT khẩn cấp: : 0918535285
10.	Vị trí hoàn chỉnh MSDS	Phòng Vật tư – AM– Hằng: 0932 190 001
11.	Ngày lập : 29/12/2023	Ngày xem xét lại : 29/12/2024

Kiểm tra

Xét Duyệt

MSDS-AM007

BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

1.	Tên sản phẩm	SƠN EPOXY	Công dụng	SƠN CẤU KIỆN

2.	Tính chất vật lí	
	Ngoại quan	Chất lỏng có màu có mùi
	Mùi	Ketone
	Nhiệt độ sôi	34°C
	Điều kiện cần tránh	Nguồn lửa
	Vật cần tránh	Kiềm và Acid mạnh

3.	Thành phần hóa học	%
	Xylene	2.5-10
	Epoxy resin (av.mol.wt <700)	10-25

4.	Nguy hại sức khỏe và biện pháp sơ cấp cứu	
	Nguy hại sức khỏe	**Sơ cấp cứu**
Tiếp xúc mắt	Có thể gây kích thích	Dùng nước rửa ít nhất 10 phút, tìm biện pháp chữa trị ngay tức khắc sau đó đưa đến bác sĩ
Tiếp xúc da	Có thể gây kích thích	Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn, dùng nước xà phòng rửa vùng da bị dính hóa chất. Tìm biện pháp săn sóc y tế.
Hít phải	Có thể gây đau đầu, choáng ói mửa, buồn ngủ.	Đưa nạn nhân ra khỏi khu vực tìm nơi thông thoáng, tiến hành hô hấp nhân tạo nếu cần. tìm biện pháp săn sóc y tế ngay lập tức.
Nuốt phải	Có thể gây ói mửa, đau đầu, buồn ngủ .	Chú ý cho thầy thuốc: không có thuốc giải đặc trị, điều trị theo triệu chứng.
Hiệu ứng mãn tính	Đau đầu choáng giống say tàu xe và kích thích	

5.	Biện pháp chữa cháy	
	Bảo vệ cá nhân	Mang mặt nạ phòng chống khí độc, áo khoác, ủng và các PPE cần thiết khác
	Chất chữa cháy	Nước, carbon dioxit, bột hóa chất
	Lưu ý	Không nên tham gia dập tắt đám cháy khi không mang đầy đủ PPE cần thiết

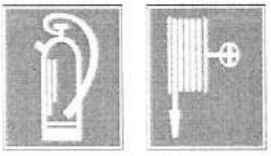

6.	Biện pháp xử lý rò rỉ	
	Bảo vệ cá nhân	Mang khẩu trang , mặt nạ phòng độc, găng tay cao su, kính bảo hộ, quần áo bảo hộ
	Bảo vệ môi trường	Tuyệt đối không để hóa chất chảy vào hệ thống cống rãnh, đất
	Biện pháp thu gom	Dùng vật liệu có tính chất thấm hút, rồi xử lý chúng như chất thải nguy hại

7.	Bảo vệ cá nhân khi xử dụng	
	Bảo vệ hô hấp và mắt	Mang khẩu trang, kính bảo hộ
	Bảo vệ tay	Đeo găng tay cao su
	Bảo vệ cơ thể	Mang quần áo bảo hộ chống hóa chất cần thiết
	Chú ý	Sử dụng hóa chất nơi thông thoáng

8.	Sử dụng và lưu trữ	
	Sử dụng	Nơi thông gió mát mẻ khô ráo
	Lưu trữ	Khu vực riêng, không gần lửa

9.	Số điện thoại liên hệ khẩn cấp:	PCCC : 114 Y tế : 115 ĐT khẩn cấp: 0918535285
10.	Vị trí hoàn chỉnh MSDS	Phòng Vật tư – AM– Hằng: 0932 190 001
11.	Ngày lập : 29/12/2023	Ngày xem xét lại : 29/12/2024

Kiểm tra Xét Duyệt

MSDS-AM008

BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

1.	Tên sản phẩm	Sơn Alkyd	Công dụng	SƠN CẤU KIỆN Irritant

2.	Tính chất vật lí		3.	Thành phần hóa học	%
	Ngoại quan	Chất lỏng có màu có mùi		1,2,4-Trimethylbenzene	10 - 25
	Mùi	Ketone		1,3,5-Trimethylbenzene	02.5 - 10
	Nhiệt độ sôi	33°C		2-Butanone oxime	00-01
	Điều kiện cần tránh	Nguồn lửa			
	Vật cần tránh	Kiềm và Acid mạnh			

4.	Nguy hại sức khỏe và biện pháp sơ cấp cứu		
		Nguy hại sức khỏe	Sơ cấp cứu
	Tiếp xúc mắt	Có thể gây kích thích	Dùng nước rửa ít nhất 10 phút, tìm biện pháp chữa trị ngay tức khắc sau đó đưa đến bác sĩ
	Tiếp xúc da	Có thể gây kích thích	Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn, dùng nước xà phòng rửa vùng da bị dính hóa chất. Tìm biện pháp săn sóc y tế.
	Hít phải	Có thể gây đau đầu, choáng ói mửa, buồn ngủ.	Đưa nạn nhân ra khỏi khu vực tìm nơi thông thoáng, tiến hành hô hấp nhân tạo nếu cần, tìm biện pháp săn sóc y tế ngay lập tức.
	Nuốt phải	Có thể gây ói mửa, đau đầu, buồn ngủ .	Chú ý cho thầy thuốc: không có thuốc giải đặc trị, điều trị theo triệu chứng.
	Hiệu ứng mãn tính	Đau đầu choáng giống say tàu xe và kích thích	

5.	Biện pháp chữa cháy	
	Bảo vệ cá nhân	Mang mặt nạ phòng chống khí độc, áo khoác, ủng và các PPE cần thiết khác
	Chất chữa cháy	Nước, carbon dioxit, bột hóa chất
	Lưu ý	Không nên tham gia dập tắt đám cháy khi không mang đầy đủ PPE cần thiết

6.	Biện pháp xử lý rò rỉ	
	Bảo vệ cá nhân	Mang khẩu trang , mặt nạ phòng độc, găng tay cao su, kính bảo hộ, quần áo bảo hộ
	Bảo vệ môi trường	Tuyệt đối không để hóa chất chảy vào hệ thống cống rãnh, đất
	Biện pháp thu gom	Dùng vật liệu có tính chất thấm hút, rồi xử lý chúng như chất thải nguy hại

7.	Bảo vệ cá nhân khi xử dụng	
	Bảo vệ hô hấp và mắt	Mang khẩu trang, kính bảo hộ
	Bảo vệ tay	Đeo găng tay cao su
	Bảo vệ cơ thể	Mang quần áo bảo hộ chống hóa chất cần thiết
	Chú ý	Sử dụng hóa chất nơi thông thoáng

8.	Sử dụng và lưu trữ	
	Sử dụng	Nơi thông gió mát mẻ khô ráo
	Lưu trữ	Khu vực riêng, không gần lửa

9.	Số điện thoại liên hệ khẩn cấp:	PCCC : 114 Y tế : 115 ĐT khẩn cấp: 0918535285
10.	Vị trí hoàn chỉnh MSDS	Phòng Vật tư – AM– Hằng: 0932 190 001
11.	Ngày lập : 29/12/2023	Ngày xem xét lại : 29/12/2024

Kiểm tra Xét Duyệt

MSDS-AM009

BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

1.	**Tên sản phẩm**	**MATIC ATM**	**Công dụng**	Bả mỏng sửa chữa khuyết tật/Filtant

2.	**Tính chất vật lí**	
	Ngoại quan	Chất dẻo
	Mùi	Có mùi
	Nhiệt độ sôi	Không cháy
	Điều kiện cần tránh	Không được uống
	Vật cần tránh	

3.	**Thành phần hóa học**	%
	White powder	50 ~ 55
	Resin solution	45 ~ 50

4.	**Nguy hại sức khỏe và biện pháp sơ cấp cứu**	
	Nguy hại cho sức khỏe	**Sơ cấp cứu**
	Tiếp xúc mắt	Không tiếp xúc với mắt	Nếu lỡ tiếp xúc phải rửa sạch bằng nước sạch
	Tiếp xúc da	Không tiếp xúc với da	Nếu lỡ tiếp xúc phải rửa sạch bằng nước sạch
	Hít phải	Dễ bị đau đầu	Chuyển đến nơi thoáng mát
	Nuốt phải	Đau đầu, nôn ói	Đến ngay bác sĩ gần nhất nếu nuốt phải
	Hiệu ứng mãn tính		

5.	Biện pháp chữa cháy	
	Bảo vệ cá nhân	Mang găng tay da khi tiếp xúc
	Chất chữa cháy	
	Lưu ý	

6.	Biện pháp xử lí rò rỉ	
	Bảo vệ cá nhân	Mang khẩu trang, găng tay da, kính bảo hộ.
	Bảo vệ môi trường	Không cho hóa chất vương vãi ra môi trường.
	Biện pháp thu gom	

7.	Bảo vệ cá nhân khi sử dụng	
	Bảo vệ hô hấp và mắt	Mang khẩu trang, kính bảo hộ.
	Bảo vệ tay	Mang găng tay cách nhiệt phù hợp .
	Bảo vệ cơ thể	Mang quần áo bảo hộ lao động cần thiết
	Chú ý	

8.	Sử dụng và lưu trữ	
	Sử dụng	Bảo quản nơi khô ráo
	Lưu trữ	Khu vực riêng < 250C

9.	**Số điện thoại liên hệ khẩn cấp:**	PCCC : 114 Y tế : 115 ĐT khẩn cấp: 0918535285
10.	**Vị trí hoàn chỉnh MSDS**	Phòng Vật tư – AM– **Hằng: 0932 190 001**
11.	**Ngày lập : 29/12/2023**	**Ngày xem xét lại : 29/12/2024**

Kiểm tra

Xét Duyệt

MSDS-AM010

BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

1.	Tên sản phẩm	SÁP HÀN CO2	Công dụng	SÁP CHỐNG DÍNH MỎ SÚNG HÀN

2.	Tính chất vật lí		3.	Thành phần hóa học	%
	Ngoại quan	Chất dẻo			
	Mùi	không mùi			
	Nhiệt độ tự cháy	Không có khả năng gây cháy			
	Điều kiện cần tránh	Tránh lửa nóng dễ bị cháy nước			
	Vật cần tránh				

4.	Nguy hại sức khỏe và biện pháp sơ cấp cứu	
	Nguy hại cho sức khỏe	Sơ cấp cứu
Tiếp xúc mắt	Có thể gây ngứa mắt	Rửa ngay bằng nước sạch
Tiếp xúc da	Chưa có thông tin chính xác	
Hít phải	Chưa có thông tin chính xác	
Nuốt phải	Buồn nôn, ói	Đưa ngay đến bác sĩ gần nhất
Hiệu ứng mãn tính		

5.	Biện pháp chữa cháy	
	Bảo vệ cá nhân	Sử dụng kính bảo hộ, găng tay
	Chất chữa cháy	Không có khả năng gây cháy
	Lưu ý	

6.	Biện pháp xử lí rò rỉ	
	Bảo vệ cá nhân	Mang khẩu trang, găng tay cao su, kính bảo hộ, quần áo bảo hộ
	Bảo vệ môi trường	Không vứt bỏ ra môi trường
	Biện pháp thu gom	

7.	Bảo vệ cá nhân khi sử dụng	
	Bảo vệ hô hấp và mắt	Mang khẩu trang, Kính bảo hộ
	Bảo vệ tay	Mang găng tay
	Bảo vệ cơ thể	Mang quần áo bảo hộ lao động cần thiết
	Chú ý	

8.	Sử dụng và lưu trữ	
	Sử dụng	Nơi thông gió mát mẻ khô ráo
	Lưu trữ	Khu vực riêng, không gần lửa nóng để tránh tan chảy hóa chất ra môi trường

9.	Số điện thoại liên hệ khẩn cấp:	PCCC : 114 Y tế : 115 ĐT khẩn cấp: 0918535285
10.	Vị trí hoàn chỉnh MSDS	Phòng Vật tư – AM– Hằng: 0932 190 001
11.	Ngày lập : 29/12/2023	Ngày xem xét lại : 29/12/2024

Kiểm tra Xét Duyệt

MSDS-NBV-011

BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

1.	**Tên sản phẩm**	**LC02**	**Công dụng**	Bảo vệ mối hàn

2.	**Tính chất vật lí**		3.	**Thành phần hóa học**	**%**
	Ngoại quan	Lỏng siêu lạnh, không màu		Oxy dạng lỏng	100
	Mùi	Không mùi			
	Nhiệt độ sôi	-303°F(-186°C)			
	Điều kiện cần tránh	Nguồn lửa gây nóng			
	Cần tránh				

4. Nguy hại sức khỏe và biện pháp sơ cấp cứu

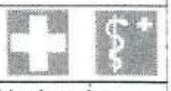

	Nguy hại sức khỏe	Sơ cấp cứu
Tiếp xúc mắt	Phỏng lạnh gây mù mắt	Rửa mắt bằng nước sạch ít nhất 10 phút, sau đó chuyển đến bác sĩ ngay
Tiếp xúc da	Bỏng giộp, bỏng lạnh	Dội nhiều nước ấm vào (41-46°C). Không được dùng nước nóng, nếu nướng ấm không có sẵn, dùng khăn choàng mềm phủ lên. Đưa đến bác sĩ ngay
Hít phải	Rát, thay đổi nhiệt độ cơ thể, bồn nôn, khó thở, chóng mặt, làm mất phương hướng, gây ảo giác, tâm trạng bị rối loạn. Đau tứ chi rùng mình, tắt nghẽn phổi, co giật.	Nếu có những ảnh hưởng nguy hại xảy ra, di chuyển bệnh nhân tới khu vực không ô nhiễm, gọi bác sĩ ngay.
Nuốt phải	Phỏng lạnh	Nếu nuốt vào một lượng lớn, phải đưa đến bác sĩ ngay.
Hiệu ứng mãn tính		

5. Biện pháp chữa cháy

Bảo vệ cá nhân	Mang mặt nạ phòng chống khí độc, áo khoác, ủng và các PPE khác cần thiết như bao tay chống bỏng lạnh
Chất chữa cháy	Khí carbonic, hóa chất khô thông thường. Đối với đám cháy lớn, sử dụng nước hoặc bọt thông thường với vòi phun mạnh để dập lửa.
Lưu ý	Không tham gia dập tắt đám cháy khi không mang đầy đủ PPE

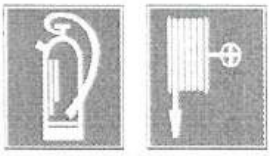

6. Biện pháp xử lý rò rỉ

Xử lý khi rò rỉ	Tránh tiếp xúc với vật liệu gây cháy, không được đụng vào nguyên liệu rảng ra ngoài, ngăn chặn rò rỉ nếu không nguy hiểm cho con người. Những người không liên quan không được đến gần, cách ly khu vực nguy hiểm và cấm không cho ai vào.

7. Bảo vệ cá nhân khi xử dụng

Bảo vệ hô hấp và mắt	Mang khẩu trang, mặt nạ, kính bảo hộ
Bảo vệ tay	Mang gang tay cách nhiệt phù hợp
Bảo vệ cơ thể	Mang quần áo bảo hộ lao động cần thiết
Chú ý	

8. Sử dụng và lưu trữ

Sử dụng	Nơi thoáng gió mát mẻ.
Lưu trữ	Lưu trữ bên ngoài hoặc khu vực riêng

9.	**Số điện thoại liên hệ khẩn cấp:**	**PCCC : 114** **Y tế : 115** **ĐT khẩn cấp: 0918535285**
10.	**Vị trí hoàn chỉnh MSDS**	Phòng Vật tư – AM– **Hằng: 0932 190 001**
11.	**Ngày lập : 29/12/2023**	**Ngày xem xét lại : 29/12/2024**

Kiểm tra **Xét Duyệt**

MSDS-AM012

BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

Irritant

1.	Tên sản phẩm	VÔI CÀN LONG	Công dụng	CHỐNG BÁM DÍNH & SƠN GỐC CÂY

2.	Tính chất vật lí		3.	Thành phần hóa học	%
	Ngoại quan	Chất rắn		CaO	100%
	Mùi	không mùi			
	Nhiệt độ chảy	2570 C			
	Điều kiện cần tránh				
	Vật cần tránh				

4.	Nguy hại sức khỏe và biện pháp sơ cấp cứu		
		Nguy hại cho sức khỏe	Sơ cấp cứu
	Tiếp xúc mắt	Gây bỏng, thương tật vĩnh viễn	Rửa ngay bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút
	Tiếp xúc da	Kích ứng, bỏng da đặc biệt trong môi trường ẩm ướt.	Xả nước sạch vào khu vực tiếp xúc, đưa ngay đến bệnh viện gần nhất
	Hít phải	Gây kích ứng đường hô hấp	Chuyển ngay đến khu vực thoáng mát
	Nuốt phải	Gây kích ứng, bỏng dạ dày	Uống nhiều nước sạch hoặc nước ép trái cây, không ép nạn nhân nôn ra. Đưa ngay đến bác sĩ gần nhất
	Hiệu ứng mãn tính		

5.	Biện pháp chữa cháy	
	Bảo vệ cá nhân	Sử dụng kính bảo hộ, găng tay
	Chất chữa cháy	Không có khả năng gây cháy
	Lưu ý	Vôi không tự cháy, nhưng khi phản ứng với nước sẽ sinh ra nhiệt đủ để đốt cháy các vật liệu xung quanh

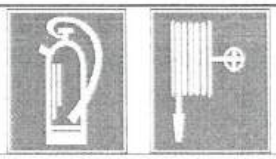

6.	Biện pháp xử lí rò rỉ	
	Bảo vệ cá nhân	Mang mặt nạ có bộ lọc bụi, găng tay cao su, kính bảo hộ, quần áo bảo hộ toàn thân
	Bảo vệ môi trường	Không đổ bỏ ra môi trường
	Biện pháp thu gom	

7.	Bảo vệ cá nhân khi sử dụng	
	Bảo vệ hô hấp và mắt	Mang khẩu trang, Kính bảo hộ kín mắt
	Bảo vệ tay	Mang găng tay phù hợp
	Bảo vệ cơ thể	Mang quần áo bảo hộ lao động toàn thân
	Chú ý	

8.	Sử dụng và lưu trữ	
	Sử dụng	Nơi thông gió mát mẻ khô ráo
	Lưu trữ	Khu vực riêng, khô, mát, thoáng khí

9.	Số điện thoại liên lạc khẩn cấp	PCCC : 114 Y tế : 115 ĐT khẩn cấp: 0918535285
10.	Vị trí hoàn chỉnh MSDS	Phòng Vật tư – AM– **Hằng: 0932 190 001**
11.	Ngày lập : 29/12/2023	Ngày xem xét lại : 29/12/2024

Kiểm tra Xét Duyệt

MSDS-AM013

BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

1.	Tên sản phẩm	THINNER	Công dụng	DUNG MÔI PHA SƠN

2.	Tính chất vật lí	
	Ngoại quan	Chất lỏng không màu
	Mùi	Ketone
	Điểm bốc cháy	25°C
	Điều kiện cần tránh	Nguồn lửa
	Vật chất cần tránh	Kiềm và Acid mạnh

3.	Thành phần hóa học	%
	1,2,4-Trimethylbenzene	10 - 25
	1,3,5-Trimethylbenzene	02,5 - 10
	2-Butan-1-ol	25-50
	Solvent naphtha(petroleum),light aromatic	10-25
	Xylene	25-50

4. Nguy hại sức khỏe và biện pháp sơ cấp cứu

	Nguy hại cho sức khỏe	Sơ cấp cứu
Tiếp xúc mắt	Gây tổn thương nghiêm trọng	Dùng nước sạch rửa ít nhất 10 phút. Chuyển người bị nạn đến trung tâm y tế gần nhất.
Tiếp xúc da	Có thể gây kích thích, tổn thương da	Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn, dùng xà phòng và nước rửa sạch vùng da bị dính hóa chất. Tuyệt đối không sử dụng dung môi. Đưa người bị nạn đến trung tâm y tế gần nhất.
Hít phải	Có thể gây đau đầu, choáng, ói mửa, buồn ngủ, mệt mỏi, không tỉnh táo .	Đưa nạn nhân ra khỏi khu vực thông thoáng, tiến hành hô hấp nhân tạo nếu cần. Đưa người bị nạn đến trung tâm y tế gần nhất.
Nuốt phải	Có thể gây ói mửa, buồn ngủ, đau đầu, tổn thương phổi .	Giữ thoáng cơ thể, đưa người bị nạn đến trung tâm y tế gần nhất.
Hiệu ứng mãn tính	Đau đầu, choáng giống say tàu xe và kích thích .	

5. Biện pháp chữa cháy

Bảo vệ cá nhân	Mang mặt nạ phòng chống khí độc, áo khoác, ủng và các PPE cần thiết khác
Chất chữa cháy	Nước, carbon dioxit, bột hóa chất
Lưu ý	Không nên tham gia dập tắt đám cháy khi không mang đầy đủ những PPE cần thiết

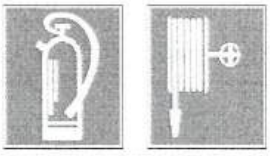

6. Biện pháp xử lí rò rỉ

Bảo vệ cá nhân	Mang khẩu trang, găng tay cao su, kính bảo hộ, quần áo bảo hộ
Bảo vệ môi trường	Tuyệt đối không để hoá chất chảy vào hệ thống cống rãnh, đất
Biện pháp thu gom	Dùng vật liệu có tính chất thấm hút, rồi xử lý chúng như chất thải nguy hại

7. Bảo vệ cá nhân khi sử dụng

Bảo vệ hô hấp và mắt	Mang khẩu trang, kính bảo hộ
Bảo vệ tay	Đeo găng tay cao su
Bảo vệ cơ thể	Mang quần áo bảo hộ lao động cần thiết
Chú ý	Sử dụng hóa chất nơi thông thoáng

8. Sử dụng và lưu trữ

Sử dụng	Nơi thông gió tốt, có bảo hộ thích hợp
Lưu trữ	Nơi khô ráo và thoáng mát , tránh nguồn nhiệt và ánh sáng mặt trời trực tiếp

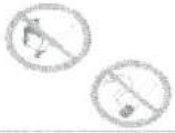

9.	Số điện thoại liên lạc khẩn cấp	PCCC : 114 Y tế : 115 ĐT khẩn cấp: 0918535785
10.	Vị trí hoàn chỉnh MSDS	Phòng Vật tư – AM– **Hằng: 0932 190 001**
11.	Ngày lập : 29/12/2023	Ngày xem xét lại : 29/12/2024

Kiểm tra Xét Duyệt

MSDS-AM015

BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

1.	**Tên sản phẩm**	Dầu máy nén (Compressor oil)	**Công dụng**	Sử dụng cho máy nén khí

2.	**Tính chất vật lí**	
	Ngoại quan	Chất lỏng có màu
	Mùi	Có mùi hidrocacbon
	Nhiệt độ sôi	Chưa có thông tin
	Điều kiện cần tránh	Tránh gần nguồn lửa gây nóng
	Vật chất cần tránh	Chưa có thông tin

3.	**Thành phần hóa học**	%

4.	**Nguy hại sức khỏe và biện pháp sơ cấp cứu**	
	Nguy hại cho sức khỏe	**Sơ cấp cứu**
Tiếp xúc mắt	Có thể gây dị ứng nhẹ	Dội bằng nước từ vòi đang chảy ít nhất 15 phút, nếu dị ứng phát triển mạnh lên, yêu cầu sự giúp đỡ của nhân viên y tế.
Tiếp xúc da	Có thể gây dị ứng vừa phải	Rửa bằng xà phòng cho đến khi hết mùi, nếu thấy đỏ lên hoặc phồng rộp, cần yêu cầu sự giúp đỡ của nhân viên y tế.
Hít phải	Gây dị ứng mũi, họng, phổi, gây nhức đầu, buồn nôn, hoa mắt, và bất tỉnh .	Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng mát, tiến hành hô hấp nhân tạo nếu thấy thở không được, nhờ sự hỗ trợ của nhân viên y tế .
Nuốt phải	Gây dị ứng đường ruột, buồn nôn, nhức đầu và bất tỉnh .	Không được thúc để nôn ra ngoài, cần sự giúp đỡ của nhân viên y tế .
Hiệu ứng mãn tính		

5.	**Biện pháp chữa cháy**	
	Bảo vệ cá nhân	Sử dụng kính để ngăn vết bắn vào mắt, dùng găng tay cao su
	Chất chữa cháy	Bình chữa cháy CO2, chữa cháy bằng bột, nước, xà phòng .
	Lưu ý	Không nên tham gia dập tắt đám cháy khi không mang đầy đủ những PPE cần thiết .

6.	**Biện pháp xử lí rò rỉ**	
	Bảo vệ cá nhân	Mang khẩu trang, găng tay cao su, kính bảo hộ, quần áo bảo hộ Tránh tiếp xúc với vật liệu gây cháy, ngăn chặn rò rỉ nếu không gây nguy hiểm cho con người .
	Bảo vệ môi trường	
	Biện pháp thu gom	Dùng dẻ thấm

7.	**Bảo vệ cá nhân khi sử dụng**	
	Bảo vệ hô hấp và mắt	Mang khẩu trang, kính bảo hoã
	Bảo vệ tay	Mang găng tay cao su
	Bảo vệ cơ thể	Mang quần áo bảo hộ lao động cần thiết
	Chú ý	

8.	**Sử dụng và lưu trữ**	
	Sử dụng	Nơi thông gió mát mẻ khô ráo
	Lưu trữ	Khu vực riêng, không gần lửa

9.	**Số điện thoại liên lạc khẩn cấp**	PCCC : 114 Y tế : 115 ĐT khẩn cấp: 0918535285
10.	**Vị trí hoàn chỉnh MSDS**	Phòng Vật tư – AM– **Hằng: 0932 190 001**
11.	**Ngày lập : 29/12/2023**	**Ngày xem xét lại : 29/12/2024**

Kiểm tra **Xét Duyệt**

MSDS-AM016

BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN HÓA CHẤT

1.	**Tên sản phẩm**	Dầu phanh (Brake fluid)	**Công dụng**	Sử dụng cho xe nâng

2.	**Tính chất vật lí**	
	Ngoại quan	Chất lỏng có màu
	Mùi	Có mùi
	Nhiệt độ sôi	Chưa có thông tin
	Điều kiện cần tránh	Chưa có thông tin
	Vật chất cần tránh	Chưa có thông tin

3.	**Thành phần hóa học**	%

4.	**Nguy hại sức khỏe và biện pháp sơ cấp cứu**		
		Nguy hại cho sức khỏe	**Sơ cấp cứu**
	Tiếp xúc mắt	Có thể gây dị ứng nhẹ, ngứa mắt	Dội bằng nước từ vòi đang chảy ít nhất 15 phút, nếu dị ứng phát triển mạnh lên, yêu cầu sự giúp đỡ của nhân viên y tế.
	Tiếp xúc da	Có thể gây dị ứng vừa phải	Rửa bằng xà phòng cho đến khi hết mùi, nếu thấy đỏ lên hoặc phồng rộp, cần yêu cầu sự giúp đỡ của nhân viên y tế.
	Hít phải	Gây dị ứng mũi, họng, phổi, gây nhức đầu, buồn nôn, hoa mắt, và bất tỉnh .	Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng mát, tiến hành hô hấp nhân tạo nếu thấy thở không được, nhờ sự hỗ trợ của nhân viên y tế .
	Nuốt phải	Gây dị ứng đường ruột, buồn nôn, nhức đầu và bất tỉnh .	Không được thúc để nôn ra ngoài, cần sự giúp đỡ của nhân viên y tế .
	Hiệu ứng mãn tính		

5.	**Biện pháp chữa cháy**	
	Bảo vệ cá nhân	Sử dụng kính để ngăn vết bắn vào mắt, dùng găng tay cao su
	Chất chữa cháy	Bình chöõa cháy CO2, chữa cháy bằng bột, nước, xà phòng .
	Lưu ý	Không nên tham gia dập tắt đám cháy khi không mang đầy đủ những PPE cần thiết .

6.	**Biện pháp xử lí rò rỉ**	
	Bảo vệ cá nhân	Mang khẩu trang, găng tay cao su, kính bảo hộ, quần áo bảo hộ Tránh tiếp xúc với vật liệu gây cháy, ngăn chặn rò rỉ nếu không gây nguy hiểm cho con người .
	Bảo vệ môi trường	
	Biện pháp thu gom	Dùng dẻ thấm

7.	**Bảo vệ cá nhân khi sử dụng**	
	Bảo vệ hô hấp và mắt	Mang khẩu trang, kính baûo hoä
	Bảo vệ tay	Mang găng tay cao su
	Bảo vệ cơ thể	Mang quần áo bảo hộ lao động cần thiết
	Chú ý	

8.	**Sử dụng và lưu trữ**	
	Sử dụng	Nơi thông gió mát mẻ khô ráo
	Lưu trữ	Khu vực riêng, không gần lửa

9.	**Số điện thoại liên lạc khẩn cấp**	PCCC : 114 Y tế : 115 **ĐT khẩn cấp: 0918535285**
10.	**Vị trí hoàn chỉnh MSDS**	Phòng Vật tư – AM– **Hằng: 0937 190 001**
11.	**Ngày lập : 29/12/2023**	**Ngày xem xét lại : 29/12/2024**

Kiểm tra

Xét Duyệt